

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG VIỆC
XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội, 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG VIỆC
XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM
HIỆN NAY

Ngành: Triết học

Mã số: 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn

2. PGS.TS. Nguyễn Thị Như Huế

Hà Nội, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Hằng

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN | 9 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 9 |
| 1.2. Đánh giá chung và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu..... | 36 |
| CHƯƠNG 2: GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN | 41 |
| 2.1. Một số khái niệm cơ bản..... | 41 |
| 2.2. Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam: khái niệm, chủ thể, nội dung và phương thức | 53 |
| 2.3. Mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam..... | 76 |
| 2.4. Vai trò của giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay | 80 |
| CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY | 84 |
| 3.1. Những kết quả đạt được của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay và nguyên nhân .. | 84 |
| 3.2. Những hạn chế của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay và nguyên nhân | 102 |
| 3.3. Những vấn đề đặt ra từ việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống cần giải quyết trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời gian tới | 124 |
| CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG VẬN DỤNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY | 135 |
| 4.1. Những thuận lợi, khó khăn của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới..... | 135 |
| 4.2. Một số định hướng của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới..... | 146 |
| 4.3. Các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới | 152 |
| KẾT LUẬN | 178 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN | 180 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 181 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới, giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH - HĐH) gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng. Sự biến đổi nhanh chóng về kinh tế, xã hội và văn hóa đặt ra nhiều yêu cầu cấp bách trong đó có nhiệm vụ xây dựng *chuẩn mực con người Việt Nam* đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới trên cơ sở tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Sự cần thiết này xác định từ những yêu cầu về cả về lý luận và thực tiễn cùng việc xác định nhiệm vụ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định trong nhiều văn kiện gần đây.

Thứ nhất, từ góc độ lý luận cho thấy, giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người là những phạm trù quan trọng trong triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận phát triển văn hóa - xã hội. Giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, chứa đựng những tinh hoa về đạo đức, lối sống, nhân sinh quan của dân tộc Việt Nam. Chuẩn mực con người, về bản chất, là hệ thống các quy tắc về đạo đức, tri thức, kỹ năng và hành vi được xã hội công nhận và định hướng trong từng giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể. Mối quan giữa giá trị văn hóa truyền thống với việc xây dựng chuẩn mực con người thực chất là mối quan hệ giữa “cái nền tảng” và “cái được kiến tạo”, giữa “nguồn lực nội sinh” và “mục tiêu phát triển”. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội, mối quan hệ này đang đặt ra nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ về mặt lý luận đó là:

Một là, việc nghiên cứu để làm rõ nội hàm bản chất và đặc trưng của các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong điều kiện hiện nay, phân biệt rõ giữa tinh hoa cần phát huy và những yếu tố lạc hậu cần vượt qua là một trong những yêu cầu quan trọng trong nghiên cứu lý luận.

Hai là, cần luận giải cơ sở khoa học của việc kế thừa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người hiện đại, tránh xu hướng cực đoan, hoặc bảo thủ, giáo điều hoặc phủ nhận, xem nhẹ truyền thống.

Ba là, cần hệ thống hóa lý luận về mô hình chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và giá trị tiên bộ của thời đại.

Do đó, việc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam nói chung và nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay nói riêng không chỉ bổ sung và làm phong phú thêm lý luận về văn hóa truyền thống và phát triển con người, mà còn góp phần xây dựng nền tảng lý luận khoa học cho các chính sách văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, về thực tiễn, công cuộc 40 năm đổi mới đất nước đến nay cho thấy chúng ta đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng bộc lộ nhiều vấn đề liên quan đến văn hóa, đạo đức và lối sống. Về mặt tích cực, nhiều giá trị văn hóa truyền thống như tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, lòng nhân ái, truyền thống hiếu học... vẫn được lưu giữ và phát huy, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng con người mới đã xuất hiện ở các lĩnh vực, địa phương, đơn vị. Tuy nhiên, quá trình CNH – HĐH, đô thị hóa và hội nhập quốc tế cũng đã làm xuất hiện nhiều hiện tượng “lệch chuẩn” trong đạo đức, lối sống và hành vi. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn diễn ra phức tạp. Một bộ phận không nhỏ người dân, nhất là thế hệ trẻ, thiếu hiểu biết hoặc thờ ơ với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Văn hóa ngoại lai, đôi khi không lành mạnh, đang du nhập mạnh mẽ và tác động tiêu cực đến nhận thức, hành vi của một bộ phận nhân dân, nhất là giới trẻ.

Trong bối cảnh đó, việc tăng cường vận dụng những giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là yêu cầu cấp thiết của thực tiễn nhằm góp phần ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập; tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho phát triển bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhất là trong bối cảnh nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc như Đảng đã nhận định.

Thứ ba, những định hướng chính trị quan trọng của Đảng về nghiên cứu hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong đó có nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống, chuẩn mực con người Việt Nam được xem là những yêu cầu hết sức quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Vấn đề này được Đảng đề ra trong nhiều văn kiện qua các kỳ Đại hội, hội nghị nhất là

trong khoảng thời gian 10 - 15 năm trở lại đây. Điểm chung cho thấy, Đảng ta luôn coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Các định hướng của Đảng được thể hiện qua các văn kiện như: Nghị quyết số 33-NQ/TW (ngày 09/6/2014) của Bộ Chính trị về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*; Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021); Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV (2026) và đặc biệt là Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam lần đầu tiên đưa ra quan điểm với tầm nhìn mới, bao trùm về văn hóa khi khẳng định văn hóa là “trụ cột” và “hệ điều tiết” cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Nghị quyết số 80-NQ/TW cũng đã xác định nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong đó nhấn mạnh việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại, dân tộc với quốc tế, góp phần quan trọng phát triển toàn diện con người, đạo đức xã hội và phẩm cách quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Từ những phân tích trên cho thấy việc lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Giá trị văn hóa truyền thống trong việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay*” để NCS thực hiện đề tài luận án tiến sĩ Triết học không chỉ đáp ứng yêu cầu lý luận và thực tiễn, mà còn góp phần quan trọng trong việc hiện thực hóa đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam, phân tích thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam, luận án đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, luận án tập trung vào một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Thứ hai, phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, phân tích thực trạng vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, chỉ ra các nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong bối cảnh mới.

Thứ tư, xác định những thuận lợi, khó khăn trong việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, hệ thống hóa những định hướng cơ bản trong việc vận dụng và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống với việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay thể hiện qua việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Tuy nhiên, luận án không đi sâu nghiên cứu toàn bộ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam mà chỉ tập trung vào những giá trị cốt lõi, tiêu biểu có tác động trực tiếp và quan trọng nhất đến việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Luận án cũng không nghiên cứu chi tiết các phương pháp, kỹ thuật cụ thể trong giáo dục, truyền thông hay quản lý văn hóa mà chỉ đề xuất các giải pháp ở tầm vĩ mô, mang tính định hướng và chiến lược. Do vậy, phạm vi được xác định và logic với việc thực hiện chủ yếu ở chương 3, 4 của luận án về thực trạng và đề xuất các giải pháp liên quan đến chủ thể, nội dung và phương pháp vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Về không gian: Xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về thời gian: từ năm 1996 đến năm 2026, trong đó tập trung vào những biến động 10 - 15 năm gần đây bởi lý do: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đưa ra quan điểm chỉ đạo quan trọng của Đảng về việc phải “Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại” [29] và quan điểm về xây dựng hệ giá trị quốc gia, trong đó

có việc xác định chuẩn mực của con người Việt Nam hiện nay được Đảng đưa ra nhiều trong các văn kiện, sự kiện gần đây như: Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021); Kết luận số 76/KL-TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021) về triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và trong văn kiện Đại hội XIV (2026) của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, con người, chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án vận dụng phương pháp luận biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng một số phương pháp chuyên - và liên ngành - khoa học xã hội nhân văn trong từng chương để giải quyết các nhiệm vụ luận án đặt ra. Cụ thể:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, sự kiện lịch sử, phân tích, tổng hợp

Đây là những phương pháp cơ bản nhất được tác giả luận án sử dụng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của luận án bởi về cơ bản những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, những chuẩn mực cao quý của con người Việt Nam được kết tinh và trao truyền qua các thế hệ người Việt và được khái quát hóa trong nhiều bộ tư liệu quý của các nhà nghiên cứu. Do đó, phương pháp nghiên cứu tài liệu là phương pháp chủ yếu được tác giả luận án sử dụng nhất là ở chương 2 để làm rõ nội hàm của các khái niệm trung tâm của luận án – khái niệm “giá trị văn hóa truyền thống”, “xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam” và những khái niệm liên quan cùng nội hàm của các nội dung liên quan đến đề tài luận án như: vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam; mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người, vai trò của giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người.

Một trong những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu lý luận nói chung là phải gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể với các đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, tức là phải chú ý tới những giá trị sử liệu của tài liệu và những yếu tố thời đại của

nguồn sử liệu đó. Do vậy, trong phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng ở chương 2 của luận án, việc chú ý tới giá trị sử liệu của các tài liệu được sử dụng để làm rõ một số quan điểm về giá trị văn hóa truyền thống cùng những chuẩn mực con người Việt Nam qua các thời kỳ là một trong những yêu cầu quan trọng được tác giả luận án chú ý tới.

Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng nhiều ở các chương 3, 4 để làm rõ thực trạng xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trên cơ sở vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời phân tích để xác định nguyên nhân của thực trạng, các vấn đề đặt ra cần giải quyết trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ hội nhập, từ đó tạo cơ sở để đề xuất quan điểm định hướng và giải pháp xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới trên cơ sở tiếp tục kế thừa giá trị văn hóa truyền thống đồng thời tiếp thu các giá trị hiện đại để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Phương pháp hệ thống hóa, so sánh

Để bảo đảm tính logic giữa các chương của luận án và làm nổi bật được vấn đề trọng tâm, trọng điểm của từng vấn đề cần làm sáng tỏ, cần sử dụng phương pháp hệ thống hóa và phương pháp so sánh. Cụ thể như sau: Chương Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, phương pháp hệ thống hóa và phương pháp so sánh góp phần khái quát những kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan, từ đó so sánh, tìm ra những vấn đề luận án có thể kế thừa và vấn đề cần tập trung nghiên cứu làm rõ. Phương pháp này cũng được sử dụng ở chương 2 nhằm hệ thống hóa các quan điểm của các nhà nghiên cứu góp phần xây dựng khung lý luận cơ bản của vấn đề nghiên cứu của luận án. Chương 3, chương 4 tác giả luận án sử dụng phương pháp hệ thống hóa để khái quát thực trạng của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực của con người Việt Nam và đề xuất các giải pháp tiếp tục tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay theo tinh thần vừa kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống, vừa tiếp thu những tinh hoa của thời đại nhằm xây dựng con người Việt Nam đáp ứng những yêu cầu của tình hình cách mạng mới.

Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn

Các chương 2, 3, 4 đều sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu, một là để đảm bảo tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong nội dung của từng

chương, *hai là* đảm bảo tính thống nhất của chương 2, 3 với những đề xuất giải pháp ở chương 4.

Phương pháp khai thác dữ liệu ở các mức sơ cấp và thứ cấp được tác giả sử dụng để có dữ liệu tin cậy cho phần đánh giá thực trạng ở chương 3 của luận án. Dữ liệu thứ cấp được tác giả luận án sử dụng từ việc khai thác nhiều nguồn tài liệu như: Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc; các báo cáo Hội nghị toàn quốc của Đảng; các công trình nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống, về hệ giá trị văn hóa, về chuẩn mực con người Việt Nam, các báo cáo của các cơ quan Trung ương, cơ quan quốc tế (UNDP, UNESCO) có độ tin cậy đã được kiểm chứng cao.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa lý luận

Những đóng góp về mặt lý luận của luận án có thể được xem xét ở các góc độ sau:

- Góp phần làm sâu sắc và hệ thống hóa lý luận về giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, phân biệt rõ giữa các phạm trù liên quan và xác định những giá trị cốt lõi cần kế thừa, phát huy trong bối cảnh hiện nay. Từ đó, góp phần bổ sung và phát triển lý luận về chuẩn mực con người Việt Nam.

Xây dựng cơ sở lý luận và các nguyên tắc khoa học cho việc kế thừa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong điều kiện mới, tránh xu hướng cực đoan bảo thủ hoặc phủ định truyền thống.

Cung cấp phương pháp luận cho nghiên cứu các vấn đề văn hóa và con người thông qua việc vận dụng và phát triển các phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phương pháp nghiên cứu liên ngành.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Cung cấp luận cứ khoa học cho các chương trình, chính sách văn hóa - xã hội; làm tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy, quản lý văn hóa và giáo dục.

6. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án xây dựng khung lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam, trong đó làm rõ giá trị văn hóa truyền thống không chỉ là nguồn lực tinh thần mà còn là cơ sở nội sinh có vai trò định hình, kiến tạo chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh mới.

Thứ hai, luận án đánh giá việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trên ba phương diện thống nhất: chủ thể vận dụng, nội dung vận dụng và phương thức vận dụng.

Từ khảo sát thực tiễn, luận án nhận diện những vấn đề mới đang đặt ra đối với việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đặc biệt là những mâu thuẫn nảy sinh giữa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và yêu cầu hội nhập, chuyển đổi số, biến đổi cơ cấu xã hội

Thứ ba, luận án dự báo những tác động đa chiều của các yếu tố trong nước và quốc tế đến việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống, từ đó xác định các điểm “nghẽn” cần tháo gỡ và những dư địa có thể khai thác trong giai đoạn tới. Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển văn hóa, con người, luận án đề xuất hệ giải pháp đồng bộ với điểm mới là gắn kết chặt chẽ giữa giải pháp về nhận thức, thể chế, chủ thể và phương thức vận dụng, hướng tới tăng cường hiệu quả vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương 12 tiết như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2. Giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam – một số vấn đề lý luận

Chương 3. Thực trạng vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam

Chương 4. Định hướng và giải pháp tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nghiên về *giá trị văn hóa truyền thống* và *chuẩn mực con người* có phạm vi rộng, tiếp cận đa ngành, đặc biệt ở các lĩnh vực *triết học văn hóa, xã hội học giá trị, nhân học*, và *nghiên cứu phát triển con người*. Có nhiều nghiên cứu cả trong và ngoài nước về lĩnh vực này cho thấy đây là một trong những định hướng nghiên cứu quan trọng, thu hút nhiều nhà khoa học. Với nhiều cách tiếp cận của các khoa học khác nhau, những công trình nghiên cứu đồ sộ có giá trị đã tạo ra một phong lý luận cơ bản xác định được những giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực tiêu biểu của con người Việt Nam, do có sự gần gũi và tương quan logic nên hầu hết những công trình nghiên cứu đề cập đến cả hai vấn đề này trong nghiên cứu. Có thể chia thành ba nhóm như sau:

1.1.1. Nghiên cứu lý luận về giá trị, giá trị văn hóa truyền thống, chuẩn mực con người

Một số học giả nước ngoài đã có những công trình tiêu biểu trong nghiên cứu như: Milton Rokeach (1973), *The Nature of Human Values* (Bản chất của giá trị con người) [173] và Shalom H. Schwartz (1992), *Universals in the Content and Structure of Values* (Các phổ quát trong nội dung và cấu trúc giá trị) [175] đã xây dựng hệ thống lý thuyết giá trị có ảnh hưởng lớn, chỉ ra các giá trị mang tính phổ quát và cách chúng định hướng hành vi.

Trong cuốn sách *Bản chất của giá trị con người*, tác giả Milton Rokeach (1973) coi những kết quả trong nghiên cứu giá trị như là niềm tin bền vững để định hướng cho hành vi và thái độ của con người. Đồng thời, cuốn sách cũng đã tạo một khung lý thuyết chuẩn hóa để đo lường và đối sánh giá trị giữa các cá nhân, nhóm và nền văn hóa. Với các cách tiếp cận như: giá trị được xem là niềm tin bền vững, phân biệt với thái độ hay sở thích; giá trị được hình thành từ quá trình xã hội hóa, giáo dục, văn hóa; hệ thống giá trị ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, hành vi và những quyết định của con người trong đời sống, cuốn sách của Milton Rokeach thể hiện như một bước ngoặt trong nghiên cứu giá trị, tạo ra công cụ mang tính định lượng để có thể thực hiện việc khảo sát, so sánh giá trị trên quy mô lớn. Cuốn sách còn là công trình nền tảng, giới thiệu hệ thống giá trị cuối cùng (terminal) và giá trị phương tiện (instrumental), đặt ra

cơ sở lý thuyết và phương pháp thực nghiệm để nghiên cứu cách mà giá trị định hình thái độ và hành vi con người.

Cuốn sách *Các phổ quát trong nội dung và cấu trúc giá trị* của tác giả Shalom H. Schwartz (1992) là một công trình trọng điểm trong tâm lý học xã hội và nghiên cứu văn hóa đã đặt nền móng cho lý thuyết về giá trị phổ quát. Shalom H. Schwartz đã đưa ra 10 loại giá trị phổ quát trong con người và xã hội là: *Power* (Quyền lực) – vị thế xã hội, kiểm soát người khác; *Achievement* (Thành tựu) – thành công cá nhân, thể hiện năng lực; *Hedonism* (Hưởng thụ) – niềm vui, sự thoải mái; *Stimulation* (Kích thích) – sự mới mẻ, thử thách; *Self-direction* (Tự chủ) – độc lập, sáng tạo, tự do lựa chọn; *Universalism* (Phổ quát) – công bằng xã hội, hòa bình, bảo vệ thiên nhiên, khoan dung; *Benevolence* (Nhân ái) – quan tâm, giúp đỡ người thân cận; *Tradition* (Truyền thống) – tôn trọng phong tục, niềm tin, tôn giáo; *Conformity* (Tuân thủ) – kiểm chế hành vi, tránh làm hại người khác, tránh vi phạm chuẩn mực và *Security* (An toàn) – an ninh xã hội, ổn định, trật tự. Tác giả cũng cho rằng, các giá trị này có một *cấu trúc tròn* thể hiện sự tương thích và xung đột. Đây là mô hình nền tảng trong nghiên cứu giá trị và văn hóa hiện đại.

Robert K. Merton (1949) và Talcott Parsons (1951) đều tiếp cận chuẩn mực xã hội theo khung lý thuyết cấu trúc - chức năng, coi chuẩn mực là yếu tố duy trì tính ổn định của hệ thống xã hội.

Robert K. Merton (1949), trong cuốn sách *Social Theory and Social Structure* (Lý thuyết và cấu trúc xã hội) [178], đã chú trọng đến mối quan hệ giữa chuẩn mực xã hội và hành vi lệch chuẩn; trong cuốn sách này, tác giả đã đưa ra kết quả nghiên cứu cơ bản ở những nội dung về: khái niệm chức năng với *Manifest functions* (Chức năng hiển nhiên) và *Latent functions* (Chức năng tiềm ẩn); *Thuyết căng thẳng* (Strain theory); *chuẩn mực và trật tự xã hội*; *lý thuyết trung tầng* (Middle-range theory). Thông qua nghiên cứu về lý thuyết và cấu trúc xã hội, tác giả đã luận giải được những nguyên nhân xã hội của các hành vi lệch chuẩn bằng việc mở rộng biên độ phân tích từ sự ổn định đến các mặt tiêu cực và mâu thuẫn trong xã hội. Cuốn sách đã trở thành cơ sở cho nhiều nghiên cứu liên quan đến tội phạm học, chính sách xã hội và tổ chức.

Talcott Parsons (1951), trong cuốn sách *The Social System* (Hệ thống xã hội) [174], đã xây dựng lý thuyết hệ thống xã hội toàn diện và coi xã hội như một cơ thể sống có sự phối hợp giữa các bộ phận để đảm bảo sự duy trì các chức năng. Talcott Parsons cũng nhấn mạnh vai trò của chuẩn mực, giá trị và xã hội

trong việc định hướng hành vi cá nhân, đặc biệt trong đó là vai trò của chuẩn mực xã hội như là “chất keo” gắn kết cá nhân và xã hội, có vai trò định hướng hành vi hướng tới giảm xung đột và góp phần giữ ổn định hệ thống xã hội. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã đưa ra khái niệm về hệ thống xã hội như một tập hợp những hành động tương tác được định hướng bởi chuẩn mực và giá trị chung. Quan điểm về mô hình AGIL – 4 chức năng cơ bản để đảm bảo sự tồn tại của hệ thống xã hội đó là: *Adaptation* (Thích ứng): điều chỉnh theo môi trường và phân bổ nguồn lực; *Goal Attainment* (Đạt mục tiêu): xác định và đạt được mục tiêu chung; *Integration* (Hội nhập): điều tiết quan hệ giữa các thành viên, giữ trật tự và *Latency/Pattern Maintenance* (Duy trì mô thức): bảo tồn các giá trị văn hóa, động cơ, niềm tin được xem là một trong những kết quả quan trọng trong nghiên cứu Hệ thống xã hội của Talcott Parsons với ý nghĩa đặt nền móng cho lý thuyết cấu trúc - chức năng nhằm giải thích tính trật tự và cân bằng của xã hội mặc dù xã hội là tập hợp của nhiều cá nhân với những khác biệt không nhỏ.

Nghiên cứu về vai trò của chuẩn mực xã hội, hai nhà nhân học là Edward B. Tylor và Clifford Geertz đều có những công trình kinh điển về văn hóa trong đó *chuẩn mực xã hội* (social norms) được xem là bộ phận cốt lõi của văn hóa và xem giá trị văn hóa truyền thống như “mã văn hóa” định hướng đời sống cộng đồng.

Cuốn sách *Primitive Culture* (Văn hóa nguyên thủy) [179] của Edward B. Tylor (1871) mặc dù đã xuất hiện từ cuối thế kỷ 19, song vẫn còn giá trị to lớn đối với các nhà nghiên cứu về văn hóa, chuẩn mực xã hội, ... Nhờ cuốn sách này Edward B. Tylor được xem là “cha đẻ của nhân học văn hóa”. Cuốn sách đã đưa ra một sự xác định kinh điển về ngoại diên của văn hóa với các bộ phận: tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục và những khả năng, thói quen của con người với tư cách là thành viên trong xã hội. Tác giả coi *chuẩn mực xã hội* (norms, customs, morals, laws) là yếu tố cốt lõi của văn hóa và xem chuẩn mực có vai trò truyền tải và duy trì văn hóa qua các thế hệ, thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu của Edward B. Tylor được xem như bước mở đầu cho việc coi văn hóa và chuẩn mực như một hệ thống duy trì sự ổn định, trật tự trong xã hội.

Gần một thế kỷ sau và khác với Tylor, Clifford Geertz (1973), trong *The Interpretation of Cultures* (Sự giải thích của văn hóa) [171], đã không xem chuẩn mực như “luật lệ khách quan”, mà như biểu tượng và ý nghĩa được cộng đồng gắn vào hành vi. Với cách tiếp cận văn hóa từ khía cạnh ý nghĩa, nghiên cứu của ông đã chỉ ra vai trò của chuẩn mực là duy trì sự gắn kết qua ý nghĩa

chia sẻ chứ không phải bằng sự cưỡng chế. Clifford Geertz cho rằng văn hóa là “mạng lưới ý nghĩa” mà con người tạo ra và chuẩn mực xã hội chính là mẫu ý nghĩa chung để định hướng hành vi con người.

Cùng với đó, chủ đề này cũng đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong nước, tiêu biểu như tác giả Trần Văn Giàu (1993), trong cuốn sách *Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam* [54], đã nêu bật 7 giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc Việt Nam là: Yêu nước – giá trị cao nhất, xuyên suốt, tạo sức mạnh trong các cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước; Cần cù, dũng cảm – gắn với lao động sản xuất và đấu tranh chống ngoại xâm; Thông minh, sáng tạo – thể hiện trong ứng xử linh hoạt, tiếp thu tinh hoa nhân loại; Lạc quan, yêu đời – sức mạnh tinh thần giúp vượt qua gian khổ; Thương người, nhân nghĩa – truyền thống “lá lành đùm lá rách”, đoàn kết cộng đồng; Đoàn kết – sức mạnh cố kết dân tộc trước mọi thử thách, thù trong giặc ngoài; Ham học hỏi, trọng đạo lý – coi trọng tri thức, đạo đức, sự tu dưỡng con người. Tác giả đã khẳng định vai trò to lớn của giá trị truyền thống như là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt lịch sử dân tộc Việt Nam, trong đó điển hình là lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết đã đưa dân tộc Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Giá trị của cuốn sách cũng nằm ở việc tác giả khẳng định “tính động” của giá trị truyền thống, theo đó, giá trị truyền thống không bất biến mà phát triển, thích nghi theo các thời kỳ lịch sử. Với các kết quả nghiên cứu, cuốn sách *Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam* của Trần Văn Giàu được xem là công trình nền tảng trong nghiên cứu triết học - văn hóa Việt Nam khi vai trò của nó thể hiện ở việc đã góp phần hệ thống hóa khoa học các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam dưới góc nhìn triết học Mác - Lênin; khẳng định truyền thống không hẳn là quá khứ, mà chủ yếu là nguồn lực tinh thần của hiện tại và tương lai. Cuốn sách đã trở thành tài liệu tham khảo quan trọng trong nghiên cứu văn hóa, giáo dục chính trị - tư tưởng, và xây dựng con người Việt Nam mới.

Đề tài *Các giá trị văn hóa truyền thống và con người Việt Nam* [82], mang mã số KX-07-02 do Phan Huy Lê (1994) chủ trì, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước “Con người Việt Nam: mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” (mã số KX-07), có nhiệm vụ nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của các truyền thống Việt Nam, phân tích nội dung cấu thành truyền thống Việt Nam trong mối quan hệ với bản sắc văn hóa dân tộc, quan hệ giữa cái chung với cái riêng, giữa mặt tích cực cần kế thừa, phát huy và mặt hạn chế, lỗi thời cần khắc phục, xóa bỏ. Trên cơ sở đó, đối chiếu vào

con người Việt Nam hiện nay với tư cách là mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội, đề tài đã đánh giá khách quan mặt mạnh, mặt yếu của di sản truyền thống, đưa ra những khuyến nghị về phương hướng và giải pháp giáo dục, phát huy các giá trị truyền thống, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại. Ngoài những vấn đề về lý luận và phương pháp luận, công trình đưa ra 5 vấn đề chính về nội dung, là: Quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của truyền thống Việt Nam; Nội dung của truyền thống Việt Nam, các yếu tố cấu thành, mặt tích cực và mặt hạn chế; Cái chung và cái riêng trong truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Người nước ngoài nhìn nhận, đánh giá về con người Việt Nam; Con người Việt Nam hiện nay trong mối quan hệ với truyền thống.

Nhà sử học Trần Quốc Vượng có nhiều tâm huyết trong nghiên cứu về văn hóa. Trong cuốn sách *Việt Nam – Cái nhìn địa - văn hóa* [144] viết năm 1998, tác giả đã đưa ra cách tiếp cận địa - văn hóa để lý giải sự hình thành, phát triển và dấu hiệu bản sắc của văn hóa Việt Nam. Qua nghiên cứu, tác giả đã chứng minh rằng điều kiện địa lý - tự nhiên - môi trường có vai trò quyết định trong việc tạo nên cấu trúc văn hóa, tính cách và lối sống của người Việt. Cuốn sách cho thấy văn hóa Việt Nam mang tính địa - văn hóa sâu sắc, nghĩa là môi trường địa lý và lịch sử giao lưu văn hóa là yếu tố cơ bản định hình nên đặc trưng văn hóa dân tộc. Tác giả cũng đã lý giải nhiều hiện tượng của văn hóa như: vì sao văn hóa Việt giàu tính cộng đồng, linh hoạt và đa dạng vùng miền nhưng vẫn tồn tại trong sự thống nhất. Có thể nói, đây là một hướng tiếp cận mới mẻ so với cách tiếp cận lịch sử - chính trị thuần túy trước đó về văn hóa và điều này giúp tạo dựng một nền tảng cho nghiên cứu văn hóa học, nhân học, địa văn hóa hiện đại ở Việt Nam.

Lê Ngọc Anh (2001), trong cuốn sách *Tìm hiểu giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* [2], đã đưa ra các quan điểm về vai trò của giá trị văn hoá truyền thống như mục tiêu phát triển bền vững; vài nét về Nho giáo trong văn hoá truyền thống; một số vấn đề về giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bản sắc văn hóa Việt Nam [97] là một trong những công trình nghiên cứu đặc sắc của tác giả Phan Ngọc (2002) về văn hóa. Cuốn sách đã đưa ra những khái niệm có tính nền tảng cùng những phương pháp cơ bản cho ngành văn hóa nói chung và nghiên cứu văn hóa Việt Nam nói riêng. Với nhiều tâm huyết, tác

giả đã đưa ra nhiều khái niệm độc đáo cung cấp một cách tiếp cận mới về văn hóa cho độc giả như: “khúc xạ văn hóa”, “tiếp xúc văn hóa”, “truyền thống vượt gộp trong văn hóa Việt Nam”, “nhân cách luận Việt Nam” hay “một định nghĩa thao tác luận về văn hóa”, ... Với mục tiêu nghiên cứu về hệ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam trong luận án, nghiên cứu sinh đã có những tham khảo nhất định ở góc nhìn về văn hóa của tác giả Phan Ngọc trong công trình này.

Hồ Sĩ Quý (2006), trong cuốn sách *Về giá trị và giá trị Châu Á* [106], đã có sự đối sánh giữa hệ giá trị châu Á với những hệ giá trị khác qua việc phân tích, làm rõ những giá trị văn hóa truyền thống của châu Á trong bối cảnh đương đại. Qua việc tổng hợp những quan điểm điển hình của các học giả về giá trị và giá trị truyền thống, tác giả đã có những luận giải và xác định những giá trị cơ bản của bảng giá trị châu Á tại Việt Nam như: cần cù, hiếu học, coi trọng gia đình và cộng đồng... Với những kết quả đó, tác giả đã bước đầu đặt ra những vấn đề mới trong nghiên cứu về hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Đặc biệt trong công trình này, tác giả Hồ Sĩ Quý đã có những luận giải về mối tương quan giữa những giá trị truyền thống Châu Á và Việt Nam để đưa ra những nét nổi bật của giá trị truyền thống châu Á có trong nền văn hóa Việt Nam như trên đã nêu. Cũng trong công trình này, tác giả đã bước đầu đặt ra những vấn đề mới trong nghiên cứu về hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

Cuốn sách *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam* [121] của Ngô Đức Thịnh (2010) là một phần nội dung của đề tài cấp nhà nước KX.03.14/06-10 mang tên “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập”. Trong cuốn sách, bên cạnh việc kế thừa kết quả những nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống của các nhà nghiên cứu văn hóa lớn của nước ta như tác giả Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, Phan Huy Lê..., các tác giả còn nhìn nhận vấn đề hệ giá trị văn hóa một cách hệ thống và đặc biệt là đặt nó trong bối cảnh văn hóa Việt Nam đã và đang hội nhập với văn hóa khu vực và toàn nhân loại. Nội dung cuốn sách đề cập đến việc tiếp thu và xây dựng một hệ thống các lý thuyết về văn hóa và hệ giá trị văn hóa, coi đó như là công cụ phương pháp luận để nhận thức hệ giá trị văn hóa Việt Nam; nghiên cứu hệ giá trị tổng quát truyền thống Việt Nam – một vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu tiền bối khám phá và phân tích. Các tác giả đã kế thừa kết quả nghiên cứu của người đi trước, đồng thời nghiên cứu nó trong bối cảnh khu vực và toàn cầu hiện

nay. Đặc biệt, chú ý đến cách sắp xếp các giá trị tổng quát đó trong một hệ giá trị (bảng giá trị, thang giá trị), mà cách sắp xếp, ưu tiên trước sau là yếu tố biểu thị sự khác nhau giữa các giá trị văn hóa của các quốc gia, dân tộc. Ngoài nghiên cứu hệ giá trị tổng quát, cuốn sách còn phân tích các giá trị văn hóa thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống dân tộc, như thích ứng, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đời sống vật chất thỏa mãn nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, trong cách thức tổ chức và ứng xử xã hội, trong sáng tạo văn học - nghệ thuật, trong đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, trong giáo dục đào tạo, trong giao lưu văn hóa, trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm...

Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong đổi mới, hội nhập [101] – Kỷ yếu hội thảo khoa học (2013), là tập hợp các bài viết của nhiều tác giả liên quan đến vấn đề hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Các tác giả tham gia hội thảo đã khái quát những vấn đề lý luận về hệ giá trị Việt Nam thông qua các nghiên cứu về cấu trúc và sự biến đổi các giá trị văn hóa trong thời kỳ đổi mới, giao lưu và hội nhập quốc tế. Ngoài các vấn đề lý luận về hệ giá trị văn hóa Việt Nam, hội thảo cũng giới thiệu các kết quả nghiên cứu về hệ giá trị Việt Nam trong một số lĩnh vực như: tín ngưỡng, phong tục tập quán, đạo đức, văn hóa thẩm mỹ, văn học nghệ thuật, ...

Ngô Đức Thịnh (2014), trong cuốn sách *Giá trị văn hóa Việt Nam – Truyền thống và Biến đổi* [123], đã không chỉ nhìn nhận văn hóa Việt Nam trong dòng chảy lịch sử dân tộc mà còn đặt trong bối cảnh không gian văn hóa thế giới. Bên cạnh việc thống kê và phân tích những giá trị văn hóa đặc trưng của cả dân tộc cũng như của mỗi vùng miền, tác giả luận giải: bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập và toàn cầu hóa, hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam cũng biến đổi nhiều để phù hợp với hoàn cảnh mới, nhưng ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào, các giá trị như yêu nước, đoàn kết vẫn giữ nguyên vị trí đứng đầu trong quan niệm của người dân bởi đó là những giá trị căn cốt, độc đáo, là tinh hoa của bản sắc dân tộc Việt Nam. Con người Việt Nam – chủ thể của quá trình biến đổi văn hóa không chỉ tiếp thu những giá trị ưu việt của văn hóa nhân loại mà còn gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đồng thời gạt bỏ những nhận thức lệch lạc, những yếu tố phản giá trị trong đời sống văn hóa để hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới. Công trình đã tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản là: Tình hình nghiên cứu và một số vấn đề lý luận về giá trị văn hóa; Hệ giá trị văn hóa tổng quát truyền thống Việt Nam; Giá trị văn hóa trong một số lĩnh vực của đời sống vật chất; Giá trị văn hóa trong một số lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội; Một số giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần truyền thống; Thực trạng biến đổi hệ giá trị

văn hóa truyền thống trong bối cảnh đổi mới và hội nhập; Bảo tồn, làm giàu và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong đổi mới và hội nhập. Trong các nội dung được công trình đề cập đến có nội dung của chương 5 về “Một số giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần”.

Tác giả Đào Duy Anh (tái bản 2015), với cuốn sách *Việt Nam văn hóa sử cương* [1] là một trong những nghiên cứu quan trọng về văn hóa, cuốn sách được ông thực hiện từ nửa đầu thế kỉ XX. Ấn bản đầu tiên do Quan Hải Tùng Thư in năm 1938. Với quan niệm “văn hoá là sinh hoạt”, cuốn sách đã mô tả, nhận xét nhẹ nhàng về cả sinh hoạt vật chất lẫn đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Tác giả đã bao quát tất cả các mảng kinh tế sinh hoạt, xã hội sinh hoạt và tri thức sinh hoạt, do đó đã tóm tắt, phác họa và minh định phần nào lược sử văn hóa của dân tộc Việt. Nhưng hơn thế, ông chỉ ra cả những biến đổi văn hóa Việt Nam ở giai đoạn Âu hóa, với những sự rạn vỡ, biến đổi của những giá trị cũ và sự lên ngôi của những giá trị mới. Với một danh mục tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng ở cuối mỗi chương sách, độc giả có thể tự mình tìm hiểu, trải nghiệm và mở rộng vốn hiểu biết qua nhiều văn bản gốc. Cuốn sách được đánh giá là một trong những công trình đặt nền tảng cho sự hình thành ngành văn hoá học Việt Nam hiện đại.

Là một người nghiên cứu có chiều sâu về văn hóa và các giá trị văn hóa Việt Nam, tác giả Trần Ngọc Thêm đã trình bày sự hiểu biết chất lọc của mình về văn hóa, hệ giá trị văn hóa và cả những phẩm chất của con người Việt Nam trong các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* [118], trong đó Trần Ngọc Thêm (2016) đã trình bày cơ sở lý luận cùng kinh nghiệm nghiên cứu về giá trị học và giá trị học văn hoá. Tìm hiểu về hệ giá trị Việt Nam truyền thống cùng những biến động của hệ giá trị Việt Nam truyền thống trong giai đoạn hiện đại và con đường đi đến hệ giá trị Việt Nam mới. Trong nghiên cứu này, tác giả đã xác định 5 đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa Việt Nam là: Tính cộng đồng (làng xã); Tính ưa chuộng hài hòa; Tính tổng hợp, Tính linh hoạt; Tính trọng âm.

Tiếp đó, trong cuốn sách *Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế* [119], Trần Ngọc Thêm (2017) đã đưa ra cơ sở lý luận về giá trị, hệ giá trị nói chung và lý luận về giá trị văn hoá, hệ giá trị văn hoá nói riêng. Phân tích hệ giá trị Việt Nam truyền thống với 23 giá trị tập hợp theo 5 đặc trưng. Tìm hiểu sự biến động của hệ giá trị Việt Nam truyền thống trong giai đoạn hiện đại. cùng với đó, tác giả đã trình bày cơ sở lý luận cùng kinh

nghiệm nghiên cứu và xây dựng hệ giá trị ở nhiều quốc gia; xác định hệ giá trị cốt lõi của Việt Nam và tìm hiểu những hiện tượng "lệch chuẩn", phi giá trị ảnh hưởng tới việc hoàn thiện hệ giá trị cũng như đi sâu tìm hiểu các vấn đề về giá trị văn hoá gia đình, giá trị văn hoá Phật giáo, giá trị văn hoá tộc người và giá trị văn hoá vùng miền ở Việt Nam.

Ngô Đức Thịnh (2020), trong cuốn sách *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam* [125], đã tổng quan tình hình nghiên cứu và một số vấn đề lý luận về giá trị văn hoá. Nghiên cứu những giá trị văn hoá của Việt Nam trong việc thích ứng và khai thác tài nguyên, thủ công nghiệp truyền thống, đạo đức kinh doanh, văn học nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, hội nhập văn hoá và phát triển lối sống ở nước ta thời gian vừa qua, tác giả đề xuất một số phương hướng và giải pháp kế thừa, phát huy tốt hơn các giá trị văn hoá truyền thống để xây dựng lối sống ở nước ta hiện nay.

Trong cuốn sách *Các giá trị văn hóa Việt Nam chuyển từ truyền thống đến hiện đại* [75], từ góc nhìn giá trị học, tác giả Đỗ Huy (2021) đã hệ thống hóa các giá trị văn hóa Việt Nam như: chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn, tinh thần tự lập, tự cường, các giá trị đạo đức, các giá trị phổ quát chân - thiện - mỹ trong nền văn hóa Việt Nam truyền thống. Nghiên cứu này đã chỉ ra giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam dựa trên các yếu tố: Địa văn hóa nhiệt đới, gió mùa bán đảo; Cư dân chủ yếu sống thành làng xã làm ruộng, làm vườn; Có thiết chế gia đình huyết tộc như nhiều dân cư Nam Á khác.

Cũng trong nghiên cứu này, theo tác giả, Người Việt có một chủ nghĩa nhân văn rõ rệt, ở đó hòa quyện bốn yếu tố cơ bản xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc tạo thành nền tảng của bảng giá trị văn hóa, đó là: Chủ nghĩa yêu nước đậm đà tinh thần cộng đồng; Tinh thần vị tha cao thượng là cơ sở của chủ nghĩa khoan dung Việt Nam; Ý chí tự lập, tự cường mạnh mẽ biểu hiện một tinh thần quật khởi và sức sống mãnh liệt trước mọi khó khăn; Tinh thần đoàn kết gia đình, làng xã, quốc gia và tộc người. Người Việt sống nghiêng về thực tiễn, thiết thực, tiết kiệm, ham học và nặng tình, nặng nghĩa. Nhà - làng - nước là lẽ sống của người Việt. Quê hương trong tâm thức người Việt như cha, như mẹ, ông bà, tổ tiên. Không có quê hương thì người Việt sẽ “không lớn nổi thành người”. Văn hóa truyền thống người Việt với nghệ thuật cung đình hay nghệ thuật dân gian đều ẩn dấu bên trong là sự ký thác một triết lý sống thanh cao, một tâm hồn nhân hậu. Với những nội dung trên, cuốn sách được xem như nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho độc giả tìm hiểu về văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn giá trị học.

1.1.2. Nghiên cứu về xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Tác giả Nguyễn Khoa Điềm trong các tham luận và bài viết đều nhấn mạnh sự kết hợp truyền thống và hiện đại để hình thành con người mới. Với quan điểm nhất quán cho rằng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng con người mới là sự kết hợp giữa việc gìn giữ truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, các bài viết của Nguyễn Khoa Điềm đặc biệt lưu ý đến hướng đi để văn hóa Việt Nam đảm bảo được vừa tính tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

Nguyễn Khoa Điềm (1998), trong bài viết “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đăng trên *Tạp chí Cộng sản* [45] đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Trong nghiên cứu của mình, tác giả nhấn mạnh việc gìn giữ, phát huy giá trị truyền thống (yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết, hiếu học) song song với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa hiện đại của nhân loại để thực hiện phương châm “Tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc” làm kim chỉ nam xây dựng văn hóa và con người mới. Hình thành trong bối cảnh sau khi có Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về văn hóa, quan điểm của Nguyễn Khoa Điềm có vai trò quan trọng trong việc tham góp cho việc hình thành đường lối văn hóa của Đảng giai đoạn đổi mới khi tác giả là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa tại thời điểm đó.

Nguyễn Khoa Điềm (2001), trong bài viết “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội” [46] đã đưa ra quan điểm về việc muốn hình thành con người Việt Nam mới phải có sự kết hợp giữa các yếu tố truyền thống như: nhân ái, cộng đồng, yêu nước, trọng nghĩa với các yếu tố hiện đại là: khoa học, dân chủ, kỷ luật, sáng tạo. Bởi vậy, bài viết của tác giả được xem như “gốc rễ” cho xây dựng con người mới trong thời kỳ đổi mới.

Nguyễn Khoa Điềm (2003), trong bài viết “Phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [47] đã đề cập đến việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nuôi dưỡng nhân cách con người Việt Nam hiện đại nhưng không tách rời cội nguồn dân tộc và văn hóa phải góp phần định hình hệ giá trị mới: yêu nước, nhân ái, cần kiệm, kỷ luật, trách nhiệm, hội nhập. Bài viết cụ thể hóa yêu cầu gắn kết truyền thống – hiện đại trong chính sách văn hóa, hướng tới con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nguyễn Văn Huyền (2003), trong công trình *Văn minh Việt Nam* [76], khi viết về những chuẩn mực của con người Việt Nam, đã nhấn mạnh tinh thần dũng cảm của người Việt như: “Người Việt không thiếu dũng cảm... có khả năng kháng cự lâu dài, trong những điều kiện thiếu thốn tệ hại nhất, chống lại những lực lượng mạnh hơn về số lượng và chất lượng... người nông dân Việt Nam có thể trở thành người lính dũng cảm, bền bỉ và có sức xông lên mạnh mẽ” [76, tr.90]. Đây cũng là điểm khác của tác giả so với những công trình nghiên cứu trước đó về hệ giá trị Việt Nam bởi yếu tố mà tác giả đề cập đến đầu tiên trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam là lòng dũng cảm thay vì lòng yêu nước như nhiều tác giả thường nhắc tới. Một điểm khác biệt nữa của tác giả Nguyễn Văn Huyền so với các học giả khác là ông đề cập hoặc đặt một số phẩm chất tinh thần trái ngược nhau của người Việt như: sự lười biếng và cần cù, phóng túng và thực tế, thất thường và kiên định, hay tắt mắt và hào hiệp, chất phác và khôn ranh. Điều này cho thấy một cách tiếp cận, nhìn nhận và đánh giá vấn đề rất mới của tác giả mà NCS có thể xem xét và vận dụng về mặt phương pháp trong nghiên cứu bởi tính đa chiều và toàn diện trong giải quyết vấn đề của tác giả này.

Nguyễn Trọng Chuẩn (2004), trong bài viết *Về con người và phát triển con người ở Việt Nam* [23], đã khẳng định con người là trung tâm của sự phát triển; điều này thể hiện ở việc con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Theo đó, mọi chính sách phát triển phải lấy con người làm gốc và phát triển kinh tế không thể tách rời phát triển xã hội và phát triển con người. Bài viết cũng đưa ra quan điểm về phát triển con người là mở rộng khả năng, tự do và năng lực lựa chọn của con người, đồng thời cũng nhấn mạnh mối quan hệ giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại. Tác giả đã đưa ra quan điểm về phương hướng phát triển con người Việt Nam là kết hợp hài hòa giữa kinh tế và văn hóa - xã hội mà không chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần; gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Bài viết cũng nhấn mạnh vai trò then chốt của giáo dục trong phát triển con người. Những chuẩn mực của con người Việt Nam mới, theo tác giả, cần phải là: yêu nước, có tri thức, nhân văn, năng động, sáng tạo, biết hội nhập quốc tế mà vẫn giữ được bản sắc.

Bùi Thanh Sơn (2007), trong công trình *Con người Việt Nam - giá trị truyền thống và hiện đại* [111] đã trình bày những nghiên cứu về con người Việt Nam, những nhân tố định hình tính cách Việt, giá trị truyền thống của con người Việt Nam. Công trình nghiên cứu tập trung vào 2 nội dung cơ bản: một là, những

nhân tố định hình tính cách Việt là môi trường tự nhiên và môi trường lịch sử - xã hội; *hai là*, những giá trị truyền thống của con người Việt Nam, mà trong đó, theo tác giả giá trị tinh thần là “những phẩm chất đặc biệt về trí tuệ (trí thông minh, óc sáng tạo, năng lực tư duy...), về tình cảm (yêu, ghét, căm thù, buồn vui, tình thương, năng lực cảm thụ...), về ý chí (cần cù, bền bỉ, can đảm, chịu đựng, hy sinh...)” [111, tr.89]. Với quan niệm về giá trị tinh thần như vậy, tác giả đã đưa ra những giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam là: Tinh thần yêu nước; tinh thần dân tộc với biểu hiện đầu tiên là tinh thần tự chủ - tự cường; cần cù, tiết kiệm, thông minh... Theo tác giả, tinh thần yêu nước là giá trị đứng đầu trong bảng giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Phạm Minh Hạc (2012), trong cuốn sách *Giá trị học* [58], đã đưa ra những quan điểm giá trị học của tác giả, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận để đúc kết và xây dựng nên hệ giá trị chung của con người Việt Nam trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tác giả cho rằng giá trị học không chỉ góp phần hình thành những hiểu biết định hướng tư duy của con người mà còn làm cho đất nước giàu mạnh, củng cố sự phát triển bền vững của dân tộc Việt Nam ở các thời kỳ tiếp theo. Trong nghiên cứu này, tác giả cũng khẳng định việc cần phải kế thừa các giá trị truyền thống đồng thời tạo lập các giá trị hiện đại; gìn giữ các giá trị thuộc về bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại; đa dạng và thống nhất trong các hệ giá trị của quốc gia - dân tộc và các tộc người cư trú trên đất nước Việt Nam cũng như của từng cá nhân con người Việt Nam, ...

Tác giả Đào Duy Anh (2015), trong cuốn sách *Việt Nam văn hóa sử cương* [1] nêu ở trên, đã chỉ ra 7 phẩm chất tiêu biểu của người Việt Nam là: Trí nhớ tốt, thiên về nghệ thuật và trực giác; Ham học, thích văn chương; Thiết thực; Cần cù; Giỏi chịu khổ, nhẫn nhục; Chuộng hòa bình; Khả năng bất chước, thích ứng và dung hòa. Giá trị của cuốn sách có lẽ như lời tựa đầu sách đã viết: “Việt Nam văn hóa sử cương thoáng có nét nghiêm cẩn của một khảo cứu sâu, trình bày được cái di sản văn hóa trong dòng chảy lịch sử, đồng thời vẫn giữ được nét hồn nhiên, phóng khoáng của một học giả lần đầu tiên tự mình vạch đường, dẫn lối, giống như một nhà dân tộc học điền dã” [1, tr.1].

Trong cuốn sách *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* [118] cũng đã nêu ở trên, tác giả Trần Ngọc Thêm (2016) không ngần ngại đưa ra một số tật xấu của người Việt như: bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm, bệnh thành tích, bệnh thiếu ý thức pháp luật... Giá trị của

cuốn sách còn thể hiện ở chỗ, từ việc xác định những giá trị và những điểm hạn chế trong phẩm chất, chuẩn mực của người Việt, tác giả đã đưa ra những phẩm chất, tính cách cần bổ sung để con người Việt Nam trở nên hoàn thiện hơn trong thời đại mới, đó là: ý thức pháp luật, tính trung thực, thẳng thắn, bản lĩnh cá nhân, tính khoa học, lòng tự trọng... Những kết quả trong nghiên cứu thể hiện đây là một công trình khá công phu và có giá trị khi nghiên cứu về phẩm chất của người Việt ở cả 3 góc độ: cái tốt – cái xấu – cái cần bổ sung. Như vậy, tác giả đã đưa ra những phẩm chất của con người Việt Nam với một phương pháp rất mới là nhìn nhận về vấn đề nghiên cứu ở cả ba phương diện như đã nêu.

Chương trình nghiên cứu cấp nhà nước KX.03/11-15 về “Nghiên cứu khoa học phát triển văn hóa, con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” của Viện Hàn lâm khoa học xã hội thực hiện đã bám sát vấn đề xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo cáo tổng kết đề tài về *Phát triển bền vững con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế* [140] do Viện Nghiên cứu con người (2016) thực hiện (đề tài KX.03.08), đã chỉ rõ hệ giá trị truyền thống vẫn giữ được vai trò quan trọng trong sự chuyển đổi giá trị văn hóa, song cũng xuất hiện sự xung đột, sai lệch hoặc chậm thay đổi của các chuẩn mực ứng xử, đạo đức, văn hóa công cộng. Báo cáo cũng chỉ ra sự thay đổi vai trò của văn hóa và chuẩn mực xã hội, cách ứng xử văn hóa của cá nhân và nhóm trong tương quan với sự phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, đô thị hóa dẫn đến những thay đổi lớn về lối sống, quan hệ gia đình và cộng đồng xã hội.

Hội thảo Quốc gia về Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới (2022) có nhiều bài viết có chất lượng của nhiều tác giả góp phần khẳng định và làm sáng rõ nội hàm của khái niệm văn hóa, tạo tiền đề để triển khai hiệu quả, sáng tạo nhiệm vụ xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Các bài viết cũng đề cập đến thực trạng, đề xuất các giải pháp nhằm phổ biến, đưa các hệ giá trị trong thời kỳ mới thấm sâu vào cuộc sống. Một phần chính của cuốn kỷ yếu về hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam đã phân tích và đưa ra những vấn đề cốt lõi nhất về chuẩn mực con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và đề cập đến việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ hiện nay, một số nghiên cứu tiêu biểu như:

Nguyễn Tuấn Anh (2022), *Cơ sở xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay* [3], trong bài viết này, các khái niệm “chuẩn mực”, “hệ giá trị chuẩn mực” được đặt trong khung tiếp cận từ tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về con người với tư cách là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của phát triển và mối quan hệ hữu cơ giữa hệ giá trị quốc gia – hệ giá trị văn hóa – hệ giá trị gia đình – hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả đã đề xuất nhóm chuẩn mực của con người Việt Nam gồm: yêu nước – nhân ái – đoàn kết – trung thực – trách nhiệm – kỷ luật – cần cù – sáng tạo (giá trị nền tảng) và tri thức/ kỹ năng, công dân số, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, thượng tôn pháp luật, ý thức môi trường (thuộc nhóm năng lực hiện đại) và các phẩm chất: tôn trọng đa dạng văn hóa, tinh thần hội nhập đi đôi với giữ gìn bản sắc (thuộc nhóm phẩm chất xã hội). Trên cơ sở các nguyên tắc và phương pháp xây dựng chuẩn mực như kế thừa và phát triển; đồng bộ 4 thiết chế (gia đình – nhà trường – cộng đồng – truyền thông); đo lường được qua bộ tiêu chí hoặc thang đo quốc gia, tác giả đề xuất các giải pháp thuộc nhóm chính sách để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay là: về thể chế và pháp luật (thực hiện việc rà soát, bổ sung các chính sách nuôi dưỡng và bảo vệ chuẩn mực; xác lập và thực hiện cơ chế khuyến khích và ràng buộc hành vi lệch chuẩn); về giáo dục và đào tạo (tích hợp giáo dục giá trị/đạo đức/kỹ năng sống và công dân số từ mầm non đến bậc đại học; phát triển năng lực học tập suốt đời); về môi trường văn hóa và hoạt động truyền thông (phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa, văn học - nghệ thuật; chuẩn mực ứng xử trên mạng; truyền thông giá trị theo nhóm đối tượng); về công cụ đo lường (xây dựng bộ chỉ báo quốc gia về chuẩn mực con người, thực hiện điều tra định kỳ trên phạm vi toàn quốc để có điều chỉnh chính sách theo sự biến đổi của thực tiễn).

Đình Xuân Dũng (2022), trong bài viết *Tinh cốt thiết yếu và những yêu cầu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới* [25], đã chỉ ra chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới (yêu nước, nhân ái, đoàn kết, trách nhiệm, trung thực, sáng tạo, kỷ luật, có tri thức và năng lực hội nhập) tồn tại trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với hệ giá trị quốc gia (độc lập – tự cường – hạnh phúc – công bằng – dân chủ – văn minh); hệ giá trị văn hóa (nhân văn, sáng tạo, nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, giữ gìn bản sắc dân tộc và hội nhập tinh hoa nhân loại) và hệ giá trị gia đình (nền tảng bền vững cho sự phát triển xã hội, bao gồm yêu thương, trách nhiệm, hiếu nghĩa, hòa thuận, bình đẳng). Với các yêu cầu được đề

ra trong xây dựng hệ giá trị gồm: Tính hệ thống và đồng bộ; kết hợp truyền thống và hiện đại; tính khả thi; đồng thuận xã hội và tính thích ứng với bối cảnh mới. Trong bài viết này, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người, đó là: Đưa nội dung hệ giá trị vào giáo dục - đào tạo, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, truyền thông, thiết chế văn hóa để lan tỏa các giá trị; Tăng cường pháp luật và cơ chế chính sách nhằm bảo vệ, củng cố và phát triển giá trị, chuẩn mực và giải pháp về khuyến khích nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn để tiếp tục luận chứng lý luận và thực tiễn cho hệ giá trị.

Nguyễn Chí Dũng (2022), trong bài viết *Chuẩn mực con người Việt Nam – truyền thống và hiện đại* [26], đã khẳng định chuẩn mực con người Việt Nam là sự thống nhất giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại và chỉ khi có sự kết hợp được 2 hệ giá trị này mới xây dựng được con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trong bài viết này, tác giả đã xác định những giá trị chuẩn mực con người Việt Nam truyền thống với các giá trị được định hình và phát triển bền vững qua hàng nghìn năm lịch sử là: yêu nước, đoàn kết, nhân ái, hiếu học, cần cù, trọng nghĩa tình, tôn trọng cộng đồng để tạo nên bản sắc người Việt. Cũng theo đó, những chuẩn mực con người Việt Nam hiện đại cần có được tác giả xác định gồm: Trí thức và năng lực sáng tạo; Ý thức pháp luật, kỷ luật và trách nhiệm xã hội; Khả năng hội nhập, giao lưu, tôn trọng đa dạng văn hóa; Ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Những giá trị hiện đại này có vai trò bổ sung, kết hợp với các giá trị truyền thống để tạo ra hệ chuẩn mực mới cho con người Việt Nam trong thời đại mới dựa trên các nguyên tắc cơ bản: nguyên tắc kế thừa có chọn lọc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và sự hài hòa (không đối lập “cũ – mới” mà tạo sự bổ sung, nâng cao). Bài viết cũng đề cập đến các giải pháp phát triển chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới gồm: Đưa nội dung chuẩn mực vào giáo dục toàn diện từ nhà trường, gia đình đến xã hội; Phát huy vai trò của thiết chế văn hóa, truyền thông và nghệ thuật trong lan tỏa chuẩn mực; Hoàn thiện pháp luật và chính sách để khuyến khích hành vi chuẩn mực, ngăn chặn lệch chuẩn; Tạo môi trường công bằng, dân chủ, nhân văn để các giá trị truyền thống và hiện đại được thực hành trong đời sống.

Lương Đình Hải (2022), trong bài viết *Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay* [60], đã xác định cấu trúc hệ giá trị con người Việt Nam hiện nay xoay quanh 3 nhóm chính là: Giá trị nền tảng - truyền thống

(Yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết, cần cù, hiếu học, khoan dung); Giá trị hiện đại - hội nhập (Tôn trọng pháp luật, dân chủ, nhân quyền, trách nhiệm xã hội, sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, làm việc khoa học, hội nhập văn hóa) và Giá trị bền vững (Bảo vệ môi trường, công bằng xã hội, phát triển tri thức, nhân văn, hướng tới hạnh phúc con người). Bài viết đề cập đến các nguyên tắc trong xây dựng hệ giá trị và đề xuất các giải pháp cơ bản trong các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, xây dựng môi trường văn hóa, pháp luật và chính sách, nghiên cứu và đo lường.

Đặng Thị Lan (2022), xuất phát từ quan điểm của Đảng coi con người là trung tâm của phát triển, văn hóa và con người là nền tảng tinh thần, mục tiêu và động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đồng thời dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp “trồng người”, trong bài viết *Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay* [81], đã đưa ra quan điểm về các nội dung chuẩn mực cần có của con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay đó là: Yêu nước, đoàn kết, nhân ái, hiếu học, cần cù, trọng nghĩa tình – thuộc nhóm giá trị truyền thống; Trung thực, trách nhiệm, sáng tạo, kỷ luật, tôn trọng pháp luật, tinh thần hội nhập và cạnh tranh lành mạnh – thuộc nhóm giá trị hiện đại và tác phong công nghiệp, ứng xử văn hóa trong cộng đồng và trên không gian mạng, ý thức bảo vệ môi trường – thuộc nhóm chuẩn mực hành vi. Với khẳng định xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế là nhiệm vụ cấp thiết và lâu dài, nhằm vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập, thì con người Việt Nam thời kỳ mới cần hội tụ cả giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, để trở thành động lực phát triển đất nước bền vững. Từ đó, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện thời bao gồm: Thể chế hóa các chuẩn mực trong chính sách, pháp luật, quy ước cộng đồng; Giáo dục và đào tạo: đưa chuẩn mực vào giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, công dân số; gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao; Truyền thông và văn hóa đại chúng: xây dựng hình mẫu con người mới qua văn học, nghệ thuật, báo chí, mạng xã hội; Xây dựng môi trường thực hành chuẩn mực: cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng trở thành nơi con người rèn luyện và biểu hiện giá trị.

Tác giả Lâm Nhân (2022), trong bài viết *Bàn về hệ chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập* [94], đã đưa ra quan điểm về các chuẩn mực của con người Việt Nam truyền thống được xem như là giá trị cốt lõi đã được định hình trong lịch sử, đó là: yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, cần cù, trọng nghĩa tình. Theo tác giả, những yếu tố này là nền tảng tinh

thần của dân tộc Việt Nam, giúp đất nước ta vượt qua thiên tai, địch họa đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập. Trong bài viết, tác giả cũng đề cập đến những chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh mới, gồm: năng lực sáng tạo, tri thức khoa học - công nghệ, tác phong công nghiệp; tinh thần trách nhiệm, trung thực, kỷ luật, tôn trọng pháp luật; ý thức công dân toàn cầu; ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tác giả cho thấy, chuẩn mực con người Việt Nam truyền thống và hiện đại, hệ chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển và hội nhập là sự hòa quyện giữa các chuẩn mực của truyền thống và các yếu tố hiện đại. Đây cũng là quan điểm chiến lược định hướng của Đảng ta về xây dựng con người trong sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

Hồ Sĩ Quý (2022), trong bài viết *Về vấn đề xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam* [107], đã khẳng định xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để phát triển văn hóa và xã hội trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng con người, với cách tiếp cận chuẩn mực con người không chỉ dựa vào truyền thống mà còn cần có sự tiếp thu các giá trị phổ quát của nhân loại; bài viết đã đưa ra các vấn đề liên quan đến xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay bao gồm: thực trạng và những thách thức đặt ra đối với chuẩn mực con người trong bối cảnh mới; nội dung chuẩn mực cần xây dựng hiện nay; nguyên tắc, phương pháp xây dựng và đề xuất các giải pháp ở các khía cạnh: giáo dục – đào tạo, chính sách – pháp luật, môi trường văn hóa, truyền thông và nghệ thuật. Với quan điểm cho rằng, xây dựng chuẩn mực con người là một quá trình lâu dài, nên cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng được con người toàn diện. Con người mới là sự hòa quyện giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, có đủ năng lực và phẩm chất để đưa đất nước phát triển bền vững và hội nhập thành công.

1.1.3. Nghiên cứu về định hướng, giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Về vấn đề này, nhiều tổ chức và cá nhân nước ngoài đã có những công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa giá trị truyền thống và hiện đại, tiêu biểu như:

R. Inglehart & C. Welzel (2005), trong công trình *Modernization, cultural change, and democracy: The human development sequence* (Hiện đại hóa, thay đổi văn hóa và dân chủ: Chuỗi phát triển con người) [172], đã phân

tích sự chuyển đổi từ giá trị sinh tồn sang giá trị tự thể hiện trong tiến trình hiện đại hóa. Theo các tác giả, hiện đại hóa không phải là quá trình tuyến tính mà là một chuỗi biến đổi các yếu tố: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Quá trình này diễn ra theo trình tự phát triển của con người từ phát triển kinh tế - xã hội đến thay đổi về văn hóa và thúc đẩy dân chủ hóa. Với kết quả đạt được trong nghiên cứu, cuốn sách đã cung cấp một khung lý thuyết toàn cầu về mối liên hệ giữa phát triển, văn hóa và dân chủ đồng thời cũng chứng minh rằng chuẩn mực văn hóa - giá trị xã hội có vai trò quan trọng trong quá trình dân chủ hóa xã hội. Thông qua nghiên cứu này, các tác giả khẳng định hiện đại hóa làm thay đổi giá trị xã hội và từ đó tạo điều kiện cho dân chủ hóa xã hội và dân chủ bền vững là nền dân chủ không chỉ là sự áp đặt từ trên xuống mà cần có thêm nền tảng văn hóa - giá trị của con người.

Samuel P. Huntington (2004), trong cuốn sách *Who Are We? The Challenges to America's National Identity* (Chúng ta là ai? Những thách thức đối với danh tính quốc gia của Mỹ) [176], nhằm mục tiêu phân tích bản sắc quốc gia của Mỹ đang bị thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhập cư và đa văn hóa, đã nhấn mạnh tình trạng xung đột và thích nghi giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa. Qua các phân tích trong cuốn sách, Samuel P. Huntington đã đưa ra những cảnh báo đúng về nguy cơ phân rã bản sắc văn hóa mặc dù cũng có nhiều người phản đối quan điểm của ông khi cho rằng nó có tính bảo thủ, thậm chí bài ngoại khi quá đề cao di sản Anglo-Protestant và coi nhẹ sự đa dạng. Tuy vậy, cuốn sách với tựa đề rất gợi mở của ông được xem là một công trình quan trọng giúp hiểu rõ những tranh luận về bản sắc quốc gia Mỹ trong thế kỷ XXI.

United Nations Development Programme (UNDP) với *Báo cáo phát triển con người*, hàng năm đều đưa ra khung đánh giá phát triển con người toàn diện, trong đó văn hóa và giá trị là trụ cột. Một số luận điểm rất có giá trị trong báo cáo của UNDP trong các năm gần đây liên quan đến văn hóa, chuẩn mực như: niềm tin xã hội và chuẩn mực về hợp tác là yếu tố quan trọng để vượt qua đại dịch, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng vì khi chuẩn mực xã hội bị suy yếu thì phản ứng trước những thách thức này càng yếu hơn từ phía con người, xã hội. UNDP cũng nhắc rất nhiều đến chuẩn mực giới và định kiến xã hội liên quan tới bình đẳng giới, các chuẩn mực xã hội hạn chế phụ nữ trong chính trị, lao động, học tập hoặc vấn đề giá trị của quyền tự quyết, khả năng quyết định cuộc sống của mỗi cá nhân được coi là trụ cột để phát triển con người. Báo cáo cũng đưa ra quan điểm về chuẩn mực môi trường hay trách nhiệm chung đối với hành tinh

khi nhận thấy cần phải có sự thay đổi về chuẩn mực xã hội/ nhận thức/ ý thức của con người (về tiêu thụ, về phát thải, về cách sống) trước các khủng hoảng môi trường ngày càng nghiêm trọng. Một số báo cáo điển hình như:

UNDP (2020), *Human Development Report 2020: The Next Frontier – Human Development and the Anthropocene* (Báo cáo phát triển con người: Biên giới tiếp theo – Phát triển con người và thời đại nhân sinh) [180], với chủ đề chính về tương tác giữa phát triển con người và áp lực môi trường, khủng hoảng khí hậu, sự bền vững của hành tinh, báo cáo đã nhấn mạnh quyền con người là được sống trong môi trường lành mạnh cũng như các giá trị và chuẩn mực liên quan đến môi trường, trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên. Báo cáo cũng đưa ra quan điểm về sự cần thay đổi chuẩn mực xã hội theo hướng giảm áp lực do hoạt động con người đối với môi trường.

UNDP (2021, 2022), *Uncertain Times, Unsettled Lives: Shaping our Future in a Transforming World* (Thời đại không chắc chắn, Cuộc sống bất ổn: Định hình tương lai của chúng ta trong một thế giới đang biến đổi) [181], với nội dung chính về những bất ổn do đại dịch, thiên tai, khủng hoảng kinh tế; cách phát triển con người cần thích nghi với bất định; báo cáo đã đề cập tới cách giá trị về bình đẳng, công bằng, thể chế tin cậy (trust in institutions) làm nền tảng cho khả năng phản ứng và phục hồi của xã hội và đề cập tới chuẩn mực xã hội về an toàn, ổn định, phúc lợi được đặt ra như một phần của phát triển.

UNDP (2024), *Breaking the Gridlock: Reimagining Cooperation in a Polarized World* (Phá vỡ sự tắc nghẽn: Tưởng tượng lại sự hợp tác trong một thế giới phân cực) [183], nội dung chính của báo cáo về sự phân cực chính trị - xã hội, bất bình đẳng, khủng hoảng thể hiện sự trì trệ trong hợp tác toàn cầu; đã nêu ra cách giải quyết/ phá vỡ sự tắc nghẽn khi con người không thể cùng nhau hành động do có sự khác biệt về chính trị, xã hội và niềm tin. Cũng ở đây, chuẩn mực về tự do bày tỏ (freedom of expression), cảm nhận về khả năng kiểm soát cuộc sống và các giá trị liên kết xã hội rất được xem trọng trong việc giải quyết các vấn đề chia rẽ.

Một số nghiên cứu của United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (UNESCO) về *Cultural Policies for Development* (Chính sách văn hóa vì phát triển) coi bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng của phát triển bền vững, đặc biệt là những báo cáo khoảng từ năm 2013 trở đi. Một số báo cáo điển hình liên quan đến nội dung này, có thể kể đến là:

UNESCO (2013), *Cultural Policies for Development* (Chính sách văn hóa để phát triển) [188], các nội dung chính liên quan đến bảo tồn văn hóa được đưa ra trong báo cáo: *Một là*, văn hóa truyền thống như là nền tảng của kinh tế sáng tạo bởi văn hóa (gồm văn hóa hữu hình và văn hóa vô hình) là tài sản phát triển. Việc bảo tồn các giá trị đó không chỉ để lưu giữ giá trị trong quá khứ mà còn tạo nguồn lực mới cho kinh tế sáng tạo; *Hai là*, phát triển địa phương dựa vào bản sắc văn hóa; *Ba là*, sự tham gia của cộng đồng với tư cách là chủ thể của văn hóa, qua đó báo cáo đề cao việc trao quyền cho cộng đồng để họ tham gia vào quản lý, sáng tạo và quyết định cách di sản được giữ gìn và khai thác; *Bốn là*, cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, về nội dung này báo cáo đã đưa ra những cảnh báo nguy cơ biến văn hóa truyền thống thành hàng hóa du lịch nếu chỉ chú trọng tới lợi ích kinh tế. Từ đó, UNESCO kêu gọi các chính sách cần vừa đảm bảo tính nguyên bản, ý nghĩa cộng đồng vừa cho phép đổi mới sáng tạo để thích nghi với bối cảnh hiện thời; *Năm là*, báo cáo đề cập đến các chính sách hỗ trợ của các chính phủ nhằm bảo tồn văn hóa qua chính sách văn hóa vì phát triển gắn với giáo dục văn hóa, đầu tư cho công nghiệp sáng tạo và hệ thống đo lường tác động văn hóa (UNESCO CDIS – Culture for Development Indicators).

Báo cáo này được xem là có dấu ấn đầu tiên của UNESCO và UNDP vì đã nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa truyền thống trong phát triển bền vững. Điều này đưa ra những gợi ý cho các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển về việc, sự phát triển bền vững đất nước được bắt đầu từ bản sắc văn hóa của chính quốc gia mình thay vì chỉ dựa vào mô hình công nghiệp hiện đại như quan niệm và cách làm của nhiều nước hiện nay.

UNESCO/UNDP (2013), *Creative Economy Report 2013: Widening Local Development Pathways* (Báo cáo kinh tế sáng tạo 2013: Mở rộng các con đường phát triển địa phương) [189], trọng tâm của báo cáo về vấn đề phát triển kinh tế sáng tạo (creative economy) gắn liền với với bảo tồn di sản văn hóa địa phương, UNESCO đã nhấn mạnh rằng văn hóa chính là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững bên cạnh các trụ cột: kinh tế, xã hội, môi trường. Từ đó, báo cáo phân tích các ngành công nghiệp sáng tạo (creative industries) và chính sách văn hóa có thể giúp vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

UNESCO (2014), *Culture for Development Indicators Suite* (CDIS) (Bộ chỉ số văn hóa cho phát triển) [190], được UNESCO xây dựng từ năm 2009 đến năm 2014. Đây được xem là bộ chỉ số toàn diện nhằm đo lường vai trò của văn hóa

đối với phát triển bền vững, từ đó giúp các quốc gia tích hợp văn hóa vào chính sách phát triển bằng các số liệu cụ thể, tường minh. Báo cáo đưa ra cấu trúc của bộ chỉ số gồm 7 chiều và hơn 20 chỉ số. trong đó có nhiều chỉ số liên quan trực tiếp đến việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống như: Kinh tế (văn hóa như nguồn lực kinh tế); Giáo dục (chương trình học, truyền thụ văn hóa); Quản trị (cơ chế, chính sách hỗ trợ văn hóa); Xã hội (tham gia văn hóa, gắn kết cộng đồng); Bình đẳng giới trong văn hóa; Truyền thông và thông tin (đa dạng tiếng nói, ngôn ngữ); Di sản – trọng tâm vào việc bảo tồn. Với các kết quả nghiên cứu, báo cáo này được xem là lần đầu tạo ra bộ công cụ đo lường toàn cầu về văn hóa trong phát triển, qua đó giúp các quốc gia thấy rõ vai trò của di sản văn hóa truyền thống để đưa ra những chính sách phù hợp. Đặc biệt, một trong những giá trị lớn lao của báo cáo chính là đã “chuyển” di sản văn hóa từ chỗ bị coi là “gánh nặng bảo tồn” trở thành nguồn lực cho sự phát triển (development asset). Đây là một trong những quan điểm rất có giá trị và do gắn với nội dung cũng như định hướng nghiên cứu của luận án, nên nghiên cứu sinh sẽ kế thừa và sử dụng để giải quyết các nhiệm vụ của luận án. Quan điểm này cũng có những điểm tương đồng nhất định với quan điểm của Đảng ta trong những năm gần đây về đường lối phát triển văn hóa hiện nay là cần xem các giá trị văn hóa không hẳn là không gian để “bảo tồn” mà chủ yếu phải thành không gian “sống”, không gian “sinh hoạt văn hóa” của con người để văn hóa thực sự là “nguồn lực nội sinh” cho phát triển bền vững đất nước hiện nay và trong tương lai.

Ở trong nước, nhiều tác giả đi vào nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường đến giá trị và chuẩn mực để tạo lập một nền tảng cho việc đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trên cơ sở tiếp tục phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Cụ thể như:

Trong cuốn sách *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá* [20], tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn (2002) đã nhấn mạnh, toàn cầu hóa là xu thế đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trong thế giới hiện đại, nó không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như: văn hóa, xã hội, môi trường, pháp luật, khoa học, công nghệ. Toàn cầu hóa đã và đang đặt ra nhiều vấn đề hệ trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia bởi những cơ hội mà nó mang lại nhưng cũng có nhiều thách thức đi cùng, trong đó có việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Từ góc nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra những giá trị truyền thống Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hoá cũng như việc cần thiết và giải pháp

nhằm góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam trong xu thế toàn cầu hoá. Cùng vấn đề nghiên cứu này có công trình khác của tác giả như: *Tìm hiểu hệ giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* [21].

Cuốn sách *Toàn cầu hoá và vấn đề kế thừa một số giá trị truyền thống của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay* [109] của Mai Thị Quý (2009) đã giới thiệu toàn cầu hoá - nhìn từ góc độ triết học; Sự biến động của các giá trị truyền thống trong toàn cầu hoá từ đó đề xuất việc kế thừa một số giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Tác giả Ngô Đức Thịnh (2010), trong cuốn sách *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* [122], đã giới thiệu tổng quan tình hình nghiên cứu và một số vấn đề lý luận về giá trị văn hoá; trình bày hệ giá trị văn hoá tổng thể truyền thống Việt Nam; giá trị văn hoá trong một số lĩnh vực của đời sống vật chất, đời sống xã hội, chính trị, đời sống tinh thần; thực trạng biến đổi hệ giá trị văn hoá truyền thống cùng việc bảo tồn, làm giàu, phát huy giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Cuốn sách *Hệ giá trị văn hoá Việt Nam trong đổi mới, hội nhập* [124] của Ngô Đức Thịnh (2014), là tập hợp những nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, thảo luận của các nhà quản lý văn hoá, nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành về hệ giá trị văn hoá truyền thống và hiện đại của Việt Nam kèm theo các giải pháp bảo tồn, phát huy hệ giá trị văn hoá trong thời kì đổi mới, hội nhập.

Nguyễn Thị Hương Giang (2014), trong cuốn sách *Toàn cầu hóa và vấn đề giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống Việt Nam* [53], đã khẳng định rằng, các giá trị truyền thống Việt Nam đã được hình thành dựa trên các điều kiện là: sự tác động của điều kiện địa lý tự nhiên, nền văn minh lúa nước; sự sớm hình thành cộng đồng quốc gia, dân tộc; từ lịch sử hào hùng của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và từ sự tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại để dung hợp với giá trị truyền thống Việt Nam. Trong nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra những giá trị tiêu biểu trong bảng giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam là: chủ nghĩa yêu nước; ý chí tự lập, tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, tình thương người, lòng nhân ái, khoan dung; đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, tinh thần lạc quan, yêu đời... Trong bối cảnh hiện nay, xu hướng toàn cầu hóa là quá trình xã hội mang tính khách quan, chi phối và làm tăng lên các mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, công trình nghiên cứu đã đưa ra những tác động ở cả hai chiều: tích cực và tiêu cực, giá trị và phản giá trị của toàn cầu hóa đối với xã hội Việt Nam trong đó có sự

biến đổi của những giá trị truyền thống dân tộc, từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống Việt Nam trước sự tác động đa dạng và mạnh mẽ của toàn cầu hoá hiện nay.

Nguyễn Thế Nghĩa (2017), trong cuốn sách *Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam* [95], đã khái quát về toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. Những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và việc giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá. Đưa ra phương hướng và giải pháp nhằm giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của nước nhà trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Phát huy các giá trị văn hoá - đạo đức "sức mạnh mềm" của Việt Nam trong hội nhập và phát triển [114] là cuốn sách do Song Thành (2018) tập hợp các bài viết về giá trị, vai trò của giá trị văn hoá - đạo đức trong giai đoạn hội nhập và phát triển như: Triển khai sức mạnh ngoại giao văn hoá, đào tạo nhân tài, đề cao sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đề cao trách nhiệm đạo đức, xây dựng sự đồng thuận xã hội và khoan dung, biết ơn và kính trọng người già, thực hiện di huấn của Bác Hồ...

Cuốn sách *Hệ giá trị văn hoá và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế* [120] của Nguyễn Ngọc Thiện (2021), đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về hệ giá trị văn hóa và con người; nghiên cứu, khảo sát thực trạng biến động hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, từ đó xác định nội dung hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm triển khai thực hiện hệ giá trị đó trong thực tiễn.

Bùi Xuân Dũng (2022), trong cuốn sách: *Giá trị văn hoá truyền thống dân tộc với nguồn nhân lực Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay* [24], đã nghiên cứu lý luận cơ bản về giá trị văn hoá truyền thống dân tộc với nguồn nhân lực trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư; ảnh hưởng của giá trị văn hoá truyền thống dân tộc đến nguồn nhân lực Việt Nam. Phương hướng và giải pháp kế thừa và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc trong quá trình phát triển nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay. Tác giả nhấn mạnh nguồn nhân lực của Việt Nam trong thời đại 4.0 chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp hài hòa giữa giá trị văn hóa truyền thống và năng lực hiện đại. Đây là con đường để Việt Nam vừa giữ được bản sắc dân tộc vừa tạo được lợi thế cạnh tranh toàn cầu.

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tác động của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường đến giá trị và chuẩn mực còn có nhiều bài viết của các tác giả trên nhiều tạp chí, kỷ yếu hội thảo quốc gia rất có giá trị.

Nguyễn Đình Tường (2006) với bài viết *Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa* [130], đã phân tích sự tác động của toàn cầu hóa đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Theo đó, mặt tích cực của toàn cầu hóa là mở rộng giao lưu văn hóa, tạo điều kiện tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; thúc đẩy việc hình thành tư duy dân chủ, pháp quyền, sáng tạo. Mặt tiêu cực của nó là làm xuất hiện nguy cơ đồng hóa, lai căng văn hóa, lối sống thực dụng, cá nhân cực đoan, sự suy giảm chuẩn mực đạo đức; xuất hiện khoảng cách thế hệ trong tiếp nhận văn hóa ở đó có việc giới trẻ dễ tiếp thu lối sống mới nhưng lại thiếu “bộ lọc” giá trị. Với khẳng định về việc cần thiết phải giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện nay, dựa trên nguyên tắc kế thừa những giá trị có tính cốt lõi đồng thời sàng lọc các yếu tố lạc hậu, bổ sung các giá trị mới phù hợp với thời đại, tác giả đã đề xuất các giải pháp như: đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào giáo dục - đào tạo; phát triển truyền thông và nghệ thuật để lan tỏa giá trị tốt đẹp; xây dựng chính sách văn hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy con người làm trung tâm và biện pháp về khuyến khích cộng đồng và gia đình tham gia giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Hoàng Chí Bảo (2009), trong bài viết *Hệ giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* [8], đã nhấn mạnh sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế chỉ bền vững khi có nền tảng văn hóa, hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam đóng vai trò trụ cột. Tác giả đã khái quát các giá trị cốt lõi của truyền thống Việt Nam bao gồm: Yêu nước và ý thức cộng đồng; Đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình; Hiếu học, cần cù, sáng tạo; Khoan dung, thích ứng, bền bỉ. Tác giả cũng đánh giá những tác động của đổi mới, hội nhập đối với giá trị truyền thống; đánh giá những biến đổi và thách thức. Theo tác giả, kinh tế thị trường và toàn cầu hóa đã làm nảy sinh nhiều giá trị mới như: cạnh tranh, hiệu quả, dân chủ, pháp quyền. Một số giá trị truyền thống bị thách thức như tinh thần cộng đồng trước cá nhân chủ nghĩa hay giá trị nhân ái, nghĩa tình bị giảm sút trước lối sống thực dụng. Điều này dẫn tới nguy cơ mất cân bằng hệ giá trị nếu không có định hướng chính trị - văn hóa phù hợp. Với nhận định về vai trò của hệ giá trị truyền thống trong đổi mới như “vốn xã hội” để định hướng phát triển bền vững đất nước, bài viết đã đề cập đến định hướng và giải pháp nhằm xây dựng hệ chuẩn

mục con người Việt Nam vừa mang bản sắc dân tộc vừa đủ năng lực hội nhập và phát triển bền vững, đó là: Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại với tinh thần giữ lại giá trị cốt lõi, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; Tập trung trong lĩnh vực đào tạo qua việc đưa hệ giá trị vào chương trình giáo dục, rèn luyện nhân cách thế hệ trẻ; Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh có phạm vi từ gia đình đến nhà trường, xã hội và trên không gian mạng; Thế chế hóa chính sách để biến giá trị thành hệ tiêu chí, chuẩn mực pháp lý và xã hội.

Trần Lê Bảo (2009), trong bài viết *Một số giá trị văn hoá truyền thống và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển văn hoá và con người ở khu vực Đông Á khi hội nhập quốc tế* [10], đã đề cập đến một số giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của Đông Á như: tư tưởng Nho giáo; Tinh thần cộng đồng và đoàn kết; Tính cần cù, tiết kiệm, trọng lao động; Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Đồng thời, bài viết đánh giá về những tác động cả tích cực và hạn chế của các giá trị văn hóa này đối với phát triển văn hóa và con người cùng việc phân tích tác động của hội nhập quốc tế đối với hệ giá trị văn hóa Á Đông, theo đó, hội nhập toàn cầu tạo điều kiện cho việc giao lưu giá trị, bổ sung dân chủ, pháp quyền, sáng tạo, ... là những yếu tố mà hệ giá trị truyền thống còn thiếu. Tuy nhiên, bối cảnh này cũng làm nảy sinh nguy cơ lai căng văn hóa, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cực đoan và điều này có thể làm suy yếu nền tảng đạo đức truyền thống. Trên cơ sở các phân tích đó, bài viết đã đưa ra đề xuất và định hướng nhằm gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống như: cần có chiến lược chủ động trong việc chọn lọc văn hóa; khuyến khích sự kết hợp hài hòa giữ truyền thống Đông Á và các giá trị phổ quát hiện đại; mục tiêu được xác định là xây dựng con người Đông Á thời kỳ hội nhập – vừa có bản sắc, vừa có năng lực hội nhập toàn cầu.

Bùi Thanh Thủy (2009), trong bài viết *Kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá* [126], - cùng chủ đề nghiên cứu trên, đã phân tích đánh giá những tác động của toàn cầu hóa trong bối cảnh hiện nay đối với hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Ở cả mặt tích cực và tiêu cực được đưa ra, tác giả cho rằng toàn cầu hóa mang lại nhiều điều tích cực nhất là trong việc tạo điều kiện giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; thúc đẩy đổi mới tư duy, tiếp cận các giá trị mới của nhân loại. Bên cạnh đó, tác giả cũng nêu ra nguy cơ lai căng, đồng hóa văn hóa, suy giảm bản sắc dân tộc, hình thành xu hướng thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, ... là những ảnh hưởng tiêu cực được. Từ đó, bài viết đề cập đến các giải pháp chủ yếu nhằm kế thừa và phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa và khẳng định đó là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Nguyễn Quang Ngọc (2012), trong bài viết *Văn hóa Việt Nam trước thách thức hội nhập* [96], đã đưa ra quan điểm về sự biến đổi của hệ giá trị truyền thống trước bối cảnh hội nhập hiện nay. Theo đó, một số giá trị được củng cố và thích ứng với bối cảnh mới như: tinh thần yêu nước, đoàn kết, hiếu học, cần cù, ý chí vươn lên. Một số giá trị bị suy giảm như: tính cộng đồng, trọng nghĩa tình, đề cao lễ giáo, ... để nhường chỗ cho xu hướng cá nhân hóa, thực dụng, đặt cao lợi ích vật chất của một bộ phận người có quan điểm này trong xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, một số giá trị mới xuất hiện như: tính năng động, sáng tạo, cạnh tranh, ý thức pháp quyền, hội nhập, nhân quyền, ... Từ quan điểm về sự biến đổi hệ giá trị truyền thống, tác giả đã phân tích mặt tích cực và tiêu cực của sự biến đổi đó. Theo đó, các yếu tố tích cực được tác giả chỉ ra là: sự hình thành nên lớp người có tư duy toàn cầu, tinh thần hội nhập, có năng lực cạnh tranh cùng các giá trị về dân chủ, pháp quyền, sáng tạo được chú trọng hơn. Những yếu tố tiêu cực phát sinh trong sự biến đổi này là: nguy cơ lệch chuẩn về đạo đức với các biểu hiện như: gian dối, thực dụng, thiếu trách nhiệm; khoảng cách giàu nghèo, phân hóa vùng miền dẫn đến sự khác biệt trong hệ giá trị sống. Từ các nội dung nghiên cứu, tác giả khẳng định hội nhập quốc tế vừa là cơ hội, vừa là thách thức lớn đối với văn hóa Việt Nam. Việc biến đổi giá trị là tất yếu nhưng nhất thiết phải có sự định hướng để hình thành hệ giá trị hài hòa giữa truyền thống và hiện đại để sao cho vừa giữ được bản sắc dân tộc vừa đồng thời đáp ứng được chuẩn mực toàn cầu.

Lưu Minh Văn (2014), trong bài viết *Xây dựng hệ giá trị văn hóa trong đổi mới và hội nhập* [138], đã đưa ra khái niệm hệ giá trị văn hóa và vai trò của nó cùng việc đánh giá thực trạng hệ giá trị ở Việt Nam. Theo tác giả, hiện nay về hệ giá trị ở Việt Nam có nhiều mặt tích cực thể hiện ở việc một số giá trị truyền thống như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học, nghĩa tình vẫn giữ được vai trò quan trọng. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một số hạn chế như một số giá trị bị phai nhạt, trong xã hội xuất hiện một số biểu hiện của sự “lệch chuẩn” như: lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, thiếu trung thực, giảm sút ý thức cộng đồng, ... Đặc biệt, tác giả đã chỉ rằng có sự “va chạm” giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại dẫn đến mâu thuẫn trong lối sống của con người và đạo đức xã hội hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đã xác định nội dung cần xây dựng về hệ giá trị văn hóa trong giai đoạn mới như: Giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống: yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, hiếu học; Tiếp thu, bổ sung giá trị hiện đại: dân chủ, pháp quyền, sáng tạo, trách nhiệm, kỷ luật, hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường; Định hình giá trị con người Việt Nam mới: kết hợp hài hòa truyền thống

và hiện đại, hướng tới phát triển toàn diện. Từ đó, bài viết đề cập đến các giải pháp để thực hiện các nội dung này là: Giáo dục và đào tạo: coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, nâng cao ý thức pháp luật; Hoàn thiện thể chế, chính sách văn hóa: đưa hệ giá trị vào quy định pháp luật và chuẩn mực xã hội; Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: từ gia đình, nhà trường, cộng đồng đến xã hội; Phát huy vai trò truyền thông, văn học nghệ thuật trong lan tỏa giá trị; Tăng cường nghiên cứu và đo lường giá trị: có bộ tiêu chí đánh giá sự vận động của hệ giá trị văn hóa trong đời sống.

Với việc khẳng định giáo dục hệ giá trị trong bối cảnh hội nhập là nhiệm vụ chiến lược hướng đến xây dựng con người Việt Nam toàn diện trong bối cảnh hiện nay, Bùi Kim Đình (2015), trong bài viết *Giáo dục hệ giá trị trong bối cảnh hội nhập* [48], đã đưa ra và phân tích các vấn đề liên quan như: ý nghĩa của việc giáo dục, nội dung hệ giá trị cần giáo dục, thực trạng và thách thức và các giải pháp thực hiện. Theo đó, nội dung hệ giá trị cần giáo dục hiện nay vẫn luôn là sự song hành của hai yếu tố là giá trị truyền thống và giá trị hiện đại và đưa ra những giải pháp bao quát, toàn diện trên các lĩnh vực có tác động ảnh hưởng lớn đến con người bao gồm: giáo dục, môi trường giáo dục (gia đình, nhà trường, xã hội), truyền thông, xây dựng môi trường văn hóa và thể chế hóa hệ giá trị thành chuẩn mực trong luật pháp, chính sách.

Nguyễn Anh Tuấn (2017), trong bài viết *Các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế* [129], đã hệ thống hóa các giá trị văn hóa truyền thống thành các nhóm tiêu biểu là: yêu nước và ý thức cộng đồng; đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình; hiếu học, cần cù, sáng tạo; khoan dung, linh hoạt, thích ứng. Với việc phân tích bối cảnh và những vấn đề đặt ra, tác giả đã nêu những biến đổi của giá trị văn hóa truyền thống với hai biểu hiện tích cực và hạn chế. Ở mặt tích cực, tác giả cho rằng các giá trị văn hóa được củng cố trong điều kiện mới ví dụ tinh thần hiếu học gắn với công nghệ, khoa học, sáng tạo. Các giá trị truyền thống được mở rộng sang hợp tác quốc tế, từ cộng đồng quốc gia đến cộng đồng toàn cầu. Về hạn chế, theo tác giả một số giá trị bị phai nhạt do ảnh hưởng thực dụng, cá nhân cực đoan, lối sống tiêu thụ hay như xu hướng coi trọng vật chất hơn tinh thần, giảm sút ý chí cộng đồng, tính nhân ái ở một bộ phận người trong xã hội. Trước tình hình đó, bài viết đặt ra yêu cầu cần phát huy giá trị truyền thống trong bối cảnh hội nhập, theo đó cần kế thừa có chọn lọc để giữ lại những yếu tố cốt lõi, loại bỏ yếu tố lạc hậu, lỗi thời; phải kết hợp giữa truyền thống và hiện đại để phát triển giá trị cũ thành nguồn lực mới cho sự

nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập; giáo dục thế hệ trẻ qua việc truyền bá hệ giá trị ở trong nhà trường, gia đình và xã hội để thanh niên Việt Nam vừa hội nhập, vừa giữ bản sắc dân tộc; quan tâm xây dựng các chính sách văn hóa qua việc thể chế hóa việc giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống thành tiêu chí trong phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Đánh giá chung và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Kết quả đạt được

Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án được tổng quan trên đây cơ bản đã xây dựng nền tảng lý luận khá vững chắc về giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người. Có thể khái quát những nội dung nghiên cứu và giá trị của những công trình đó ở các khía cạnh cơ bản sau:

Các công trình nghiên cứu ngoài nước đã đưa ra khái niệm và các cách phân loại hệ thống giá trị cũng như tác động của hiện đại hóa và toàn cầu hóa đến giá trị truyền thống và vai trò của giá trị văn hóa trong phát triển con người và xã hội.

Ở trong nước, các kết quả trong nghiên cứu cho thấy:

Thứ nhất, các công trình đã khái quát được hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Mặc dù, việc nghiên cứu được tiến hành ở nhiều góc độ khác nhau, song hầu hết các tác giả đều khá nhất quán cho rằng, văn hóa Việt Nam được đúc rút từ ngàn đời đã tạo nên những giá trị cốt lõi. Các giá trị đó là: yêu nước, tự cường dân tộc; đoàn kết, cố kết cộng đồng; nhân ái, khoan dung, độ lượng; cần cù, dũng cảm; hiếu học, tôn sư trọng đạo; lòng biết ơn, tôn kính với người trên; giản dị, gần gũi, trọng tình. Đồng thời với việc xác định những giá trị văn hóa truyền thống cơ bản của dân tộc Việt Nam, các nghiên cứu cũng đã cơ bản khái quát được những chuẩn mực của con người Việt Nam như nhận định của Đảng ta là: Yêu nước; Đoàn kết; Nghĩa tình; Tự cường; Trung thực; Trách nhiệm; Kỷ cương; Sáng tạo.

Thứ hai, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra đặc trưng của giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam và vai trò của chúng trong quá trình phát triển thể hiện ở sự ảnh hưởng của các giá trị văn hóa truyền thống đến việc hình thành những chuẩn mực con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại, chỉ ra mối tương quan giữa những giá trị văn hóa truyền thống với những chuẩn mực con người Việt Nam.

Thứ ba, trong nghiên cứu đã có một số khảo sát thực tế về biến đổi giá trị và chuẩn mực trong bối cảnh hội nhập, sự tác động của giá trị văn hóa truyền thống dân tộc theo cả hai chiều (tích cực và hạn chế) đối với việc xây dựng hệ chuẩn mực con người Việt Nam, đề xuất một số giải pháp/định hướng nhằm tiếp

tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống dân tộc vào xây dựng hệ chuẩn mực con người Việt Nam.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, đến nay chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu bàn đến thực trạng của việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay với những yêu cầu như: đưa ra được mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống với chuẩn mực con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại; xác định thực trạng việc kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống đối với việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam qua những kết quả đạt được và những khó khăn, thách thức trong việc kế thừa; một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực của giá trị văn hóa truyền thống đến việc xây dựng con người Việt Nam với những chuẩn mực tiêu biểu trong giai đoạn hiện nay.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận án, chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề được xem là khoảng trống trong nghiên cứu và cũng chính là vấn đề được đặt ra để tiếp tục nghiên cứu thấu đáo và làm sáng tỏ thêm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về tính hệ thống trong nghiên cứu mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người, tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào việc khảo sát, mô tả các giá trị văn hóa truyền thống hoặc nghiên cứu riêng rẽ về chuẩn mực con người. Hầu như chưa có công trình nào đi sâu phân tích một cách hệ thống, toàn diện mối quan hệ biện chứng giữa giá trị văn hóa truyền thống với việc hình thành và phát triển chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Do vậy, luận án cần nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện mối quan hệ này từ góc độ triết học, làm rõ bản chất, cấu trúc, cơ chế tác động và các điều kiện, yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển hóa giá trị văn hóa truyền thống thành chuẩn mực hành vi, nhân cách của con người Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, về phương pháp tiếp cận tích hợp, hầu hết các nghiên cứu hiện có thường tách rời việc nghiên cứu giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng chuẩn mực con người thành hai đối tượng độc lập, chưa có cách tiếp cận tích hợp xem xét hai hiện tượng này trong mối liên hệ hữu cơ với nhau. Một số công trình nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống nhưng không đề cập đến vấn đề xây dựng chuẩn mực con người; ngược lại, các nghiên cứu về chuẩn mực con người lại chưa được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với nền tảng văn hóa truyền thống dân tộc.

Vì thế, trong giải quyết nhiệm vụ của luận án cần có cách tiếp cận tích hợp, xem xét giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người trong mối liên hệ biện chứng với nhau; coi giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng bản thể, là nguồn lực nội sinh, là cơ sở giá trị và chuẩn tắc cho việc xây dựng chuẩn mực con người, đồng thời quá trình xây dựng chuẩn mực con người cũng là quá trình kế thừa, bảo tồn và phát huy sáng tạo giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ ba, về nghiên cứu thực trạng, các nghiên cứu về thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người hiện nay về cơ bản ít dữ liệu thực chứng, các nghiên cứu thực trạng hiện có chủ yếu là định tính, đặc biệt, các nghiên cứu chưa phân tích sâu sắc những biểu hiện cụ thể của việc vận dụng (hoặc không vận dụng) giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống hàng ngày, trong các lĩnh vực cụ thể (gia đình, nhà trường, cơ quan, cộng đồng, trên không gian mạng). Luận án cần tiến hành nghiên cứu thực trạng một cách có hệ thống, kết hợp đa dạng các phương pháp nghiên cứu và việc sử dụng dữ liệu để có được bức tranh toàn diện, chính xác về thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam giai đoạn từ năm 1996 đến nay, đặc biệt là 10-15 năm gần đây - vốn đang là một trong những “khoảng trống” nghiên cứu.

Thứ tư, về tính khả thi của hệ thống giải pháp, các giải pháp tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người được đề xuất trong các công trình hiện có còn nặng về định tính, chung chung, chưa xây dựng được khung giải pháp đồng bộ, toàn diện với các tiêu chí cụ thể, các chủ thể rõ ràng và lộ trình triển khai khả thi. Việc cần làm là luận án cần tiếp tục nghiên cứu để đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện, được phân loại khoa học theo các nhóm (nâng cao nhận thức và định hướng giá trị; phát huy vai trò của các chủ thể; đổi mới phương pháp; xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh), mỗi giải pháp cần được cụ thể hóa bằng các nội dung, biện pháp, chủ thể, nguồn lực, lộ trình và tiêu chí đánh giá rõ ràng, bảo đảm tính khả thi cao, phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay.

Thứ năm, về việc khai thác lý thuyết quốc tế, các công trình nghiên cứu trong nước chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, nhưng chưa khai thác đầy đủ các lý thuyết hiện đại về phát triển con người, về giá trị văn hóa, về vốn văn hóa... đang được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trên thế giới để đối chiếu, so sánh, làm phong phú thêm cơ sở lý luận và rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị cho thực

tiền Việt Nam. Cụ thể, các lý thuyết như: Lý thuyết phát triển con người (Human Development Theory) của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) với các chỉ số đo lường phát triển con người; Lý thuyết về giá trị văn hóa (Cultural Values Theory) của Geert Hofstede, Shalom Schwartz về các chiều kích văn hóa và hệ thống giá trị; Lý thuyết về vốn văn hóa (Cultural Capital Theory) của Pierre Bourdieu về vai trò của văn hóa trong tái sản xuất xã hội; Bộ chỉ số văn hóa cho phát triển (Culture for Development Indicators - CDIS) của UNESCO... đều có những đóng góp quan trọng cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển con người, nhưng chưa được các nhà nghiên cứu trong nước khai thác một cách có hệ thống.

Ngoài ra, kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc kết hợp giữa kế thừa truyền thống văn hóa và xây dựng chuẩn mực con người hiện đại cũng chưa được nghiên cứu, phân tích để rút ra bài học, như: mô hình giáo dục đạo đức kết hợp truyền thống và hiện đại của Nhật Bản; chương trình giáo dục nhân tính (Character Education) của Hàn Quốc; kinh nghiệm xây dựng hệ giá trị cốt lõi quốc gia của Singapore; chính sách phục hưng văn hóa truyền thống trong thời đại mới của Trung Quốc... Việc nghiên cứu những kinh nghiệm này sẽ giúp Việt Nam có thêm những tham chiếu quý giá, tránh được những sai lầm và tìm ra con đường phát triển phù hợp với đặc điểm riêng của mình.

Do vậy, luận án cần nghiên cứu, phân tích các lý thuyết quốc tế hiện đại về phát triển con người và văn hóa, đồng thời tìm hiểu kinh nghiệm của các nước có nền văn hóa tương đồng hoặc có những bài học quý báu trong việc kết hợp truyền thống và hiện đại, từ đó rút ra những luận cứ lý thuyết và bài học thực tiễn có giá trị, góp phần làm phong phú cơ sở khoa học cho việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam, vừa đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc, vừa hội nhập với xu thế phát triển chung của thời đại.

Tóm lại, từ tiếp cận triết học, với phương pháp luận biện chứng duy vật và duy vật lịch sử, luận án tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề nêu trên thông qua việc:

- Xây dựng khung lý thuyết tích hợp về mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, làm rõ chủ thể, nội dung và phương pháp vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

- Phân tích thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam (tập trung vào giai đoạn từ năm 1996 đến nay) chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Tiểu kết Chương 1

Giá trị văn hóa truyền thống cùng những chuẩn mực con người Việt Nam là vấn đề được nghiên cứu từ lâu và khá rộng khắp trong các công trình lý luận với số lượng khá lớn ở các góc độ tiếp cận khác nhau. Theo cách tiếp cận được xác định từ mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án, tác giả luận án đã tổng quan các tài liệu nghiên cứu cả trong và ngoài nước theo các nội dung sau:

Một là, các công trình nghiên cứu lý luận về giá trị, giá trị văn hóa truyền thống, chuẩn mực con người;

Hai là, nghiên cứu về chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Ba là, nghiên cứu về định hướng, giải pháp nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới.

Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án được tổng quan trên đây cơ bản đã xây dựng nền tảng lý luận khá vững chắc về giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người. Các kết quả nghiên cứu trên sẽ là nguồn tư liệu quý để tác giả luận án có những luận cứ cụ thể và xác đáng để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu mà luận án đã đặt ra.

Qua khảo sát cho thấy, đến nay mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu về giá trị văn hóa truyền thống, về chuẩn mực con người Việt Nam khá nhiều, song ở cách tiếp cận triết học về vấn đề giá trị văn hóa truyền thống đối với việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay thì hầu như chưa có công trình đủ chuyên sâu nào. Do đó, việc nghiên cứu lý luận chuyên sâu, phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống nhằm xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới là vấn đề cần thiết đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu hơn. Đây cũng là vấn đề được xác định là “khoảng trống” trong nghiên cứu sau khi tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan và điểm “mở” cho luận án tiếp tục triển khai.

CHƯƠNG 2

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Văn hóa và giá trị văn hóa

Văn hóa

Theo định nghĩa được xem là kinh điển đầu tiên đặt nền móng cho nhân học văn hóa hiện đại, do Edward B. Tylor đưa ra trong cuốn *Primitive Culture* (Văn hóa nguyên thủy), thì văn hóa là “một chỉnh thể phức hợp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, cùng mọi khả năng và thói quen khác mà con người có được với tư cách là thành viên của xã hội” [179, tr.1].

Theo tiếp cận của UNESCO trong Tuyên bố Mexico về chính sách văn hóa, thì “Văn hóa là toàn bộ những đặc trưng tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc tạo nên bản sắc của một xã hội hay một nhóm xã hội. Nó bao gồm không chỉ nghệ thuật và văn học mà còn lối sống, cách sống chung, hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng” [184]. Với quan điểm này, UNESCO đã mở rộng khái niệm văn hóa từ phạm vi nghệ thuật sang mọi lĩnh vực của đời sống con người, nhấn mạnh vai trò của giá trị, niềm tin, lối sống và bản sắc dân tộc.

Cũng theo UNESCO, “Văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật mà còn cả phong cách sống, phương pháp chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin” [187, tr.9].

Trên cơ sở đó, khung thống kê văn hóa UNESCO – kết quả của sự hợp tác giữa Viện Thống kê UNESCO và Bộ phận văn hóa UNESCO (như là công cụ để tổ chức, sắp xếp số liệu thống kê ở cả cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, là cơ sở để thu thập và phổ biến các thống kê văn hóa và phản ánh trên phạm vi rộng nhất có thể các hoạt động liên quan đến sản xuất, phổ biến và sử dụng văn hóa) đã định nghĩa về các lĩnh vực văn hóa là “một tập hợp chung các hoạt động kinh tế (như sản xuất hàng hóa và dịch vụ) và xã hội (như sự tham gia vào các hoạt động văn hóa) mà theo truyền thống được cho là văn hóa” [187, tr.9].

Khái niệm văn hóa được sử dụng để sửa đổi Khung thống kê văn hóa theo cách tiếp cận từ định nghĩa về văn hóa trong Tuyên bố toàn cầu về Đa dạng văn hóa của UNESCO, theo đó: “Văn hoá được coi là hệ thống các đặc điểm về tinh

thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc của xã hội hay một nhóm người trong xã hội và văn hóa bao gồm nghệ thuật, văn học, phong cách sống, cách thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng” [Dẫn theo 187, tr.18].

Raymond Williams coi văn hóa không chỉ là nghệ thuật mà là toàn bộ hoạt động sống hàng ngày của con người – là cách họ suy nghĩ, giao tiếp và tổ chức xã hội. Trong cuốn sách *Culture and Society* (Văn hóa và xã hội), ông cho rằng “Văn hóa là điều bình thường: tức là, văn hóa là toàn bộ cách sống của một dân tộc” [177, tr.18].

Tác giả Clifford Geertz đã đưa ra định nghĩa về văn hóa trong cuốn sách *The Interpretation of Cultures* (Sự giải thích về văn hóa) là: “Văn hóa là hệ thống các quan niệm được truyền lại, thể hiện qua các hình thức biểu tượng, nhờ đó con người truyền đạt, duy trì và phát triển tri thức cũng như thái độ của mình đối với cuộc sống” [171, tr.89.]. Văn hóa ở đây được hiểu là hệ thống ý nghĩa, là cách con người diễn giải về thế giới.

Talcott Parsons trong cuốn sách *The Social System* (Hệ thống xã hội) cho rằng: “Văn hóa là hệ thống giá trị và biểu tượng cung cấp ý nghĩa và định hướng cho hành động xã hội” [174, tr.37].

Với các nhà nghiên cứu Việt Nam, khái niệm văn hóa được đưa ra trong nhiều bối cảnh và với các cách tiếp cận khác nhau, một trong những quan niệm điển hình là của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người cho rằng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương pháp sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương pháp sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [63, tr.458]. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về văn hóa cho thấy, văn hóa được xem là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần của con người, do con người sáng tạo ra và thụ hưởng các giá trị văn hóa đó. Tác giả Trần Văn Giàu cho rằng “Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người Việt Nam sáng tạo nên trong lịch sử dân tộc” [54, tr.20].

Tiếp nối cách tiếp cận của UNESCO, tác giả Phạm Minh Hạc đã nhận định: “Văn hóa là toàn bộ những giá trị do con người sáng tạo ra trong lịch sử,

bao gồm cả vật chất và tinh thần, nhằm phục vụ đời sống con người và xã hội” [57, tr.27].

Tổng hợp các quan điểm trên thế giới và Việt Nam về văn hóa có thể khái quát các quan niệm tiêu biểu như sau:

| Cách tiếp cận | Tác giả/ tổ chức | Nội dung chính | Quan điểm đặc trưng |
|-------------------------------|---|--|---|
| Nhân học – xã hội học cổ điển | Edward B. Tylor | Văn hóa là chỉnh thể phức hợp vật chất và tinh thần | Toàn diện, phổ quát, coi văn hóa là sản phẩm xã hội |
| Tổ chức quốc tế (UNESCO) | UNESCO (1982, 2009) | Văn hóa là đặc trưng của xã hội, bao gồm giá trị, lối sống, niềm tin | Gắn với phát triển bền vững, nhân quyền, bản sắc |
| Văn hóa học xã hội | Raymond Williams | Văn hóa là cách sống của cộng đồng | Gắn với đời sống thường ngày, quan hệ xã hội |
| Nhân học biểu trưng | Clifford Geertz | Văn hóa là hệ thống ý nghĩa, biểu tượng | Nhấn mạnh tính biểu đạt và diễn giải |
| Cấu trúc – chức năng học | Talcott Parsons | Văn hóa là hệ thống giá trị định hướng hành vi | Coi văn hóa là yếu tố duy trì trật tự xã hội |
| Truyền thống Việt Nam | Hồ Chí Minh, Trần Văn Giàu, Phạm Minh Hạc | Văn hóa là nền tảng tinh thần, là tổng hòa giá trị dân tộc, vừa là sản phẩm vừa là động lực phát triển | Mang bản sắc dân tộc, gắn với con người, đạo đức và phát triển xã hội |

Sự tồn tại của các quan điểm trên cho thấy, văn hóa được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như: nhân học, xã hội học, v.v. với các nhà tư tưởng phương Tây nhấn mạnh tính hệ thống, cấu trúc và biểu tượng về văn hóa, UNESCO coi văn hóa là nền tảng phát triển xã hội thì các nhà tư tưởng Việt Nam xem văn hóa là nền tảng tinh thần, là sức mạnh nội sinh và là động lực cho sự phát triển con người Việt Nam thời kỳ mới. Tuy vậy, điểm chung trong các quan điểm này ở chỗ đều coi văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo, là nền tảng và động lực của phát triển xã hội và đây cũng là góc độ quan điểm về văn hóa được tác giả tiếp cận và sử dụng trong luận án này.

Giá trị

Thuật ngữ “giá trị” được bắt nguồn từ chữ Valere trong tiếng La-tinh có nghĩa là “khỏe mạnh, đáng giá, tốt”. Giá trị là khái niệm của nhiều môn khoa học khác nhau như: kinh tế, đạo đức, khoa học, pháp lý, xã hội, văn hóa, toán học, ... tùy vào cách tiếp cận khác nhau của mỗi khoa học.

Milton Rokeach trong *The Nature of Human Values* quan niệm: “Giá trị là một niềm tin lâu dài cho rằng một trạng thái hành vi hay mục tiêu tồn tại cụ thể là tốt hơn, đáng mong muốn hơn so với điều đối lập. Các giá trị hình thành hệ thống định hướng hành vi và thái độ của con người” [173, tr.5].

Talcott Parsons cho rằng: “Giá trị là chuẩn mực định hướng hành vi xã hội, giúp duy trì trật tự và ổn định xã hội. Các giá trị đóng vai trò như hệ thống định hướng chung cho các cá nhân trong xã hội” [174, tr.36-39].

Hiện nay, vẫn đang tồn tại nhiều quan điểm về giá trị, do đó cũng có nhiều định nghĩa về giá trị được đưa ra. Một số quan điểm cơ bản về giá trị được biết đến trong nghiên cứu như: Giá trị (value) là những quan niệm thầm kín hay bộc lộ về các điều ao ước riêng của cá nhân hay nhóm người. Những quan niệm ấy chi phối sự lựa chọn các phương pháp, phương tiện và mục tiêu của hành động. Ở góc độ khác, có quan điểm cho rằng, giá trị như một điều đáng mong muốn, một mục tiêu xuyên suốt quốc gia khác nhau về tầm quan trọng, đóng vai trò như một nguyên tắc hướng dẫn cuộc sống của con người hay một thực thể xã hội. Về cơ bản, các quan điểm đều thống nhất ở chỗ coi giá trị là những gì được con người cho là quan trọng, có ý nghĩa với cuộc sống và có vai trò như mục tiêu vẫy gọi, định hướng, đồng thời là động lực thúc đẩy hành vi của con người trong các tình huống khác nhau của cuộc sống. Nói đến giá trị, cũng có cách hiểu cho rằng tự trong bản thân mỗi con người đã mang những giá trị riêng biệt, giá trị đó thể hiện qua nhân cách, hành vi ứng xử ở trong các môi trường, tình huống khác nhau của con người, giá trị của con người còn nằm trong sự lương thiện của tâm hồn, tính có ích đối với xã hội của con người đó và tính hướng thiện... Theo cách hiểu rộng hơn, giá trị được coi là một phạm trù chỉ tính có ý nghĩa, có ích của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và có khả năng làm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của con người.

Tác giả Võ Khánh Vinh trong nghiên cứu về hệ giá trị quốc gia cho rằng: “Giá trị là tổng thể các sự vật tự nhiên và xã hội (đồ vật, hiện tượng, quá trình, tư

tương, hiểu biết, mẫu mực, mô hình, tiêu chuẩn và sự vật khác), quyết định hoạt động sống của con người, xã hội trong mức độ tương xứng của các quy luật phát triển khách quan với các mục tiêu, kết quả mà mọi người mong đợi. Giá trị tồn tại, phát triển, tác động, chịu sự tác động như một hệ thống” [143, tr.652].

Tác giả Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Giá trị là những đánh giá của con người về các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái đó là cần, là tốt, là hay, là đẹp hay đó chính là cái mà con người cho là chân, thiện, mỹ giúp khẳng định và nâng cao bản chất người. Một khi những nhận thức giá trị ấy đã hình thành và định hình thì nó chi phối cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người” [118, tr.39].

Cùng quan điểm cho rằng giá trị là hướng tới những điều tốt đẹp, tác giả Phạm Duy Đức cho rằng: “Giá trị là tất cả những gì mang lại ý nghĩa cho cá nhân và xã hội, được xã hội thừa nhận, trở thành điểm tựa tinh thần, được con người khao khát hướng tới và hành động theo” [50, tr.42]. Theo quan điểm này, ý nghĩa mà giá trị mang lại cho cá nhân là những gì mà con người khao khát hướng tới, là điểm tựa tinh thần của con người và đồng thời là cơ sở để con người hành động theo. Tất nhiên, trong thực tế, mỗi cá nhân con con người có khao khát riêng, nguyện vọng riêng nhưng đối với một cộng đồng xã hội, một quốc gia hay trên bình diện quốc tế luôn tồn tại những giá trị nền tảng được đại đa số thành viên thừa nhận, khao khát, hướng tới và có xu hướng của sự tồn tại bền vững.

Nói chung, có thể hiểu, giá trị là tổng thể các sự vật tự nhiên và xã hội quyết định đến cuộc sống của con người, xã hội trong mức độ tương xứng của các quy luật phát triển khách quan với các mục tiêu, kết quả mà con người mong đợi. Nhìn chung, các quan niệm đều thống nhất coi giá trị là “hệ thống những đánh giá tích cực của con người về các hiện tượng tự nhiên, xã hội hay tư duy theo hướng những gì là cần, là tốt, là hay, là đẹp, hay đó chính là những giá trị chân, thiện, mỹ giúp khẳng định và nâng cao bản chất người” [125, tr.25].

Trong luận án này, chúng tôi hiểu giá trị là những gì tốt đẹp, thiêng liêng và cao quý, nó làm cơ sở, nền tảng cho con người xây dựng xã hội tiến bộ, văn minh và nó được hiện thực hóa thông qua những giá trị chuẩn mực của con người. Khái niệm giá trị được chúng tôi sử dụng trong luận án này theo tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn, theo đó giá trị là “*Những mặt tích cực, mặt chính diện,*

nghĩa là bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và nỗ lực vươn tới” [20, tr.17]. Tất nhiên, khi nhận định hay đánh giá về tính giá trị cần phải đặt trong một bối cảnh, trong mối quan hệ không gian, thời gian và chủ thể giá trị bởi vì giá trị cũng như chân lý phải được diễn giải trong những không gian xã hội và lịch sử cụ thể.

Giá trị văn hóa

UNESCO đã đưa ra quan niệm: “Giá trị văn hoá là nền tảng của đa dạng văn hoá, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, nhân quyền và đối thoại giữa các nền văn minh. Bảo tồn giá trị văn hoá là điều kiện để duy trì bản sắc và tính nhân văn của phát triển” [185, tr.7].

Tác giả Trần Văn Giàu cho rằng: “Giá trị văn hoá là những phẩm chất tinh thần, đạo đức, trí tuệ, lối sống, nhân cách, tinh thần yêu nước... được hình thành, gìn giữ và phát triển qua lịch sử dân tộc; là nền tảng tạo nên sức mạnh và bản sắc Việt Nam” [54, tr.25-30].

Tác giả Phạm Minh Hạc nhấn mạnh: “Giá trị văn hoá là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy, phản ánh trình độ phát triển của xã hội; là thước đo con người và động lực của phát triển” [57, tr.35].

Trong nghiên cứu về con người và phát triển con người ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn cho rằng “Giá trị văn hoá là biểu hiện tập trung của bản chất con người trong các hoạt động sáng tạo xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa cái thiện, cái đẹp, cái đúng, cái có ích” [23, tr.6].

Mở rộng hơn về khái niệm này, tác giả Lương Đình Hải cho rằng: “Hệ giá trị văn hoá Việt Nam là hệ thống những giá trị bền vững, mang tính định hướng, kết tinh từ truyền thống và được phát triển trong thời kỳ hội nhập; là nền tảng cho chuẩn mực con người Việt Nam mới” [60, tr.238-239].

Với các cách tiếp cận khác nhau, các tác giả đã đưa ra quan điểm về giá trị văn hóa khá đa dạng, song điểm chung của họ là đều xem giá trị văn hóa là yếu tố trung tâm của đời sống xã hội, nó vừa mang tính ổn định, vừa mang tính vận động (thúc đẩy xã hội, con người phát triển). Đây cũng là cách tiếp cận của luận án về giá trị văn hóa. Qua các nghiên cứu cho thấy giá trị văn hóa có đặc điểm nổi bật là tính kết tinh lịch sử. Giá trị văn hóa không được tạo ra trong một thời điểm ngắn ngủi, mà là sản phẩm của quá trình lịch sử lâu dài, qua nhiều thế hệ,

được kiểm nghiệm bởi thực tiễn sống của cộng đồng. Những giá trị nào đáp ứng tốt cho sự sống còn và phát triển của cộng đồng sẽ được lựa chọn, củng cố và truyền thừa; những giá trị nào không phù hợp sẽ dần bị đào thải hoặc biến đổi. Tính truyền thừa giá trị văn hóa (cultural transmission) diễn ra thông qua nhiều kênh: giáo dục trong gia đình; giáo dục ở nhà trường, môi trường xã hội; các loại hình văn hóa, văn nghệ, hệ thống pháp luật và chính sách.

Từ các cách tiếp cận và quan điểm trên có thể rút ra khái niệm chung về giá trị văn hóa như sau: *Giá trị văn hóa là tất cả những gì có ý nghĩa lớn lao, lâu dài đối đời sống và hoạt động của con người đã được bao thế hệ người chung cất bằng lao động sáng tạo, được kết tinh lại trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, được xã hội thừa nhận thông qua sự đồng thuận và thực hành rộng rãi, đồng thời được truyền thừa qua các thế hệ thông qua nhiều kênh giáo dục và xã hội hóa khác nhau.* Đây cũng là quan điểm về giá trị văn hóa được chúng tôi tiếp cận và sử dụng trong nghiên cứu để giải quyết các vấn đề liên quan trong luận án.

2.1.2. Giá trị truyền thống và giá trị văn hóa truyền thống

Giá trị truyền thống

Theo UNESCO, giá trị truyền thống là “di sản sống của các cộng đồng, thể hiện trong phong tục, nghệ thuật, tín ngưỡng, đạo đức, lối sống... Cần được bảo tồn như nguồn lực phát triển bền vững” [186, tr.2-3].

Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam rất phong phú và đa dạng, hệ thống giá trị đó có ảnh hưởng và tác động đến đời sống của cá nhân và cộng đồng người Việt Nam một cách tổng hòa, toàn bộ và góp phần hình thành văn hóa cá nhân và văn hóa cộng đồng Việt Nam. Một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã đưa ra quan niệm về giá trị truyền thống như:

Trần Văn Giàu cho rằng: “Giá trị truyền thống là những giá trị tinh thần bền vững được hình thành, củng cố và phát huy qua lịch sử, như: yêu nước, nhân nghĩa, cần cù, đoàn kết, anh hùng, sáng tạo. Đây là nguồn sức mạnh nội sinh giúp dân tộc Việt Nam vượt qua thử thách” [54, tr.31-38]. Quan niệm của Phạm Minh Hạc cho rằng: “Giá trị truyền thống là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc, là điểm tựa văn hoá và nguồn lực tinh thần cho đổi mới và phát triển” [57, tr.42]. Tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn thì cho rằng: “Giá trị truyền thống là kết tinh tinh thần dân tộc trong quá trình lịch sử, là hệ giá trị nền tảng định hình nhân cách, lối sống và đạo đức của con người Việt Nam” [23, tr.6].

Nhìn chung, các quan điểm này có điểm chung là đều thống nhất cho rằng giá trị truyền thống là những giá trị tinh thần bền vững được hình thành trong lịch sử, phản ánh bản sắc, đạo đức và sức sống của cộng đồng dân tộc. Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu và từ cách tiếp cận triết học, trong luận án này, chúng tôi hiểu hệ giá trị truyền thống là *các giá trị tốt đẹp được hình thành, kế thừa và trao truyền trong lịch sử dân tộc Việt Nam cho đến ngày nay, hệ thống các giá trị đó có ảnh hưởng, tác động đến hoạt động sống của con người Việt Nam, kể cả đến sự hình thành và phát triển nhân cách, chuẩn mực con người Việt Nam.*

Giá trị văn hóa truyền thống

Giá trị văn hóa truyền thống là *bộ phận cốt lõi* của giá trị văn hóa và là “linh hồn” của giá trị truyền thống, đã tồn tại và được truyền thừa qua nhiều thế hệ, mang đặc trưng bản sắc của dân tộc, được xem như “linh hồn”, “gốc rễ” của văn hóa dân tộc.

UNESCO cho rằng: “Giá trị văn hóa truyền thống là di sản phi vật thể sống, bao gồm phong tục, tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghệ thuật dân tộc... có vai trò kết nối cộng đồng và thúc đẩy phát triển bền vững” [186, tr.2-3].

Hầu hết các nhà nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam đều cho rằng giá trị văn hóa truyền thống là những giá trị được hình thành và củng cố qua lịch sử lâu dài, phản ánh bản sắc của cộng đồng, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có khả năng thích nghi và tái tạo trong bối cảnh mới; có thể nêu ra một số quan điểm cụ thể về giá trị văn hóa truyền thống sau đây:

Tác giả Trần Văn Giàu khẳng định: “Giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam là hệ thống những phẩm chất tinh thần quý báu được hình thành và hun đúc qua lịch sử dân tộc như yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; đây là sức mạnh nội sinh và nền tảng phát triển bền vững của dân tộc” [54, tr.31-38]. Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “Giá trị văn hóa truyền thống là những giá trị vật chất và tinh thần tích lũy qua lịch sử, phản ánh bản sắc và nhân cách con người Việt Nam; cần được phát huy sáng tạo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [57, tr.42-44]. Tác giả Nguyễn Anh Tuấn cho rằng: giá trị văn hóa truyền thống là “tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do dân tộc sáng tạo và tích lũy, có khả năng thích ứng và biến đổi trong điều kiện hội nhập quốc tế” [xem 129, tr.82-90]. Trong luận án này, chúng tôi tiếp cận khái niệm giá trị văn hóa truyền thống theo quan điểm của tác giả Trần Văn Giàu đã nêu trên, với nội hàm cơ bản là: Giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam là một hệ thống có cấu trúc bên trong, có sự kế

thừa, bổ sung, phát triển theo lịch sử; Là những phẩm chất tinh thần quý báu mang tính chuẩn mực (định hướng hành vi) và giá trị (được xã hội thừa nhận); Được hình thành và hun đúc qua lịch sử dân tộc: các giá trị này không tự nhiên mà có, chúng được tạo dựng qua quá trình dựng nước và giữ nước, quá trình lao động, sinh tồn của con người và quá trình tiếp biến văn hóa của dân tộc Việt. Sự tích lũy lâu dài cùng với quá trình sàng lọc, thử thách của lịch sử tạo nên yếu tố được “hun đúc” của giá trị văn hóa truyền thống; Nội dung cốt lõi của giá trị văn hóa truyền thống là: yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; Giá trị văn hóa truyền thống là sức mạnh nội sinh của dân tộc; Là nền tảng cho phát triển bền vững xã hội với các yếu tố kinh tế, văn hóa, tư tưởng và cả con người.

Tuy nhiên, giá trị văn hóa truyền thống không phải là cái gì đó cố định, bất biến, mà có hai đặc tính biện chứng quan trọng là: tính bền vững tương đối và khả năng thích ứng, biến đổi.

Thứ nhất, xét về tính bền vững tương đối của giá trị văn hóa truyền thống được thể hiện qua khả năng tồn tại xuyên suốt qua nhiều giai đoạn lịch sử, vượt qua những biến đổi kinh tế - xã hội - chính trị, vẫn giữ được vị trí là kim chỉ nam cho hành vi và đời sống tinh thần của cộng đồng. Tính chất này của giá trị văn hóa truyền thống được hình thành là do: giá trị văn hóa truyền thống hình thành gắn với những nhu cầu căn bản, lâu dài của con người và cộng đồng; được kiểm nghiệm qua thực tiễn lịch sử lâu dài; được thể chế hóa sâu rộng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và qua quá trình giáo dục và truyền thừa liên tục của các thế hệ người trong cộng đồng xã hội làm cho làm cho giá trị văn hóa truyền thống được nội hóa sâu vào nhận thức, tình cảm và thói quen của mỗi cá nhân ngay từ khi còn nhỏ, trở thành một phần của bản sắc văn hóa (cultural identity) của cá nhân và cộng đồng.

Thứ hai, về khả năng thích ứng, biến đổi của giá trị văn hóa truyền thống, tức là sự ổn định tương đối của nó. Giá trị văn hóa truyền thống, mặc dù có tính ổn định cao song vẫn luôn có khả năng thích ứng và biến đổi (adaptability and transformation) để phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Đây là điều kiện tất yếu để giá trị văn hóa truyền thống không trở nên cứng nhắc, lạc hậu, mà vẫn giữ được sức sống và ý nghĩa trong bối cảnh hiện đại. Khả năng thích ứng này thể hiện qua: sự điều chỉnh về hình thức thể hiện; sự tái diễn giải ý nghĩa; sự bổ sung giá trị mới và sự loại bỏ yếu tố lạc hậu.

Như vậy, *giá trị văn hóa truyền thống là những ý nghĩa tinh thần được kết tinh qua lịch sử, được xã hội thừa nhận và truyền thừa, vừa có tính bền vững*

tương đối, vừa có khả năng thích ứng và biến đổi. Việc nhận thức đúng đắn về bản chất và đặc điểm của giá trị văn hóa truyền thống là tiền đề quan trọng để xác định chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trên nền tảng kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Xét về nội hàm khái niệm, “giá trị truyền thống” là khái niệm bao quát, phản ánh toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần được hình thành, lưu truyền trong lịch sử dân tộc còn “giá trị văn hóa truyền thống” được xem là bộ phận cốt lõi, là tinh hoa, mang tính tinh thần và biểu tượng cao, phản ánh bản sắc, nhân cách, lối sống và đạo lý của dân tộc. Hai khái niệm này có quan hệ bao hàm nhau trong đó giá trị văn hóa truyền thống là hạt nhân tinh thần của giá trị truyền thống, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc và định hướng sự hình thành, phát triển chuẩn mực con người Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Theo đó, những nội dung cơ bản của giá trị văn hóa truyền thống được tiếp cận và nghiên cứu ở luận án này là: *Chủ nghĩa yêu nước; Tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, ý chí tự lực, tự cường; Tinh thần khoan dung, độ lượng; Cần cù, dũng cảm, ...*

2.1.3. Chuẩn mực con người Việt Nam và xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

Chuẩn mực

Chuẩn mực là khái niệm có nguồn gốc từ tiếng La tinh nghĩa là quy tắc, cái cần phải theo. Một số nghiên cứu đã đưa ra các quan điểm về chuẩn mực như: “Chuẩn mực được hiểu là những quy ước chung của cả cộng đồng hay một nhóm hạn hẹp, có thể công khai hoặc ngầm ẩn, buộc các thành viên phải tuân thủ trong mọi hành vi ứng xử” [Dẫn theo 137, tr.37]. Chuẩn mực có thể được hiểu là hành vi đúng đắn, là những gì được coi như đáng mong muốn, là kỳ vọng về hành vi được mọi người chia sẻ và lan tỏa trong cộng đồng. Khái niệm chuẩn mực thường được dùng để chỉ các hành vi xã hội, hành động, chuẩn mực đạo đức của con người.

Chuẩn mực (norm) là những quy tắc, tiêu chí hành vi được xã hội thừa nhận và mong đợi ở các thành viên. Chuẩn mực con người bao gồm toàn bộ những phẩm chất, năng lực, hành vi phù hợp với yêu cầu của cộng đồng ở từng giai đoạn lịch sử. Trong quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống tốt đẹp và các giá trị hiện đại, hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong luận án này, chúng tôi tiếp cận khái niệm chuẩn mực theo tác giả Lê Ngọc Văn: “*Chuẩn mực là những quy ước chung được sự đồng thuận, tán thành của cả cộng đồng hay một nhóm nhỏ, điều tiết thái độ, hành vi ứng xử, hành động của con người, tồn tại dưới hình thức công khai hoặc ngầm ẩn, buộc tất cả mọi người phải thực hiện hoặc nên thực hiện*” [136, tr.38]. Theo đó, tùy vào mức độ, phạm vi ảnh hưởng có thể chia chuẩn mực thành hệ thống chuẩn mực chung của toàn xã hội hoặc chuẩn mực của một nhóm xã hội. Hoặc căn cứ vào hình thức tồn tại “thành văn” hoặc “bất thành văn” có thể chia thành chuẩn mực đạo đức - bất thành văn và chuẩn mực pháp lý - thành văn.

Chuẩn mực con người Việt Nam

Chuẩn mực con người Việt Nam được hiểu là chuẩn mực con người nói chung nhưng mang đặc trưng/ bản sắc văn hóa của con người Việt Nam. Dựa trên khái niệm về chuẩn mực nêu trên thì “*chuẩn mực con người Việt Nam là những quy ước chung về những điều, những việc phải làm hoặc nên làm, tồn tại dưới hình thức công khai hoặc ngầm ẩn, được người Việt Nam đồng thuận, tán thành, để điều tiết thái độ, hành vi, hành động của con người trong giao tiếp, ứng xử, phù hợp với văn hóa, pháp luật Việt Nam, tinh hoa văn hóa, luật pháp quốc tế*” [137, tr.43].

Một số quan niệm trong nghiên cứu ở Việt Nam về chuẩn mực con người Việt Nam có thể kể ra như: tác giả Lương Đình Hải cho rằng: “Chuẩn mực con người Việt Nam là hệ thống tiêu chí phản ánh lý tưởng, phẩm chất và hành vi của con người Việt Nam mới, được hình thành trên nền tảng hệ giá trị quốc gia và văn hoá dân tộc” [60, tr.238]. Tác giả Nguyễn Tuấn Anh cho rằng: “Chuẩn mực con người Việt Nam là sự cụ thể hóa hệ giá trị văn hoá dân tộc trong hành vi, lối sống và năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội; là kết quả của quá trình kế thừa và sáng tạo giá trị truyền thống” [3, tr.63] hay tác giả Đặng Thị Lan đưa ra quan niệm về chuẩn mực con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế là “sự kết hợp hài hoà giữa các giá trị truyền thống (yêu nước, nhân ái, trách nhiệm) và giá trị hiện đại (sáng tạo, kỷ cương, hội nhập)” [81, tr.95].

Trong luận án này, chúng tôi sử dụng quan niệm: *Chuẩn mực con người Việt Nam là hệ thống các giá trị, chuẩn tắc và tiêu chí xã hội phản ánh lý tưởng, phẩm chất và hành vi mong muốn của con người Việt Nam. Hệ thống các chuẩn mực con người Việt Nam chính là sự cụ thể hóa các giá trị văn hóa truyền thống*

trong nhân cách và lối sống con người, ở đó vừa mang tính truyền thống vừa có yếu tố hiện đại.

Từ khái niệm trên, luận án xác định: *chuẩn mực con người Việt Nam là hệ thống các yêu cầu xã hội về phẩm chất, năng lực, lối sống, được hình thành trên cơ sở kế thừa và phát huy giá trị mang tính truyền thống, tiếp thu có chọn lọc giá trị tiến bộ của nhân loại, phù hợp với mục tiêu phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Hệ chuẩn mực này mang tính lịch sử - cụ thể, đa chiều và phức hợp, chuyển tiếp giữa truyền thống và hiện đại, chịu tác động mạnh của toàn cầu hóa và công nghệ, là định hướng quan trọng cho việc xây dựng con người Việt Nam toàn diện trong giai đoạn mới.* Đây chính là cách tiếp cận cơ bản của luận án và có tác động trực tiếp đến việc định hướng cũng như giải quyết các nội dung liên quan đến xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trên cơ sở tiếp tục vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện nay ở các nội dung tiếp theo.

Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam

Xây dựng chuẩn mực con người nói chung được hiểu là quá trình hình thành, củng cố, điều chỉnh, và nội tâm hóa chuẩn mực con người. Đặc điểm của xây dựng là tính lâu dài, đa chủ thể, tính tương tác giữa giá trị - thể chế - con người. Xét về mặt khái niệm, xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay có thể được hiểu là quá trình xã hội - văn hóa trong đó các giá trị, yêu cầu và lý tưởng về con người được hình thành, củng cố, điều chỉnh và từng bước được nội tâm hóa thành nhận thức, niềm tin, thái độ và hành vi của các cá nhân trong xã hội Việt Nam đương đại.

Khác với cách hiểu giản lược coi “xây dựng” chỉ là việc ban hành chuẩn mực hay tuyên truyền các giá trị đạo đức, cách tiếp cận này nhấn mạnh tính quá trình, tính tương tác và tính chủ thể của việc xây dựng chuẩn mực con người. Trên thực tế, chuẩn mực không tự nhiên tồn tại và cũng không tự động được thực hiện, chúng chỉ thực sự có hiệu lực khi được xã hội thừa nhận và được cá nhân tiếp nhận như những định hướng giá trị có ý nghĩa đối với đời sống của chính mình. Về bản chất, việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay mang những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, đây là một quá trình lâu dài và liên tục, gắn với sự vận động của đời sống xã hội và sự biến đổi của hệ giá trị. Chuẩn mực con người không phải là những khuôn mẫu bất biến, mà luôn được điều chỉnh cho phù hợp với những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể.

Thứ hai, đây là một quá trình đa chủ thể, trong đó nhiều lực lượng xã hội cùng tham gia, từ các chủ thể lãnh đạo, quản lý đến các thiết chế giáo dục, văn hóa, truyền thông, gia đình, cộng đồng và bản thân mỗi cá nhân.

Thứ ba, đây là một quá trình mang tính văn hóa sâu sắc, bởi chuẩn mực con người luôn gắn liền với hệ giá trị văn hóa được xã hội thừa nhận. Việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay vì thế không thể tách rời việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong mối quan hệ với các giá trị hiện đại.

Trong luận án này, chúng tôi tiếp cận khái niệm và triển khai các nội dung liên quan đến việc *xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay là: việc hình thành và hoàn thiện những chuẩn mực/ phẩm chất đặc trưng của con người Việt Nam được đặt trên phong nền các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, như một hệ giá trị nền tảng cần được vận dụng, phát huy và chuyển hóa*. Điều đó có nghĩa là xây dựng chuẩn mực không phải là áp đặt những yêu cầu hành vi thuần túy kỹ thuật, mà là quá trình chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống thành những định hướng hành vi có tính chuẩn mực, có khả năng thấm sâu vào đời sống cá nhân và cộng đồng mà ở đó vừa có sự kế thừa chọn lọc các giá trị văn hóa truyền thống, vừa có sự tiếp nhận những tinh hoa văn hóa nhân loại đáp ứng yêu cầu phát triển của bối cảnh thực tiễn. Theo đó, từ các lý luận liên quan đến giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam, luận án đánh giá thực trạng với những gì đã làm được và hạn chế của việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống đối với việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay từ đó nhận diện các vấn đề đặt ra để dựa trên các định hướng cơ bản và đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu hiện nay nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam: khái niệm, chủ thể, nội dung và phương thức

2.2.1. Khái niệm

Từ cách tiếp cận của luận án về khái niệm *xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam* cho thấy việc làm rõ khái niệm *vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam* là một trong những yêu cầu quan trọng liên quan trực tiếp đến việc giải quyết các nội dung trong phạm vi luận án đã xác định.

Từ “vận dụng” có nguồn gốc từ tiếng Hán, trong đó vận có nghĩa là sự chuyển động, hành động, vận hành và dụng có nghĩa áp dụng, thực hiện. Khi kết hợp 2 từ lại thì “vận dụng” có nghĩa là sự áp dụng một cách chủ động và có hiệu quả những gì đã được chọn lọc hoặc đã biết vào một tình huống cụ thể. Như vậy, nội hàm của khái niệm cho thấy trong sự vận dụng bao giờ cũng có chủ thể, tính mục đích và tính hiệu quả của quá trình. Do vậy, *vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là quá trình đem những giá trị văn hóa truyền thống áp dụng vào thực tiễn xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam một cách chủ động, có chọn lọc, sáng tạo và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước hiện nay*. Đây là cách tiếp cận của tác giả luận án trong việc giải quyết nhiệm vụ cơ bản của luận án.

2.2.2. Chủ thể vận dụng

Là những lực lượng, tổ chức, cá nhân có vai trò chủ động trong việc kế thừa, chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là hoạt động có tính hệ thống, đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể với vai trò, chức năng khác nhau. Có thể phân chia thành ba nhóm chủ thể chính:

Một là, Đảng, Nhà nước - chủ thể định hướng, lãnh đạo có vai trò quyết định trong việc hoạch định đường lối, chủ trương về xây dựng con người; ban hành chính sách, pháp luật thể chế hóa các chuẩn mực; tổ chức thực hiện và giám sát quá trình vận dụng và điều chỉnh, bổ sung chuẩn mực phù hợp với từng giai đoạn.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng luôn coi trọng vai trò của văn hóa và xây dựng con người. Từ “Đề cương văn hóa Việt Nam” ban hành năm 1943 đến các nghị quyết về văn hóa qua các thời kỳ, Đảng đã thể hiện tầm nhìn chiến lược về văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, về xây dựng con người là trung tâm của sự nghiệp cách mạng. Đảng là chủ thể xây dựng và ban hành các quan điểm, đường lối về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam thông qua các văn kiện Đại hội Đảng, các nghị quyết chuyên đề. Đây là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của Nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực này.

Với tư cách là chủ thể lãnh đạo, định hướng, vai trò của Đảng được thể hiện thông qua việc Đảng đề ra định hướng, chủ trương về văn hóa và xây dựng con

người qua các văn kiện quan trọng đã ban hành như: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (1998); Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (2014); Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (2021); Văn kiện Đại hội XIII (2021), XIV (2026) của Đảng; Nghị quyết số 80/NQ-TW của Bộ Chính trị (2026) về phát triển văn hóa. Bên cạnh đó, Đảng là chủ thể chính trị có quyền và trách nhiệm xác định hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử. Đây là cơ sở để toàn xã hội thống nhất về nhận thức và hành động. Đảng chỉ đạo Nhà nước cụ thể hóa đường lối về văn hóa, con người thành các chính sách, pháp luật có tính bắt buộc. Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành căn cứ vào nghị quyết của Đảng để xây dựng luật, nghị định, chiến lược, đề án về văn hóa, giáo dục, xây dựng con người. Thông qua chức năng kiểm tra, giám sát việc các tổ chức đảng, đảng viên, các cơ quan nhà nước thực hiện đường lối về văn hóa, con người, qua đó, phát hiện những sai lệch, hạn chế để kịp thời uốn nắn, điều chỉnh cũng được xem là một trong những hoạt động quan trọng thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Ngoài ra, việc thực hành nêu gương của đội ngũ cán bộ đảng viên trong thực hiện các chuẩn mực về đạo đức, lối sống có tác dụng lan tỏa, thuyết phục quần chúng nhân dân noi theo.

Đối với Nhà nước, với hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, với các bộ, ngành chuyên trách về văn hóa, giáo dục, có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình, đề án về xây dựng văn hóa, con người trên quy mô toàn quốc. Vai trò của Nhà nước được thể hiện qua việc thể chế hóa đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật về phát triển văn hóa, con người đồng thời tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đó. Nhà nước còn thực hiện các chính sách đầu tư nguồn lực cho xây dựng, phát triển văn hóa và con người, xây dựng và quản lý hệ thống giáo dục quốc dân, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và thực hiện hợp tác quốc tế về văn hóa là những nội dung thực hiện thể hiện vai trò chủ thể của Nhà nước trong xây dựng văn hóa và con người Việt Nam nói chung trong đó có xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trên cơ sở vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Hai là, các thiết chế xã hội - chủ thể thực thi bao gồm: gia đình, nhà trường, cộng đồng (làng, xã, khu dân cư, đoàn thể...), các tổ chức chính trị - xã hội. Thiết chế xã hội giữ vị trí trung gian, then chốt trong hệ thống chủ thể vận dụng giá trị văn hóa truyền thống. Vị trí này được xác định bởi vì các thiết chế xã hội là cầu nối giữa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước với mỗi cá nhân. Hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa, con người cần được các thiết chế xã hội cụ thể hóa, triển khai để đi vào đời sống nhân dân. Các thiết chế xã hội đồng thời còn là môi trường trực tiếp hình thành, rèn luyện nhân cách con người thông qua vai trò của gia đình, nhà trường, cộng đồng. Đây là nơi mỗi cá nhân được giáo dục, trải nghiệm, thực hành các giá trị và chuẩn mực hàng ngày. Bên cạnh đó, thiết chế xã hội có khả năng điều chỉnh, củng cố hành vi cá nhân thông qua các cơ chế khen thưởng, phê bình, dư luận xã hội, quy ước cộng đồng, tạo ra sức ép tích cực để mỗi người tuân thủ chuẩn mực.

Gia đình - thiết chế nền tảng

Được xem là thiết chế nền tảng, cơ bản có vai trò rất quan trọng đối với việc hình thành nhân cách, chuẩn mực con người, vai trò đặc biệt của gia đình thể hiện ở chỗ đây là trường học đầu tiên của mỗi người. Con người từ khi mới sinh ra đã được tiếp xúc với các giá trị văn hóa truyền thống qua câu hát ru của bà, của mẹ, qua nếp sống của các thành viên trong gia đình. Gia đình cũng là nơi các giá trị văn hóa truyền thống được trao truyền và gìn giữ. Các giá trị như hiếu thảo, nhân ái, cần cù, trung thực được ông bà, cha mẹ truyền dạy cho con cháu qua nhiều thế hệ. Thông qua các hoạt động như thờ cúng tổ tiên, giỗ chạp, đón Tết, gia đình duy trì và trao truyền các nghi lễ, phong tục thể hiện giá trị văn hóa truyền thống. Gia đình là nơi lưu giữ gia phong, gia đạo, gia huấn - những chuẩn mực riêng của mỗi dòng họ, gia tộc. Bên cạnh đó, gia đình chính là môi trường để các chuẩn mực con người được thực hành hàng ngày. Khác với giáo dục nhà trường chủ yếu về lý thuyết, gia đình là nơi các chuẩn mực được thực hành trong đời sống hàng ngày. Con cái học cách hiếu thảo qua việc chăm sóc cha mẹ, học cách yêu thương qua quan hệ anh chị em, học cách cần cù qua việc chia sẻ công việc gia đình. Sự nêu gương của cha mẹ, ông bà có tác dụng giáo dục mạnh mẽ hơn nhiều lời giáo huấn. Ngoài ra, gia đình còn góp phần điều chỉnh hành vi của con người tác động đến việc hình thành chuẩn mực con người thông qua tình cảm và các quy tắc trong gia đình. Cơ chế điều chỉnh hành vi của gia đình rất

đặc thù đó là thông qua tình cảm yêu thương, sự khen ngợi, phê bình của người thân. Các quy tắc gia đình, nếp nhà, gia phong, gia đạo tạo ra khuôn khổ để các thành viên điều chỉnh hành vi. Sức mạnh của dư luận gia đình, sự kỳ vọng của cha mẹ là động lực quan trọng thúc đẩy mỗi người sống theo chuẩn mực.

Nhà trường - thiết chế giáo dục chuyên nghiệp

Được xem là thiết chế giáo dục chuyên nghiệp do nhà nước hoặc xã hội thành lập có chức năng giáo dục, đào tạo con người theo mục tiêu, chương trình, phương pháp được quy định. Với các đặc điểm của giáo dục trong nhà trường đó là tính chuyên nghiệp, tính hệ thống, tính tổ chức và tính xã hội hóa, vai trò của Nhà trường trong việc giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống để hình thành chuẩn mực con người đó là: Nhà trường thực hiện việc truyền tải có hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống thông qua chương trình giảng dạy các môn học chính khóa như: lịch sử, ngữ văn, giáo dục công dân, đạo đức, kể chuyện tấm gương Bác Hồ, v.v. với phương pháp truyền tải khoa học, logic, từ đơn giản đến phức tạp tùy thuộc mức độ nhận thức của các lứa tuổi. Nhà trường đồng thời còn là nơi diễn giải, cập nhật mới nội hàm của các giá trị văn hóa truyền thống cho phù hợp với thời đại.

Bên cạnh đó, nhà trường còn là nơi rèn luyện phẩm chất, đạo đức và kỹ năng sống cho người học. Việc rèn luyện này thực hiện thông qua hệ thống nội quy, quy định, quy chế, nguyên tắc ứng xử, hoạt động tập thể của học sinh. Qua đây, các phẩm chất như trung thực, kỷ luật, đoàn kết, tôn trọng người khác được hình thành trong học sinh. Các hoạt động ngoại khóa của trường học là nơi các phẩm chất đó được thực hành và rèn luyện. Thông qua các hoạt động ngoại khóa như: tham quan di tích lịch sử, giao lưu với nhân chứng lịch sử, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa, lễ hội, v.v. giúp học sinh hiểu sâu hơn về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Cùng với đó, nhà trường còn là nơi các giá trị học đường như: truyền thống tôn sư trọng đạo, truyền thống hiếu học, ứng xử hòa nhã, đoàn kết, tính trách nhiệm... được thể hiện, coi trọng và phát triển.

Cộng đồng - thiết chế củng cố và điều chỉnh

Với tư cách là chủ thể thực thi, cộng đồng bao gồm: làng xã, khu dân cư, tổ dân phố, dòng họ, cộng đồng nghề nghiệp, cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo, v.v. có vai trò duy trì và củng cố các giá trị văn hóa truyền thống với việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thông qua các lễ hội, phong tục tập quán,

nghề thủ công, nghệ thuật dân gian truyền thống. Thông qua các loại hình này, các giá trị văn hóa truyền thống được tái hiện, củng cố, trao truyền. Cộng đồng cũng là nơi bảo tồn các di sản văn hóa vật thể như đình, chùa, miếu, nhà cổ.

Tương tự như gia đình và nhà trường, cộng đồng cũng là nơi các cá nhân được thực hành các chuẩn mực trong quan hệ với láng giềng, họ hàng, đồng nghiệp. Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái được thể hiện qua việc giúp đỡ nhau trong ma chay, cưới hỏi, khó khăn. Cộng đồng là nơi rèn luyện ý thức công dân, trách nhiệm với tập thể. Cùng với đó, thông qua dư luận xã hội và quy ước, hành vi của con người được điều chỉnh. Theo đó, người sống đúng chuẩn mực được ca ngợi, tôn trọng; những người vi phạm bị phê phán, xa lánh. Các quy ước, hương ước cộng đồng chính thức hóa các chuẩn mực, tạo căn cứ để khen thưởng, xử phạt. Một trong những chức năng quan trọng khác của cộng đồng đó là nơi tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống. Thông qua các loại hình được tổ chức như: lễ hội truyền thống, các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tôn vinh người tốt việc tốt, gia đình văn hóa; sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa. Đây là những dịp để các thế hệ giao lưu, trao truyền giá trị.

Các tổ chức chính trị - xã hội - thiết chế vận động, tập hợp

Tổ chức chính trị - xã hội là các tổ chức quần chúng do Đảng và Nhà nước thành lập hoặc công nhận, có chức năng tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Với đặc thù riêng về cơ cấu, nguyên tắc hoạt động, thành phần tham gia, mỗi tổ chức chính trị xã hội xây dựng chương trình hoạt động riêng nhưng đều mang đặc điểm và vai trò chung đó là: tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, vận động quần chúng thực hiện các phong trào, cuộc vận động, giáo dục truyền thống cho đoàn viên, hội viên, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện.

Nhìn chung, các thiết chế xã hội có mối quan hệ biện chứng, thống nhất trong mục tiêu chung là vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Mỗi thiết chế có ưu thế riêng, bổ sung cho những hạn chế của thiết chế khác. Hiệu quả của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống phụ thuộc vào sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các thiết chế, dưới sự định hướng, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hướng đến việc hình thành những con người Việt Nam phát triển toàn diện, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đây là nhóm chủ thể trung gian, có vai trò then

chốt trong việc chuyển hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực trong đời sống, đồng thời tác động trực tiếp đến việc hình thành nhân cách của mỗi cá nhân

Ba là, cá nhân con người - chủ thể tự giác, tự thực hiện có vai trò to lớn trong việc tiếp nhận, nội tâm hóa các giá trị văn hóa truyền thống; tự rèn luyện theo chuẩn mực được xác lập; thực hành và lan tỏa chuẩn mực trong đời sống và phản hồi, đóng góp vào việc điều chỉnh chuẩn mực.

Cá nhân con người có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống chủ thể vận dụng giá trị văn hóa truyền thống bởi cá nhân chính là đích đến cuối cùng của mọi tác động. Mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, hoạt động của các thiết chế xã hội đều hướng đến mục tiêu cuối cùng là hình thành nhân cách, phẩm chất ở mỗi cá nhân. Nếu cá nhân không tiếp nhận, không chuyển hóa thành hành vi thì mọi nỗ lực của các chủ thể khác đều không đạt kết quả.

Đồng thời, cá nhân là nơi các giá trị văn hóa truyền thống được nội tâm hóa và sống động. Các giá trị văn hóa truyền thống chỉ thực sự có ý nghĩa khi được mỗi cá nhân tiếp nhận, tin tưởng và biến thành niềm tin, động cơ bên trong. Không có quá trình nội tâm hóa này, giá trị văn hóa truyền thống chỉ tồn tại trong sách vở, văn bản mà không có sức sống trong đời sống xã hội. Cá nhân còn là chủ thể thực hành và lan tỏa chuẩn mực trong đời sống. Chuẩn mực con người được thể hiện qua hành vi cụ thể của mỗi cá nhân trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi cá nhân vừa là người thực hành, vừa là người lan tỏa chuẩn mực đến người khác thông qua giao tiếp, ứng xử, nêu gương và cá nhân còn có khả năng phản hồi, điều chỉnh đối với các chủ thể khác. Mỗi cá nhân không chỉ thụ động tiếp nhận mà còn có khả năng phản hồi, góp ý, tham gia xây dựng đường lối, chính sách; tác động trở lại đối với gia đình, nhà trường, cộng đồng. Đây là mối quan hệ biện chứng hai chiều.

Điểm khác của chủ thể cá nhân với hai nhóm chủ thể trên là tính tự giác qua đó thể hiện vai trò chủ động, tích cực của cá nhân, phân biệt với sự tuân thủ bị động, hình thức. Chỉ khi cá nhân tự giác thì chuẩn mực mới trở thành bền vững, ổn định trong nhân cách. Vai trò của cá nhân con người trong vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để hình thành chuẩn mực con người thông qua các hoạt động như: tiếp nhận giá trị văn hóa truyền thống, nội tâm hóa chuẩn mực, tự rèn luyện, thực hành chuẩn mực, lan tỏa và phản hồi.

Cá nhân con người là chủ thể tự giác, giữ vị trí cuối cùng nhưng quyết định trong hệ thống chủ thể vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Tính chất “tự giác” thể hiện ở việc cá nhân tự nhận thức, tự lựa chọn, tự rèn luyện, tự điều chỉnh và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vai trò của cá nhân thể hiện ở các nội dung chính: tiếp nhận giá trị văn hóa truyền thống; nội tâm hóa chuẩn mực; tự rèn luyện phẩm chất, năng lực; thực hành chuẩn mực trong đời sống; và lan tỏa, phản hồi đối với các chủ thể khác. Quá trình hình thành tính tự giác ở cá nhân trải qua nhiều giai đoạn, chịu ảnh hưởng của cả yếu tố chủ quan và khách quan. Để cá nhân thực hiện tốt vai trò chủ thể tự giác, cần có sự kết hợp giữa nỗ lực của bản thân với môi trường thuận lợi từ gia đình, nhà trường, cộng đồng và sự định hướng đúng đắn của Đảng, Nhà nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường, việc phát huy vai trò chủ thể tự giác của mỗi cá nhân càng trở nên quan trọng. Mỗi người Việt Nam cần tự giác kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tự rèn luyện để trở thành con người phát triển toàn diện, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

2.2.3. Nội dung vận dụng

Nội dung của vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam được hiểu là những giá trị văn hóa truyền thống cụ thể được lựa chọn, chuyển hóa để cấu thành các chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới. Chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay không phải là sản phẩm được tạo dựng từ hư vô, mà được hình thành và phát triển trên nền tảng các giá trị văn hóa truyền thống đã được tích lũy qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nội dung của các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được vận dụng để hình thành chuẩn mực con người Việt Nam được đề cập đến trong luận án cụ thể như sau:

Một là: Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam yêu nước, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên

Chuẩn mực này được hình thành bắt nguồn từ giá trị truyền thống dân tộc là chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là đặc điểm nổi trội của giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, từ thời dựng nước, giữ nước và cho đến ngày nay, tinh thần ấy vẫn còn nguyên giá trị. Lênin cho rằng: “chủ nghĩa yêu nước là một trong những tình cảm sâu sắc nhất đã được củng cố qua hàng nghìn năm tồn tại của các

dân tộc biệt lập” [83, tr.226]. Nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu cũng khẳng định: “Chủ nghĩa yêu nước chính là tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị, là động lực tình cảm lớn nhất của đời sống dân tộc, đồng thời là bậc thang cao nhất trong hệ thống các giá trị đạo đức của dân tộc ta” [54, tr.74].

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hình thành sớm và gắn với lịch sử dân tộc, nó được bắt đầu từ tình cảm tự nhiên trong mỗi con người Việt Nam đối với làng xóm, quê hương, đất nước mình. Trong quá trình phát triển dân tộc, tình cảm này đã phát triển mạnh mẽ để trở thành “dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam, trở thành một dạng triết lý xã hội và nhân sinh trong tâm hồn Việt Nam” [81, tr.63], hay yêu nước là “tư tưởng chủ yếu, là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử của dân tộc Việt Nam” [54, tr.94]. Chủ nghĩa yêu nước có nội dung phong phú, về cơ bản đó là ý thức cộng đồng về tổ tiên, dân tộc, ý thức về một quê hương, xóm làng, tổ quốc được độc lập, hòa bình, toàn vẹn lãnh thổ, ý thức về sự hòa hợp giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc, đó cũng là ý thức về ý chí quyết tâm đấu tranh để bảo vệ chủ quyền dân tộc. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã “phối hợp với nhau tạo thành động lực làm nên truyền thống yêu nước, tư tưởng yêu nước của dân tộc ta. Chúng đã tạo nên một giá trị tinh thần vô cùng cao quý, làm nền cho lịch sử dân tộc và hơn thế nữa còn tạo ra chính lịch sử, chính dân tộc chứ không phải chỉ để giải thích lịch sử dân tộc” [5, tr.32]. Suốt từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XX, trong điều kiện tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, chỉ bằng sức mạnh được tạo ra từ lòng yêu nước, dân tộc Việt Nam đã làm nên những chiến công hiển hách: chiến thắng của Ngô Quyền trên Bạch Đằng giang, Lê Hoàn chiến thắng quân Tống lần thứ nhất, Lý Thường Kiệt chiến thắng quân Tống lần thứ hai, Trần Quốc Tuấn ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông, Lê Lợi chiến thắng quân Minh, Quang Trung đại phá quân Thanh, và sau này là nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chiến thắng hai đế quốc sừng sỏ nhất thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định về sức mạnh của lòng yêu nước: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [67, tr.38]. Người cũng nhấn mạnh về sự thống nhất trong lòng yêu nước: “Đồng bào Việt Bắc gồm có Kinh,

Thổ, Nùng, Thái, ..., phong tục tập quán tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng lòng nồng nàn yêu nước, lòng căm hờn thực dân, thì muôn người như một” [65, tr.448].

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tổng kết dân tộc Việt Nam: “là một dân tộc có lòng nồng nàn yêu nước, giàu sức sống và bản sắc dân tộc, nên mặc dù địa bàn và dân cư không lớn, nhưng không bị đồng hóa qua hàng ngàn năm dưới ách đô hộ của nước ngoài; kiên cường, bất khuất và giàu tài thao lược trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm; giàu thông minh và trí tuệ sáng tạo của một dân tộc văn hiến; coi trọng đạo đức làm người; cần cù nhẫn nại trong lao động, tương trợ nhân ái trong đời sống, khoan dung độ lượng trong quan hệ xã hội, linh hoạt trong phong cách ứng xử; biết quý trọng ý thức cộng đồng và tinh thần dân chủ bắt nguồn từ cách thức tổ chức làng nước; nhạy cảm với những tinh hoa của nhiều dân tộc gần xa và biết biến thành của mình” [49, tr.60].

Trên nền tảng truyền thống đó, yêu nước đã trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của con người Việt Nam. Đây là giá trị đứng đầu trong hệ thống các chuẩn mực của con người Việt Nam. Nếu yêu nước truyền thống là tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc, thì yêu nước ngày nay được cụ thể hóa trong trách nhiệm, việc làm của mỗi công dân đối với đất nước với các biểu hiện bằng hành động như: Luôn đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc lên trên hết, vì độc lập, tự do, chủ quyền dân tộc và vì sự ấm no, hạnh phúc của nhân dân; Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; Thực hiện nghĩa vụ của công dân theo luật định trong đó có việc đóng góp ý kiến nhằm góp phần xây dựng chính sách của Đảng, Nhà nước theo khả năng và thẩm quyền; Không làm tổn hại đến uy tín, danh dự, lợi ích của quốc gia, dân tộc; Đóng góp vào việc xây dựng quê hương, đất nước bằng năng lực cá nhân và thông qua việc làm cụ thể; Thấm nhuần tinh thần tự tôn dân tộc nhưng cũng đồng thời thấm nhuần tinh thần công dân toàn cầu, vì sự tiến bộ của nhân loại.

Xuất phát từ lòng yêu nước, *tự cường* đã trở thành một chuẩn mực cao quý của con người Việt Nam và đã được phát huy để trở thành sức mạnh dân tộc to lớn. Tự cường đối với mỗi người là sự tự chủ, tự lực cách sinh, tự vượt khó vươn lên, không ỷ lại, bị động, an phận; có chí tiến thủ, ham học hỏi, có khát vọng vươn lên; làm chủ bản thân, cuộc sống và đề hướng tới làm chủ xã hội; không bi quan trước những thất bại, biết lấy thất bại làm động lực thúc đẩy để cố gắng thực hiện những mục tiêu mới. Với con người Việt Nam lịch sử, ý chí tự cường thể hiện qua

việc dân tộc ta luôn tìm được con đường riêng để tồn tại và phát triển. Đó là tinh thần “lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều” trong các cuộc kháng chiến; đó còn là khả năng tiếp thu nhưng không bị đồng hóa qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc; là sự sáng tạo ra chữ Nôm để khẳng định bản sắc văn hóa; là ý chí “không có gì quý hơn độc lập tự do” trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay, ý chí tự cường của dân tộc và con người Việt Nam vẫn giữ nguyên giá trị nhưng được vận dụng và chuyển hóa thành nhiều nội dung mới phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Trước hết là tự cường về kinh tế, thể hiện qua nỗ lực xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, có khả năng cạnh tranh và thích ứng với các biến động của kinh tế thế giới; qua tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của doanh nhân Việt Nam; qua ý thức làm chủ công nghệ, không phụ thuộc thái quá vào nước ngoài. Tự cường về khoa học - công nghệ trở thành yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Điều này đòi hỏi con người Việt Nam phải có ý chí học tập, nghiên cứu, sáng tạo để làm chủ những công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo. Cùng với đó, tự cường về văn hóa thể hiện ở việc giữ gìn bản sắc dân tộc trong giao lưu, hội nhập; ở khả năng tạo ra những sản phẩm văn hóa Việt Nam có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế; ở việc xây dựng “sức mạnh mềm” văn hóa để nâng cao vị thế đất nước. Tự cường về tinh thần thể hiện ở bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những luận điệu xuyên tạc, kích động; ở niềm tin vào con đường phát triển mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Đối với mỗi cá nhân hiện nay, ý chí tự cường được cụ thể hóa thành phẩm chất tự lập, tự chủ trong cuộc sống và công việc; tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; khả năng vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên; ý thức học tập suốt đời để không ngừng hoàn thiện bản thân.

Trên nền tảng của sự tự cường cùng với xu hướng toàn cầu hóa, con người của các quốc gia đang có xu thế phát triển để trở thành công dân toàn cầu. Những yêu cầu của thực tiễn đặt ra đã tạo cho con người Việt Nam khát vọng vươn lên. Từ chuyện người Việt Nam vượt qua “lũy tre làng” để có tư duy mới những năm đầu đổi mới, cho đến nay, cần có tư duy vượt qua phạm vi biên giới quốc gia, lãnh thổ là yêu cầu mới đối với chuẩn mực con người Việt Nam hiện đại để có thể đáp ứng bối cảnh mới với khát vọng làm chủ bản thân, đất nước và thế giới.

Tinh thần khát vọng vươn lên là phẩm chất được kế thừa từ truyền thống cần cù, sáng tạo, không cam chịu của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực như: “có công mài sắt có ngày nên kim” hay “Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai” [64, tr.195] như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đã thấm sâu vào tâm thức người Việt qua bao thế hệ. Khát vọng vươn lên còn được nuôi dưỡng từ truyền thống hiếu học, tôn trọng tri thức của dân tộc. Từ thời Lý, Trần với Văn Miếu - Quốc Tử Giám, đến tinh thần “tâm sư học đạo” của các sĩ phu yêu nước, khát vọng tri thức và vươn lên đã trở thành nét đẹp văn hóa Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là hiện thân của tinh thần khát vọng vươn lên của dân tộc Việt Nam khi Người quyết tâm, vượt qua khó khăn, thách thức để ra đi tìm con đường giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, nô dịch của chế độ thực dân, phong kiến tay sai, đưa nhân dân ta đến với độc lập, tự do, hạnh phúc.

Khát vọng vươn lên trong thời kỳ hiện nay được nâng tầm thành khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đây là chuẩn mực mới được Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII, XIV phản ánh tầm vóc tư duy và quyết tâm chính trị mới của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Ở cấp độ quốc gia, khát vọng vươn lên thể hiện ở mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 - mốc kỷ niệm 100 năm thành lập nước. Đây là khát vọng lớn lao, đòi hỏi sự nỗ lực phi thường của toàn dân tộc trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh và mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt 2 con số giai đoạn 2026 – 2030.

Ở cấp độ cá nhân, khát vọng vươn lên được cụ thể hóa thành tinh thần phấn đấu không ngừng để hoàn thiện bản thân, đạt được những thành tựu trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống. Đó là khát vọng làm giàu chính đáng, đóng góp cho xã hội; khát vọng vươn ra thế giới để khẳng định trí tuệ, năng lực Việt Nam; khát vọng tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang thương hiệu Việt có giá trị toàn cầu.

Khát vọng vươn lên hiện đại đòi hỏi phải gắn liền với khát vọng cống hiến, không phải là tham vọng cá nhân hẹp hòi mà là khát vọng được góp phần xây dựng đất nước, phục vụ Nhân dân. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa thành công cá nhân và sự phồn vinh của dân tộc. Đây chính là điểm khác biệt căn bản giữa khát vọng vươn lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa cá nhân thuần túy của xã hội tư bản.

Hai là: Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết

Chuẩn mực này được hình thành trên nền tảng của các giá trị văn hóa truyền thống lớn như tinh thần nhân ái, khoan dung, độ lượng và tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng. Nhân ái, khoan dung và độ lượng được xem là một trong những giá trị văn hóa truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam và tạo nên chuẩn mực nhân ái, nghĩa tình của con người Việt Nam. Nhân ái là lòng yêu thương con người, chống lại cái xấu, cái ác, hướng tới cái tốt, cái thiện. Đây là một nét độc đáo của chủ nghĩa nhân văn truyền thống, như Đảng ta đã nhận định thương nước, thương nhà, thương người, thương mình là truyền thống đậm đà của dân tộc ta.

Truyền thống nhân văn, nhân ái có nguồn gốc sâu xa từ thời đầu lập nước, gắn liền với tinh thần yêu nước trong mối quan hệ hữu cơ: “nước mất nhà tan”, “thương người như thể thương thân” hay “đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại”. Tình yêu thương, nhân ái được thể hiện từ các mối quan hệ trong gia đình “anh em như thể tay chân”, “chị ngã em nâng” đến cộng đồng, xã hội “Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”; “Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Theo truyền thống gia tộc: “trong họ hàng bà con ở với nhau chỉ lấy cảm tình mà đối đãi... có khi một người mà nuôi cả con cháu bà con, trong nhà có đến mấy chục miệng ăn... Đối với những người làng mạc cùng bạn hữu giao du, người ta cũng xem nhau như là bà con trong một gia đình lớn” [1, tr.295].

Không chỉ là nhân ái đối với những người cùng cộng đồng, dân tộc, tình nhân ái, khoan dung của người Việt còn cao cả hơn khi nó còn được dành cho kẻ thù khi trong chiến tranh chúng ta “mở đường hiếu sinh”. Quan điểm về đối ngoại của Việt Nam cũng được hình thành trên nền tảng của giá trị nhân ái, nhân văn, lòng yêu thương con người là cơ sở để tạo nên quan hệ hữu nghị, hòa bình với các dân tộc trên thế giới.

Lối sống trọng tình và lối nghĩ duy tình đã thấm sâu vào các mối quan hệ của con người từ gia đình - làng xóm - cộng đồng xã hội. Có thể thấy truyền thống “văn hóa nước ta lấy tình cảm làm bản vị” [1, tr.295] là cơ sở hình thành nên chuẩn mực nghĩa tình của con người Việt Nam. Nghĩa tình cũng tương tự như lòng nhân ái của con người. Đây là cơ sở quan trọng để thiết lập mối quan hệ giữ người với người. Trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, song đến nay, nghĩa tình vẫn là chuẩn mực cần phải được gìn giữ và phát huy trong xây dựng chuẩn mực con

người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Về cơ bản, nghĩa tình với tư cách là chuẩn mực con người Việt Nam được thể hiện qua những đặc điểm như sự giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần nhân ái, nhân nghĩa không vụ lợi; sự biết ơn khi được giúp đỡ và biết trả ơn; lòng hiếu thảo; trọng nghĩa, hợp tình, hợp lý trong hành động; sự chung thủy.

Đối với dân tộc Việt Nam, tinh thần đoàn kết được xem là một trong những giá trị đặc thù bởi nó hình thành trong hoàn cảnh dân tộc chống ngoại xâm và trong quá trình lao động sản xuất. Hiếm có một quốc gia dân tộc nào lại phải chịu thời gian xâm lược nhiều như nước ta. Chính hoàn cảnh ấy đã đặt ra yêu cầu buộc con người Việt Nam phải gắn kết lại với nhau. Đặc trưng của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước phụ thuộc quá nhiều vào các điều kiện tự nhiên, đặc biệt là nhu cầu trị thủy, đã làm cho con người phải liên kết với nhau để cùng bảo vệ cuộc sống, mùa màng, tạo nên văn hóa làng xã với truyền thống “hàng xóm láng giềng tối lửa, tắt đèn có nhau” hay “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm trọn nhiệm vụ nhân dân giao phó cho chúng ta” [68, tr.145] và “Đoàn kết là sức mạnh; có sức mạnh đoàn kết thì làm gì cũng thành” [71, tr.483], “đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi” [74, tr.515]. Người căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [74, tr.622]. Trên cơ sở đó đã tạo nên chuẩn mực đoàn kết của con người Việt Nam. Nếu như chuẩn mực đoàn kết truyền thống là sự gắn kết giữa nhiều người, nhiều thế hệ, nhiều giai tầng trong xã hội để tạo thành một khối rộng lớn với sức mạnh vĩ đại để đập tan âm mưu xâm lược của các thế lực thù địch và để phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công thì đoàn kết ngày nay vẫn là sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội chung và sự thỏa mãn các khía cạnh. Những biểu hiện của tinh thần đoàn kết cộng đồng là: Coi trọng sự tương đồng và hạn chế sự tương khác theo tinh thần “cầu đồng tồn dị”; Biết lắng nghe, tôn trọng, học hỏi, có tinh thần cầu thị, tránh sự kỳ thị, hiềm khích; Mọi thành viên trong xã hội đều dân chủ và bình đẳng trước hiến pháp và pháp luật; Có tinh thần

khoan dung, vị tha, độ lượng; Có tinh thần cộng sinh, cộng tồn và không kéo bè, kéo cánh, chia rẽ, cục bộ.

Ba là: Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam kỷ luật, trách nhiệm, tôn trọng pháp luật

Chuẩn mực này có cơ sở truyền thống từ văn hóa làng xã Việt Nam với hệ thống hương ước, lệ làng đã tồn tại hàng nghìn năm. Giá trị cộng đồng được thể hiện qua các thiết chế truyền thống như hương ước, lệ làng, đình làng, nhà thờ họ hoặc thông qua các phong tục, tập quán lâu đời của dân tộc. “Làng Việt Nam là một xã hội thu nhỏ, trong đó tinh thần cố kết cộng đồng được đề cao như một giá trị sống” [54, tr.41]. Vai trò của cộng đồng được cho “là nơi hình thành nhân cách Việt Nam, là môi trường xã hội - văn hóa bồi dưỡng các phẩm chất như đoàn kết, nghĩa tình, hiếu thuận, và lòng vì người khác” [57, tr.42]. Mối quan hệ cá nhân - gia đình - làng xã - quốc gia (dân tộc) trở thành kết cấu xã hội đặc trưng của Việt Nam, trong đó mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với cộng đồng. Trong mỗi cộng đồng làng xã truyền thống, mỗi thành viên đều phải tuân thủ các quy định chung đó chính là hình thức sơ khai của tính kỷ luật và ý thức tôn trọng quy tắc cộng đồng. Truyền thống gia đạo trong gia đình Việt Nam cũng tạo nên tính trách nhiệm lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình.

Trên cơ sở truyền thống đó, con người Việt Nam đã hình thành chuẩn mực về tính kỷ cương, trách nhiệm và ý thức tôn trọng pháp luật. Theo đó, tính trách nhiệm trước hết là biết tự ý thức về bản thân, công việc của bản thân mình, về nhiệm vụ được giao để hoàn thành công việc. Công việc được thực hiện thì bản thân phải có trách nhiệm với kết quả, dù xấu hay tốt. Tinh thần trách nhiệm chính là kết quả của quá trình rèn luyện, nhận thức và hành động đúng đắn, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tính trách nhiệm gắn liền với tính tự giác. Những biểu hiện cụ thể của chuẩn mực này là: Có trách nhiệm với công việc được giao, luôn nỗ lực để hoàn thành công việc với kết quả cao nhất; Có trách nhiệm với bản thân, với những người xung quanh trong các mối quan hệ; Có trách nhiệm với kết quả công việc, hành vi của bản thân trong mọi hoàn cảnh. Truyền thống và tính gia đạo trong gia đình đã tạo nên tính có trách nhiệm của các thành viên trong gia đình với nhau, theo đó ông bà, cha mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy bảo con cháu và ngược lại con cháu có trách nhiệm phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ

như câu tục ngữ của người Việt phản ánh về đặc tính này: “trẻ cây cha, già cây con”. Chuẩn mực này được kế thừa từ giá trị của gia đình truyền thống Việt Nam.

Cùng với đó, tính kỷ cương/có kỷ luật được hình thành ở con người Việt Nam. Biểu hiện của nó là tính kỷ luật trong công việc, cuộc sống của mỗi người. Những biểu hiện của tính kỷ cương là: Chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; quy định của địa phương, cộng đồng dân cư sinh sống; có kỷ luật trong lao động theo các quy định của cơ quan, đơn vị; tự do trong khuôn khổ quy định của Pháp luật, tránh dân chủ quá trớn.

Về ý thức tôn trọng pháp luật, đây là chuẩn mực mới được bổ sung trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể hiện qua việc hiểu biết, tuân thủ và bảo vệ pháp luật trong mọi hoạt động. Tất nhiên, từ thời xưa dân tộc Việt Nam đã có truyền thống coi trọng pháp luật thông qua việc hình thành từ rất sớm các hương ước, lệ làng của các địa phương và cao hơn là các bộ luật thời phong kiến như: Bộ luật Hồng Đức, Quốc Triều hình luật hay tư tưởng về sự cần thiết phải có hiến pháp trong tư tưởng Hồ Chí Minh qua bản Yêu sách 8 điểm viết năm 1919. Chuẩn mực này thể hiện rõ tính chuyển tiếp giữa truyền thống và hiện đại, từ việc tuân thủ hương ước, lệ làng đến việc tôn trọng Hiến pháp và pháp luật với tôn chỉ: sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của người Việt Nam hiện nay.

Bốn là: Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam cần cù, sáng tạo, yêu lao động, tinh thần hiếu học

Trong truyền thống của cư dân nông nghiệp, cần cù, yêu lao động là phẩm chất quan trọng bậc nhất cần có để tồn tại, duy trì cuộc sống và phát triển. Với dân tộc Việt Nam, nền văn minh lúa nước đã hình thành dân tộc có khoảng 90% dân cư là nông dân. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là cơ sở kinh tế - xã hội của Việt Nam từ lâu đời. Những khắc nghiệt và phức tạp của thiên nhiên với khí hậu gió mùa, nồm ẩm gây dịch bệnh cùng những khó khăn do địa hình (3/4 là đồi núi dốc) thường xuyên có lũ lụt đã buộc con người Việt Nam vốn cần cù phải cần cù và sáng tạo hơn. Trong lao động, người Việt Nam trải qua nhiều vất vả khi phải “một nắng hai sương” hay có khi phải “ăn cơm bằng đèn, đi cấy sáng trăng” hay như “cày đồng đang buổi ban trưa, mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày”. Về tính cần cù, sáng tạo của người Việt Nam, tác giả Trần Văn Giàu viết: “mọi cơ năng của con người Việt Nam đều được dùng để làm việc: đầu đội, vai

gánh, lưng cồng, tay nhanh nhẹn và khéo léo... đắp hàng ngàn cây số đê điều, cộng lại dài như vạn lý trường thành... ruộng nước như bàn cờ, cây hái công phu kỹ lưỡng” [54, tr.153]. Thực tiễn lịch sử dân tộc với việc trải qua hơn 12 thế kỷ kháng chiến vệ quốc, trong hoàn cảnh ấy, lao động cần cù, sáng tạo đã trở thành phẩm chất không thể thiếu trong mọi hoạt động của người Việt Nam nhằm tạo nguồn lực cho cuộc chiến bảo vệ đất nước theo đúng tư duy “có thực mới vực được đạo”. Cần cù, yêu lao động ngày nay của người Việt không chỉ là tinh thần lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp mà còn là tinh thần lao động cần cù có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn.

Chuẩn mực sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay được kế thừa và phát triển từ truyền thống sáng tạo lâu đời của dân tộc. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã thể hiện khả năng sáng tạo phi thường trong nhiều lĩnh vực. Đó là sự sáng tạo trong nghệ thuật quân sự, tài thao lược qua các trận Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa và đặc biệt là chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Đó là sự sáng tạo trong nông nghiệp với hệ thống thủy lợi tinh vi, kỹ thuật canh tác lúa nước phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù. Đó là sự sáng tạo trong văn hóa với việc tạo ra chữ Nôm để khẳng định bản sắc, với những công trình kiến trúc độc đáo như chùa Một Cột, với những tác phẩm văn học bất hủ như Truyện Kiều của Nguyễn Du. Những dấu hiệu để nhận biết sự sáng tạo của người Việt trong lịch sử đó là: Có tư duy độc lập, tự chủ, phản biện, có ý thức luôn muốn khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh, có cách nghĩ, cách làm khác với cái hiện có; Nhanh nhẹn, năng động, luôn cập nhật những thông tin mới; Cải tiến về cách làm, có sáng kiến, phát minh mới; Đổi mới, cải cách trong suy nghĩ và hành động.

Trong bối cảnh cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, khi tri thức và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính của phát triển kinh tế - xã hội, chuẩn mực sáng tạo càng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn dân tộc. Văn kiện Đại hội Đảng trong các nhiệm kỳ gần đây đã xác định đổi mới sáng tạo là một trong những đột phá chiến lược, thể hiện tầm nhìn của Đảng về vai trò của sáng tạo trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Sáng tạo ngày nay có vai trò rất quan trọng trong phát triển đất nước bởi đây được xem là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế tri thức. Khác với nền kinh tế truyền

thống dựa chủ yếu vào tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ, nền kinh tế tri thức coi sáng tạo và đổi mới là nguồn lực cốt lõi tạo ra giá trị gia tăng. Để Việt Nam có thể vượt qua “bẫy thu nhập trung bình” và trở thành nước phát triển vào năm 2045, không có con đường nào khác ngoài việc nâng cao năng lực sáng tạo của con người Việt Nam. Sáng tạo cũng là điều kiện để Việt Nam khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Trong thế giới cạnh tranh khốc liệt hiện nay, các quốc gia không thể tồn tại và phát triển nếu chỉ là người làm thuê, người gia công cho các nước khác. Việt Nam cần phải tạo ra được những sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mang thương hiệu của mình, có giá trị cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Điều này chỉ có thể đạt được khi con người Việt Nam thực sự sáng tạo, có khả năng tạo ra những giá trị mới mà thế giới cần.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của người Việt được hình thành từ lâu đời, do ảnh hưởng của đạo Khổng và được các thế hệ người Việt lưu truyền, phát triển. Tác giả Đào Duy Anh đã nhận định: “Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh... phần nhiều người có tính ham học” [1, tr.20]. Đất nước Việt Nam đã có nhiều nhân vật được xem trọng về giáo dục, là những tấm gương mẫu mực cho truyền thống hiếu học như: Thầy giáo Chu Văn An, Trạng nguyên trẻ nhất Việt Nam - Nguyễn Hiền, Nhà sử học Lê Văn Hưu, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Hồ Chí Minh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Ngọc Ký ... Truyền thống ấy đã ngấm sâu vào tiềm thức con người Việt Nam: “Tiên học lễ, hậu học văn”, “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” và “Muốn sang thì bắc cầu kiều; Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”. Về truyền thống tôn sư, học giả Đào Duy Anh viết: “Việc dạy học xưa là một chức vụ tôn nghiêm, ông thầy vẫn lấy làm trịnh trọng, mà học trò cũng hết lòng tôn kính. Học trò thường thường xem thầy học như cha, thầy chết học trò phải để tang ba năm... khi thầy có việc cần thì đồng môn phải lo liệu giúp đỡ” [1, tr.238-239]. Minh chứng cho truyền thống hiếu học của người Việt Nam được viết: “Tổ tiên ta bắt đầu học chữ Hán ngay từ buổi đầu đời Bắc thuộc, mà có lẽ từ đời Triệu Đà nữa, song việc giáo dục bắt đầu có tổ chức thì từ đời Sĩ Nhiếp” [1, tr.222] và “trong dân gian thì xưa nay việc học vẫn hoàn toàn tự do, từ bậc tiểu học đến đại học, nhân dân tự lo liệu lấy” [1, tr.238].

Ngày nay, hiếu học được khẳng định là “biểu hiện của trí tuệ và ý chí vươn lên của dân tộc Việt Nam, là động lực quan trọng trong xây dựng con người

mới” [57, tr.51]; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, có tư duy độc lập, tự chủ, phản biện, có ý thức luôn muốn khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh, có cách nghĩ, cách làm khác với cái hiện có cùng với sự nhanh nhẹn, năng động, luôn cập nhật những thông tin mới; cải tiến về cách làm, có sáng kiến, phát minh mới và đổi mới, cải cách trong suy nghĩ và hành động, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Năm là: Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiếu thảo, hòa thuận, gắn kết gia đình, coi trọng các giá trị gia đình

Với truyền thống coi trọng gia đình, người Việt Nam cho rằng gia đình là nền tảng của xã hội Việt Nam, mối quan hệ nhà - làng - nước trở thành mối quan hệ truyền thống cơ bản và bền vững của dân tộc. Theo truyền thống gia tộc: “trong họ hàng bà con ở với nhau chỉ lấy cảm tình mà đối đãi... có khi một người mà nuôi cả con cháu bà con, trong nhà có đến mấy chục miệng ăn... Đối với những người làng mạc cùng bạn hữu giao du, người ta cũng xem nhau như là bà con trong một gia đình lớn” [1, tr.295]. Truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, tục thờ cúng tổ tiên thể hiện lòng biết ơn ông bà, cha mẹ, đạo lý sâu sắc của người Việt. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ giới hạn ở mỗi gia đình mà còn mở rộng ra thành thờ Hoàng làng (tại Đình làng) và thờ Hùng Vương - quốc tổ chung của cả nước, hiện cả nước có khoảng hơn 1.400 đền thờ Vua Hùng và “Đối với người dân An Nam, cái có tính chất truyền thống nhất, quan trọng nhất và thiêng liêng nhất chính là đạo thờ cúng tổ tiên” [118, tr.166-167]. Lối sống trọng tình trong gia đình với “Anh em như thể tay chân. Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần” đã thấm sâu vào đạo lý dân tộc. Trong ứng xử hàng ngày: “đối với người làng mạc cùng bạn hữu giao du, người ta cũng xem nhau như là bà con trong một gia đình lớn, cho nên cũng chỉ lấy tình cảm làm trọng. Phạm việc buôn bán vay mượn, cũng chỉ cần chắc vào lòng tin, chứ không cần giấy má làm bằng, không cần pháp luật đảm bảo. Người ta thường lấy điều ấy mà cho rằng phong tục nước ta thuận hậu” [1, tr.295]. Giáo dục gia đình được coi trọng không kém giáo dục nhà trường, chính thực tế hàng ngày với những điều trông thấy, nghe thấy đã giúp dần hình thành trong những đứa trẻ thói quen, tập tục, tính cách là những kiến thức, kỹ năng, phép ứng xử cần có của con người và dần trở thành truyền thống của dân tộc.

Trên nền tảng giá trị văn hóa truyền thống đó hình thành chuẩn mực hiếu thảo, hòa thuận, gắn kết gia đình của con người Việt Nam. Theo đó, hiếu thảo là phẩm chất đạo đức thể hiện lòng kính trọng, biết ơn, yêu thương và trách nhiệm của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Đây là giá trị đạo đức cốt lõi trong văn hóa gia đình Việt Nam, được hình thành và trao truyền qua hàng nghìn năm lịch sử. Theo từ nguyên Hán-Việt, hiếu là lòng kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ; thảo là sự chăm sóc, lo lắng chu đáo. Hòa thuận là trạng thái quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình, thể hiện qua sự đồng lòng, yêu thương, nhường nhịn, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Hòa thuận bao gồm cả quan hệ giữa vợ chồng, giữa anh chị em, giữa các thế hệ trong gia đình. Hòa thuận không có nghĩa là không có mâu thuẫn, mà là khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách êm đẹp trên cơ sở tình thương yêu, sự tôn trọng và vì lợi ích chung của gia đình.

Hiếu thảo và hòa thuận có mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau, người hiếu thảo với cha mẹ thường cũng là người biết hòa thuận với anh chị em, vợ chồng. Ngược lại, gia đình hòa thuận tạo môi trường thuận lợi để con cháu thể hiện đạo hiếu. Trong bối cảnh hiện đại, chuẩn mực này còn đặt ra yêu cầu về việc cân bằng giữa cá nhân và cộng đồng, phát huy vai trò cá nhân nhưng không đánh mất tinh thần gia đình, kết hợp lợi ích cá nhân với lợi ích gia đình và xã hội.

Có thể nói, coi trọng các giá trị gia đình là một trong những chuẩn mực bền vững và đặc trưng nhất của người Việt Nam. Đây không đơn thuần là tình cảm mà là một hệ thống giá trị, quy tắc, thực hành được thể chế hóa qua phong tục, ngôn ngữ, và cấu trúc xã hội. Thách thức của người Việt hiện đại là làm thế nào để giữ gìn cái lõi nhân văn của truyền thống gia đình, đồng thời thoát khỏi những ràng buộc lỗi thời cản trở sự phát triển của cá nhân.

Các phân tích trên cho thấy, những chuẩn mực của con người Việt Nam lịch sử và cả hiện thời được bắt nguồn từ, đồng thời là sự cụ thể hóa của các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Mỗi nội dung trong chuẩn mực con người Việt Nam đều gắn liền với một hoặc nhiều giá trị văn hóa truyền thống dân tộc mà cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

2.2.4. Phương thức vận dụng

Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là quá trình chuyển hóa các giá trị tinh thần, đạo đức được tích lũy qua

lịch sử thành các tiêu chí, quy phạm định hướng nhận thức, thái độ và hành vi của con người trong thời kỳ mới. Quá trình này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ nhiều phương thức, trong đó có bốn phương thức cơ bản: thể chế hóa qua chính sách, pháp luật; tuyên truyền, vận động, truyền thông; giáo dục, thuyết phục; và kiểm tra, giám sát. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Phương thức thể chế hóa qua chính sách, pháp luật

Thể chế hóa là quá trình chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống vào chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng và thành các quy định mang tính pháp lý, các chính sách của Nhà nước, các quy tắc, quy ước có tính ràng buộc trong đời sống xã hội. Đây là phương thức sử dụng sức mạnh của thể chế chính trị, pháp luật để định hình, củng cố và bảo vệ các chuẩn mực con người dựa trên nền tảng giá trị văn hóa truyền thống. Bản chất của phương thức này là biến những giá trị mang tính tinh thần, đạo đức thành các quy phạm có tính bắt buộc hoặc khuyến khích, được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của Nhà nước và cộng đồng.

Vai trò của phương thức này ở chỗ tạo nền tảng, định hướng trong hệ thống các phương thức vận dụng giá trị văn hóa truyền thống. Thông qua thể chế hóa, các giá trị văn hóa truyền thống được chính thức hóa, có cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất trong toàn xã hội. Đồng thời, thể chế hóa tạo ra khung khổ để các phương thức khác như giáo dục, tuyên truyền, kiểm tra giám sát được triển khai có căn cứ và hiệu quả.

Phương thức này cơ bản được thực hiện thông qua các nội dung: văn kiện Đảng (cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, hệ giá trị quốc gia...); trong hệ thống pháp luật (hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật); trong chính sách của nhà nước (các chính sách về văn hóa, giáo dục, an sinh xã hội...); trong quy ước, hương ước cộng đồng (quy ước thôn, làng, tổ dân phố...).

Thứ hai: Phương thức tuyên truyền, vận động, truyền thông

Đây là phương thức sử dụng các hình thức truyền tải thông tin, giải thích, thuyết phục để tác động vào nhận thức, tình cảm, thái độ của các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của giá trị văn hóa truyền thống và sự cần thiết phải kế thừa các giá trị đó trong xây dựng chuẩn mực con người. Bản chất của phương thức này là tác động vào ý thức xã hội thông qua việc cung cấp thông tin, định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận và lan tỏa các giá trị tích cực trong cộng đồng.

Phương thức này giữ vai trò quan trọng trong việc tạo tiền đề nhận thức cho toàn xã hội. Đây là cầu nối để chuyển tải các chủ trương, chính sách về giá trị văn hóa truyền thống đến mọi tầng lớp nhân dân. Thông qua tuyên truyền, các giá trị văn hóa truyền thống được diễn giải, làm sáng tỏ, trở nên gần gũi và có sức thuyết phục với đông đảo quần chúng. Đồng thời, phương thức này góp phần đấu tranh với các quan điểm sai trái, các biểu hiện coi thường hoặc phủ nhận truyền thống.

Có thể thấy, truyền thông là một trong những phương thức quan trọng trong việc truyền tải các giá trị văn hóa truyền thống đến đời sống xã hội. Truyền thông không chỉ là kênh thông tin mà còn là công cụ kiến tạo văn hóa - định hình nhận thức, thái độ và hành vi của con người. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, truyền thông đóng vai trò then chốt trong việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện đại - vừa giữ gốc rễ dân tộc, vừa thích ứng với thời đại.

Nội dung thực hiện phương thức này gồm có: xây dựng nội dung tuyên truyền một cách khoa học, hấp dẫn; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện và phát huy vai trò của truyền thông trong định hướng dư luận xã hội.

Thứ 3: Phương thức giáo dục, thuyết phục

Giáo dục, thuyết phục là phương thức tác động có hệ thống, có kế hoạch đến nhận thức, tình cảm, ý chí của con người nhằm hình thành ở họ những phẩm chất, năng lực phù hợp với chuẩn mực dựa trên giá trị văn hóa truyền thống. Phương thức này được thực hiện chủ yếu thông qua hệ thống giáo dục từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Bản chất của phương thức giáo dục, thuyết phục là quá trình nội tâm hóa các giá trị bên ngoài thành niềm tin, động cơ bên trong của mỗi cá nhân, từ đó chuyển hóa thành hành vi tự giác. Khác với tuyên truyền chủ yếu tác động vào nhận thức ban đầu, giáo dục đi sâu hơn vào việc hình thành nhân cách, tạo nên sự bền vững trong nhận thức và hành vi.

Phương thức giáo dục có vai trò then chốt, có tính chất quyết định trong việc hình thành chuẩn mực con người. Giáo dục là con đường cơ bản nhất để truyền tải, nội tâm hóa các giá trị văn hóa truyền thống vào mỗi cá nhân từ khi còn nhỏ. Thông qua giáo dục, các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ được nhận thức mà còn được chuyển hóa thành niềm tin, tình cảm và hành vi tự giác của con người. Thực chất của việc phát huy vai trò của phương thức này chính là phát huy

vai trò của các môi trường giáo dục tác động đến hình thành chuẩn mực con người đó là: gia đình - nhà trường - cộng đồng xã hội và bao hàm trong đó cả việc tự giáo dục - tức phát huy vai trò của cá nhân con người trong cộng đồng xã hội.

Nội dung thực hiện phương thức này gồm: phát huy vai trò giáo dục của gia đình (chức năng quan trọng của gia đình Việt Nam); đổi mới giáo dục trong nhà trường về cả nội dung, hình thức, cách thức giáo dục; phát triển giáo dục cộng đồng xã hội thông qua các thiết chế và kết hợp giáo dục với thuyết phục để tác động vào nhận thức, hình thành ý thức tự giác của con người về việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam.

Thứ tư: Phương thức kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát là phương thức theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chuẩn mực dựa trên giá trị văn hóa truyền thống, phát hiện những sai lệch để kịp thời điều chỉnh, đồng thời biểu dương những điển hình tốt để nhân rộng. Đây là phương thức sử dụng cơ chế phản hồi để đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống được thực hiện trong thực tiễn. Bản chất của phương thức kiểm tra, giám sát là tạo ra cơ chế kiểm soát xã hội đối với việc thực hiện các chuẩn mực, kết hợp giữa kiểm tra của tổ chức với giám sát của cộng đồng và tự kiểm tra của mỗi cá nhân. Phương thức này có vai trò đảm bảo cho các giá trị văn hóa truyền thống được thực hiện trong thực tiễn, không dừng lại ở nhận thức hay cam kết hình thức. Kiểm tra, giám sát giúp phát hiện kịp thời những biểu hiện vi phạm chuẩn mực, những xu hướng lệch lạc để có biện pháp điều chỉnh. Đồng thời, phương thức này tạo ra sức ép xã hội tích cực, thúc đẩy mỗi cá nhân, tổ chức tự giác thực hiện các chuẩn mực. Nội dung thực hiện của phương thức này bao gồm: kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền; thông qua hoạt động giám sát của cộng đồng và các tổ chức xã hội; sự tự giám sát của mỗi cá nhân, tổ chức và thông qua hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm.

Các phương thức này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, bổ sung cho nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Không có phương thức nào có thể thay thế hoàn toàn phương thức khác, mà phải kết hợp đồng bộ mới đạt hiệu quả cao, trong đó phương thức thể chế hóa qua chính sách, pháp luật tạo nền tảng và định hướng cho toàn bộ quá trình. Phương pháp tuyên truyền, vận động, truyền thông tạo tiền đề nhận thức và sự đồng thuận xã hội. Phương thức giáo dục, thuyết phục hình thành nhân cách và chuyển hóa giá trị thành hành vi tự giác. Phương

thức kiểm tra, giám sát đảm bảo các chuẩn mực được thực hiện trong thực tiễn. Mỗi phương thức có vai trò riêng nhưng không thể tách rời, mà phải kết hợp chặt chẽ trong một chỉnh thể thống nhất. Việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương thức này phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh cụ thể sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong thời kỳ mới.

2.3. Mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam

Trong tiến trình phát triển lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam luôn có mối quan hệ gắn bó, tương tác chặt chẽ. Nếu như giá trị văn hóa truyền thống được xem là kết tinh của những kinh nghiệm, niềm tin, lý tưởng và chuẩn mực sống mà dân tộc Việt Nam hình thành qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước thì chuẩn mực con người Việt Nam là sự cụ thể hóa những giá trị đó trong hành vi, nhân cách và năng lực của mỗi cá nhân trong xã hội hiện đại. Hai phạm trù này vừa thống nhất về bản chất tinh thần, vừa kế thừa - phát triển lẫn nhau trong bối cảnh lịch sử mới. Mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam là mối quan hệ biện chứng và được biểu hiện qua các khía cạnh sau:

2.3.1. Giá trị văn hóa truyền thống là nguồn gốc hình thành chuẩn mực con người

Những chuẩn mực của con người Việt Nam như đã xác định cho thấy những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc chính là nền tảng định hình quan trọng cho sự hình thành chuẩn mực của con người Việt Nam, đúng như nhận định: “Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam chính là cội nguồn tinh thần, là sức mạnh nội sinh và thước đo phẩm giá của con người Việt Nam” [54, tr.37].

Dân tộc Việt Nam với bề dày truyền thống xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã rèn luyện và hun đúc cho người Việt Nam những phẩm chất cao quý. Yêu cầu của thực tiễn lịch sử dân tộc đã hình thành từ tự phát đến tự giác cho con người Việt Nam lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, sự kiên cường, dũng cảm để đối mặt với kẻ thù xâm lược; sự bền bỉ, cần cù, chịu khó làm lụng, lao động, sản xuất xây dựng cuộc sống; sự vị tha, nhân văn khi đối mặt sinh - tử trong đấu tranh với kẻ thù, những giá trị đó đã được chuyển hóa từ tinh hoa của dân tộc thành chuẩn mực của con người.

Giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được xem là tài sản tinh thần vô giá, là hành trang cho con người Việt Nam trưởng thành. Ngay cả đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, hành trang và nền tảng của Người khi ra đi tìm đường cứu nước cũng là lòng yêu nước, thương dân. Bởi vậy, Người khẳng định: trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin thì Người đã thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước, Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước, qua lăng kính của chủ nghĩa yêu nước. Do vậy, tư tưởng của Người được hình thành là sự kết hợp biện chứng giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa văn hóa nhân loại và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam hình thành dưới sự tác động của điều kiện, hoàn cảnh, địa chính trị, địa kinh tế, truyền thống lịch sử, văn hóa. Tất cả những yếu tố đó hợp thành chuẩn mực con người Việt Nam và được gìn giữ cho đến ngày nay.

Khi nói về bản chất con người, C. Mác cho rằng trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, điều này cho thấy, sự trưởng thành và phát triển của mỗi người được tạo bởi môi trường sống cùng các mối quan hệ xã hội khác nhau, chúng không thể tách rời nhau, cô lập nhau bởi mỗi cá nhân là một thực thể của xã hội nên “mọi biểu hiện sinh hoạt của nó - ngay cả nếu nó không biểu hiện dưới hình thức trực tiếp của biểu hiện sinh hoạt tập thể, đều được thực hiện cùng với những người khác - là biểu hiện và sự khẳng định của sinh hoạt xã hội” [88, tr.171]. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về bản chất con người cho rằng bản tính con người phần nhiều do ảnh hưởng của môi trường sống trong đó có giáo dục, Người cho rằng với mỗi người: Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn; Phần nhiều do giáo dục mà nên. Như vậy, môi trường sống ở đó có sự giáo dục của gia đình, truyền thống của quê hương, dân tộc, gia đình là yếu tố rất quan trọng hình thành những chuẩn mực tốt đẹp cho con người. Tất nhiên, yếu tố sinh học trong mỗi con người cũng có vai trò quan trọng, song những yếu tố sinh học nổi trội của con người nếu được “nuôi dưỡng” trong một môi trường tốt sẽ rất thuận lợi cho việc hình thành một nhân cách tốt, chuẩn mực tốt trong mỗi con người. Điều này càng chứng minh vai trò quyết định của các giá trị văn hóa truyền thống trong việc tạo nền tảng và định hình cho nhân cách và chuẩn mực của con người Việt Nam. Giá trị văn hóa truyền thống chính là nguồn gốc, nền tảng và tiêu chuẩn hình thành các chuẩn

mục con người Việt Nam - vừa phản ánh bản sắc dân tộc, vừa tạo quy chuẩn đạo đức xã hội ổn định qua các thời kỳ.

2.3.2. Các chuẩn mực con người là sự cụ thể hóa giá trị văn hóa truyền thống trong hành vi, phẩm chất, năng lực của người đó

Khía cạnh này khẳng định mối quan hệ chuyển hóa giữa giá trị văn hóa truyền thống được coi là cái trừu tượng, phổ quát và chuẩn mực con người là cái cá nhân, cụ thể. Trong mối quan hệ này, giá trị văn hóa truyền thống tồn tại ở dạng “tiềm năng” còn chuẩn mực con người là sự “hiện thực hóa” của giá trị tức là những giá trị được chuyển hóa thành chuẩn mực con người và được biểu hiện qua hành vi, phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân.

Từ các góc độ khác nhau có thể nhìn nhận mối quan hệ này như sau: từ góc độ triết học giá trị, mối quan hệ biện chứng giữa giá trị và chuẩn mực là mối quan hệ giữa cái “nên làm” và cái “phải làm” bởi giá trị là cái được xã hội, cộng đồng thừa nhận còn chuẩn mực là những quy tắc của hành vi con người được xã hội chấp nhận. Từ góc độ tâm lý học phát triển, quá trình hình thành chuẩn mực con người đi từ nhận thức hình thành thái độ, hành vi tạo nên thói quen và đúc kết thành phẩm chất hay chuẩn mực con người. Ở đó, giá trị văn hóa truyền thống được con người tiếp nhận thông qua các hoạt động như giáo dục, tự giáo dục, trải nghiệm ở các môi trường như gia đình, nhà trường, xã hội từ đó hình thành phẩm chất/ chuẩn mực của cá nhân. Nhìn từ góc độ xã hội học, chuẩn mực xã hội (social norms) là sự thể chế hóa, cụ thể hóa của hệ giá trị (values) trong đời sống cộng đồng như quan niệm của Talcott Parsons trong lý thuyết hệ thống hành động đã chỉ ra: giá trị là “tiêu chuẩn đánh giá”, còn chuẩn mực chính là “quy tắc hành động” được dẫn xuất từ giá trị.

Nếu các giá trị văn hóa truyền thống mang đặc tính là sự trừu tượng hóa, khái quát hóa, thì chuẩn mực con người Việt Nam chính là những biểu hiện cụ thể, sống động các giá trị đó trong hành vi và đời sống xã hội vì “Chuẩn mực con người là sự hiện thân của các giá trị văn hóa - xã hội trong hành vi, đạo đức và năng lực thực hiện trách nhiệm xã hội của cá nhân” [23, tr.6]. Có thể chứng minh điều này qua một số giá trị được cụ thể hóa như: giá trị nhân ái được cụ thể hóa bằng chuẩn mực nghĩa tình, nhân ái; giá trị hiếu học được cụ thể hóa bằng chuẩn mực ham học hỏi, sáng tạo, ... Do đó, chuẩn mực con người Việt Nam chính là hình thức biểu hiện cụ thể của các giá trị văn hóa truyền thống và là sự phản ánh

từ bên trong các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc vào nhân cách cá nhân.

Có thể thấy, quan điểm này có cơ sở khoa học vững chắc, phản ánh đúng bản chất mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trên nền tảng kế thừa giá trị văn hóa truyền thống.

2.3.3. Quá trình hiện đại hóa đòi hỏi phải tái cấu trúc chuẩn mực con người, vừa kế thừa giá trị văn hóa truyền thống, vừa tiếp thu giá trị mới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, công nghiệp hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, chuẩn mực con người Việt Nam đang đứng trước yêu cầu tái cấu trúc hệ giá trị, nhằm thích ứng với những biến đổi xã hội nhưng vẫn giữ gìn cốt lõi truyền thống. Hiện nay có khá nhiều ý kiến bàn luận về sự cần thiết phải xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện đại theo hướng vừa kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, chẳng hạn như: “Hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam phải được phát triển theo hướng kế thừa giá trị truyền thống, tiếp thu tinh hoa nhân loại và phản ánh yêu cầu của thời đại mới” [60, tr.239], hay “Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam phải kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống (yêu nước, nhân ái, trách nhiệm) và các giá trị hiện đại (sáng tạo, kỷ cương, hội nhập)” [81, tr.261]. Việc tái cấu trúc ở đây không đơn thuần hiểu là kết cấu lại mà đó là xây dựng cái mới trên cơ sở lấy những giá trị của cái đã có làm nền tảng để tiếp nhận những cái mới phù hợp, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới đặt ra. Quá trình hiện đại hóa và hội nhập không làm mất đi giá trị văn hóa truyền thống mà đòi hỏi cần có sự chuyên hóa, nâng cấp và tái định vị các chuẩn mực con người để vừa giữ gìn được bản sắc, vừa hội nhập và phát triển.

Tóm lại, mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam là mối quan hệ hữu cơ, biện chứng. Giá trị văn hóa truyền thống là nguồn gốc và nền tảng tinh thần hình thành nên chuẩn mực con người, trong khi các chuẩn mực con người lại là sự cụ thể hóa, hiện thực hóa các giá trị văn hóa truyền thống trong hành vi và nhân cách cá nhân.

Trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, việc tái cấu trúc chuẩn mực con người đòi hỏi phải vừa kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, vừa tiếp thu các giá trị mới của thời đại, nhằm hình thành con người Việt Nam toàn diện - yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo và hội nhập.

2.4. Vai trò của giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

2.4.1. Vai trò định hướng cho chuẩn mực con người

Giá trị văn hóa truyền thống không chỉ là nền tảng mà còn đóng vai trò định hướng, sàng lọc và điều chỉnh các giá trị mới trong quá trình hình thành chuẩn mực con người. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, giá trị văn hóa truyền thống là thước đo, tiêu chí để lựa chọn, tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiến bộ của nhân loại, đồng thời loại bỏ những yếu tố không phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc như Đảng ta khẳng định về xây dựng văn hóa dân tộc cần tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc. Cụ thể, tiếp nhận dân chủ, bình đẳng nhưng kết hợp với truyền thống đoàn kết, cộng đồng để tránh chủ nghĩa cá nhân cực đoan; tiếp nhận tinh thần cạnh tranh phải kết hợp với truyền thống nhân ái, nghĩa tình để tránh thực dụng; tiếp nhận tư duy đổi mới phải giữ gìn truyền thống tôn trọng kinh nghiệm.

Giá trị văn hóa truyền thống cũng giúp cân bằng các yêu cầu đối lập trong xã hội hiện đại như cân bằng giữa cá nhân và cộng đồng, trong đó truyền thống cộng đồng làng xã giúp phát huy vai trò cá nhân nhưng không đánh mất tinh thần cộng đồng; cân bằng giữa vật chất và tinh thần, trong đó truyền thống nhân văn giúp phát triển kinh tế nhưng không rơi vào thực dụng; cân bằng giữa lý và tình theo truyền thống “có lý, có tình” giúp xây dựng Nhà nước pháp quyền nhưng vẫn phải giữ tính nhân văn.

Hơn nữa, giá trị văn hóa truyền thống còn là “hệ tọa độ văn hóa” giúp con người Việt Nam nhận diện, giữ gìn bản sắc trong toàn cầu hóa. Đảng ta xác định: “Văn hóa Việt Nam là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển” [38, tr.189]. Vai trò định hướng này giúp nhận diện giá trị dân tộc, tạo sức đề kháng văn hóa trước giá trị tiêu cực, duy trì tính liên tục lịch sử, kết nối các thế hệ.

2.4.2. Vai trò đánh giá (thước đo) chuẩn mực con người

Như trên đã phân tích, trong mối quan hệ giữa giá trị và chuẩn mực, giá trị là cái được xã hội, cộng đồng thừa nhận còn chuẩn mực là những quy tắc của hành vi con người được xã hội chấp nhận. Như vậy, với các giá trị được thể hiện trong cộng đồng, thông qua sự đánh giá của cộng đồng đối với từng cá nhân, chính là khi hành vi, chuẩn mực con người được xã hội xem xét, thừa nhận là

phù hợp với hệ giá trị hoặc ngược lại, với các mức độ thực hiện khác nhau của từng cá nhân. Trong đó, giá trị văn hóa truyền thống chính là cơ sở tạo nên/ xác định các chuẩn mực và tiêu chí để đánh giá con người.

Giá trị văn hóa truyền thống với các yếu tố được lưu truyền qua nhiều thế hệ đã tạo nên một hệ tiêu chí chung về phẩm chất, đạo đức, chuẩn mực, hành vi con người. Các giá trị đó tạo nên quan niệm về tốt – xấu, đúng – sai trong đánh giá. Qua đó, con người có thể nhận biết và có những định hướng hoặc điều chỉnh về chuẩn mực và hành vi ứng xử của mình sao cho hướng tới cái có giá trị, được cộng đồng chấp nhận.

Không chỉ là công cụ để xã hội đánh giá chuẩn mực con người, các tiêu chí trong giá trị văn hóa truyền thống còn là bộ công cụ để bản thân mỗi con người tự đánh giá, nhìn nhận về hành vi, chuẩn mực của chính bản thân mình, đó được xem là chức năng tự đánh giá của giá trị văn hóa truyền thống đối với chuẩn mực con người. Cụ thể, mỗi cá nhân có thể tự so sánh, đối chiếu hành vi và chuẩn mực của bản thân mình với những giá trị văn hóa truyền thống để nhìn nhận, đánh giá về phẩm chất, hành vi của chính mình. Từ đó, giúp con người nhận biết về những ưu, nhược điểm của bản thân để có những định hướng nhằm điều chỉnh hành vi, chuẩn mực cho phù hợp với hệ giá trị và chuẩn mực chung của cộng đồng. Sự điều chỉnh này cũng chính là điều chỉnh hành vi cá nhân cho phù hợp với các tiêu chí, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, qua đó góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

2.4.3. Vai trò điều chỉnh hành vi, chuẩn mực con người

Chức năng điều chỉnh chuẩn mực con người của giá trị văn hóa truyền thống được thực hiện thông qua sự tác động từ các yếu tố bên ngoài như sức ép từ dư luận xã hội, sự giáo dục và truyền thụ cùng các yếu tố bên trong như niềm tin, động lực và sự tự đánh giá, tự nhận thức và tự điều chỉnh của mỗi cá nhân. Đó thực chất là tổng hòa của quá trình tương tác giữa cá nhân và cộng đồng xã hội để xây dựng hệ chuẩn mực con người dựa trên hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong mối quan hệ đó, giá trị văn hóa truyền thống có vai trò điều chỉnh hoặc tác động từ bên ngoài vào hoặc tạo nên sự tự điều chỉnh đối với mỗi cá nhân con người, cụ thể như:

Giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị, chuẩn mực đạo đức và quan niệm sống được lưu truyền qua nhiều thế hệ tạo thành những “hình mẫu” cho

hành vi ứng xử của con người. Qua đó, mỗi cá nhân sẽ so sánh, đối chiếu hành vi của mình với những chuẩn mực này để điều chỉnh hành vi, chuẩn mực của bản thân cho phù hợp với hệ giá trị chung của xã hội.

Cùng với đó, các giá trị văn hóa truyền thống tạo nên áp lực xã hội, buộc con người phải tuân thủ và hành xử theo khuôn mẫu chung. Nếu một người có hành vi trái với các giá trị, chuẩn mực truyền thống sẽ bị xã hội chỉ trích, lên án. Điều này tạo động lực để con người tự giác điều chỉnh, uốn nắn bản thân theo các giá trị văn hóa bởi những phẩm chất, hành vi phù hợp với các giá trị văn hóa truyền thống sẽ được tán thưởng, khuyến khích, từ đó tác động đến tâm lý và thúc đẩy con người hướng tới những chuẩn mực tốt đẹp. Ngược lại, hành vi trái với đó cũng sẽ chịu sự phê phán, kỳ thị của xã hội.

Những giá trị văn hóa truyền thống được thể hiện xuyên suốt trong cuộc sống từ gia đình, học đường đến xã hội. Chúng được giáo dục, lưu truyền một cách tự nhiên và ngấm dần vào tâm thức của mỗi người, từ đó định hình nên hệ giá trị bản thân và chi phối hành vi ứng xử. Sức mạnh thuyết phục của văn hóa truyền thống còn đến từ các câu chuyện, hình mẫu, biểu tượng có tính giáo dục cao. Những gương sáng về đạo đức, những bài học luân lý, các tấm gương anh hùng... được lưu truyền sẽ gợi mở, truyền cảm hứng để mỗi người học tập và noi theo.

Như vậy, hệ giá trị văn hóa truyền thống từ việc giúp định hướng đến đánh giá và điều chỉnh hành vi, chuẩn mực con người tới hệ giá trị chung, phổ quát của cộng đồng xã hội cho thấy chuẩn mực con người là biểu hiện cụ thể của giá trị văn hóa truyền thống qua sự tác động từ bên ngoài cũng như tự ý thức, tự điều chỉnh của cá nhân con người. Lý luận này góp phần khẳng định vai trò và sự cần thiết của việc tiếp tục gìn giữ và vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết Chương 2

Chương hai của luận án đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam. Một số kết quả nghiên cứu của chương tập trung và làm rõ một số vấn đề như sau:

Trước hết, đã hệ thống hóa và phân tích sâu các khái niệm cơ bản như giá trị văn hóa, giá trị văn hóa truyền thống, chuẩn mực con người, chuẩn mực con

người Việt Nam, xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam từ đó xác lập được khung lý thuyết nhất quán cho toàn bộ luận án.

Thứ hai, đã xác định nội dung cơ bản của phạm trù trung tâm “vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam” thông qua việc làm rõ khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức của việc vận dụng. Qua đó khẳng định các giá trị này không bất biến mà có khả năng biến đổi, tái cấu trúc để thích ứng với điều kiện mới và khái quát hóa những nội dung cơ bản về chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay với các nhóm chuẩn mực bao gồm trong đó các chuẩn mực cụ thể cùng những đặc điểm của chuẩn mực con người Việt Nam nhằm thấy được mối liên hệ giữa chuẩn mực con người và giá trị văn hóa truyền thống cùng hệ giá trị văn hóa dân tộc và cơ bản xác định được những giá trị văn hóa truyền thống nào được chọn lọc để hình thành chuẩn mực con người Việt Nam.

Thứ ba, phân tích mối quan hệ biện chứng giữa giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ và sự tác động qua lại lẫn nhau, trong đó: Giá trị văn hóa truyền thống là *nguồn gốc* hình thành các chuẩn mực con người; Các chuẩn mực con người là *sự cụ thể hóa* giá trị văn hóa truyền thống trong hành vi, phẩm chất, năng lực và quá trình hiện đại hóa đòi hỏi phải *tái cấu trúc* chuẩn mực con người, vừa kế thừa giá trị văn hóa truyền thống, vừa tiếp thu giá trị mới.

Thứ tư, đánh giá vai trò của giá trị văn hóa truyền thống đối với chuẩn mực con người thông qua chức năng định hướng, đánh giá và điều chỉnh để tạo nên sự tác động khách quan cũng như sự tự nhận thức, tự điều chỉnh của cá nhân con người trong việc tạo dựng hệ chuẩn mực của bản thân phù hợp với giá trị của cộng đồng. Qua đó càng góp phần khẳng định sự cần thiết của việc tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống đối với xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Với những kết quả đã đạt được, nội dung nghiên cứu của chương hai đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng lý luận cho toàn bộ luận án, làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm tiếp tục kế thừa giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong luận án này việc đánh giá thực trạng vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay tập trung vào việc đánh giá trong thực tế đã làm được ở mức độ nào, từ đó đề ra giải pháp tăng cường hiệu quả vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới. Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay không chỉ dừng lại ở việc kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống mà còn tái cấu trúc, làm mới nội dung và kết hợp linh hoạt với các giá trị hiện đại để hướng tới xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới.

3.1. Những kết quả đạt được của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay và nguyên nhân

3.1.1. Những kết quả đạt được của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

Đánh giá những kết quả đạt được chính là khẳng định chiều hướng tích cực của quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, có thể khái quát các kết quả đạt được trên các phương diện chủ thể, nội dung và phương thức của sự vận dụng như sau:

3.1.1.1. Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các chủ thể về giá trị văn hóa truyền thống, về phát triển văn hóa và con người Việt Nam

Thứ nhất, Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị có nhiều quan điểm mới, chính sách tích cực để nâng tầm phát triển văn hóa, con người Việt Nam

Trải qua 40 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, nhận thức của toàn xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống đối với việc xây dựng, phát triển con người Việt Nam đã có sự chuyển biến sâu sắc và ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn. Nếu như trước đây, văn hóa thường được xem và coi là “lĩnh vực phụ trợ” cho các lĩnh vực kinh tế, chính trị thì nay dưới ánh sáng của Đại hội XIII của Đảng, vai trò của văn hóa được khẳng định là “nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực và sức mạnh nội sinh của phát triển bền vững” [41, tr.142].

Sự phát triển đó được thể hiện qua quá trình phát triển nhận thức lý luận liên tục: từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) đặt nền móng khi khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển”, đến sự phát triển trong Nghị quyết số 33/NQ-TW (2014) với quan điểm về: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có nhân cách, đạo đức, lối sống tốt đẹp; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” và Nghị quyết Đại hội XIII (2021) tiếp tục nâng tầm quan điểm chỉ đạo về: “Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị con người Việt Nam gắn với phát triển bền vững đất nước” [41, tr.142] và đặc biệt sự ra đời của Nghị quyết số 80/NQ-TW của Bộ Chính trị (2026) về phát triển văn hóa đã nâng tầm quan điểm chỉ đạo của Đảng và đưa vấn đề phát triển văn hóa, con người xứng đáng với vị thế của nó trong chủ trương phát triển đất nước thời kỳ mới khi Đảng ta khẳng định: “Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hoá. Cần xây dựng và thực hiện đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng vươn lên; nuôi dưỡng lòng nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật” [44, tr.378]. Quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội XIV đã xác định văn hóa chính thức được xác lập vị trí ngang tầm với kinh tế, chính trị và xã hội; hệ giá trị Việt Nam được cụ thể hóa thành một cấu trúc đồng bộ với nền văn hóa; đưa văn hóa số và công nghiệp văn hóa vào trọng tâm nghị quyết. Đồng thời, văn kiện Đại hội đã đề ra sự tích cực hợp tác và quảng bá văn hóa ra thế giới khi nhấn mạnh về việc cần chủ động, tích cực hợp tác, quảng bá hình ảnh đất nước, giá trị văn hoá và con người Việt Nam ra thế giới và nhấn mạnh vai trò chủ thể của con người trong quá trình phát triển.

Điều này đã chứng minh cho sự phát triển về chất trong nhận thức của Đảng về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam: “Đảng ta đã chuyển từ quan điểm “xây dựng văn hóa” sang “phát triển hệ giá trị văn hóa và con người”, thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức lý luận và tư duy phát triển” [113, tr.19]. Đây trở thành cơ sở, nền tảng định hình cho việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội, hình thành hệ thống chính sách của nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Cùng với sự chuyển biến trong tư duy của Đảng, *Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về phát triển văn hóa, con người Việt Nam*. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước đã xây dựng khung thể chế hóa toàn diện cho phát triển văn hóa dân tộc, đặc biệt thông qua Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 – văn bản nền tảng thể chế hóa tư tưởng của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XIII về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 đã xác định mục tiêu xuyên suốt là: “Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, con người Việt Nam hướng đến chân – thiện – mỹ, gắn kết hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và sáng tạo, giữa bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế” [19]. Chiến lược đã định hướng các nội dung chủ yếu bao gồm:

Phát huy giá trị văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc với việc gìn giữ và tôn vinh, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đồng thời tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản, thúc đẩy số hóa và lan tỏa giá trị văn hóa con người qua công nghệ hiện đại.

Xây dựng con người Việt Nam mới phát triển toàn diện với các chuẩn mực: Yêu nước, nhân ái, đoàn kết, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo. Hệ giá trị chuẩn mực mới của con người vừa là sự kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống, vừa được bổ sung, phát triển các giá trị hiện đại đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế tri thức hiện nay.

Hoàn thiện thể chế, chính sách về văn hóa, chú trọng xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật về văn hóa, trong đó tập trung vào nội dung quyền sáng tạo, tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa của công dân. Đồng thời, tăng cường đầu tư cho văn hóa, hình thành Quỹ Phát triển văn hóa Quốc gia, khuyến khích khu vực tư nhân cùng cộng đồng tham gia bảo tồn và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa.

Hội nhập quốc tế về văn hóa thông qua việc giao lưu, hợp tác đa phương, đa lĩnh vực với quốc tế; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, tổ chức sự kiện quốc tế, tham gia các công ước quốc tế của UNESCO về văn hóa.

Về ý nghĩa, chiến lược này đã khẳng định việc “giữ gốc” và “mở rộng” trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam qua khẳng định việc bảo tồn và

phát huy các giá trị văn hóa truyền thống không mâu thuẫn với đổi mới, sáng tạo, mà chính là sự tiếp nối tự nhiên của phát triển văn hóa. Chiến lược cũng tạo hành lang pháp lý cho việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với việc hình thành “bản sắc mở” - vừa mang giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc vừa mang tính công dân toàn cầu.

Thứ hai, nhận thức của cộng đồng xã hội về phát triển văn hóa, con người có sự lan tỏa mạnh mẽ

Nhận thức của cộng đồng xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống đã có bước phát triển vượt bậc khi các khái niệm như: bản sắc dân tộc, giá trị Việt Nam, chuẩn mực con người Việt Nam đã ngày càng phổ biến và trở nên quen thuộc trong đời sống xã hội, trong các hoạt động truyền thông và trong giáo dục.

Ngày càng có nhiều phong trào trong toàn dân được triển khai và nhân rộng tạo môi trường nuôi dưỡng giá trị văn hóa truyền thống và hình thành nhân cách con người như phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được thực hiện từ năm 2000 đến nay; Cuộc vận động về học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05/TW của Bộ Chính trị bắt đầu từ năm 2017 cho đến nay; Các chương trình giáo dục, học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được triển khai trong các nhà trường cũng mang lại nhiều chuyển biến về nhận thức trong học sinh, sinh viên.

Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023): “Gần 90% địa phương đã đưa nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống vào phong trào đời sống văn hóa cơ sở, góp phần củng cố ý thức cộng đồng và tinh thần yêu nước” [17, tr.45-46]. Qua đây cho thấy, nhận thức xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống không chỉ tăng về mức độ mà còn có sự chuyển biến về chất lượng qua việc từ chỗ coi trọng “gìn giữ di sản” sang chủ động “phát huy giá trị truyền thống” và làm cho phong trào ngày càng được lan tỏa trong cộng đồng xã hội.

Thứ ba, các thiết chế xã hội (gia đình, nhà trường, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội) ngày càng có nhiều hoạt động tích cực khẳng định sức mạnh của giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam

Các giá trị cốt lõi như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học đã được đưa vào chiến lược giáo dục, truyền thông và các phong trào thi đua thông qua vai trò

của nhà trường, cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong giáo dục và đào tạo, giá trị văn hóa truyền thống đã được chuyển hóa thành mục tiêu giáo dục con người toàn diện. Theo báo cáo tổng kết của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) (năm 2022): “Các giá trị truyền thống như yêu nước, nhân ái, hiếu học, trung thực được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học như những năng lực cốt lõi, góp phần hình thành nhân cách thế hệ trẻ” [13]. Trong chương trình giáo dục phổ thông, một trong số các mục tiêu quan trọng được Bộ GD&ĐT xác định là hình thành nên các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm cho học sinh.

Nhiều phong trào thi đua trong nhà trường được triển khai lấy các giá trị hiếu học, đoàn kết, tôn sư trọng đạo làm nền tảng như phong trào “Xây dựng trường học thân thiện – học sinh tích cực”. Gần đây, phong trào xây dựng “Trường học hạnh phúc” được triển khai rộng rãi trên cơ sở lấy ý tưởng từ dự án Happy School của UNESCO khởi động từ năm 2014. Việt Nam đã áp dụng tại chương trình do Bộ GD&ĐT triển khai từ năm 2019 về “Triển khai kế hoạch nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo vì một trường học hạnh phúc” với 3 tiêu chí cốt lõi: yêu thương, an toàn và tôn trọng.

Trong truyền thông và phong trào thi đua xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là truyền hình, báo chí, nền tảng số đóng vai trò tích cực trong lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống. Theo báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương (năm 2023): “Các phong trào thi đua gắn với giá trị truyền thống đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng ý thức công dân, trách nhiệm cộng đồng và tinh thần sáng tạo của người Việt Nam thời kỳ hội nhập” [7]. Nhiều chương trình, phong trào điển hình như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Người tốt – việc tốt”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Việc tử tế”, “Việt Nam tươi đẹp” đã góp phần khơi dậy tinh thần nhân ái, đoàn kết, nghĩa tình trong cộng đồng.

Có thể khẳng định, mức độ tăng lên trong nhận thức về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống được thể hiện từ sự phát triển trong tư duy của Đảng, chính sách của Nhà nước đến hành động của cộng đồng. Ở đó, văn hóa đã được nhìn nhận là nền tảng tinh thần và là động lực phát triển con người Việt Nam toàn diện, đúng như một đánh giá rằng: “Một dân tộc chỉ có thể phát triển bền vững khi các giá trị

truyền thống được nâng lên thành nhận thức xã hội và được thực hành trong đời sống con người” [9, tr.11].

Thứ tư, con người Việt Nam đã hình thành được ý thức tự lực, tự cường, luôn nhận thức về việc tự rèn luyện và nỗ lực vươn lên trong bối cảnh mới

Đây là một trong những thành tựu quan trọng về chủ thể vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thể hiện ở việc con người Việt Nam cho đến nay đã hình thành được những chuẩn mực cơ bản cần có, đồng thời nuôi dưỡng ý thức tự lực, tự cường, luôn nhận thức về việc tự rèn luyện và nỗ lực vươn lên bởi bản thân con người, với ý thức tự giác vừa là chủ thể vừa là mục tiêu của quá trình xây dựng chuẩn mực con người. Đây là kết quả của quá trình kế thừa, chuyển hóa liên tục các giá trị văn hóa truyền thống vào đời sống con người Việt Nam qua nhiều thế hệ.

Trên nền tảng của các giá trị văn hóa truyền thống như yêu nước, đoàn kết, nhân ái, cần cù, hiếu học, tôn sư trọng đạo, lòng biết ơn, con người Việt Nam đã từng bước hình thành và định hình hệ thống các chuẩn mực cơ bản cần có. Hệ chuẩn mực này không phải là sản phẩm áp đặt từ bên ngoài mà là kết quả của quá trình nội tâm hóa tự nhiên các giá trị truyền thống qua hàng nghìn năm, được đúc kết từ thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước, từ nền văn minh lúa nước, từ văn hóa làng xã và đời sống cộng đồng dân tộc. Điều đáng ghi nhận là các chuẩn mực của con người Việt Nam hiện nay có được đều có gốc rễ sâu xa từ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, cho thấy sự kế thừa liên tục và có ý thức giữa truyền thống và hiện đại trong xây dựng con người.

Trong lịch sử, trước những yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh giành và giữ nền độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, con người Việt Nam đã hình thành những chuẩn mực: yêu nước, đoàn kết, kiên cường, dũng cảm,... Đặc điểm của nền văn hóa nông nghiệp giúp hình thành những chuẩn mực: nghĩa tình, cần cù, lạc quan, nhân ái, ... để người Việt Nam có thể tiếp tục sinh tồn trước những khó khăn do thiên tai, địch họa. Đó là sự tự ý thức vươn lên trong hoàn cảnh của người Việt.

Ngày nay, trước những yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng với việc xây dựng nền kinh tế đất nước có nội lực mạnh, có sức cạnh tranh để có thể chủ động hội nhập với nền kinh tế thế giới, hơn bao giờ hết con người Việt Nam càng có những nhận thức đúng

đấn về tinh thần tự lực tự cường và tự rèn luyện, phát triển bản thân mỗi cá nhân. Đặc biệt, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, con người Việt Nam đã và đang thể hiện khả năng thích ứng nhanh chóng với công nghệ mới, hình thành năng lực công nghệ, kỹ năng số, đạo đức số và trách nhiệm trên không gian mạng – những chuẩn mực hoàn toàn mới nhưng được xây dựng trên nền tảng tinh thần cần cù, sáng tạo và hiếu học truyền thống.

Trên thực tế, con người Việt Nam hiện đại có ý thức mạnh mẽ về việc tự học, tự phát triển, hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu mới của xã hội. Nhiều cá nhân trẻ đã trở thành biểu tượng của tinh thần trách nhiệm, trung thực và sáng tạo, góp phần lan tỏa những giá trị chuẩn mực tốt đẹp trong cộng đồng. Con người Việt ngày nay có ý thức tự học, tự hoàn thiện, không ngừng nâng cao năng lực cá nhân. Nhiều cá nhân trẻ tiêu biểu nêu gương trong khởi nghiệp, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, thể thao góp phần tạo nên hình mẫu con người mới.

Đảng ta đã xác định rõ yêu cầu phát triển toàn diện con người: “Xây dựng con người Việt Nam đẹp về nhân cách, đạo đức, tâm hồn; cao về trí tuệ, năng lực, kỹ năng sáng tạo; khỏe về thể chất; nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật” [39, tr.126]. Việc con người Việt Nam đã hình thành được các chuẩn mực cơ bản và ý thức tự lực, tự cường là minh chứng cho thấy quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người đã đạt được những kết quả có tính nền tảng và bền vững, tạo tiền đề vững chắc cho việc tiếp tục phát triển con người Việt Nam toàn diện trong thời kỳ mới.

3.1.1.2. Nội dung vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đạt được nhiều kết quả quan trọng

Những kết quả này được thể hiện qua những chuẩn mực con người Việt Nam hiện có và biểu hiện mới của chúng được thực hành trong đời sống xã hội hàng ngày của con người, cụ thể như sau:

Một là, về chuẩn mực yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng vươn lên

Ngày nay, tinh thần yêu nước truyền thống được kế thừa mạnh mẽ trong ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của nhân dân Việt Nam thể hiện qua nhiều hoạt động, phong trào của xã hội như: phong trào “Vì Trường Sa thân yêu”, “Góp đá xây Trường Sa” đã thu hút hàng triệu người tham gia, thể hiện sự chuyển hóa giá trị truyền thống thành hành động cụ thể của người dân hiện đại.

Khát vọng vươn lên của người Việt Nam được thể hiện rõ trong phát triển kinh tế đất nước. Từ một quốc gia bị tàn phá bởi chiến tranh, Việt Nam đã vươn lên trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh hàng đầu khu vực. GDP bình quân đầu người tăng từ khoảng 100 USD (1986) lên hơn 4.000 USD (2023), năng lực công nghiệp tăng nhanh trong thập kỷ vừa qua, vượt trội so với các nước trong khu vực đã phản ánh ý chí tự cường được tiếp sức bởi truyền thống không khuất phục trước khó khăn.

Trong các phong trào văn hóa, thể dục thể thao, các vận động viên Việt Nam liên tiếp đạt thành tích cao tại SEA Games, ASIAD – được truyền thông gắn kết với tinh thần dân tộc, tạo làn sóng tự hào quốc gia mạnh mẽ. Chiến thắng của đội tuyển bóng đá U23 Việt Nam năm 2018 trở thành biểu tượng của khát vọng vươn lên, được hàng chục triệu người đón nhận như một sự kiện văn hóa – không chỉ là thể thao, hay tại SEA Games 32 (2023) đoàn Việt Nam đạt 136 Huy chương vàng – lần đầu tiên đứng thứ nhất khi không tổ chức trên sân nhà trong lịch sử thể thao Việt Nam. Trong các cuộc thi, đấu trường trí tuệ thế giới, ngày càng nhiều người Việt đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi trí tuệ, tổ chức quốc tế, trường đại học danh tiếng thế giới. Điều này phản ánh ý chí tự cường được nuôi dưỡng từ truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

Phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lan rộng và phát triển mạnh mẽ nhất là trong giới trẻ. Việt Nam lọt top các quốc gia có hệ sinh thái khởi nghiệp năng động nhất Đông Nam Á, với nhiều startup như VNG, VNPAY, MoMo – thể hiện khát vọng vươn tầm quốc tế trên nền tảng nội lực dân tộc. Theo số liệu thống kê từ Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2024, số lượng startup của Việt Nam đạt hơn 4.000, trong đó 2 unicorn và 11 doanh nghiệp định giá > 100 triệu USD. Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam xếp thứ 46/132 quốc gia năm 2023, tăng 2 bậc so với năm trước.

Hai là, về chuẩn mực nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết

Tinh thần đoàn kết của người Việt Nam ngày nay được thử thách và tôi luyện qua các cuộc chiến với thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề khác thuộc an ninh phi truyền thống. Đại đoàn kết dân tộc trong đại dịch COVID-19 là minh chứng sống động và toàn diện nhất của chuẩn mực nhân ái – đoàn kết trong thời hiện đại các hoạt động điển hình của người Việt Nam như: Phong trào “ATM gạo” xuất hiện tự phát, lan rộng khắp cả nước, hỗ trợ hàng triệu người nghèo;

hàng nghìn y bác sĩ, sinh viên y tế tình nguyện vào tâm dịch; kiều bào và doanh nghiệp đóng góp hàng nghìn tỷ đồng cho Quỹ vaccine phòng COVID-19 và sự ghi nhận của thế giới dành cho Việt Nam về mô hình chống dịch dựa trên sức mạnh cộng đồng của Việt Nam.

Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa thiện nguyện, điển hình như sau lũ lụt miền Trung (2020), trận lụt nghiêm trọng tại làng Nủ - Lào Cai (2024), Thái Nguyên (2025) hàng nghìn tỷ đồng được quyên góp trong vài ngày cho thấy nghĩa tình truyền thống được kích hoạt mạnh mẽ qua mạng xã hội và truyền thông hiện đại. Phong trào hiến máu nhân đạo, hiến mô, hiến tạng cứu người ngày càng phát triển mạnh là biểu hiện của lòng nhân ái được nâng lên tầm cao mới, kết hợp truyền thống “thương người” với ý thức công dân hiện đại.

Tình làng, nghĩa xóm vẫn được bảo tồn trong xu thế đô thị hóa. Nhiều cộng đồng dân cư vẫn duy trì các hình thức tương trợ truyền thống như hội tương tế, quỹ cộng đồng, hỗ trợ nhau việc làm đã chứng minh giá trị nhân ái không bị xói mòn hoàn toàn trong đời sống đô thị.

Chính sách an sinh xã hội mang tinh thần nhân ái được thực hiện và lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Các chương trình “Nhà tình nghĩa”, “Nhà đại đoàn kết”, “Xóa đói giảm nghèo”, “Không bỏ ai lại phía sau”, v.v. vừa là chính sách nhà nước vừa phản ánh giá trị nhân ái truyền thống được thể chế hóa. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam giảm từ hơn 70% (1990) xuống dưới 5% (2023) được xem là một kỳ tích có sự đóng góp của tinh thần đoàn kết dân tộc.

Ba là, về chuẩn mực kỷ luật, trách nhiệm, tôn trọng pháp luật

Truyền thống kỷ luật của người Việt bắt nguồn từ lệ làng - phép nước - hệ thống quy tắc cộng đồng được tuân thủ nghiêm khắc trong xã hội nông nghiệp. Tinh thần trách nhiệm với cộng đồng được thể hiện qua hương ước, lệ tục và đặc biệt là kỷ luật thép trong các cuộc kháng chiến. Ngày nay, tinh thần đó vẫn được giữ nguyên và có nhiều biểu hiện mới trong đời sống hiện đại với các kết quả đạt được như:

Tinh thần kỷ luật trong lực lượng vũ trang và các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam hay lực lượng gìn giữ hòa bình Việt Nam tại Liên Hợp Quốc được đánh giá cao. Tính kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của người lao động Việt Nam cũng dần được xây dựng trong các môi trường làm việc. Người lao động Việt Nam được các doanh nghiệp nước ngoài đánh giá cao về tính kỷ luật, chịu khó

và tinh thần trách nhiệm, góp phần thu hút FDI và xây dựng thương hiệu lao động Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Cùng với đó, ý thức trách nhiệm của con người Việt Nam cũng được nâng cao và biểu hiện thông qua trách nhiệm với môi trường, trách nhiệm trong lao động. Ý thức bảo vệ môi trường đang được tái xác lập. Nhiều phong trào “nói không với rác thải nhựa”, phân loại rác thải tại gốc, trồng rừng, bảo vệ thiên nhiên đang lan rộng trong cộng đồng. Mục tiêu Net Zero 2050 được Chính phủ cam kết tại COP26 thể hiện trách nhiệm quốc tế của Việt Nam. Trong lao động, làm việc chiến dịch phòng chống tham nhũng được người dân ủng hộ mạnh mẽ phản ánh giá trị “liêm - chính” truyền thống được kích hoạt lại. Kết quả xử lý nhiều vụ án tham nhũng lớn cho thấy trách nhiệm giải trình đang được nâng cao trong đời sống chính trị - xã hội.

Ý thức chấp hành pháp luật của người dân cũng được nâng lên trong hiện tại. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tăng mạnh; ý thức đội mũ bảo hiểm, chấp hành luật giao thông được cải thiện cho thấy trách nhiệm cộng đồng truyền thống đang chuyển hóa thành ý thức pháp luật hiện đại.

Bốn là về chuẩn mực cần cù, sáng tạo, yêu lao động, hiếu học

Đức tính cần cù, yêu lao động, ham học hỏi của con người Việt Nam đạt được nhiều kết quả đáng kể biểu hiện qua các việc:

Người lao động Việt Nam với đức tính cần cù truyền thống đã tạo ra "nhiều kỳ tích" trong đổi mới như: duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 6-7%/năm suốt hơn 3 thập kỷ. Ngành nông nghiệp Việt Nam với lao động cần cù của hàng chục triệu nông dân đưa Việt Nam trở thành top đầu xuất khẩu gạo, cà phê, hạt tiêu, thủy sản thế giới.

Trong những năm qua, đặc biệt từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, con người Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào về chuẩn mực sáng tạo, được cộng đồng quốc tế ghi nhận qua việc Việt Nam liên tục cải thiện thứ hạng trên Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới. Kết quả của sự sáng tạo của người Việt Nam thể hiện ở nhiều lĩnh vực như: Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đội ngũ nhà khoa học Việt Nam đã có những công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín thế giới; Trong lĩnh vực kinh tế và khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ với hàng nghìn startup ra đời mỗi năm, đưa

Việt Nam trở thành một trong những thị trường khởi nghiệp năng động nhất Đông Nam Á; các tập đoàn tư nhân như Vingroup, Hòa Phát, Vinamilk, TH True Milk, SunGroup, v.v. đã trở thành những thương hiệu mạnh vươn ra thị trường quốc tế, trong đó VinFast đã đưa được xe điện ra thị trường Mỹ và châu Âu - minh chứng cho khát vọng và năng lực sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam. Trong giáo dục, học sinh Việt Nam thường xuyên đạt thứ hạng cao tại các kỳ thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học với nhiều huy chương vàng, bạc, đồng; sinh viên Việt Nam có mặt và giành thành tích cao tại các cuộc thi lập trình quốc tế như ACM/ICPC; nhiều trường đại học Việt Nam đã được xếp hạng trong các bảng xếp hạng đại học uy tín thế giới như QS World University Rankings. Trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, các đạo diễn Việt Nam đã đưa diện mạo Việt Nam đến với khán giả quốc tế qua các liên hoan phim danh tiếng. Đặc biệt, tinh thần sáng tạo còn thể hiện sinh động qua việc giải quyết các vấn đề xã hội với những sáng kiến độc đáo như ATM gạo, ATM khẩu trang, ATM oxy trong đại dịch COVID-19 - vận dụng sáng tạo giá trị văn hóa truyền thống “lá lành đùm lá rách” vào bối cảnh hiện đại; cùng với những bước tiến đáng kể trong cải cách hành chính qua mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông”, chính phủ điện tử, chính phủ số, làm thay đổi căn bản cách thức vận hành của bộ máy nhà nước.

Tỷ lệ biết chữ của người Việt Nam hiện tại đạt trên 95%, cao hơn nhiều quốc gia có cùng mức thu nhập. Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, điều này phản ánh khát vọng học tập bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của người Việt Nam. Học sinh Việt Nam liên tục đạt thành tích cao tại các kỳ thi Olympic quốc tế (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học). Kết quả PISA của học sinh Việt Nam thường xuyên vượt trên mức trung bình của OECD là một kỳ tích của quốc gia có thu nhập trung bình thấp, được lý giải phần lớn bởi truyền thống hiếu học ăn sâu trong văn hóa. Xu hướng học thêm kỹ năng, học ngoại ngữ, học nghề mới ngay cả ở độ tuổi trung niên đang phổ biến, thể hiện tinh thần hiếu học không chỉ giới hạn ở thế hệ trẻ. Cộng đồng người Việt tại Mỹ, Úc, châu Âu có tỷ lệ tốt nghiệp đại học và thu nhập cao hơn mức trung bình sở tại được lý giải bởi giá trị hiếu học và cần cù được gia đình truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Năm là, về chuẩn mực hiếu thảo, hòa thuận, gắn kết gia đình, coi trọng các giá trị gia đình

Gia đình là “tế bào của xã hội”, quan niệm này không chỉ là khẩu hiệu mà là triết lý tổ chức xã hội của người Việt trong đó hiếu thảo được coi là đức hạnh gốc rễ (“Bách thiện hiếu vi tiên” tức trong trăm điều thiện, hiếu thảo đứng đầu), hòa thuận gia đình được xem là nền tảng của hòa thuận xã hội. Trong xã hội ngày nay, những chuẩn mực này vẫn đậm nét với người Việt Nam. Mặc dù quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng, người Việt vẫn duy trì mức độ gắn kết gia đình cao hơn nhiều quốc gia phát triển. Tỷ lệ người cao tuổi Việt Nam sống cùng con cái vẫn ở mức rất cao (trên 70%), điều này phản ánh giá trị hiếu thảo được thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Truyền thống “về quê” để gia đình sum họp ngày Tết cổ truyền hàng năm cho thấy đây là một cuộc “di dân”, một sự dịch chuyển dân cư lớn nhất trong năm hoàn toàn xuất phát từ giá trị văn hóa nhưng lại chính là biểu hiện của việc coi trọng các giá trị gia đình của người Việt. Ngày nay, mặc dù có nhiều sự biến đổi trong hệ giá trị gia đình, song những giá trị của gia đình truyền thống vẫn được người Việt Nam coi trọng trong đó có chức năng giáo dục, nuôi dưỡng. Gia đình Việt Nam vẫn là thiết chế giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất. Sự đầu tư của cha mẹ cho việc học của con cái về thời gian, tài chính, tâm huyết được đánh giá ở mức rất cao so với khu vực, là biểu hiện cụ thể của giá trị “tất cả vì tương lai con em” được trao truyền từ truyền thống.

Qua các phân tích và đánh giá trên cho thấy, những chuẩn mực con người Việt Nam hiện có không phải là những giá trị được áp đặt từ bên ngoài mà là sự kết tinh và tái xác lập những giá trị đã sống trong lòng dân tộc qua nghìn năm lịch sử. Các kết quả đạt được cho thấy khi giá trị văn hóa truyền thống được nhận diện đúng, khai thác sáng tạo và truyền thông hiệu quả, chúng không những không lỗi thời mà còn trở thành sức mạnh mềm - nguồn lực nội sinh không thể thay thế trong hành trình phát triển bền vững của Việt Nam trong thế kỷ XXI.

3.1.1.3. Các phương thức vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam cũng đạt nhiều kết quả quan trọng để lại những dấu ấn đậm nét

Thông qua việc triển khai các chương trình, hoạt động có tính cộng đồng, việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống góp phần xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đạt được nhiều kết quả quan trọng như:

Thứ nhất, nhiều lễ hội truyền thống, phong trào văn hóa cộng đồng được khôi phục và phát huy

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự phục hưng mạnh mẽ của đời sống văn hóa cộng đồng, của sự khôi phục hàng loạt các lễ hội văn hóa truyền thống, các làng nghề, phong tục tín ngưỡng sau một thời gian dài bị gián đoạn bởi chiến tranh và quá trình đô thị hóa. Hiện tại, nước ta có khoảng 8.000 lễ hội truyền thống trong đó có khoảng 1.500 lễ hội được khôi phục và tổ chức thường niên với sự tham gia của đông đảo cộng đồng dân cư.

Những lễ hội tiêu biểu như Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ), Hội Lim (Bắc Ninh), Lễ hội Chùa Hương, Hội Gióng (Hà Nội), Lễ hội Đền Trần (Nam Định) đã trở thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, là nơi tái hiện và củng cố các giá trị văn hóa truyền thống như yêu nước, trọng đạo lý, đoàn kết, cố kết cộng đồng.

Nhiều phong trào xã hội có tính rộng khắp được triển khai sâu rộng đã góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, khơi dậy ý thức cộng đồng và tinh thần trách nhiệm xã hội như: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Phong trào gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Kết quả thực hiện theo số liệu thống kê cho thấy: “Đến nay, hơn 90% thôn, bản, tổ dân phố trên cả nước đã đăng ký thực hiện quy ước văn hóa, trong đó gần 80% hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”” [15].

Những phong trào này đã thể hiện sự vận dụng thực tiễn các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống hiện đại – từ tinh thần đoàn kết, nhân ái đến ý thức tôn trọng pháp luật, kỷ cương, phép nước và xây dựng đời sống văn minh.

Thứ hai, xu hướng “trở về nguồn” được khơi dậy và thực hành trong nghệ thuật, âm thực, kiến trúc, thời trang

Xu hướng “trở về nguồn” ở các lĩnh vực văn hóa như nghệ thuật, âm thực, thời trang, thiết kế đang ngày càng phổ biến trong đời sống xã hội đương đại.

Trong nghệ thuật, các tác phẩm điện ảnh, sân khấu, âm nhạc dân gian hiện đại đang được công chúng đón nhận và có khả năng cạnh tranh cao với nghệ thuật hiện đại. Ngày càng có nhiều tác phẩm nghệ thuật tái hiện lịch sử đấu tranh của dân tộc được công chúng hết lòng đón nhận. Gần đây, bộ phim “Mưa đỏ” – tái hiện lại một cách chân thực 81 ngày đêm chiến đấu bảo vệ Thành cổ Quảng

Trị – đã được công chúng, nhất là giới trẻ, náo nức đến rạp, tạo hiệu ứng xã hội tích cực với doanh thu khoảng 600 tỷ đồng sau 21 ngày công chiếu, trở thành quán quân phim Việt về doanh thu và sức hút. Bộ phim có giá trị nhân văn sâu sắc, có tính giáo dục cao, đặc biệt là các giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc từ đó góp phần bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến của giới trẻ Việt Nam.

Trong ẩm thực, các món ăn truyền thống được nâng tầm trong không gian hiện đại, tiêu biểu như các phong trào “ẩm thực Việt ra thế giới”, đưa phở, bánh mì, nem, cà phê Việt trở thành biểu tượng văn hóa quốc gia.

Trong kiến trúc và thời trang, con người hiện đại ngày càng tìm đến xu hướng kiến trúc truyền thống như: nhà cấp 4, nhà 3 gian có chất liệu truyền thống như gỗ, gạch kết hợp với thiết kế hiện đại để tạo nên không gian sống vừa có sự “dễ chịu”, “hiện hòa” của truyền thống, vừa “tiện ích” của hiện đại. Điều này góp phần định hình bản sắc thị giác Việt Nam trong không gian đô thị toàn cầu hóa. Đây chính là sự thức tỉnh văn hóa và niềm tự hào dân tộc của giới trẻ Việt Nam hiện nay nắm bắt cơ hội tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng vẫn trân trọng các giá trị cội nguồn.

Thứ ba, chương trình giáo dục phổ thông mới đã thực hiện việc lồng ghép mục tiêu giáo dục giá trị truyền thống và đổi mới về phương pháp giáo dục

Lĩnh vực giáo dục đã có sự chuyển mình mạnh mẽ trong việc tích hợp giáo dục giá trị văn hóa truyền thống vào chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 (theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT). Cụ thể: Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, nội dung giáo dục đề cao 5 phẩm chất cốt lõi: yêu nước – nhân ái – chăm chỉ – trung thực – trách nhiệm. Các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đều đã có sự lồng ghép về đạo đức, lối sống, lòng tự hào dân tộc và tinh thần đoàn kết.

Không chỉ được lồng ghép về nội dung, các hoạt động giáo dục trải nghiệm cùng các phong trào được xem như một công cụ thực hành giá trị truyền thống dân tộc trong các nhà trường. Theo báo cáo của Bộ GD&ĐT: Có hơn 90% trường học đã triển khai hoạt động giáo dục giá trị truyền thống theo chủ đề tháng [13]. Qua đây, góp phần hình thành nhân cách, kỹ năng sống và ý thức công dân.

Có thể thấy, giá trị văn hóa truyền thống không chỉ được bảo tồn trong chính sách phát triển văn hóa mà còn được chuyển hóa thành mục tiêu giáo dục

cụ thể trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hai chính sách lớn trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đã tạo ra sự thống nhất về định hướng phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới là: bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời hình thành chuẩn mực con người Việt Nam năng động, sáng tạo, có bản lĩnh và trách nhiệm trong thời kỳ hội nhập.

Các kết quả đạt được trên cả ba phương diện chủ thể, nội dung và phương thức vận dụng có nhiều ý nghĩa sâu sắc: Về xã hội, các phong trào và hoạt động văn hóa góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường niềm tin, và lan tỏa các giá trị sống tích cực. Về văn hóa, quá trình “hồi sinh” lễ hội, phong tục, làng nghề truyền thống tạo nên sự tiếp nối liên tục giữa quá khứ và hiện tại, giúp các giá trị truyền thống “sống động” trong đời sống đương đại thay vì chỉ tồn tại trong sách vở. Về con người, thông qua các hoạt động cộng đồng và phong trào thi đua, chuẩn mực đạo đức và lối sống của người Việt Nam được củng cố từ tính cộng đồng, nhân ái, cần cù, đến tinh thần sáng tạo và trách nhiệm công dân.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, đời sống văn hóa - xã hội phong phú, đa dạng đã tạo nên môi trường “thực nghiệm” sinh động nhất của giá trị văn hóa truyền thống, nơi các chuẩn mực con người Việt Nam được nuôi dưỡng, thử thách và lan tỏa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Văn hóa nói chung và các giá trị văn hóa truyền thống nói riêng đã thực sự được khẳng định vai trò và vị trí trong sự phát triển xã hội khi trở thành một trong những trụ cột quan trọng của phát triển nhân cách và đạo đức con người Việt Nam chứ không đơn thuần là yếu tố phụ trợ cho kinh tế, chính trị.

3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Một là, nhận thức và tư duy của Đảng về phát triển văn hóa, con người rõ ràng và được sớm nhất quán xác định

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo, Đảng luôn xác định con người là “trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới” [146]. Quan điểm này được kế thừa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người khẳng định: “Dễ mười lần không dân cũng chịu; Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [74, tr.280]. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự

phát triển là thực sự vì con người chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người” [131, tr.19].

Quan điểm đó được cụ thể hóa qua hệ thống chính sách xã hội. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ, Đảng khẳng định: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [36, tr.79]. Đại hội XIII xác định: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân” [41, tr.47] và coi đây là một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ là: “Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước” [43, tr.386]. Phù hợp với xu thế phát triển, quan điểm của Đảng về phát triển con người được bổ sung và cụ thể hóa ở ba nội dung: “Nâng cao năng lực vốn con người (thông qua tăng cường phúc lợi toàn dân), cải thiện môi trường hoạt động của con người (thông qua phát triển các chính sách lao động, việc làm, y tế, giáo dục...) và bảo đảm an sinh xã hội (thông qua các chính sách hỗ trợ người yếu thế, tăng cường bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và giảm nghèo)” [146]. Những chủ trương nhất quán này đã tạo nên môi trường thuận lợi để con người Việt Nam hình thành và phát triển chuẩn mực mới trên cơ sở kế thừa giá trị văn hóa truyền thống.

Có thể nói, những chủ trương nhất quán về xây dựng và phát triển con người trong văn kiện của Đảng qua các thời kỳ và hệ thống chính sách của Nhà nước ta đã tạo nên một môi trường thuận lợi để con người Việt Nam được xây dựng, hình thành và phát triển những chuẩn mực mới trên cơ sở kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Hai là, dân tộc Việt Nam có hệ giá trị truyền thống bền vững - nền móng vững chắc để hình thành những chuẩn mực con người Việt Nam

Việt Nam là quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, được trầm tích và vun đắp qua hàng nghìn năm lịch sử. Quá trình dựng nước và giữ nước đã hình thành nên những giá trị văn hóa tiêu biểu: tinh thần yêu nước, đoàn kết, kiên cường, lòng nhân ái, khoan dung, hòa hiếu cùng các đức tính cần cù, thông

minh, sáng tạo. Những giá trị này chứa đựng các bài học về lòng hiếu thảo, trung thực, bao dung và yêu quê hương đất nước – trở thành nền tảng cho việc hình thành ý thức đạo đức, nhân cách và chuẩn mực con người Việt Nam từ truyền thống cho đến nay.

Cùng với đó, Việt Nam có hệ thống phong tục, tập quán phong phú, đa dạng, vốn “là một bộ phận của văn hóa, đóng vai trò trong việc hình thành truyền thống của một dân tộc, một địa phương, một dân tộc nhằm điều chỉnh hành vi xử sự của cá nhân” [3, tr.61]. Đặc biệt, Việt Nam có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng. Sự đa dạng ấy cũng là nền tảng cho việc định hình chuẩn mực con người Việt Nam.

Ba là, hệ thống giáo dục - đào tạo được quan tâm xây dựng theo hướng chú trọng mục tiêu đào tạo con người toàn diện

Đảng ta luôn coi giáo dục là “Quốc sách” hàng đầu. Luật Giáo dục, Điều 2 nêu rõ: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [104]. Ngày 31/12/2024, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 1705/QĐ-TTg, khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển” [154]. Chiến lược xác định phương hướng: “Tiếp tục chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, đặc biệt là năng lực đổi mới và sáng tạo của người học” và “Giáo dục và đào tạo là vì con người và hạnh phúc của con người, phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực và nguồn lực của sự phát triển” [154]. Mục tiêu tổng quát của chiến lược là: Phát triển giáo dục Việt Nam hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Đến năm 2030, giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á và đến năm 2045 đạt trình độ tiên tiến của thế giới [154].

Từ truyền thống “tôn sư trọng đạo” cho đến đường lối, chính sách phát triển giáo dục hiện nay cho thấy nước ta luôn coi trọng giáo dục với mục tiêu phát triển con người. Đây là nền tảng quan trọng góp phần xây dựng con người Việt Nam giàu trí tuệ, bản lĩnh nhưng vẫn thấm nhuần bản sắc dân tộc.

Bốn là, hội nhập quốc tế sâu rộng tạo nhiều cơ hội cho con người Việt Nam phát triển

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với quan điểm: “Hội nhập quốc tế là đặt đất nước vào dòng chảy chính của thời đại, đập cùng nhịp đập, thở cùng hơi thở của thời đại” [155]. Nghị quyết số 59/NQ-TW ngày 24/01/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” đánh dấu bước đột phá chiến lược với chủ trương: “Chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới” [155].

Những kết quả hội nhập đã tạo nền tảng vật chất và tinh thần cho sự phát triển con người: “Từ một đất nước bị bao vây cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 34 nước” [155] và “từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD” [155]. Bối cảnh hội nhập mang lại cho con người Việt Nam những cơ hội phát triển cụ thể:

Tạo môi trường hòa bình, ổn định: Hội nhập toàn diện ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh góp phần tạo sức mạnh tổng hợp, hình thành “thế cân bằng chiến lược trong quan hệ quốc tế, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường hòa bình, hợp tác phát triển, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ” [156]. Đây là nền tảng để con người Việt Nam giao lưu, học hỏi, hoàn thiện bản thân.

Tạo môi trường học hỏi phong phú, đa dạng: Tham gia sâu rộng vào chuỗi kinh tế toàn cầu giúp con người Việt Nam tiếp thu kinh nghiệm xây dựng thể chế hiện đại, phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế tri thức). Trong lĩnh vực văn hóa, con người Việt Nam có cơ hội học hỏi tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú hệ giá trị dân tộc, đồng thời khẳng định “sức mạnh mềm” của Việt Nam. Đặc biệt, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo cơ hội tiếp cận công nghệ quốc tế để trở thành công dân toàn cầu.

Tạo áp lực tích cực để nỗ lực, bút phá: Những thách thức trong hội nhập (cạnh tranh chiến lược, khoảng cách công nghệ, biến đổi lối sống và hệ giá trị) đặt ra yêu cầu con người Việt Nam phải nhận thức đầy đủ vai trò của giá trị truyền thống bền vững trong phát triển con người hiện đại, đồng thời nhận thức những yêu cầu mới để tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thiện bản thân đáp ứng nhu cầu xã hội và quốc tế.

Hội nhập sâu rộng giúp con người Việt Nam tiếp cận các giá trị chuẩn mực toàn cầu như minh bạch, chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội và sáng tạo. Sự giao lưu văn hóa - kinh tế vừa tạo áp lực thay đổi, vừa mở ra cơ hội hoàn thiện chuẩn mực đạo đức phù hợp với môi trường quốc tế.

3.2. Những hạn chế của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống xã hội vẫn còn những hạn chế nhất định đòi hỏi phân tích rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục trong giai đoạn tới. Về cơ bản, những hạn chế của thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay được phân tích dưới đây tương quan với các nội dung được phân tích ở phần những kết quả đạt được về chủ thể, nội dung và phương thức vận dụng.

3.2.1. Những hạn chế của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

3.2.1.1. Hạn chế của chủ thể vận dụng

Thứ nhất, một bộ phận thanh thiếu niên chưa hiểu đầy đủ, thậm chí thờ ơ với giá trị truyền thống

Nhận thức về các giá trị văn hóa truyền thống trong một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ, đang có xu hướng lệch chuẩn như là biểu hiện của việc nhận thức chưa đúng, chưa đủ về giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Theo Báo cáo khảo sát thanh niên Việt Nam của Viện Nghiên cứu Thanh niên (2021) trên hơn 4.000 thanh niên tại 12 tỉnh thành: “chỉ có 38,2% người được hỏi cho rằng “yêu nước là thực hiện nghĩa vụ công dân như chấp hành pháp luật, nộp thuế, bảo vệ môi trường”. Ngược lại, hơn 52% cho rằng yêu nước chủ yếu là “tự hào dân tộc”, “bày tỏ chính kiến trên mạng”. Kết quả này cho thấy sự thiên lệch trong nhận thức, thiên về cảm xúc bộc phát, thiếu gắn kết với hành vi xã hội thiết thực” [141].

Từ nhận thức chưa đúng đắn đó dẫn tới *chuẩn mực yêu nước đang có biểu hiện lệch chuẩn* trong nhận thức và hành động của một bộ phận người dân. Đó là việc lòng yêu nước vốn là giá trị văn hóa truyền thống cốt lõi, từng hun đúc nên tinh thần bất khuất trong kháng chiến và khát vọng phát triển đất nước trong thời bình, nhưng trong xã hội hiện nay, chủ nghĩa yêu nước lại biểu hiện một cách thực dụng, thiếu hành động cụ thể, hoặc chỉ dừng lại ở các phát ngôn trên mạng xã hội mà thiếu cam kết trách nhiệm công dân. *Tinh thần yêu nước đang bị phiến diện hóa*, thậm chí, một bộ phận còn bị lôi kéo bởi thông tin sai lệch, thể hiện thái độ tiêu cực, hoài nghi đối với các vấn đề dân tộc – điều này phản ánh khoảng trống trong giáo dục lòng yêu nước gắn với trách nhiệm thực tiễn, đặc biệt trong giới trẻ. Lòng yêu nước – một giá trị văn hóa truyền thống cốt lõi dường như đang bị giản lược thành cảm xúc bột phát hoặc phát ngôn phiến diện, thiếu gắn kết với trách nhiệm công dân cụ thể trong thời đại số. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, đặc biệt là do ảnh hưởng của toàn cầu hóa và không gian mạng, biểu hiện lòng yêu nước của một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ, đang có xu hướng lệch chuẩn cả về nhận thức lẫn hành vi.

Thứ hai, tồn tại tâm lý sính ngoại, coi nhẹ di sản văn hóa dân tộc trong quan điểm của khá nhiều người trong xã hội

Một trong những hạn chế nổi bật trong quá trình phát huy giá trị văn hóa truyền thống hiện nay là tồn tại tâm lý sính ngoại quá mức, coi nhẹ di sản và sản phẩm văn hóa dân tộc. Hiện tượng này cho thấy sự mất cân bằng giữa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam – vấn đề được xã hội quan tâm và đã có những cảnh báo nhất định từ các cơ quan chuyên môn trong những năm gần đây. Một số biểu hiện của tâm lý sính ngoại như: Trong việc tiêu dùng văn hóa, giới trẻ thường ưa chuộng những sản phẩm nhập ngoại mà ít quan tâm đến các loại hình văn hóa truyền thống, theo báo cáo: “tỉ lệ người trẻ (18–30 tuổi) thường xuyên xem chương trình nghệ thuật dân tộc chỉ chiếm dưới 15%, trong khi trên 80% dành thời gian cho sản phẩm văn hóa nước ngoài (chủ yếu là Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản)” [15]. Trong ngôn ngữ và phong cách sống cũng như quan điểm thẩm mỹ, giới trẻ ngày càng có xu hướng “lai hóa” trong cách giao tiếp, ăn mặc, ứng xử, ví dụ như sử dụng ngôn ngữ ngoại lai, chuộng các thương hiệu nước ngoài, đánh giá giá trị cá nhân qua hàng hóa hơn là qua tri thức hay nhân cách của cá nhân đó, đây chính là biểu hiện của văn hóa

tiêu dùng và là nguyên nhân dẫn tới sự “đứt gãy trong truyền thừa giá trị văn hóa truyền thống” [130, tr.28]. Trong nhận thức về di sản, vẫn còn một bộ phận người dân chưa đánh giá đúng được giá trị của các di tích lịch sử văn hóa và coi di sản như “tài sản du lịch” hơn là “ký ức văn hóa dân tộc”. Hiện tượng xâm hại di tích, thương mại hóa lễ hội truyền thống hoặc lễ nghi biến tướng là những biểu hiện cụ thể của sự lệch chuẩn giá trị trong ứng xử của con người với di sản văn hóa.

Tâm lý sinh ngoại và coi nhẹ di sản văn hóa dẫn đến nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa – tức là mất đi những giá trị nền tảng của con người Việt Nam như: tinh thần cộng đồng, lòng yêu nước, nhân ái, giản dị, tiết kiệm, tôn trọng truyền thống, ... Việc tiếp nhận thiếu chọn lọc các giá trị ngoại lai có thể sẽ dẫn tới các nguy cơ: Suy giảm niềm tự hào dân tộc; Thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân thực dụng; Làm mờ nhạt định hướng giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Nguy hại hơn, nó có thể làm mất đi sức mạnh nội tại của dân tộc như nhận định: “Dân tộc nào đánh mất niềm tin vào giá trị văn hóa của chính mình thì dân tộc ấy đánh mất sức mạnh tồn tại” [54, tr.12]. Qua đây khẳng định, việc giữ vững và khơi dậy lòng tự hào dân tộc chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng con người Việt Nam có bản lĩnh trong thời kỳ hội nhập.

Thứ ba, một số chính sách ban hành còn chung chung, thiếu cơ chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả.

Mặc dù trong hai thập niên qua, nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thông qua các văn bản quan trọng về phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam, tuy nhiên nhiều chính sách trong số đó vẫn dừng ở mức định hướng chung, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm, tiêu chí và công cụ đo lường hiệu quả thực hiện.

Việt Nam chưa ban hành được bộ chỉ số cụ thể để đánh giá mức độ phát triển của chuẩn mực con người Việt Nam mà hiện tại mới đang ở giai đoạn nghiên cứu xây dựng “Bộ chỉ số văn hóa quốc gia”. Một số chương trình lồng ghép giáo dục giá trị truyền thống trong trường học theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT còn mang tính hình thức khi chỉ dựa vào các phong trào thi đua và báo cáo hành chính. Điều này dẫn đến tình trạng kế hoạch nhiều, đánh giá ít khiến cho việc triển khai chưa đồng đều giữa các địa phương và nhà trường. Báo cáo của Ủy ban văn hóa Quốc hội cũng nêu: “Việc thực hiện chính sách phát triển

văn hóa, con người ở một số nơi còn mang tính phong trào, chưa bền vững; thiếu công cụ theo dõi và đánh giá tác động thực sự đến nhận thức, hành vi xã hội” [134, tr.17]. Thậm chí, các báo cáo được xây dựng để đánh giá mức độ thực hiện còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đúng hiệu quả xã hội thực tế: “Công tác thống kê, đánh giá về văn hóa còn manh mún, thiếu tính hệ thống; chưa có bộ chỉ số chuẩn hóa để đo lường mức độ phát triển văn hóa và tác động đến đời sống con người” [16, tr.28-29]. Điều này dẫn đến việc các chính sách dù đúng hướng vẫn khó xác định được hiệu quả thực tế và khó rút kinh nghiệm để điều chỉnh chính sách giai đoạn tiếp theo.

3.2.1.2. Hạn chế trong nội dung vận dụng

Các biểu hiện cơ bản của những hạn chế, bất cập trong nội dung vận dụng về cơ bản được biểu hiện qua việc các chuẩn mực cơ bản được hình thành nhưng chưa được kế thừa và phát huy đầy đủ các giá trị văn hóa truyền thống. Mặc dù hệ chuẩn mực con người Việt Nam đã được hình thành trên nền tảng giá trị văn hóa truyền thống, song trong thực tiễn, nhiều chuẩn mực chưa được chuyển hóa đầy đủ thành hành vi thường nhật của con người. Những biểu hiện hạn chế trong chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay cho thấy các giá trị văn hóa truyền thống làm nền tảng cho xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam nhưng chưa thực sự được vận dụng một cách triệt để, cụ thể như sau:

Một là, về chuẩn mực yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng vươn lên

Lòng yêu nước đang bị giảm lược thành cảm xúc bột phát hoặc phát ngôn phiến diện trên mạng xã hội, thiếu gắn kết với trách nhiệm công dân, từ nhận thức chưa đầy đủ về chuẩn mực yêu nước dẫn tới hành vi yêu nước bị lợi dụng dẫn tới sai phạm pháp luật. Một trong những minh chứng rõ ràng nhất cho hiện tượng lệch chuẩn trong hành vi yêu nước là vụ tụ tập biểu tình, gây rối trật tự công cộng tại Bình Thuận (tháng 6/2018) liên quan đến phản ứng với Dự thảo Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (gọi tắt là Luật Đặc khu). Theo báo cáo từ Bộ Công an: “Nhiều phần tử đã kích động người dân từ mạng xã hội, biến các buổi tụ tập ôn hòa ban đầu thành bạo động có tổ chức, đốt phá tài sản công, tấn công lực lượng chức năng và gây thiệt hại nghiêm trọng cho trụ sở UBND tỉnh, công an phường, trạm cảnh sát giao thông, ... Có hơn 300 đối tượng bị bắt giữ, hàng chục người bị xử lý hình sự vì hành vi phá hoại tài sản nhà nước và chống người thi hành công vụ. Vụ việc này cho thấy sự nhầm lẫn giữa yêu nước và hành

vi phạm pháp luật do bị tác động bởi thông tin sai lệch và tâm lý đám đông trên mạng” [133]. Một số đối tượng đã lợi dụng lòng yêu nước của người dân để kích động, lôi kéo họ tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật. Theo báo cáo của Bộ Công an (2024), trong quý I năm 2024, lực lượng chức năng đã phát hiện và ngăn chặn nhiều âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, phá hoại, kích động gây rối, gây bạo loạn của các thế lực thù địch, phản động. Điều này cho thấy sự cần thiết trong việc nâng cao nhận thức và cảnh giác của người dân, đặc biệt là thanh niên, trước những thông tin sai lệch, xuyên tạc trên không gian mạng [155].

Thiếu biểu hiện yêu nước trong hành vi công dân hàng ngày: Một trong những biểu hiện đáng lo ngại khác là sự thờ ơ, vô cảm của một bộ phận công dân đối với các hoạt động yêu nước mang tính nền tảng như: tham gia bầu cử, bảo vệ môi trường, đóng góp xã hội, bảo vệ tài sản công cộng... Theo Báo cáo tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV (2021), mặc dù tỷ lệ cử tri cả nước đạt 99,57%, nhưng có nhiều khu vực đô thị lớn ghi nhận tỷ lệ không tham gia bầu cử ở giới trẻ lên đến 15–20%, chủ yếu do "thiếu quan tâm" hoặc "không thấy cần thiết". Điều này phản ánh sự xa rời giữa nhận thức chính trị và hành động thực tiễn, nhất là trong thế hệ trẻ – đối tượng cần được giáo dục ý thức công dân gắn với lòng yêu nước [139].

Ý chí tự cường cá nhân chưa trở thành động lực phổ biến trong thế hệ trẻ: Tự cường từng là giá trị làm nên bản lĩnh dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm và tái thiết đất nước sau chiến tranh. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, một bộ phận thanh niên Việt Nam *thiếu khát vọng vươn lên, dễ dàng buông bỏ khi gặp khó khăn*, hoặc mang tâm lý trông chờ vào gia đình, xã hội. Tình trạng này cho thấy *tinh thần tự lực – tự chủ chưa thực sự được chuyển hóa thành hành vi thường nhật*, làm suy giảm năng lực cạnh tranh cá nhân và quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc khơi dậy “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” bằng chính nỗ lực cá nhân.

Sự thiếu hụt về ý chí tự cường trong một bộ phận người dân dẫn tới hiện tượng trong xã hội xuất hiện không ít các tội phạm, tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên, trong giới trẻ rất đáng lo ngại; còn một bộ phận giới trẻ sống thiếu lý tưởng và hoài bão, thực dụng, ích kỷ, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chấp hành luật pháp không nghiêm, sa vào chủ nghĩa cá nhân, khả năng hội nhập hạn chế, yếu kém cả về thể chất lẫn tinh thần. Theo báo cáo điều tra quốc gia về

vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần thứ 2 (MICS-VY): “có một tỷ lệ không nhỏ trong số họ còn có lúc cảm thấy tự ti (29,9%), có cảm giác thất vọng, chán chường về tương lai (14,3%)” [167]. Đó là những biểu hiện của sự thiếu ý chí, không có khát vọng vươn lên – lý tưởng sống của giới trẻ.

Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc phát huy tinh thần tự cường ở cấp độ cá nhân của giới trẻ ở Việt Nam hiện nay để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước như nhận định của Tổng Bí thư Tô Lâm: “Sự nghiệp đó có thành công hay không, đất nước có vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình hay không, đến năm 2045 có sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ước vọng của toàn dân tộc hay không phụ thuộc rất lớn vào đóng góp của lực lượng thanh niên – thế hệ tương lai của đất nước, những người kế bước cha anh gách vác nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [168].

Hai là, về chuẩn mực nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết

Giá trị nghĩa tình đang bị suy giảm trong văn hóa ứng xử, đặc biệt ở môi trường thành thị: Nghĩa tình – với biểu hiện của lòng nhân ái, thủy chung, sống vì cộng đồng – là một nét đẹp văn hóa lâu đời của người Việt. Tuy nhiên, hiện nay, lối sống gấp, chủ nghĩa cá nhân và sự tác động của mạng xã hội đang làm mai một tinh thần nhân nghĩa trong giao tiếp, nhất là trong các mối quan hệ xã hội thiếu chiều sâu, dễ đứt gãy. Biểu hiện như sự thờ ơ trước nỗi đau của người khác, thiếu trách nhiệm với cộng đồng, hoặc chỉ giúp đỡ khi có lợi ích đi kèm... là minh chứng cho việc chuẩn mực nghĩa tình chưa được duy trì đúng mức, cần tái cấu trúc từ gia đình, nhà trường đến xã hội.

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng hiện nay, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trong đó có giá trị nghĩa tình đang có dấu hiệu suy giảm nhất là trong môi trường thành thị. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và ảnh hưởng của mạng xã hội đã làm thay đổi cách thức giao tiếp của con người với con người và với môi trường xung quang dẫn đến giảm sút các mối quan hệ gắn bó thân thiết trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Một số hành vi “lệch chuẩn” của người dân tại các nơi công cộng cho thấy chuẩn mực nghĩa tình bị giảm sút như tại các bến xe, nhà ga, sân bay... những hành vi ứng xử thiếu chuẩn mực, phản cảm của hành khách gây nên những làn sóng phẫn nộ, lên án gay gắt từ cộng đồng. Tình trạng chen lấn, xô đẩy khiến

cho không gian công cộng ở nhiều nơi trở nên xô bồ, nhộn nhạo. Hay việc xâm phạm các công trình văn hóa, thẩm mỹ nơi công cộng diễn ra trong thời gian qua cũng là biểu hiện những mặt trái về văn hóa ứng xử trong đời sống cộng đồng và xã hội.

Theo báo cáo do Microsoft công bố năm 2021 về chỉ số văn minh trên không gian mạng, Việt Nam là một trong số các quốc gia có mức độ văn minh thấp trên không gian văn hóa gian mạng. Kết quả của khảo sát này cho thấy những điểm mà người Việt Nam thường thể hiện những hành vi ứng xử không đúng mực là: quan hệ tình cảm, ngoại hình, giới tính... đây cũng được xem là các hành vi tấn công trực tuyến bởi các nạn nhân của vấn đề này thường gặp phải những sự cố tiêu cực về tâm lý như: lo âu, buồn rầu, chán nản, trầm cảm, tự làm đau bản thân thậm chí là tự tử. Hiện tượng này có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với trẻ vị thành niên, thanh niên.

Cùng với sự “suy giảm” của chuẩn mực nghĩa tình, tinh thần đoàn kết truyền thống đang suy yếu trong môi trường đô thị và không gian số

Truyền thống đoàn kết từng là sức mạnh cốt lõi đưa dân tộc vượt qua chiến tranh, thiên tai và nghèo đói. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường và cá nhân hóa ngày càng gia tăng, *biểu hiện chia rẽ trong cộng đồng, mất niềm tin xã hội và xu hướng “vô cảm”* đang phá vỡ nền tảng cốt kết xã hội. Trên không gian mạng, thay vì chung tay cất lên tiếng nói văn minh, nhiều cá nhân lại thể hiện sự công kích, phán xét, tạo ra môi trường chia rẽ, điều này cho thấy giá trị đoàn kết đang bị biến dạng, cần được khôi phục qua giáo dục văn hóa cộng đồng và đạo đức truyền thống. Một số biểu hiện của sự suy yếu trong chuẩn mực đoàn kết như sau:

Đoàn kết cộng đồng chịu nhiều thách thức: Hiện nay giá trị đoàn kết đang có những biểu hiện suy yếu và chịu nhiều thách thức như việc một số địa phương còn thiếu sân chơi văn hóa lành mạnh cho người dân; sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin cũng gây ra không ít tiêu cực: nhiều tệ nạn và xu hướng sống thiếu lành mạnh dễ xâm nhập, ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức, lối sống và ý thức cộng đồng.

Tinh thần đoàn kết bị sút mẻ nhất là trên không gian mạng, hiện tại, mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống hiện đại, có khoảng hơn 70% dân số Việt Nam sử dụng mạng xã hội, Không gian mạng cũng là nơi

để thể hệ trẻ thể hiện lòng yêu nước, tự tôn dân tộc và lan tỏa tình yêu đất nước của mình. Tuy nhiên, việc sử dụng mạng xã hội cũng đặt ra không ít những thách thức đối với giá trị đoàn kết dân tộc như: Việc kiểm soát và định hướng nội dung truyền thông số là một nhiệm vụ cấp thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và mạng xã hội không chỉ mang lại những tiện ích mới mẻ mà còn đặt ra nhiều thách thức về văn hóa và đạo đức vì “các thế lực thù địch, cơ hội chính trị vẫn không ngừng tìm mọi cách để xây dựng và phát tán các “chiến dịch truyền thông bản” trên mạng xã hội với những thông tin sai lệch, xuyên tạc tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, về công tác cán bộ, công tác dân tộc, tôn giáo, vấn đề dân chủ, nhân quyền... Chúng ra sức phá hoại, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng hồng làm giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, mục tiêu cuối cùng là nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta” [164]. Đó chính là những thách thức đặt ra đối với con người Việt Nam và với tinh thần đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới với nhiều tác động và ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường mạng và thế giới số.

Ba là, về chuẩn mực kỷ luật, trách nhiệm, tôn trọng pháp luật

Kỷ luật - yếu tố cấu thành văn hóa pháp quyền đang bị thách thức bởi lối sống tùy tiện: Kỷ cương không chỉ là nguyên tắc pháp luật mà còn là biểu hiện văn hóa ứng xử: tôn trọng luật lệ, đúng giờ, giữ lời hứa, thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, hiện nay, biểu hiện *vi phạm luật giao thông, xả rác nơi công cộng, làm việc thiếu quy trình, thích tự do vô kỷ luật* vẫn phổ biến trong một bộ phận người dân. Tình trạng này cho thấy *giá trị kỷ cương chưa được chuyển hóa thành thói quen văn hóa* đã ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị xã hội và hình ảnh con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Tinh thần trách nhiệm chưa được hiện thực hóa đầy đủ trong hành vi công dân và nghề nghiệp: Truyền thống trách nhiệm từng được biểu hiện rõ nét qua ý thức cộng đồng, gánh vác việc nước, lo việc chung. Tuy nhiên, hiện nay, tình trạng *làm việc đối phó, thiếu cam kết nghề nghiệp, trốn tránh nghĩa vụ công dân* vẫn tồn tại ở nhiều cấp độ, từ cá nhân đến tổ chức. Trong giới trẻ, biểu hiện “sống buông thả, thiếu mục tiêu” phản ánh *lỗ hổng trong giáo dục tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và xã hội*. Chuẩn mực này nếu không được củng cố sẽ làm suy giảm tính bền vững trong phát triển nhân lực quốc gia.

Ý thức tôn trọng pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế dẫn tới tình trạng vi phạm pháp luật phổ biến trong xã hội

Trên thực tế, hiện nay còn một bộ phận người dân hiểu biết khá hạn chế về pháp luật hoặc chỉ nắm được bề ngoài mà chưa hiểu thấu tinh thần, mục đích của luật. Thậm chí, một số người còn cho rằng việc “lách luật” là cách sống khôn ngoan và linh hoạt – đó là một trong những nhận thức rất sai lệch, một số khác thì cho rằng pháp luật chỉ dành cho người khác chứ không liên quan đến mình hay họ đặt lợi ích của cá nhân, gia đình, của nhóm lên trên lợi ích cộng đồng và quy định pháp luật, v.v. những biểu hiện sai lệch về nhận thức pháp luật trên là nguyên nhân dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật trong xã hội hiện nay. Cùng với đó, ở vùng sâu, vùng xa, người dân còn thiếu kiến thức pháp luật, vô tình vi phạm pháp luật do không hiểu quyền và nghĩa vụ của mình. Sự thờ ơ và thiếu hiểu biết này là rào cản lớn cho mục tiêu xây dựng xã hội pháp quyền, công bằng và văn minh. Theo báo cáo của Bộ Công an tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV (11/2024): tình hình vi phạm về trật tự xã hội tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, số vụ phạm tội tăng 12,53%; một số loại tội phạm tăng mạnh như tội phạm có tổ chức tăng 46,08%, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng 83,36%, tham ô tài sản tăng 45,61%, đánh bạc trên mạng Internet tăng 105,22%; số vụ tội phạm về tham nhũng, chức vụ bị phát hiện trong năm 2024 là 956 vụ, tăng 20,55%. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, nổi lên là các sai phạm lớn về quy hoạch, xây dựng, năng lượng, đấu thầu, quản lý tài sản công, quản lý, sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản. Qua thanh tra phát hiện nhiều hành vi vi phạm, là căn cứ để kiến nghị xử lý hành chính 7.629 tập thể và 8.714 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền 372 vụ việc. Tỷ lệ thanh, thiếu niên phạm pháp chiếm khoảng 56% trên tổng số các vụ việc vi phạm pháp luật.

Tình trạng vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong xã hội là nguyên nhân dẫn tới sự xáo trộn của trật tự xã hội, niềm tin vào hệ thống chính trị bị suy giảm, cản trở phát triển do môi trường kinh doanh thiếu lành mạnh, tài nguyên, môi trường bị tàn phá và dẫn tới hình ảnh con người Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực trong mắt bạn bè quốc tế cũng như tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội khi người tuân thủ thiệt thòi, người vi phạm hưởng lợi.

Bốn là, về chuẩn mực cần cù, sáng tạo, yêu lao động, hiếu học

Tinh thần cần cù, yêu lao động hiện nay của con người Việt Nam còn một số hạn chế như một bộ phận người dân nhất là giới trẻ có tâm lý ngại lao động chân tay, coi thường lao động phổ thông dẫn tới lối sống “hưởng thụ”, đi tìm kiếm các công việc có hứa hẹn “việc nhẹ, lương cao” thay vì coi trọng các giá trị lao động thực sự. Một số khác thì làm chiếu lệ, đối phó, thiếu sự tận tâm, tận lực trong công việc dẫn tới hiệu quả lao động thấp. Ý thức trong lao động giảm sút dẫn tới năng suất lao động của Việt Nam rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cùng với đó, tính kỷ luật, tác phong làm việc, đạo đức nghề nghiệp cũng có những biểu hiện vi phạm, hiện tượng tham nhũng, lãng phí trong khu vực công xảy ra đáng báo động.

Bên cạnh những thành tựu đáng tự hào đã đạt được, chuẩn mực sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được nhận diện và khắc phục. Những hạn chế này có nguồn gốc từ cả yếu tố lịch sử - văn hóa truyền thống lẫn những bất cập trong hệ thống giáo dục, môi trường xã hội và cơ chế chính sách hiện hành. Việc nhìn nhận thẳng thắn các hạn chế này không nhằm phủ nhận những thành tựu đã đạt được mà để có cơ sở đề ra các giải pháp phù hợp, đưa năng lực sáng tạo của con người Việt Nam lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Theo các báo cáo đánh giá quốc tế, mặc dù Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể, nhưng các chỉ số về đầu ra của hoạt động sáng tạo, đặc biệt là số lượng bằng sáng chế, công bố khoa học chất lượng cao, sản phẩm công nghệ có giá trị toàn cầu vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng và yêu cầu phát triển. Điều này phản ánh rằng còn một khoảng cách đáng kể giữa năng lực sáng tạo hiện có của con người Việt Nam với yêu cầu của một nền kinh tế tri thức và xã hội đổi mới sáng tạo. Những biểu hiện thường gặp về hạn chế ở chuẩn mực sáng tạo của người Việt Nam hiện nay đó là từ những vấn đề về tư duy, nhận thức như tâm lý ngại thay đổi, sợ thất bại, thiếu tư duy độc lập, phản biện, tâm lý sao chép thay vì sáng tạo độc lập; đến những bất cập trong giáo dục - đào tạo với phương pháp truyền thụ một chiều, bệnh thành tích, tâm lý sính bằng cấp; những vấn đề trong môi trường xã hội với văn hóa “dĩ hòa vi quý”, văn hóa “quan hệ”, tác động tiêu cực của mạng xã hội; và những hạn chế về cơ chế, chính sách trong bảo hộ sở hữu trí tuệ, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, liên kết nghiên cứu - đào tạo - sản xuất.

Phẩm chất hiếu học của người Việt cũng có nhiều biểu hiện suy giảm, đó là tình trạng học vì bằng cấp, chứng chỉ hơn là học vì tri thức thực sự; hình thành tâm lý học để thi, học để có việc làm thay vì học để phát triển bản thân, bệnh thành tích trở nên phổ biến ở các cấp học, hiện tượng chạy bằng cấp, mua bán luận văn, luận án xảy ra ở nhiều nơi, thậm chí cả đối với cán bộ chủ chốt. Lý tưởng học tập suốt đời bị mai một khi một bộ phận giới trẻ có tâm lý học cho xong, hoặc học vì ý muốn của cha mẹ, v.v.. Tâm lý ngại thay đổi, ngại học cái mới, đặc biệt ở thế hệ trung niên. Thiếu văn hóa đọc, thói quen tự học trong xã hội là biểu hiện của giới trẻ trong xã hội, ...

Năm là, về chuẩn mực hiếu thảo, hòa thuận, gắn kết trong gia đình, coi trọng giá trị gia đình

Trong xã hội hiện đại đang xuất hiện nhiều hiện tượng cho thấy chuẩn mực hiếu thảo, hòa thuận, sự gắn kết trong gia đình - những giá trị của gia đình truyền thống bị suy giảm, cụ thể như:

Sự suy giảm về tính bền vững của hôn nhân gia đình, theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, số vụ ly hôn ở Việt Nam có xu hướng tăng dần đều trong những năm gần đây. Trung bình mỗi năm có khoảng 60.000 vụ ly hôn, chiếm khoảng 30% số cặp kết hôn. Đặc biệt, có tới 70% số vụ ly hôn thuộc về các cặp vợ chồng trẻ, trong độ tuổi từ 20 đến 30, chung sống dưới 5 năm.

Bạo lực gia đình như một vấn nạn trong xã hội, tình trạng phụ nữ bị bạo hành khá phổ biến, theo nhiều đánh giá cứ 3 người phụ nữ có gia đình hoặc từng có gia đình thì 1 trong số đó bị bạo hành thể xác hoặc tình dục, trong các vụ bạo lực được phát hiện thì có tới gần 80% nạn nhân là nữ giới, bên cạnh đó là tình trạng bạo hành, ngược đãi trẻ em.

Tình trạng người già bị ngược đãi, bỏ rơi cũng là biểu hiện của sự mai một đạo hiếu trong xã hội hiện nay. Thống kê của Vụ Gia đình, Bộ VHTT&DL năm 2022 cho thấy, cả nước hiện có khoảng 11,5 triệu người cao tuổi, chiếm 12% dân số. Theo kết quả khảo sát thì có 50,3% hộ gia đình có người cao tuổi đã xảy ra ngược đãi, 3,0% người cao tuổi bị con cái đánh đập, 8,0% bị đe dọa và 15,0% bị bỏ rơi không chăm sóc; có 45,7% người già cho rằng họ thường bị con cái làm mất lòng dẫn tới buồn phiền, 3,9% thường xuyên bị nhiếc móc, 10,7% bị bỏ bê về kinh tế.

Những mâu thuẫn trong gia đình không được giải quyết đúng cách đã dẫn tới nạn bạo lực giữa các thành viên: anh em, chú cháu đánh nhau vì xích mích, mâu

thuần trong cuộc sống, vì tranh chấp tài sản, chị em mắng mỏ, nói xấu nhau. Điều này chứng tỏ sự xuống cấp đạo đức nghiêm trọng ở một bộ phận gia đình hiện nay, nó hoàn toàn đi ngược lại với truyền thống đề cao chữ hiếu của dân tộc Việt Nam.

Sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo với các biểu hiện như: Gia đình hạt nhân thay thế dần gia đình nhiều thế hệ, con cái bận rộn với công việc, ít thời gian chăm sóc cha mẹ già và ngược lại, cha mẹ lo kiếm tiền, ít quan tâm đến con cái, xuất hiện xu hướng cá nhân hóa, đề cao tự do cá nhân hơn trách nhiệm gia đình và sự khác biệt về quan điểm, lối sống giữa các thế hệ ngày càng lớn.

Những phân tích trên cho thấy một số giá trị văn hóa truyền thống bị biến dạng, mất dần trong môi trường đô thị hóa là biểu hiện chung của hạn chế về nội dung vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đã tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa, đặc biệt là ở các đô thị lớn nơi tính cộng đồng truyền thống bị thay thế bởi lối sống cá nhân và thực dụng, đô thị hóa nhanh chóng và toàn cầu hóa kỹ thuật số đang làm suy yếu các mạng lưới văn hóa truyền thống vốn là nền tảng của sự gắn kết xã hội. Một số biểu hiện của vấn đề này như: Sự giảm sút tính cộng đồng và quan hệ làng xã khi đời sống tách biệt trong đô thị ngày càng phổ biến, tinh thần “bán anh em xa, mua láng giềng gần” hầu như bị thay thế bởi sự cô lập, tách biệt thậm chí còn có cả sự “thờ ơ”, “vô cảm” ở con người với con người. Sự suy giảm các giá trị ứng xử truyền thống như hiếu kính, hòa thuận, nghĩa tình, ... dần bị thu hẹp trong phạm vi gia đình nhỏ, ít có sự lan tỏa cộng đồng. Sự gia tăng lối sống thực dụng và cá nhân hóa như là sự đề cao lợi ích vật chất, tiện ích cá nhân; giảm coi trọng đạo lý, sự hy sinh, tính cộng đồng. Sự đứt gãy truyền thừa giá trị giữa các thế hệ khi thế hệ trẻ hiện nay lớn lên trong môi trường mạng, không gian số hơn là văn hóa gia đình, làng xã, dẫn đến sự “xa lạ” của họ đối với giá trị văn hóa truyền thống.

Có thể thấy, môi trường đô thị hóa đang tạo áp lực phân rã các giá trị văn hóa truyền thống, làm cho quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người gặp nhiều trở ngại - bởi giá trị không còn được “sống” trong đời sống thực tế hằng ngày.

Từ những phân tích trên có thể khái quát những biểu hiện hạn chế của một số chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay so với các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc như sau:

| Giá trị văn hóa truyền thống | Hạn chế hiện nay (chưa kế thừa/ phát huy đầy đủ) | Hệ quả đối với chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay |
|-------------------------------------|---|--|
| Yêu nước | <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận thờ ơ với các vấn đề chính trị, xã hội. - Thiếu ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn đất nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần công dân suy giảm. - Chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm với quốc gia. |
| Đoàn kết | <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng chia rẽ, thiếu gắn kết trong cộng đồng, tập thể. - Cạnh tranh không lành mạnh, ích kỷ cá nhân. | <ul style="list-style-type: none"> - Khó xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. - Tập thể dễ rạn nứt, thiếu sức mạnh chung. |
| Tự cường | <ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý ỷ lại, chưa chủ động vươn lên. - Một bộ phận giới trẻ thiếu khát vọng và nghị lực. | <ul style="list-style-type: none"> - Khó tạo ra con người bản lĩnh, dám nghĩ dám làm. - Dễ bị phụ thuộc vào ngoại lực. |
| Nghĩa tình | <ul style="list-style-type: none"> - Vô cảm trước khó khăn của người khác. - Lối sống thực dụng, ít quan tâm cộng đồng. | <ul style="list-style-type: none"> - Suy giảm sự gắn kết, sẻ chia trong xã hội. - Con người dễ trở nên thờ ơ, lạnh nhạt. |
| Trách nhiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận thiếu ý thức công dân. - Trốn tránh nghĩa vụ, sống thiếu trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | <ul style="list-style-type: none"> - Gây ra nhiều vấn đề xã hội (ô nhiễm, bạo lực, vô kỷ luật...). - Chuẩn mực công dân tích cực chưa được khẳng định. |
| Kỷ cương | <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm pháp luật, kỷ luật trong học đường, công sở, gia đình khá phổ biến. - Thiếu tôn trọng nội quy, phép nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Làm suy yếu nền nếp xã hội. - Con người thiếu ý thức tự giác, sống buông thả. |
| Cần cù, sáng tạo, yêu lao động | <ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý ngại lao động chân tay, coi thường lao động phổ thông. - Tâm lý lười suy nghĩ, “trông chờ” của một bộ phận giới trẻ. - Năng suất lao động thấp | <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. - Năng lực cạnh tranh quốc gia bị ảnh hưởng. - Giá trị lao động chân chính chưa |

| | | |
|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tác phong làm việc thiếu kỷ luật, mang nặng tính tiểu nông. - Tình trạng vi phạm đạo đức nghề nghiệp. | được tôn vinh đúng mức |
| Hiếu thảo, Hòa thuận, kết trong gia đình | <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị gia đình truyền thống bị suy giảm - Nhiều chuẩn mực về đạo hiếu bị mai một | <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò, chức năng của gia đình bị suy giảm - Trẻ em bị tổn thương tâm lý, thiếu hình mẫu về mối quan hệ lành mạnh. - Gia tăng các vấn đề sức khỏe tâm thần: trầm cảm, lo âu đối với con người |

Bảng tổng hợp trên cho thấy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam đang đứng trước những thách thức nghiêm trọng trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và kinh tế thị trường. Sự suy giảm trong việc kế thừa các giá trị này dẫn đến những hệ quả tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

3.2.1.3. Hạn chế về phương thức vận dụng

Một là, về việc xây dựng và vận hành hệ thống đánh giá, kiểm tra, giám sát các hoạt động xây dựng văn hóa, chuẩn mực con người

Hệ thống kiểm tra, giám sát và đánh giá chính sách được xem là công cụ quan trọng để đảm bảo hiệu quả thực thi các chương trình văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, hiện tại nước ta chưa thiết lập cơ chế này một cách đầy đủ, còn thiếu tính chuyên nghiệp và thiếu sự liên thông giữa các cấp, ngành. Vai trò của bộ tiêu chí đánh giá được Đảng nhận định rất cần thiết: “Cần có cơ chế, công cụ, bộ tiêu chí đo lường mức độ phát triển văn hóa và con người Việt Nam” [41, tr.144]. Song, đến nay, Việt Nam chưa có một bộ chỉ số quốc gia chính thức để đo lường các giá trị văn hóa, chuẩn mực con người hay tác động xã hội của các chính sách văn hóa.

Việc thiếu cơ chế giám sát độc lập và liên thông cũng là một điểm hạn chế trong thực hiện chính sách về văn hóa hiện nay. Trong Báo cáo giám sát của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội đã nêu: “Công tác kiểm tra, đánh giá trong lĩnh vực văn hóa - con người còn chậm; thiếu cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và địa phương; dữ liệu văn hóa chưa được số hóa đồng bộ, gây khó khăn cho việc giám sát và hoạch định chính sách” [134, tr.17]. Trên thực tế, hệ thống

giám sát chính sách hiện nay chủ yếu do các cơ quan quản lý nhà nước tự đánh giá, trong khi thiếu cơ chế kiểm định độc lập từ các tổ chức xã hội hoặc nhóm chuyên gia. Các báo cáo của các cấp về văn hóa chưa có sự tổng hợp, đối sánh và đánh giá một cách toàn diện do chưa xây dựng được hệ thống dữ liệu quốc gia về chỉ tiêu văn hóa.

Việc hình thành Bộ chỉ số văn hóa quốc gia còn chậm, Việt Nam đã được UNESCO hỗ trợ thí điểm Bộ chỉ số Văn hóa 2023 (*Culture 2030 Indicators Project*) trong đó đo lường 22 chỉ số về sự đóng góp của văn hóa vào phát triển bền vững. Tuy nhiên, thực tế triển khai còn chậm, theo báo cáo của Viện Hợp tác phát triển văn hóa (IDC 2021): “Việc thu thập dữ liệu và xây dựng hệ thống thống kê văn hóa còn nhiều khó khăn do thiếu dữ liệu, thiếu nhân lực chuyên môn và chưa có cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả” [142, tr.5]. Qua đây cho thấy khoảng trống về thể chế và năng lực đánh giá còn lớn dẫn đến giảm khả năng theo dõi tiến độ thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 mà Chính phủ đã đề ra. Việc thiếu hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách dẫn đến khoảng cách giữa chủ trương và thực tiễn còn lớn khi mà chính sách đúng nhưng hiệu quả thấp và thiếu bằng chứng khoa học có tính thuyết phục cao để đánh giá sự biến đổi giá trị và hành vi con người. Đây cũng là nguyên nhân của những khó khăn trong xác định hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam mới dựa trên dữ liệu thực chứng, làm cho các chương trình giáo dục thiếu cơ sở để điều chỉnh phù hợp với vùng miền, thế hệ bởi: “Việc hình thành hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam không thể chỉ dừng ở lời kêu gọi, mà phải được đo lường, kiểm chứng và giám sát bằng những chỉ số cụ thể gắn với sự phát triển văn hóa” [61, tr.230].

Việt Nam thiếu hệ thống kiểm tra, giám sát và đánh giá không chỉ là điểm yếu về kỹ thuật mà là điểm nghẽn về thể chế trong thực hiện chính sách văn hóa. Điều này làm cho quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam mới hiện nay thiếu đi cơ sở dữ liệu thực chứng và chưa đạt hiệu quả lan tỏa bền vững.

Hai là, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành (giáo dục, văn hóa, truyền thông) trong triển khai các biện pháp xây dựng chuẩn mực con người từ việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống

Một trong những hạn chế lớn về triển khai chính sách tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là sự

thiếu liên kết đồng bộ giữa các lĩnh vực then chốt: văn hóa – giáo dục – truyền thông bởi trên thực tế triển khai Nghị quyết của Đảng về phát triển văn hóa, con người còn phân tán theo chức năng, thiếu cơ chế điều phối liên ngành. Một số biểu hiện cụ thể của hạn chế này là:

Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống trong chương trình phổ thông 2018 đã được triển khai nhưng thiếu sự hỗ trợ từ truyền thông và văn hóa trong việc lan tỏa từ trường học ra xã hội, khiến giáo dục giá trị mang tính nội bộ, chưa tạo thành phong trào rộng lớn.

Các di sản, lễ hội truyền thống mặc dù được phục hồi mạnh mẽ nhưng chưa trở thành nguồn học liệu chính thống trong giáo dục, cũng chưa chuyển hóa thành sản phẩm truyền thông đủ sức hấp dẫn giới trẻ - giá trị vẫn “ở trong bảo tàng” mà chưa “sống trong đời sống”.

Truyền thông đại chúng thiếu mục tiêu chiến lược về giáo dục giá trị, nhiều chương trình chỉ mang tính thông tin sự kiện, thiếu định hướng dẫn dắt hình thành chuẩn mực con người mới.

Những hạn chế này đúng như nhận định: “Các hoạt động văn hóa, giáo dục và truyền thông chưa có sự phối hợp thống nhất, thiếu cơ chế điều phối liên ngành, gây phân tán nguồn lực và giảm hiệu quả thực thi” [134, tr.19]. Việc thiếu liên kết và phối hợp liên ngành có thể dẫn tới sự đứt gãy “chuỗi lan tỏa giá trị”, làm cho mục tiêu xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam không đạt được hiệu quả cộng hưởng toàn hệ thống.

Ba là, hiện tượng thương mại hóa lễ hội, biến tướng phong tục làm mất đi giá trị của các yếu tố văn hóa truyền thống

Trong quá trình khôi phục và khai thác các giá trị văn hóa truyền thống đã xuất hiện một hiện tượng đáng lo ngại - sự thương mại hóa đời sống tâm linh trong lễ hội, làm méo mó ý nghĩa nguyên gốc của các phong tục với các biểu hiện như: lễ hội truyền thống gắn với hoạt động kinh doanh, nhiều nghi lễ bị “sân khấu hóa” để thu hút khách du lịch nên dẫn đến hiện tượng “xem lễ” thay vì “hành lễ”, một số nghi lễ bị biến tướng dẫn đến mê tín dị đoan, điều này trái với tinh thần của di sản văn hóa như một báo cáo nêu: “Một số lễ hội có biểu hiện thương mại hóa, mê tín, phản cảm, chưa được điều chỉnh kịp thời, làm suy giảm giá trị nhân văn và giáo dục của lễ hội” [16, tr.31].

Những biểu hiện này cho thấy, thay vì là không gian tái tạo giá trị văn hóa truyền thống, nhiều lễ hội đã trở thành nơi tiêu dùng và giải trí làm lệch chuẩn văn hóa và cản trở mục tiêu xây dựng con người Việt Nam theo hệ giá trị chân - thiện - mỹ.

Những hạn chế trên cho thấy, việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay gặp khó khăn trên cả ba phương diện: về chủ thể qua việc nhận thức của một bộ phận người dân, đặc biệt giới trẻ, còn phiến diện, thờ ơ với giá trị văn hóa truyền thống và tồn tại tâm lý sính ngoại; về nội dung biểu hiện qua việc các chuẩn mực chưa được chuyển hóa đầy đủ thành hành vi thường nhật, chính sách còn thiếu cơ chế đo lường hiệu quả; về phương thức là sự thiếu phối hợp liên ngành, lễ hội bị thương mại hóa và giá trị văn hóa truyền thống bị biến dạng trong môi trường đô thị hóa. Việc khắc phục những hạn chế này đòi hỏi giải pháp đồng bộ, toàn diện trên tất cả các phương diện.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Một là, tác động của toàn cầu hóa và bùng nổ công nghệ thông tin dẫn tới sự xung đột giá trị

Toàn cầu hóa với sự bùng nổ của Internet, mạng xã hội và công nghệ truyền thông đã tạo nên môi trường giao lưu văn hóa chưa từng có tiền lệ. Điều này giúp Việt Nam tiếp cận linh hoạt với văn hóa nhân loại song đồng thời cũng dẫn đến những xung đột và pha trộn giá trị, đồng thời xuất hiện một số mâu thuẫn giữa giá trị văn hóa truyền thống và thực tiễn lối sống hiện đại với các biểu hiện như:

Mâu thuẫn giữa sự cần thiết kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với việc coi thường/xem nhẹ các giá trị văn hóa truyền thống

Tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII, Đảng đã đưa ra nhận định khi đánh giá về thực trạng của đạo đức, lối sống của một bộ phận người dân nước ta là: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc” [30, tr.46]. Đây chính là biểu hiện của mâu thuẫn trong việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc nói chung và kế thừa các giá trị này trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam nói riêng. Những người có quan điểm và chạy theo lối sống trên là những cá nhân chưa có nhận thức đúng đắn về hệ giá trị dân tộc, về vai trò của hệ giá trị đó trong sự phát triển của dân tộc Việt Nam theo tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Thậm chí, một số người có biểu hiện coi thường, muốn phủ nhận vai trò của các giá trị truyền thống dân tộc để sùng bái, tôn thờ các giá trị

mới mà họ cho là hấp dẫn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới những hạn chế trong chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Một trong những biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn trên là việc một bộ phận người Việt chạy theo kiểu sống đời thực dụng, ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân so với việc nhận thức về giá trị của lối sống truyền thống. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã đánh giá kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, ngoài những kết quả đạt được còn tồn tại một số hạn chế như: “thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tác động có hiệu quả để xây dựng con người và môi trường văn hóa ... môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục, tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng” [38].

Trong bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cùng với sự gia tăng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quan điểm về hệ giá trị, trong đó có hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người, lối sống, ... đều có những thay đổi trong nhận thức của con người, thậm chí theo chiều hướng tiêu cực, phức tạp, ngược với nhiều thuận lợi cho sự phát triển xã hội và con người do các quá trình này mang lại. Ở một bộ phận người dân trong xã hội, trong đó có giới trẻ đã xuất hiện sự thờ ơ, vô cảm, lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, toan tính về địa vị xã hội dẫn tới các vấn đề như: làm ăn phi pháp, gia tăng tội phạm ở trẻ vị thành niên, thái độ bất chấp, coi thường đạo lý, tự do, dân chủ quá trớn, ... Truyền thống làng - xã lâu đời của người Việt từng được xem là không gian duy trì các chuẩn mực con người, chuẩn mực xã hội thì nay bị thay thế bởi sự đô thị hóa, cá nhân hóa với những biểu hiện của lối sống gấp gáp, tự do cá nhân và những giá trị của tương thân, tương ái, nghĩa tình đang dần bị mai một.

Trong xã hội hiện nay, những giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội nói chung và gia đình Việt Nam nói riêng như hiếu thảo, lễ nghĩa, bao dung, nghĩa tình, ... đôi khi không được nhận thức đầy đủ, thậm chí bị cho là lỗi thời so với xu hướng hiện thời. Việc không dung hòa được giữa hai hệ giá trị truyền thống và hiện đại này tạo ra mâu thuẫn trong việc lựa chọn chuẩn mực, hành vi đạo đức và lối sống của giới trẻ hiện nay.

Ngoài những nguyên nhân cơ bản dẫn tới những hạn chế về chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay như trên đã phân tích còn có một số nguyên nhân khác

như: hoạt động thiếu thống nhất và đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục trẻ em dẫn tới sự hỗn loạn trong việc hình thành hệ giá trị, quan điểm, lối sống của thế hệ trẻ.

Mặt trái của truyền thông, tự do cá nhân trên mạng xã hội, sự mất kiểm soát về thông tin qua mạng xã hội làm cho nhiều thông tin tiêu cực, các nội dung lệch chuẩn, bạo lực lan truyền trên mạng xã hội. Theo báo cáo về người dùng mạng xã hội ở Việt Nam năm 2024 có: “78,44 triệu người sử dụng Internet ở Việt Nam vào đầu năm 2024, tỷ lệ sử dụng Internet ở mức 79,1%; 72,70 triệu người Việt Nam dùng mạng xã hội vào tháng 1 năm 2024, tương đương với 73,3% trong tổng dân số” [157]. Cũng theo báo cáo: “Số người dùng mạng xã hội ở Việt Nam khoảng 70 triệu người, chiếm 70% tổng dân số” [157]. Trong đó, việc sử dụng mạng xã hội của trẻ em Việt Nam, theo của tổ chức UNICEF là: “83% trẻ em từ 12 - 13 tuổi sử dụng Internet. Con số này tăng lên 93% ở độ tuổi 14 - 15. Theo khảo sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 36% trẻ em sử dụng mạng xã hội từ 5 - 7 giờ/ngày; hầu hết trẻ em ở độ tuổi 16 -17 được dạy về việc bảo đảm an toàn trên mạng. Trẻ rất dễ rơi vào bẫy của người lạ trên mạng, tiếp cận với những nội dung độc hại như bạo lực, khiêu dâm; bị phát tán thông tin riêng tư, bị bắt nạt trực tuyến, bị lôi kéo, quấy rối, lừa đảo, tống tiền, dọa nạt, ép tham gia các hoạt động phi pháp” [158]. Theo kết quả khảo sát đối với 4.247 sinh viên, có đến “4.205 SV (chiếm 99%) sử dụng mạng xã hội” [Dẫn theo 51]. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm chuyên gia tại Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội: “có 31% học sinh THCS và THPT bị bắt nạt trực tuyến. Thế giới ảo với chức năng ẩn danh đã tạo điều kiện cho những hành vi ứng xử chưa văn minh, thiếu chuẩn mực” [Dẫn theo 51]. Điều này tác động tiêu cực đến việc lựa chọn chuẩn mực của giới trẻ hiện nay.

Cùng với đó, sự thiếu gương mẫu và minh bạch trong môi trường công vụ, công sở: Một số cán bộ, công chức vi phạm đạo đức, kỷ luật làm giảm niềm tin vào hệ thống giá trị xã hội và gây ảnh hưởng đến hành vi noi theo của người dân. Áp lực vật chất - kinh tế trong xã hội thị trường khi giá trị vật chất chi phối, dễ dẫn đến tình trạng đánh đổi đạo đức để mưu cầu lợi ích cá nhân, bỏ qua các nguyên tắc chuẩn mực chung. Theo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, trong khảo sát năm 2022, 62% người lao động trẻ cho rằng áp lực tài chính ảnh hưởng đến hành vi ứng xử đạo đức và sự lựa chọn nghề nghiệp [128].

Nghiên cứu của UNESCO đã chỉ ra rằng trong xã hội toàn cầu hóa, các nước đang phát triển thường đối mặt với vấn đề “*erosion of traditional values in the digital generation*” tức là sự mài mòn giá trị truyền thống ở thế hệ trẻ do tác động công nghệ. Điều này cho thấy, nhiều hạn chế trong đời sống văn hóa hiện nay không chỉ xuất phát từ nội bộ mà còn rất chịu áp lực từ hội nhập và công nghệ, làm suy giảm khả năng vận dụng giá trị truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người.

Áp lực phát triển kinh tế làm lu mờ ưu tiên cho văn hóa

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, ưu tiên của nhiều địa phương, ngành, cơ quan quản lý vẫn nghiêng về phát triển kinh tế - hạ tầng - tăng trưởng GDP hơn là đầu tư cho văn hóa và con người. Nhiều nơi xem văn hóa như “phần mềm trang trí” chứ chưa phải là cấu phần quyết định phát triển, dẫn đến phân bổ ngân sách và nguồn lực cho văn hóa rất thấp so với kinh tế. Nhiều lễ hội, di sản, không gian văn hóa bị khai thác theo hướng du lịch thương mại, ưu tiên lợi ích kinh tế trước mắt thay vì bảo toàn giá trị lâu dài. Các cơ quan thực thi chính sách bị gây sức ép bằng chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, dẫn đến xu hướng “ngại làm văn hóa” vì khó đo lường, khó báo cáo thành tích. Những vấn đề này đã được Đảng ta nhận định từ Nghị quyết 33/NQ-TW: “Phát triển kinh tế chưa gắn kết chặt chẽ và hài hòa với phát triển văn hóa; đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng với vai trò và vị trí của văn hóa” [38]. Điều này cho thấy khi kinh tế được đặt ở vị trí ưu tiên tuyệt đối, văn hóa và con người tất yếu bị lùi xuống thứ yếu, làm suy giảm hiệu quả vận dụng giá trị truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Hai là, công tác giáo dục giá trị văn hóa truyền thống chưa gắn chặt với nhu cầu và tâm lý thế hệ trẻ.

Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần phải được nhận thức một cách đúng đắn và đầy đủ, đó là “Quá trình bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, hình thành nhân cách sống giàu bản sắc và bền vững trước những biến động xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giáo dục văn hóa truyền thống giúp sinh viên xây dựng đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, làm nền tảng cho sự phát triển toàn diện cả về trí tuệ lẫn đạo đức” [135, tr.119]. Quan trọng hơn, quá trình này tạo nên “bản lĩnh văn hóa – một yếu tố quyết định để thế hệ trẻ hội nhập toàn cầu mà vẫn giữ được phẩm giá, khí phách dân tộc” [136, tr.119]. Tuy

nhiên, sự tiếp cận và nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong các nhà trường và ngoài xã hội hiện nay còn mang nặng hình thức và cứng nhắc.

Trên thực tế, nhiều năm qua giáo dục Việt Nam nhất là ở bậc đại học đã quá chú trọng vào đào tạo chuyên môn với các chuẩn mực quốc tế về công nghệ, kỹ thuật mà giảm đi phần giáo dục văn hóa, giá trị văn hóa truyền thống. Các môn học liên quan đến văn hóa, giá trị thường được xếp vào học phần “tự chọn” hoặc có thể mang tính bắt buộc nhưng thiếu sự đầu tư, nên kém hấp dẫn người học. Theo thống kê của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch thực hiện năm 2020, có tới 64% học sinh cho rằng nội dung đạo đức học đường chưa gần gũi với trải nghiệm thực tế. Điều này dẫn tới việc một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về hệ giá trị dân tộc nhất là các giá trị truyền thống, họ dễ bị “chao đảo”, bị “ảnh hưởng” bởi những trào lưu văn hóa ngoại lai, sống thực dụng, thờ ơ thậm chí vô cảm với xã hội xung quanh. Nguy cơ của việc đánh mất bản sắc dân tộc hiện hữu ngay trong hành vi, ý thức và lối sống của nhiều sinh viên. Đây chính là hệ quả của *sự tiếp cận giá trị văn hóa truyền thống trong các nhà trường và xã hội còn mang tính hình thức cứng nhắc* – nguyên nhân của những hạn chế về chuẩn mực của con người Việt Nam hiện nay, nhất là ở thế hệ trẻ.

Sự tiếp cận về giá trị văn hóa truyền thống trong các nhà trường và xã hội còn mang hình thức cứng nhắc do đó việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống hiện nay vẫn được triển khai theo cách tiếp cận thiên về “truyền thụ một chiều”, tập trung vào diễn ngôn lịch sử - đạo đức, ít chú ý đến đặc điểm tâm lý, nhu cầu tự khẳng định và phương pháp tiếp nhận tri thức của thế hệ trẻ trong thời đại số. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, giá trị chỉ có thể trở thành chuẩn mực khi nó được “nội tâm hóa” chứ không phải áp đặt, hành chính, giáo điều. Trong khi đó, thực tế cho thấy không ít các giá trị đang được giáo dục lại xa rời không gian sống của thanh niên dẫn đến việc “tách lớp giá trị” giữa người dạy và người học.

Bên cạnh đó, môi trường truyền thông số - nơi giới trẻ tiếp nhận giá trị chủ đạo lại không được định hướng đủ mạnh cho việc lan tỏa tinh hoa truyền thống. Điều này tạo nên khoảng trống giữa “giá trị được giảng dạy” và “giá trị đang sống trong đời thực”.

Ba là, sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội còn rời rạc

Gia đình là môi trường đầu tiên và quan trọng trong việc hình thành nhân cách của mỗi con người. Ngoài chức năng nuôi dưỡng, chức năng giáo dục cũng

có vai trò quan trọng đối với sự hình thành mỗi cá nhân con người trong suốt cuộc đời, trong đó có việc giáo dục nhân cách, gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống dân tộc. Tuy nhiên, sự suy giảm chức năng giáo dục của gia đình hiện nay đang là nguyên nhân dẫn tới những biểu hiện hạn chế của chuẩn mực con người Việt Nam nhìn từ góc độ giá trị truyền thống dân tộc.

Các số liệu về đặc điểm gia đình Việt Nam hiện nay cho thấy sự “đứt, gãy” về chức năng giáo dục của gia đình: “Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, gia đình quy mô nhỏ (hộ có từ 2 đến 4 người) chiếm số lớn ở nước ta với tỉ lệ gần 65%, trong đó khu vực thành thị gần 67%. Số hộ độc thân chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng đang có xu hướng tăng nhanh trong 5 năm trở lại đây. Điều này dẫn đến một thực tế đáng lo, nhiều gia đình tại các đô thị phải mải mê chạy theo guồng quay của nhịp sống hiện đại, nên đã dễ xảy ra tình trạng thiếu kết nối giữa các thành viên, đặc biệt là những gia đình lớn có nhiều thế hệ sống chung thì sự kết nối càng trở nên hiếm hoi” [15]. Đặc điểm và đang trở thành xu thế phổ biến đó của gia đình ở Việt Nam hiện nay làm cho chức năng giáo dục của gia đình trong đó có giáo dục giá trị truyền thống được nhận thức chưa đầy đủ thậm chí chưa đúng. Có nhiều bậc cha mẹ cho rằng trách nhiệm dạy dỗ, giáo dục thuộc về nhà trường, thầy cô nên họ “phó mặc” cho nhà trường và sẵn sàng “đổ lỗi” cho các nhà trường/ giáo viên khi xảy ra các vấn đề trong giáo dục con cái của họ. Nhiều cha mẹ mải mê làm kinh tế, dành quá nhiều thời gian cho công việc nên thiếu thời gian giáo dục con cái, biểu hiện của việc này là tỷ lệ trẻ em bị chứng tự kỷ ngày càng tăng trong xã hội hiện đại do thiếu sự quan tâm của cha mẹ và thời gian sử dụng các thiết bị điện tử quá nhiều trong ngày.

Gia đình là môi trường đầu tiên trong hành trình được giáo dục của mỗi con người: gia đình - nhà trường - xã hội. Do đó, mặc dù xã hội đang phát triển không ngừng theo xu thế mới, song giáo dục vẫn luôn là chức năng cơ bản và quan trọng, không thể thay thế của gia đình nhất là trong việc giáo dục các hệ giá trị cùng giá trị truyền thống. Giáo dục gia đình tạo nền tảng đầu tiên cho sự hình thành nhân cách và những chuẩn mực của mỗi con người. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, gia đình Việt Nam trong thực hiện chức năng giáo dục nhất là giáo dục về nhân cách, phẩm chất, đang chưa thực hiện hết vai trò so với gia đình truyền thống làm việc này.

Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội còn rời rạc, mô thức tam giác giáo dục có những biểu hiện của sự thiếu liên thông, liên kết. Trong khi Nhà trường thực hiện giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thì gia đình lại ngày càng bị chi phối bởi văn hóa công nghiệp, vai trò kèm cặp, truyền mẫu hành vi chuẩn mực yếu dần đi. Trong khi đó, môi trường xã hội và truyền thông có những lúc mất kiểm soát dẫn đến việc tràn lan trên mạng xã hội những video, hình ảnh đi ngược lại các giá trị đạo đức qua các biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, sống thực dụng, ... điều này đi ngược lại với định hướng giáo dục giá trị văn hóa truyền thống. Hệ quả là, giá trị không tạo được “tác động cộng hưởng” mà bị triệt tiêu bởi sự thiếu nhất quán giữa các kênh xã hội hóa.

Bốn là, thiếu nghiên cứu chuyên sâu và cơ sở dữ liệu về hệ giá trị văn hóa truyền thống

Việc hoạch định và thực thi chính sách giá trị đến nay vẫn thiếu nền tảng dữ liệu khoa học về biến đổi giá trị trong xã hội Việt Nam đương đại. Nghiên cứu hiện có chủ yếu mang tính mô tả - lịch sử, ít công trình tiến hành đo lường định lượng về mức độ tiếp nhận và thực hành giá trị trong các nhóm xã hội khác nhau. Như trên đã phân tích về sự hạn chế trong thực hiện chính sách về văn hóa, Việt Nam hiện chưa có bộ chỉ số quốc gia theo dõi động thái giá trị văn hóa, dẫn đến việc xây dựng chuẩn mực chủ yếu dựa trên nhận định kinh nghiệm, thiếu cơ sở thực chứng. Khi thiếu bằng chứng khoa học, việc truyền bá giá trị văn hóa truyền thống dễ rơi vào khẩu hiệu, khó thuyết phục và khó chuyển hóa thành hành vi xã hội.

3.3. Những vấn đề đặt ra từ việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống cần giải quyết trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời gian tới

Từ các kết quả đạt được và những hạn chế cùng nguyên nhân đã phân tích, có thể nhận diện một số vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra cần được giải quyết để việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đạt hiệu quả hơn trong bối cảnh hiện nay, đó là:

3.3.1. Hiện tượng lệch chuẩn văn hóa và yêu cầu xác định hệ giá trị dân tộc cốt lõi

Về nhận thức, có thể thấy một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ, đang có xu hướng coi nhẹ hoặc hiểu phiến diện về giá trị văn hóa truyền thống. Các giá trị như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, nghĩa tình, cần cù, tự cường... vốn là nền tảng

tinh thần của dân tộc, nay có nguy cơ bị giản lược thành những khẩu hiệu cảm tính, thiếu gắn kết với hành vi công dân cụ thể. Hiện tượng “yêu nước trên mạng”, “hành động vì cộng đồng theo phong trào”, hay “đề cao cá nhân thay vì trách nhiệm xã hội” là biểu hiện của sự lệch chuẩn trong nhận thức giá trị văn hóa truyền thống, làm suy yếu tinh thần gắn bó cộng đồng, một phẩm chất từng là cội rễ của sức mạnh dân tộc Việt Nam.

Về hành động, nhiều giá trị văn hóa truyền thống không còn được chuyển hóa thành động lực thực tiễn trong đời sống xã hội. Sự suy giảm của tinh thần đoàn kết, ý chí tự cường, hay tinh thần trách nhiệm và nghĩa tình trong môi trường đô thị và không gian mạng đang cho thấy những “khoảng trống văn hóa” cần được bù đắp. Chính vì vậy, lời kêu gọi “khởi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” không chỉ mang ý nghĩa định hướng phát triển quốc gia, mà còn là lời nhắc nhở về sự cần thiết phải tái thiết hệ giá trị văn hóa truyền thống trong tâm thức con người Việt Nam hiện nay.

Đây cũng là một vấn đề đặt ra cả trong lý luận và thực tiễn giáo dục con người Việt Nam thời kỳ mới: làm thế nào để các giá trị văn hóa truyền thống như yêu nước, đoàn kết, nhân ái, cần cù, sáng tạo... không chỉ tồn tại trong lời nói mà thực sự trở thành chuẩn mực hành động của từng cá nhân và cộng đồng. Việc hiện thực hóa điều đó đòi hỏi một sự thống nhất giữa nhận thức - niềm tin - hành động, trong đó văn hóa giữ vai trò “soi đường cho quốc dân đi”, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định.

Hiện nay, dù nhiều văn kiện của Đảng đã nêu các nhóm giá trị như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, song việc xác định hệ giá trị ở tầm quốc gia trên cơ sở khoa học và được sự đồng thuận cao của xã hội chưa thực hiện được và vẫn đang được Đảng đặt ra với tư cách một trong nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa, con người hiện nay. Do đó, câu hỏi: Giá trị nào là nền tảng bất biến, giá trị nào cần điều chỉnh để phù hợp thời đại? vẫn chưa được giải đáp một cách đầy đủ và thỏa đáng. Sự thiếu xác lập này có thể làm cho quá trình giáo dục, truyền thông và chính sách dễ rơi vào trạng thái nói rộng, làm mờ. Do đó, yêu cầu cần xác định rõ hệ giá trị quốc gia bao gồm: hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam cùng các yếu tố cốt lõi cần giữ gìn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong nghiên

cứu lý luận cũng như hình thành các chiến lược phát triển đất nước hiện nay trong các lĩnh vực cụ thể.

3.3.2. Mất cân bằng giữa bảo tồn - đổi mới và yêu cầu hài hòa giá trị văn hóa

Đây là một trong những vấn đề cốt yếu đặt ra trước thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay. Thực tiễn cho thấy hai xu hướng đang tồn tại song song và đều mang tính tất yếu khách quan, đó là bảo tồn và hội nhập về văn hóa. Cả hai xu hướng này đều có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, đồng thời có vai trò không thể thiếu trong tiến trình phát triển văn hóa dân tộc.

Xu hướng bảo tồn là tất yếu bởi giá trị văn hóa truyền thống chính là nền tảng nhận diện dân tộc, là “gốc rễ” tạo nên sự khác biệt và bản sắc của con người Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa tạo ra áp lực đồng nhất văn hóa mạnh mẽ, khi thế hệ trẻ tiếp xúc quá nhiều với văn hóa ngoại lai và nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang dần mai một, biến dạng thì việc giữ gìn bản sắc trở thành nhu cầu cấp thiết. Khi đó, giá trị văn hóa truyền thống không chỉ là di sản của quá khứ mà còn là nguồn lực tinh thần giúp con người Việt Nam đối diện với những thách thức của thời đại, đồng thời tạo nên tính liên tục lịch sử nối kết quá khứ - hiện tại - tương lai.

Cùng với đó, xu hướng hội nhập cũng là tất yếu khách quan. Văn hóa là một hệ thống mở, luôn vận động và phát triển; không có nền văn hóa nào có thể tự phát triển được nếu không được đặt trong dòng chảy của văn hóa nhân loại. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là quy luật phát triển văn hóa của mọi dân tộc tiến bộ. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, khi khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ đòi hỏi tư duy và cách làm mới, khi cạnh tranh quốc tế yêu cầu con người Việt Nam phải có năng lực toàn cầu, thì việc học hỏi văn hóa làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo, các giá trị nhân quyền, dân chủ, pháp quyền hiện đại càng trở nên cần thiết.

Tuy nhiên, mâu thuẫn nảy sinh khi một trong hai xu hướng bị đẩy đến cực đoan. Nếu bảo tồn theo lối bảo thủ - tức là tuyệt đối hóa giá trị văn hóa truyền thống, coi mọi giá trị xưa đều tốt, mọi cái mới đều xấu, áp đặt máy móc chuẩn mực cũ vào bối cảnh mới sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Giá trị văn hóa truyền thống trở nên xa lạ và tách rời với đời sống hiện đại, thế hệ trẻ cảm thấy

bị áp đặt nên xem truyền thống là lỗi thời, lạc hậu, từ đó tạo khoảng cách và sự xung đột thế hệ. Hơn nữa, lối tư duy bảo thủ này còn cản trở sự phát triển khi nó đang tìm hăm sáng tạo, đổi mới, làm giảm năng lực cạnh tranh và biến văn hóa thành “bảo tàng” tách rời đời sống thay vì là nguồn lực phát triển sống động.

Ngược lại, nếu đổi mới cực đoan - tức là phủ nhận, xem thường truyền thống, sùng bái văn hóa phương Tây, tiếp thu thiếu chọn lọc thì sẽ làm mất đi bản sắc văn hóa gốc của dân tộc. Hậu quả là gây ra sự khủng hoảng bản sắc cá nhân và dân tộc khi con người không biết mình là ai, thuộc về đâu, mặc cảm tự ti trước văn hóa nước ngoài. Đồng thời dẫn đến suy thoái đạo đức, lối sống khi mất gốc đạo lý truyền thống nhưng chưa tiếp thu được cái hay của văn minh hiện đại, rơi vào “chân không” giá trị. Những biểu hiện đáng lo ngại có thể kể đến như coi việc hiếu thảo là “lệ thuộc”, “thiếu tự do”, xem nhẹ đạo lý thầy trò, học theo chủ nghĩa cá nhân thái quá bỏ rơi cha mẹ già, hay bắt chước máy móc lối sống tiêu dùng xa xỉ của phương Tây.

Do đó, vấn đề đặt ra là phải tìm được điểm cân bằng động giữa hai xu hướng này. Cân bằng động không phải là sự chia đôi máy móc 50-50 giữa cũ và mới, cũng không phải là trạng thái cố định bất biến, mà là sự cân bằng linh hoạt theo hoàn cảnh - tỷ lệ bảo tồn và đổi mới có thể thay đổi tùy từng lĩnh vực, từng giai đoạn. Trong lĩnh vực đạo đức gia đình, cần giữ nhiều hơn (hiếu thảo, tình thân) và đổi ít hơn (chỉ điều chỉnh cách thể hiện); trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh thì có thể đổi nhiều hơn (học tập quốc tế) và giữ ít hơn (một số nguyên tắc ứng xử cốt lõi). Sự cân bằng này luôn vận động, phát triển và không ngừng điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn, song vẫn có định hướng rõ ràng hướng tới mục tiêu phát triển con người và xã hội.

Điểm cân bằng này được thể hiện ở chỗ vừa giữ được tinh thần truyền thống lại vừa tiếp thu được những tinh hoa văn hóa nhân loại, hai yếu tố này tồn tại thống nhất trong một chỉnh thể văn hóa mới ở Việt Nam hiện nay. Chỉnh thể văn hóa mới này không phải là sự ghép nối cơ học giữa truyền thống và hiện đại, mà là tổng hợp biện chứng tạo ra giá trị mới cao hơn thông qua sự vận dụng sáng tạo, chuyển hóa phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Chẳng hạn, từ tinh thần “tương thân tương ái” truyền thống kết hợp với khái niệm trách nhiệm xã hội doanh nghiệp hiện đại đã sinh ra mô hình doanh nghiệp xã hội mang đặc trưng Việt Nam; hay từ đạo lý “tôn sư trọng đạo” kết hợp với tư duy phê phán hiện đại đã

tạo ra mối quan hệ thầy trò vừa tôn trọng vừa cởi mở, vừa biết ơn vừa được phép tranh luận lịch sự, có chừng mực mà vẫn giữ được đạo lý.

Đây cũng chính là thách thức lớn trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đổi mới. Thách thức trước hết nằm ở nhận thức - làm sao xác định được đâu là giá trị “cốt lõi” không thể thay đổi, đâu là giá trị có thể điều chỉnh, đâu là giá trị cần loại bỏ; đổi đến mức độ nào là vừa, bao giờ là quá. Tiếp đến là thách thức về phương pháp đó là làm sao để vận dụng sáng tạo thay vì áp đặt máy móc hay bắt chước máy móc, làm sao để thống nhất trong đa dạng khi không thể áp đặt một chuẩn mực duy nhất nhưng cũng không thể để tự do tuyệt đối. Cuối cùng là thách thức trong thực tiễn khi áp lực toàn cầu hóa ngày càng mạnh, mâu thuẫn lợi ích giữa kinh tế thị trường và tinh thần cộng đồng ngày càng rõ, đồng thời còn thiếu những gương mẫu và cơ chế thực hiện hiệu quả.

Giải quyết được mâu thuẫn này có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của quá trình xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay. Chỉ khi đạt được sự cân bằng động hợp lý, con người Việt Nam mới có thể vừa vững bản sắc dân tộc nhưng không cứng nhắc, vừa hội nhập sâu rộng nhưng không mất gốc, vừa tự tin văn hóa vừa có năng lực cạnh tranh quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

3.3.3. Xung đột và pha trộn giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị hiện đại và yêu cầu xây dựng cơ chế giải quyết xung đột giá trị

Trong những chuẩn mực của con người Việt Nam hiện nay xuất hiện một số hạn chế so với giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với thực tiễn lối sống hiện đại, biểu hiện của những mâu thuẫn này là:

Mâu thuẫn giữa việc cần kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với việc coi thường, xem nhẹ các giá trị văn hóa truyền thống. Tại Hội nghị lần thứ năm, khóa VIII Đảng đã đưa ra nhận định khi đánh giá về thực trạng của đạo đức, lối sống của một bộ phận người dân nước ta là: “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc” [30, tr.46]. Đây chính là biểu hiện của mâu thuẫn trong việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc nói chung và kế thừa các giá trị này trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam nói riêng. Những người có quan điểm và chạy

theo lối sống trên là những cá nhân chưa có nhận thức đúng đắn về hệ giá trị dân tộc, về vai trò của hệ giá trị đó trong sự phát triển của dân tộc Việt Nam theo tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Thậm chí, một số người có biểu hiện coi thường, muốn phủ nhận vai trò của các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc để sùng bái, tôn thờ các giá trị mới mà họ cho là chân lý. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới những hạn chế trong chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Mâu thuẫn giữa việc kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống với xu hướng “Tây phương hóa”, quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa thái quá trong lối sống của một bộ phận người Việt để chạy theo cách sống thực dụng, ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã đánh giá kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, ngoài những kết quả đạt được còn tồn tại một số hạn chế như: “thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả đến việc xây dựng con người và môi trường văn hóa ... môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục, tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng” [38].

Trong bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cũng với sự gia tăng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa quan điểm về hệ giá trị trong đó có hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người, lối sống, ... có nhiều thay đổi trong nhận thức của con người, thậm chí theo chiều hướng tiêu cực, phức tạp mặc dù có nhiều thuận lợi từ các quá trình này mang lại cho sự phát triển xã hội, con người. Một bộ phận người trong xã hội trong đó có giới trẻ xuất hiện và có biểu hiện của sự thờ ơ, vô cảm, lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, toan tính về địa vị xã hội dẫn tới các vấn đề như: làm ăn phi pháp, gia tăng tội phạm ở trẻ vị thành niên, bắt chập, coi thường đạo lý, tự do, dân chủ quá trớn, ... Truyền thống làng - xã lâu đời của người Việt từng được xem là không gian duy trì các chuẩn mực con người, chuẩn mực xã hội thì nay bị thay thế bởi sự đô thị hóa, cá nhân hóa với những biểu hiện của lối sống gấp gáp, tự do cá nhân mà những giá trị tương thân, tương ái, nghĩa tình đang dần bị mai một.

Trong xã hội hiện nay, những giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội nói chung và gia đình Việt Nam nói riêng như hiếu thảo, lễ nghĩa, bao dung, nghĩa

tình, ... đôi khi không được nhận thức đầy đủ, thậm chí bị cho là lỗi thời so với xu hướng hiện thời. Việc không dung hòa được giữa hai hệ giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại này tạo ra mâu thuẫn trong việc lựa chọn chuẩn mực, hành vi đạo đức và lối sống của giới trẻ hiện nay. Thực tế cho thấy, xung đột giữa giá trị có tính truyền thống (cộng đồng, hiếu kính, nghĩa tình) với các giá trị hiện đại (cá nhân, cạnh tranh, hiệu quả) đang ngày càng gay gắt và có những biểu hiện rõ rệt. Vấn đề đặt ra là không chỉ dừng lại ở việc nhận diện mâu thuẫn và xung đột hệ giá trị đó mà cần tìm ra nguyên tắc và công cụ để xử lý và giải quyết chúng – tức là “điều phối giá trị”, để vừa bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống làm nền tảng vừa thích ứng với logic phát triển mới của xã hội đương đại. Do đó, chưa có biện pháp để xử lý và giải quyết các xung đột giá trị này cũng là một trong những vấn đề đặt ra từ thực tiễn hiện nay.

3.3.4. Sự thiếu hấp dẫn của giá trị văn hóa truyền thống và yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức

Giá trị văn hóa truyền thống có sức hấp dẫn riêng bởi ý nghĩa của nó, song để nó thực sự hấp dẫn được giới trẻ hiện nay thì việc làm thế nào để tăng cường sức hấp dẫn đó là vấn đề quan trọng được đặt ra hay chính là việc đưa các giá trị này vào đời sống một cách sinh động, hấp dẫn, nhất là với giới trẻ.

Thực tế cho thấy, một số giá trị văn hóa truyền thống dù được tuyên truyền mạnh mẽ bằng nhiều phương pháp khác nhau song chưa đi vào đời sống vì thiếu hình thức thể hiện phù hợp với ngôn ngữ, thẩm mỹ và nhu cầu của giới trẻ. Câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để giá trị văn hóa truyền thống không chỉ “được biết” mà còn “được sống”, “được yêu thích” và được “tự nguyện thực hành” bởi giới trẻ - chính là yêu cầu đặt ra hiện nay. Vấn đề này nếu không được giải quyết thì giá trị truyền thống nói chung và giá trị văn hóa truyền thống nói riêng vẫn đơn giản là dừng lại ở khẩu hiệu, ở tuyên truyền mà chưa đi vào thực chất đời sống cộng đồng xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, con người Việt Nam đang đứng trước yêu cầu phải thích ứng với các chuẩn mực toàn cầu (global standards) về tri thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động, đồng thời phải giữ được “cốt cách Việt Nam” - bản sắc văn hóa, đạo lý và nhân văn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là trung tâm của chiến

lược phát triển” [41, tr.142]. Theo đó, con người Việt Nam trong thời đại mới cần phải được định hướng theo cả hai chiều là vừa giữ gìn bản sắc dân tộc với các giá trị truyền thống yêu nước, đoàn kết, tự cường; nghĩa tình trung thực, ... vừa kế thừa các tinh hoa văn hóa nhân loại (hội nhập quốc tế) như năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tôn trọng pháp luật, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân toàn cầu. Giữa hai yếu tố truyền thống và hiện đại phải cùng tồn tại và hòa hợp trong chuẩn mực con người Việt Nam trong đó giá trị văn hóa truyền thống là gốc, là nền tảng để tiếp nhận và định hình các giá trị mới, giá trị hiện đại trong con người Việt Nam.

3.3.5. Yêu cầu hoàn thiện thể chế và công cụ thực hiện với cơ chế, công cụ bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống hiện nay

Việc cần có một khung pháp lý, chính sách và công cụ đo lường hiệu quả việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống là vấn đề đặt ra từ thực tiễn hiện nay bởi việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam mới dừng ở tầm chủ trương, định hướng và chiến lược mà chưa có nhiều kết quả thực tế: khung pháp lý đồng bộ về giáo dục - truyền thông - thiết chế văn hóa; Thiếu công cụ đo lường để đánh giá mức độ chuyển hóa giá trị vào hành vi; Thiếu cơ chế giám sát giữa các cấp, ngành, địa phương trong thực hiện chính sách. Do đó, việc thiếu nền tảng thể chế và bộ công cụ này sẽ làm cho chủ trương đúng nhưng sẽ bị “pha loãng” khi đi vào thực tiễn.

Yêu cầu hoàn thiện thể chế nói trên càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh nước ta đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã), bỏ cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết của Đảng và Hiến pháp sửa đổi năm 2025. Đây là một cuộc cải cách hành chính sâu rộng, tác động trực tiếp đến phương thức tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động văn hóa ở cơ sở – nơi giá trị văn hóa truyền thống được thực hành, lưu giữ và chuyển hóa thành chuẩn mực con người trong đời sống hằng ngày. Việc tổ chức lại bộ máy đặt ra nhiều vấn đề mới cần giải quyết trong vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, đó là:

Thứ nhất, sự thay đổi về phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và xã đòi hỏi phải tái cấu trúc toàn bộ hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở. Khi cấp huyện vốn là cấp trung gian đảm nhiệm vai trò điều phối, hướng dẫn chuyên môn về văn hóa, giáo dục, truyền thông không còn thì các trung tâm văn hóa, thư viện, nhà truyền

thống, di tích lịch sử, văn hóa cấp huyện cần được sắp xếp lại theo hướng hoặc chuyển giao cho cấp xã quản lý, hoặc trực thuộc cấp tỉnh. Quá trình chuyển giao này nếu không được thiết kế chặt chẽ về thể chế sẽ dẫn đến nguy cơ đứt gãy trong việc tổ chức các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường hình thành chuẩn mực con người ở cộng đồng dân cư.

Thứ hai, năng lực của đội ngũ cán bộ cấp xã nhất là đội ngũ làm công tác văn hóa trong vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người trở thành vấn đề then chốt. Trong mô hình hai cấp, xã (bao gồm cả các xã mới được sáp nhập với quy mô lớn hơn nhiều so với trước đây) trở thành cấp trực tiếp tổ chức, triển khai hầu hết các nhiệm vụ về văn hóa, giáo dục cộng đồng, xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ văn hóa cấp xã hiện nay phần lớn còn mỏng về số lượng, hạn chế về chuyên môn nghiên cứu, nhận diện và truyền tải giá trị văn hóa truyền thống. Nếu không có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực phù hợp, cấp xã sẽ khó đảm đương được vai trò là chủ thể trực tiếp vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người tại cộng đồng.

Thứ ba, việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đặt ra vấn đề về bảo tồn bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân cư truyền thống. Mỗi làng, xã ở Việt Nam vốn là một không gian văn hóa với hệ thống lễ hội, phong tục, hương ước, gia phong, di sản riêng, là nguồn nuôi dưỡng trực tiếp các chuẩn mực ứng xử của con người. Khi nhiều xã được hợp nhất thành một đơn vị hành chính mới với địa bàn rộng, dân cư đông và đa dạng về nguồn gốc văn hóa, sẽ xuất hiện thách thức trong việc duy trì tính đặc thù của từng cộng đồng, tránh tình trạng “đồng nhất hóa” hành chính làm mờ nhạt bản sắc văn hóa làng xã vốn là yếu tố cốt lõi tạo nên chiều sâu của chuẩn mực con người Việt Nam.

Thứ tư, cơ chế phối hợp và giám sát giữa hai cấp chính quyền trong việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống cần được thể chế hóa rõ ràng. Khi không còn cấp huyện làm trung gian, mối quan hệ trực tiếp giữa tỉnh và xã đòi hỏi một hệ thống chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, đánh giá được thiết kế lại theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả. Đặc biệt cần có bộ tiêu chí đo lường thống nhất về mức độ vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực

con người, áp dụng từ cấp tỉnh xuống cấp xã, để tránh tình trạng mỗi nơi triển khai một kiểu, thiếu cơ sở so sánh, đánh giá và rút kinh nghiệm.

Thứ năm, mô hình chính quyền hai cấp đặt ra yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý văn hóa ở cơ sở như một điều kiện bắt buộc. Khi địa bàn cấp xã mở rộng và cấp huyện không còn, công nghệ số trở thành công cụ thiết yếu để cấp tỉnh nắm bắt thực trạng, cấp xã triển khai nhiệm vụ và người dân tiếp cận các giá trị văn hóa truyền thống. Đây vừa là cơ hội để hiện đại hóa phương thức vận dụng giá trị văn hóa truyền thống, vừa là thách thức về thể chế, hạ tầng và nhân lực số ở cấp cơ sở.

Như vậy, hoàn thiện thể chế và công cụ thực hiện trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp không đơn thuần là điều chỉnh kỹ thuật hành chính, mà thực chất là tái thiết lập toàn bộ nền tảng tổ chức cho việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam. Đây là vấn đề lớn đang đặt ra, đòi hỏi phải được giải quyết một cách đồng bộ giữa thể chế pháp lý, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ và công cụ đo lường, giám sát.

Những vấn đề nêu trên cho thấy việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam không chỉ cần tiếp tục về mặt nhận thức, mà còn đòi hỏi phải giải quyết các vấn đề nền tảng về khung giá trị, cơ chế điều phối, phương pháp truyền bá và thể chế hóa bằng công cụ thực thi. Đây chính là cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết Chương 3

Thực trạng vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay diễn ra trong bối cảnh phức hợp của hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và biến đổi xã hội trong nước. Những kết quả đạt được trong thời gian qua cho thấy định hướng của Đảng và Nhà nước là đúng đắn; nhận thức xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống đã được nâng cao; nhiều chính sách, chương trình giáo dục và phong trào văn hóa đã đưa các giá trị cốt lõi như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, hiếu học... vào đời sống; các di sản văn hóa và không gian tín ngưỡng - lễ hội được phục hồi và phát huy; tinh thần “quay về cội nguồn” đã xuất hiện trong nghệ thuật, ẩm thực, kiến trúc và lối sống đương đại. Nhìn chung, giá trị văn hóa truyền thống vẫn giữ vai trò nền tảng tinh thần trong hình thành chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đó là những hạn chế mang tính hệ thống. Về nhận thức xã hội, tâm lý sinh ngoại, lệch chuẩn và đánh giá thấp giá trị văn hóa truyền thống nói chung và giá trị văn hóa truyền thống nói riêng vẫn tồn tại, đặc biệt trong giới trẻ. Về chính sách, một số chủ trương còn chung chung, thiếu chỉ số đo lường và giám sát; sự phối hợp giữa các ngành văn hóa – giáo dục – truyền thông chưa đồng bộ. Về đời sống văn hóa, tình trạng thương mại hóa lễ hội, biến tướng tín ngưỡng và sự suy giảm một số giá trị văn hóa truyền thống diễn ra mạnh trong môi trường đô thị hóa và truyền thông mạng. Nguyên nhân của những hạn chế này đến vừa từ tác động khách quan của toàn cầu hóa, công nghệ và ưu tiên kinh tế, vừa từ những yếu tố chủ quan: giáo dục giá trị chưa phù hợp tâm lý thế hệ trẻ, thiếu phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội, thiếu nghiên cứu thực chứng và thiếu các công cụ thể chế hóa giá trị.

Từ thực trạng đó, nhiều vấn đề cấp thiết được đặt ra cần được nghiên cứu và giải quyết một cách thấu đáo đó là: cần xác định rõ hệ giá trị cốt lõi ở tầm quốc gia; cần tìm điểm cân bằng giữa bảo tồn và đổi mới; cần cơ chế xử lý xung đột giá trị giữa truyền thống và hiện đại; cần tăng cường sức hấp dẫn của giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống số và đời sống đô thị; đồng thời cần hoàn thiện thể chế, xây dựng công cụ đo lường và cơ chế giám sát để bảo đảm quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống đi vào thực chất.

Như vậy, những kết quả nghiên cứu trong nội dung Chương 3 của luận án chỉ ra rằng vấn đề không nằm ở chỗ “có hay không” giá trị văn hóa truyền thống, mà nằm ở khả năng “kích hoạt” giá trị ấy trong bối cảnh phát triển mới. Đây chính là nền tảng để chuyển sang Chương 4 - nơi luận án sẽ xây dựng hệ thống định hướng và giải pháp nhằm tiếp tục và tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG VẬN DỤNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Những thuận lợi, khó khăn của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Trải qua bốn thập niên đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế. Cùng với đó, văn hóa và con người Việt Nam có điều kiện phát triển đa dạng, năng động và mở rộng giao lưu với thế giới. Tuy nhiên, bối cảnh mới cũng đặt ra những thách thức sâu sắc đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và định hình chuẩn mực con người Việt Nam. Những yếu tố tác động được xem là thuận lợi cũng như những khó khăn đặt ra đối với việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay có thể được khái quát như sau.

4.1.1. Những thuận lợi của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Một là, quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện cho văn hóa Việt Nam phát triển đa dạng

Kể từ Đại hội VI (1986), công cuộc đổi mới toàn diện đã mở ra thời kỳ mới cho phát triển văn hóa - xã hội. Nghị quyết TW5 khóa VIII (1998) khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, động lực phát triển đất nước. Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế mang lại những thuận lợi nổi bật như nhận định của Đảng tại Nghị quyết 33-NQ/TW (2014): “Văn hóa nước ta phát triển phong phú, đa dạng, thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần tích cực xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” [38].

Bối cảnh phát triển hiện nay mang lại nhiều cơ hội lớn lao cho sự phát triển đất nước nói chung và con người Việt Nam nói riêng, và suy cho cùng, sự phát triển của đất nước với mục tiêu vì con người như Đảng ta đã nhận định cũng chính là mang lại những điều kiện và cơ hội cho con người Việt Nam được phát triển và hoàn thiện. Có thể thấy những thuận lợi cho sự phát triển của con người Việt Nam xét từ góc độ những ưu thế của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế là:

Tạo môi trường hòa bình, ổn định – nền tảng quan trọng để con người phát triển và cống hiến, với hội nhập quốc tế hiện nay không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, Việt Nam tham gia tiến trình hội nhập một cách toàn diện ở các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cùng quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường sinh thái, ... Điều này góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp cho Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trước những biến động phức tạp và khó lường của tình hình thế giới. Cùng với đó, việc thiết lập các quan hệ “đa chiều”, “đa cấp độ”, “nhiều tầng nấc” trong quan hệ ngoại giao với các nước đang phát triển, các nước mới nổi đã giúp hình thành “thế cân bằng chiến lược trong quan hệ quốc tế (theo nghĩa tạo được môi trường chiến lược về quan hệ quốc tế có lợi nhất cho đất nước), góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường hòa bình, hợp tác phát triển, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước” [156]. Môi trường hòa bình, ổn định trong mối quan hệ quốc tế của Việt Nam với nhiều nước trên thế giới được tạo nên trong tiến trình hội nhập quốc tế là nền tảng quan trọng để con người Việt Nam giao lưu, học hỏi, trau dồi, hoàn thiện bản thân trong bối cảnh hội nhập.

Tạo môi trường phong phú, đa dạng, nhiều vấn đề mới để con người Việt Nam học hỏi, tiếp thu, hình thành những tư duy, cách làm mới, trong lĩnh vực kinh tế, việc tham gia ngày càng sâu rộng vào chuỗi kinh tế toàn cầu, các hiệp định thương mại tự do, các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, ... giúp con người Việt Nam có cơ hội học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm trong việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường hiện đại, hiệu quả và phát triển các mô hình kinh tế mới theo hướng tiên tiến, hiện đại và phát triển bền vững như mô hình: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế tri thức, ... Về chính trị, người Việt Nam có điều kiện để nhận thức rõ hơn về lý luận và thực tiễn các mô hình phát triển của các nước trên thế giới từ đó có thể rút ra nhiều bài học về con đường phát triển của Việt Nam trong đó có cách làm, có bước đi và nhận thức về nguồn lực con người. Trên cơ sở đó, con người Việt Nam không ngừng hoàn thiện, phát triển mới, phát huy các yếu tố truyền thống để nắm bắt những cơ hội của bối cảnh mới thông qua việc Việt Nam đang tiếp tục tham gia sâu rộng hơn vào hoạt động của các thể chế quốc tế. Ở lĩnh vực văn hóa, con người Việt Nam có cơ hội nhận thức và tiếp cận thêm các vấn đề phát triển văn hóa - xã hội của thế giới trong đó có sự phát triển giá trị con người để từ đó học hỏi những tinh hoa văn hóa thế

giới, góp phần làm phong phú hệ giá trị văn hóa dân tộc đồng thời khẳng định “sức mạnh mềm” của Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Đặc biệt, trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, sự tăng tốc mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cho con người Việt Nam cơ hội được học hỏi, tranh thủ kinh nghiệm, công nghệ quốc tế để từ đó có cơ hội phát triển, hoàn thiện con người trong quá trình trở thành những công dân toàn cầu. Hội nhập sâu rộng với thế giới giúp con người Việt Nam tiếp cận các giá trị chuẩn mực toàn cầu như minh bạch, chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội và sáng tạo. Sự giao lưu văn hóa - kinh tế đã tạo ra áp lực thay đổi, đồng thời mở ra cơ hội hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức phù hợp với môi trường quốc tế.

Đặc biệt, hội nhập quốc tế sâu rộng tạo nhiều cơ hội cho văn hóa và con người Việt Nam phát triển. Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kỷ nguyên mới đòi hỏi chúng ta phải có tâm thế mới, vị thế mới, tư duy và cách tiếp cận mới về mọi mặt trong đó có hội nhập quốc tế. Cần nhấn mạnh rằng “Hội nhập quốc tế là đặt đất nước vào dòng chảy chính của thời đại, đập cùng nhịp đập, thở cùng hơi thở của thời đại” [155]. Sự ra đời của Nghị quyết số 59/NQ-TW ngày 24/01/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” được xem là quyết sách chiến lược có tính đột phá của Đảng ta trong tiến trình đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới. Quan điểm về hội nhập quốc tế cũng ngày càng đầy đủ hơn, chúng ta đã “Chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới” [155].

Hai là, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) thúc đẩy sự năng động cá nhân

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển đặc thù của Việt Nam kể từ khi đổi mới, trong đó sự cạnh tranh tự do của thị trường được điều tiết bằng giá trị xã hội chủ nghĩa với các giá trị: nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết, ... như Đảng đã nhận định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [36, tr.34]. Đây là môi trường phát triển vừa thúc đẩy vừa thách thức các giá trị truyền thống. Có thể nói, việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã mang lại

hiều thay đổi căn bản trong đời sống con người Việt Nam, như “Kinh tế thị trường vừa tạo điều kiện phát triển năng lực cá nhân, vừa làm nảy sinh những mặt trái, khiến một bộ phận người dân chạy theo lợi ích vật chất, xem nhẹ giá trị nhân văn” [23, tr.6].

Một mặt, cơ chế thị trường khuyến khích tinh thần năng động, sáng tạo, tự chủ và khát vọng vươn lên của cá nhân - những phẩm chất quan trọng trong xây dựng con người thời kỳ mới. Việc tạo ra một môi trường với nhiều áp lực, yêu cầu mới thậm chí có sự cạnh tranh để phát triển là cơ sở để con người Việt Nam nỗ lực, bứt phá. Những thách thức lớn mà Việt Nam phải đối mặt trong bối cảnh hội nhập hiện nay là điều không tránh khỏi, song đó có thể được xem là yếu tố tích cực góp phần thúc đẩy sự năng động, sáng tạo, và buộc con người phải vươn lên, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong đó có: Thách thức do cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tạo ra sức ép về “chọn bên”; Thách thức về khoảng cách công nghệ, khoảng cách số; Thách thức đối với việc thực hiện quá trình công nghiệp hóa theo hướng hiện đại; Thách thức về xây dựng thể chế phát triển; Thách thức về nhận thức và thực tiễn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Thách thức trong việc tham gia ký kết và thực hiện các hiệp định song phương và đa phương trình độ cao; Thách thức về thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư FDI; Thách thức về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; Thách thức về nâng cao năng lực độc lập - tự chủ của nền kinh tế; Thách thức về tác động của những biến đổi, xu hướng phát triển mới về đời sống, lối sống, giá trị sống (giá trị con người, giá trị gia đình, giá trị văn hóa, giá trị xã hội) khi thiếu khả năng thích ứng có hiệu quả, nhất là với những tác động không thuận, tác động tiêu cực trong phát triển các lĩnh vực xã hội; Thách thức về trình độ, năng lực quản lý - quản trị kiến tạo phát triển và hội nhập quốc tế, không theo kịp sự phát triển, nhất là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 [156]. Việc này được nhìn nhận ở tính hai mặt của một vấn đề theo quan điểm Triết học Mác - Lênin.

Đặc biệt, trong những thách thức mới nổi có vấn đề nguồn nhân lực chất lượng cao, cùng với những tác động của những xu hướng biến đổi về lối sống, hệ giá trị, ... đặt ra những yêu cầu buộc con người Việt Nam phải nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn về vai trò của các giá trị truyền thống bền vững của dân tộc trong sự phát triển con người hiện đại. Đồng thời, nhận thức sự cần thiết và những yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh mới đối với con người để có thể đáp ứng được

những yêu cầu của xã hội hiện đại. Đó cũng là cơ hội để con người tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi để hoàn thiện hơn, trở thành công dân thời đại số, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế.

Ba là, hệ thống quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng hệ giá trị tạo nguồn lực chính sách quan trọng

Bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam đang đứng trước sự chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế, xã hội và văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Sự biến động nhanh của thực tiễn đời sống hiện đại đã làm thay đổi hệ chuẩn mực, niềm tin, quan niệm sống và hành vi ứng xử của con người. Việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người Việt Nam không chỉ là yêu cầu lý luận mà là đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn để củng cố nền tảng tinh thần của xã hội và đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước như nhận định: “Xây dựng hệ giá trị Việt Nam hiện nay là quá trình tái định hình nền tảng tinh thần dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa và chuyển đổi số, nhằm xác lập thước đo mới cho văn hóa và con người” [60, tr.238]. Trước những yêu cầu của bối cảnh mới, Đảng ta xác định việc xây dựng hệ giá trị của dân tộc phù hợp với thực tiễn, quan điểm này được đưa ra và nhấn mạnh trong nhiều kỳ đại hội, các hội nghị toàn quốc của Đảng.

Những định hướng mang tính chiến lược trong Nghị quyết số 33 và Đại hội XIII, XIV và Nghị quyết số 80/NQ-TW (2026) của Bộ Chính trị, có thể thấy việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam không chỉ là nhiệm vụ trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng mà là trụ cột trọng yếu trong phát triển quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay phải gắn liền với hai định hướng cơ bản là: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và đổi mới, sáng tạo, tiếp thu, hình thành các giá trị hiện đại, phù hợp với yêu cầu của bối cảnh hội nhập.

Bốn là, toàn cầu hóa tạo môi trường giao lưu văn hóa mạnh mẽ

Toàn cầu hóa là một trong những xu thế chủ đạo của thế giới trong thế kỷ XXI làm thay đổi cấu trúc kinh tế, chính trị, văn hóa toàn cầu. Theo UNESCO: “Toàn cầu hóa mở rộng cơ hội giao lưu, song cũng đặt ra thách thức trong việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” [185]. Việt Nam là quốc gia chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Việc tham gia các tổ chức quốc tế (ASEAN,

WTO, APEC...) đã mở ra môi trường giao lưu, tiếp biến văn hóa rộng lớn, tạo điều kiện để giới trẻ Việt Nam tiếp cận tri thức, lối sống, giá trị nhân văn hiện đại. Những giá trị như tự do, sáng tạo, bình đẳng giới, tôn trọng đa dạng văn hóa ngày càng được đề cao và hòa nhập vào đời sống xã hội. Toàn cầu hóa mang lại cho nước ta cơ hội được tiếp thu, kế thừa và thụ hưởng các tinh hoa văn hóa nhân loại cùng với việc mở rộng giao lưu văn hóa, thúc đẩy sáng tạo và phát triển con người. Đây được xem là những tác động tích cực của bối cảnh toàn cầu hóa đối với việc vận dụng các giá trị truyền thống của dân tộc, coi đó là yếu tố làm nền tảng để tiếp nhận các giá trị tinh hoa của thời đại trong việc hoàn thiện con người Việt Nam.

Năm là, cách mạng công nghiệp lần thứ 4 - động lực của việc tái cấu trúc hệ giá trị quốc gia góp phần hình thành chuẩn mực con người Việt Nam

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0/ cách mạng 4.0), xét về bản chất, là cuộc cách mạng làm thay đổi căn bản về tri thức, giá trị và nhân tính của nhân loại. Đối với Việt Nam, nó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc hệ giá trị văn hóa, nhằm hình thành chuẩn mực con người có năng lực thích ứng công nghệ mà vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.

Cách mạng công nghiệp 4.0 là giai đoạn phát triển mới của văn minh nhân loại kế tiếp ba cuộc cách mạng công nghiệp trước với đặc trưng là sự hợp nhất của thế giới vật chất, số hóa và sinh học với các trụ cột công nghệ chính là: trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Big data), Công nghệ chuỗi khối (Blockchain); Công nghệ in 3D, robot, công nghệ sinh học, điện toán đám mây. Cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ tập trung vào sản xuất mà tác động đến nhiều lĩnh vực như: giáo dục, tài chính, y tế, thương mại điện tử, giao thông qua đó có ảnh hưởng rất lớn đến con người, cuộc cách mạng này đang làm thay đổi cấu trúc sản xuất, giao tiếp, học tập và đời sống tinh thần của con người toàn cầu....

Về bản chất, cách mạng 4.0 không chỉ là cách mạng công nghệ mà còn là cuộc cách mạng về tri thức, giá trị và nhân tính bởi những công nghệ được tạo ra có khả năng xóa nhòa khoảng cách giữa con người – tự nhiên – máy móc và có khả năng tạo nên một hệ sinh thái thông minh có khả năng tự vận hành, học hỏi và tự điều chỉnh. Trước những giá trị của cách mạng công nghiệp 4.0, hệ giá trị và chuẩn mực con người cũng chịu những tác động lớn, trong đó

con người có khả năng và cơ hội được tiếp cận tri thức, sáng tạo chưa từng có, mở rộng năng lực cá nhân.

Sáu là, các giá trị toàn cầu như nhân quyền, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường tác động sâu rộng đến chuẩn mực con người Việt Nam

Biến động chính trị, an ninh toàn cầu cùng các vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu đang có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quốc gia và công dân toàn cầu. Sự biến đổi phức tạp đó yêu cầu con người Việt Nam cần đáp ứng các tiêu chuẩn mới như: Nâng cao nhận thức chính trị và tư duy chiến lược; hiểu rõ, nắm bắt được các xu hướng chính trị, kinh tế toàn cầu tác động đến Việt Nam; trang bị tư duy phản biện, độc lập tránh bị tác động hoặc cuốn theo các thông tin sai lệch hoặc các cuộc chiến tranh truyền thông; nâng cao ý thức bảo vệ lợi ích quốc gia, chủ quyền và độc lập dân tộc trên mọi phương diện, nền tảng, lĩnh vực; củng cố tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân; thích ứng với sự thay đổi và phát triển kỹ năng toàn cầu bằng việc học tập ngoại ngữ để tiếp cận tri thức và hội nhập quốc tế.

Bảy là, sự giao thoa các nền văn hóa với cơ hội mở rộng tầm nhìn văn hóa và nâng cao năng lực hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam ngày càng chịu sự tác động mạnh mẽ từ các nền văn hóa trên thế giới, trong đó có nhiều xu hướng văn hóa hiện đại như công nghệ số, phong cách sống, tư tưởng, những giá trị đạo đức trong đó có sự giao thoa giữa các giá trị phương Đông với đặc trưng cộng đồng tính, trọng đạo lý và sự hòa hợp, được hình thành trên nền tảng của triết học nhân sinh, coi trọng tính nhân văn, đạo lý, cộng đồng và sự hòa hợp trong quan hệ ứng xử và phương Tây được hình thành trên cơ sở triết học duy lý và nhân văn thời kỳ Phục hưng - Khai sáng mang đặc trưng đề cao tính cá nhân, tự do và sáng tạo. Sự giao thoa giữa các giá trị văn hóa phương Đông và phương Tây là một quá trình hai chiều tạo ra cả động lực phát triển văn hóa và con người lẫn thách thức bản sắc dân tộc. Đối với Việt Nam, việc vận dụng một cách linh hoạt hai dòng giá trị này chính là nền tảng để hình thành hệ chuẩn mực con người Việt Nam mới vừa mang đậm các giá trị truyền thống dân tộc vừa có khả năng thích ứng và hội nhập toàn cầu.

Việt Nam với vị thế là giao điểm của các nền văn hóa là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của sự giao thoa văn hóa Đông - Tây. Sự giao thoa văn hóa này mang lại những giá trị tích cực nhưng cũng không ít

những thách thức đối với đất nước và con người Việt Nam. Tính giá trị được thể hiện qua việc hình thành nền văn hóa lai hòa hiện đại ở Việt Nam. Từ khi bước vào công cuộc đổi mới, Việt Nam ngày càng tiếp cận mạnh mẽ hơn các giá trị phương Tây, nhất là qua giáo dục, truyền thông, công nghệ, quản trị và phong cách sống đô thị. Sự dung hòa này đã tạo nên nền văn hóa lai hòa sáng tạo nơi con người Việt Nam vừa kế thừa các giá trị văn hóa phương Đông, vừa tiếp thu giá trị văn hóa phương Tây bởi sự dung hòa này là tất yếu đối với con người trong bối cảnh hội nhập. Sự giao thoa này giúp con người Việt Nam mở rộng tầm nhìn văn hóa, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tóm lại, mạng xã hội và kinh tế tri thức - nơi hình thành không gian văn hóa mới là động lực phát triển mới cho con người Việt Nam

Về những tác động của mạng xã hội, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang chiếm ưu thế trong xu thế phát triển hiện nay, mạng xã hội đang trở thành một không gian văn hóa mới, nơi con người thực hiện việc trao đổi thông tin cùng như kiến tạo, chia sẻ và tái cấu trúc giá trị.

Kinh tế tri thức được xem là động lực mới đối với sự phát triển con người và xã hội hiện nay. Cùng với mạng xã hội, kinh tế tri thức đang trở thành nền tảng của sự phát triển toàn cầu trong đó sự thay thế của tri thức, thông tin và sáng tạo cho tài nguyên vật chất đang trở thành yếu tố chủ đạo của tăng trưởng bền vững hiện nay bởi kinh tế tri thức được xem là nền kinh tế mà tri thức giữ vai trò chủ đạo trong việc tạo ra và phát triển các phúc lợi xã hội. Đối với xã hội và con người Việt Nam, kinh tế tri thức mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển như tạo thuận lợi trong việc học hỏi, sáng tạo, đổi mới; chuyển dịch từ lao động chân tay sang lao động trí óc, nâng cao năng lực chuyên môn; mở cửa cho hội nhập giáo dục quốc tế, khai phóng nền giáo dục Việt Nam và nâng cao năng lực học tập suốt đời, ...

4.1.2. Một số khó khăn, thách thức của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, đổi mới toàn diện đất nước đặt ra nhiều thách thức đối với việc giữ gìn bản sắc dân tộc

Quá trình đổi mới toàn diện kéo theo sự thay đổi nhanh chóng về hệ giá trị xã hội: các giá trị cộng đồng, đoàn kết, khiêm nhường bị “lấn lướt” bởi chủ nghĩa

cá nhân, thực dụng. Tình trạng sùng bái vật chất, lối sống hưởng thụ làm giảm tính bền vững của các giá trị đạo đức truyền thống như nhận định: “Trong điều kiện kinh tế thị trường, sự phát triển tự do của cá nhân là động lực của xã hội, song cũng có thể dẫn đến xung đột giá trị nếu thiếu định hướng văn hóa” [23, tr.6].

Bên cạnh đó, đô thị hóa làm suy yếu mô hình văn hóa làng xã; truyền thống số tạo ra văn hóa đại chúng bị chi phối bởi thị hiếu và giải trí; giao lưu quốc tế vừa mở ra cơ hội tiếp thu tinh hoa nhưng cũng gây áp lực lên bản sắc văn hóa dân tộc. Do vậy, đổi mới không chỉ là cải cách kinh tế - chính trị mà còn là cuộc đổi mới văn hóa và con người, đòi hỏi cân bằng giữa phát triển vật chất và nền tảng tinh thần, giữa hội nhập và giữ vững bản sắc: “Sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường đã mang lại sinh khí mới cho xã hội Việt Nam, nhưng cũng làm lung lay không ít giá trị đạo đức, đòi hỏi phải xác lập lại hệ giá trị nền tảng” [8, tr.14].

Thứ hai, xu hướng thực dụng, cá nhân chủ nghĩa - mặt trái của nền KTTT hiện nay

Trong nền KTTT, các quan hệ kinh tế - xã hội vận hành theo lợi ích vật chất cũng dẫn đến sự thay đổi trong hệ giá trị xã hội, khiến xu hướng thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, coi trọng vật chất, xem nhẹ đạo đức có xu hướng gia tăng. Cơ chế cạnh tranh và áp lực thành công cũng khiến chuẩn mực đạo đức và lối sống xã hội có sự phân hóa, biểu hiện qua các hiện tượng như lối sống thực dụng, thiếu trung thực, giảm sút tinh thần cộng đồng. Nhiều giá trị truyền thống như trung thực, tiết kiệm, nhân ái, liêm khiết bị “pha loãng” bởi xu hướng chạy theo danh lợi, hình thức, tiêu dùng xa hoa. Ngay trong nội bộ Đảng ta cũng diễn ra sự sa sút về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên như Đảng nhận định: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân phai nhạt lý tưởng, sa sút đạo đức, lối sống; còn biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất” [41, tr.143].

Do đó, phát triển kinh tế thị trường đặt ra yêu cầu quan trọng là cần “phải định hình lại các giá trị xã hội và chuẩn mực đạo đức, để bảo đảm con người Việt Nam không đánh mất bản sắc trong quá trình hiện đại hóa” [60, tr.239] và trả lời được câu hỏi cốt lõi là làm sao để tăng trưởng kinh tế không phải trả giá bằng đánh đổi giá trị con người. Đây chính là mục tiêu của chiến lược phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, nguy cơ đồng hóa văn hóa cùng nhiều thách thức đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa

Những thách thức nổi bật bao gồm đồng hóa văn hóa, mất bản sắc, khủng hoảng hệ giá trị khi các chuẩn mực truyền thống bị đe dọa bởi lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa. Bối cảnh hiện nay là “phép thử” về năng lực “vững vàng bản lĩnh văn hóa” để Việt Nam “hòa nhập” mà không “hòa tan”.

Do vậy, những yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam nói chung và con người Việt Nam nói riêng trong bối cảnh này là: “không chỉ tiếp thu các giá trị phổ quát, mà còn phải khẳng định và củng cố hệ giá trị Việt Nam, tránh tan chảy trong dòng chảy toàn cầu” [60, tr.239].

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế tạo áp lực cạnh tranh quốc tế gay gắt, đòi hỏi người lao động Việt Nam nâng cao kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, khả năng thích ứng với môi trường đa quốc gia. Cách mạng công nghiệp 4.0 bộc lộ sự thiếu hụt nhân lực chất lượng cao; sở hữu trí tuệ và sáng tạo đổi mới trở thành yếu tố quyết định vị thế quốc gia. Theo UNESCO (2019), sự mở rộng các dòng chảy văn hóa xuyên quốc gia đang làm mờ ranh giới giữa bản sắc dân tộc và toàn cầu, đòi hỏi mỗi quốc gia xác định rõ “giá trị cốt lõi” [189]. Ở Việt Nam, hiện tượng “lai ghép giá trị” diễn ra mạnh mẽ giữa giá trị Á Đông (cộng đồng, hiếu nghĩa, đạo lý) và giá trị phương Tây (cá nhân, sáng tạo, tự do). Nếu không định hướng, sự va chạm này dễ dẫn tới xung đột giá trị, làm mờ nhạt chuẩn mực đạo đức. Do đó, “vấn đề quan trọng nhất của Việt Nam là định vị hệ giá trị con người vừa mang bản sắc dân tộc, vừa có năng lực hội nhập quốc tế” [Xem 61].

Toàn cầu hóa mở rộng không gian văn hóa nhưng đòi hỏi năng lực chọn lọc và bảo vệ bản sắc: “Sự mở cửa giao lưu đã làm phong phú thêm bản sắc dân tộc, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về việc giữ gìn các giá trị truyền thống trong dòng chảy văn hóa toàn cầu” [8, tr.15]. Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa – chuẩn mực con người Việt Nam cần hướng tới kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, bản sắc và hội nhập, nhằm hình thành con người Việt Nam toàn diện – có bản lĩnh văn hóa, năng lực sáng tạo và trách nhiệm toàn cầu.

Thứ tư, chuyển đổi số và nguy cơ phát triển thiếu bền vững

Chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng dễ dẫn đến lệ thuộc công nghệ, thu hẹp đời sống tinh thần. Các chuẩn mực đạo đức truyền thống bị thách

thức mạnh mẽ trong không gian mạng. Cách mạng công nghiệp 4.0 mở ra cơ hội phát triển công dân số nhưng Việt Nam cũng dễ rơi vào phát triển nhanh mà không bền vững nếu thiếu giá trị văn hóa nền tảng. Nhiệm vụ chiến lược là kết hợp phát triển công nghệ với giáo dục giá trị – đạo đức – nhân văn để xây dựng con người Việt Nam mới: trí tuệ, nhân ái, trách nhiệm và hội nhập.

Thứ năm, thách thức từ các vấn đề an ninh phi truyền thống

Bối cảnh hiện nay cho thấy, Con người Việt Nam cần cảnh giác trước các nguy cơ an ninh phi truyền thống: biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, khủng hoảng tài chính, di cư bất hợp pháp. Việt Nam đang đối mặt trực tiếp với nhiều vấn đề này: tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến, hậu quả đại dịch Covid-19, buôn lậu, ma túy, suy thoái kinh tế toàn cầu, áp lực đô thị hóa. Vì vậy, nội hàm các chuẩn mực truyền thống như yêu nước, tự cường, đoàn kết cần được nâng cao cả về lượng lẫn chất, bổ sung thêm sự linh hoạt trong tư duy, quyết đoán, mở rộng hiểu biết đa lĩnh vực. Việc giữ gìn bản sắc, chọn lọc giá trị văn hóa bên ngoài, phát huy tinh thần tự lực tự cường là yêu cầu quan trọng để phát triển bền vững theo hướng hòa nhập chứ không hòa tan.

Thứ sáu, giao thoa văn hóa và nguy cơ “lai tạp” giá trị

Nguy cơ “lai tạp giá trị” và khủng hoảng bản sắc là thách thức lớn. Nếu thiếu định hướng, sự giao thoa dễ trở thành “lai tạp”, hình thành lối sống thực dụng, ích kỷ, “Tây hóa” ở một bộ phận xã hội, nhất là giới trẻ như nhận định: “Sự giao thoa giá trị Đông – Tây ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ, nhưng thiếu cơ chế điều tiết văn hóa, khiến bản sắc dân tộc đứng trước nguy cơ bị pha loãng” [8, tr.15].

Điều cốt lõi là tiếp thu có chọn lọc, vừa giữ tính dân tộc, vừa phù hợp chuẩn mực toàn cầu, hình thành con người Việt Nam hiện đại - nhân văn - hội nhập với đặc trưng: nhân ái, nghĩa tình, trọng đạo lý kết hợp tư duy khoa học, sáng tạo, tự chủ và tinh thần yêu nước, bản lĩnh hội nhập. Sự giao thoa thể hiện rõ trong lối sống (chuyên nghiệp hóa nhưng giữ tinh thần cộng đồng), giáo dục (tiếp thu STEM nhưng duy trì tôn sư trọng đạo), kinh tế (kỷ luật nhưng linh hoạt, sáng tạo), nghệ thuật (hòa quyện truyền thống và hiện đại). Con người Việt Nam cần có tư duy độc lập, sáng tạo để phân biệt giá trị tích cực - tiêu cực, thành thạo ngoại ngữ, kỹ năng số để thích ứng với thế giới mà vẫn giữ được bản sắc.

Thứ bảy, sự bùng nổ của mạng xã hội và nguy cơ mất kiểm soát trong định hình hệ giá trị quốc gia

Mạng xã hội gây ra sự “lệch chuẩn” và khủng hoảng hệ giá trị: suy giảm chuẩn mực đạo đức do thông tin giả, văn hóa “độc, lạ, sốc”; con người khó phân biệt thật - giả, đúng - sai; xuất hiện các hiện tượng phản giá trị: tôn vinh cái phù phiếm, xem nhẹ lao động, cống hiến; thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, đặc biệt trong giới trẻ như nhận định: “Không gian mạng đang hình thành những chuẩn mực ảo, nơi con người được đánh giá không phải bằng nhân cách mà bằng lượt thích, lượt chia sẻ” [109, tr.270].

Thứ tám, kinh tế tri thức và những tiềm ẩn đối với xã hội

Kinh tế tri thức tiềm ẩn nguy cơ tạo khoảng cách giữa nhóm có tri thức và nhóm yếu thế, gây bất bình đẳng xã hội, đồng thời đẩy mạnh cạnh tranh giữa chủ nghĩa cá nhân và giá trị cộng đồng. Thách thức là làm sao kinh tế tri thức không tách rời văn hóa, nhân văn: “Việc phát triển con người không thể chỉ dừng ở trình độ học vấn, mà phải lấy giá trị văn hóa làm cốt lõi để định hướng cho sự phát triển” [23, tr.8].

Mạng xã hội và kinh tế tri thức đang thay đổi căn bản thang đo giá trị (từ “đức hạnh, cống hiến” sang “nổi tiếng, hiệu quả, tầm ảnh hưởng”), quan hệ xã hội (từ gắn kết cộng đồng sang cạnh tranh cá nhân) và không gian văn hóa (từ vật lý sang số hóa). Nếu được định hướng đúng, đây là động lực xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam nhân văn - hiện đại - hội nhập; ngược lại sẽ dẫn đến khủng hoảng hệ giá trị và rạn nứt bản sắc.

Tóm lại, những khó khăn từ bối cảnh mới càng khẳng định giá trị cốt lõi của hệ giá trị truyền thống dân tộc. Việc xác định định hướng đúng đắn để xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời đại nhưng vẫn giữ được bản sắc, giá trị truyền thống là nhiệm vụ quan trọng đặt ra hiện nay.

4.2. Một số định hướng của việc tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Trên cơ sở những yêu cầu về lý luận và dự báo đặt ra từ bối cảnh thực tiễn cùng hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, con người Việt Nam, có thể khái quát một số định hướng cơ bản của việc tăng cường vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới như sau:

4.2.1. Vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống phải gắn với mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện

Một là, bám sát mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện.

Quan điểm coi con người vừa là mục tiêu, vừa là chủ thể của quá trình phát triển là quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi tiến hành công cuộc đổi mới. Nghị quyết Đại hội XIII khẳng định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” [41, tr.27-28].

Trong lĩnh vực văn hóa, quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Con người là mục tiêu của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống có nghĩa là mọi hoạt động bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa để hướng tới sự phát triển toàn diện con người. Văn hóa không tồn tại như một thực thể tự thân, tách rời con người, mà luôn phục vụ con người, làm cho con người ngày càng hoàn thiện về nhân cách, phong phú về đời sống tinh thần. Con người là chủ thể của quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống có nghĩa là nhân dân không chỉ là người thụ hưởng mà còn là người sáng tạo, lưu truyền và làm cho các giá trị văn hóa truyền thống ngày càng phát huy được vai trò tích cực trong xây dựng chuẩn mực con người phù hợp với hiện thời bằng chính những phương thức cùng cơ chế tác động phù hợp với từng chủ thể vận dụng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nước ta có nhiều phong tục tốt đẹp do tổ tiên ta để lại. Nhân dân ta là người giữ gìn những phong tục ấy” [67, tr.258]. Quan điểm này đòi hỏi phải chuyển từ tư duy Nhà nước làm để nhân dân là người tiếp nhận sang quan điểm xây dựng nhà nước kiến tạo, nhân dân là người thực hành, lan tỏa như tinh thần tại Đại hội XIII đưa ra. Chính cộng đồng người dân, gia đình và thế hệ trẻ mới là nơi giá trị truyền thống được chuyển hóa thành chuẩn mực hành vi thực tế trong đời sống.

Kết luận của Bộ Chính trị ngày 04/6/2020 về đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW cũng nhấn mạnh: “Phải đặt vai trò của người dân ở trung tâm; nhân dân là chủ thể sáng tạo, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa” [40]. Điều này có nghĩa là khi vai trò chủ thể của nhân dân được khơi dậy, giá trị truyền thống không chỉ được bảo tồn, mà còn được tái sinh trong hình thái hiện đại, có khả năng thích ứng và phát triển cùng xã hội.

Do vậy, cần tránh tuyệt đối hóa truyền thống hoặc hiện đại trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trên cơ sở vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống. Một trong những vấn đề phương pháp luận quan trọng nhất trong việc vận dụng này là xử lý mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại. Trên thực tế, vẫn tồn tại hai xu hướng cực đoan hoặc phủ nhận sạch trơn truyền thống, coi đó là “cổ hủ”, “lạc hậu”, cần loại bỏ để “hiện đại hóa”; hoặc bảo thủ, duy trì nguyên trạng tất cả những gì thuộc về quá khứ, coi đó là “bất di bất dịch”, không chấp nhận bất kỳ sự thay đổi nào. Cả hai xu hướng này đều sai lầm về mặt triết học và không phù hợp với thực tiễn vì “Văn hóa của mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng do điều kiện lịch sử, địa lý, kinh tế quy định, nhưng cũng phải chịu ảnh hưởng của văn hóa các dân tộc khác” [1, tr.12]. Điều này có nghĩa là văn hóa dân tộc không phải là một thực thể khép kín, tự túc tự cấp, mà luôn tồn tại trong sự giao lưu, tiếp biến với các nền văn hóa khác.

Quan điểm đúng đắn là coi truyền thống như “cội nguồn” để bồi đắp bản sắc, đồng thời vận dụng sáng tạo cho những yêu cầu mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Do vậy, bản chất của vấn đề không phải là chọn truyền thống hay hiện đại, mà là thiết lập quan hệ phát triển hài hòa giữa cốt lõi văn hóa Việt Nam và yêu cầu của thời đại số, để người Việt Nam vừa giữ được bản sắc, vừa có năng lực cạnh tranh quốc tế. Như Nghị quyết Đại hội XIII nhấn mạnh: “Kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo truyền thống với hiện đại” [41, tr.143].

Hai là, nhận thức sâu sắc về chiến lược phát triển con người hài hòa giữa đạo đức, trí tuệ, năng lực và trách nhiệm xã hội

Mục tiêu của việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người là hướng tới sự phát triển toàn diện, hài hòa của con người Việt Nam. Sự phát triển này không chỉ bao gồm một chiều cạnh đơn lẻ mà tích hợp nhiều yếu tố: đạo đức, trí tuệ, năng lực và trách nhiệm xã hội.

Về đạo đức, đây là nền tảng nhân cách của con người. Các giá trị đạo đức truyền thống như yêu nước, nhân ái, đoàn kết, trung thực, nghĩa tình, hiếu thảo... cần được kế thừa và phát huy trong điều kiện mới. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhấn mạnh: “Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại” [37].

Về trí tuệ, đây là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của con người trong thời đại kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Truyền thống hiếu học của người Việt Nam là nguồn lực quý báu cần được phát huy. Tuy nhiên, trí tuệ trong thời đại mới không chỉ là kiến thức sách vở mà còn bao gồm tư duy phản biện, năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng với thay đổi.

Về năng lực, con người Việt Nam hiện đại cần có năng lực toàn diện đó là năng lực chuyên môn, năng lực số, năng lực ngoại ngữ, năng lực làm việc nhóm, năng lực giải quyết vấn đề...

Về trách nhiệm xã hội, đây là sự kết hợp giữa giá trị truyền thống (tinh thần cộng đồng, tương thân tương ái) với yêu cầu của công dân toàn cầu (trách nhiệm với môi trường, với nhân loại). Con người Việt Nam không chỉ sống cho bản thân mà còn có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, đất nước và nhân loại.

Bốn yếu tố đạo đức - trí tuệ - năng lực - trách nhiệm xã hội không tách rời mà thống nhất biện chứng trong nhân cách con người Việt Nam toàn diện. Đây chính là sự hiện đại hóa quan niệm “đức – tài” của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người” [70, tr.399]. Quan điểm này một lần nữa được Đảng ta tiếp tục khẳng định trong văn kiện Đại hội XIV khi xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 đó là: “Phát triển con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số” [43, tr.378].

Ba là, đặt trong tổng thể chiến lược phát triển con người và xã hội

Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống không phải là nhiệm vụ riêng lẻ mà phải gắn với chiến lược xây dựng con người Việt Nam toàn diện về trí, đức, thể, mỹ và phát triển xã hội bền vững như tinh thần Đại hội XIV khẳng định trong tầm nhìn và định hướng phát triển của đất nước: “Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển” [43, tr.373].

Vận dụng giá trị văn hóa truyền thống không thể tách rời chiến lược phát triển con người Việt Nam thời kỳ mới. Giá trị văn hóa truyền thống chỉ phát huy hiệu lực khi được tích hợp vào các chương trình giáo dục – truyền thông – pháp luật – đời sống cộng đồng như một cấu phần của phát triển bền vững, chứ không phải như “một phong trào văn hóa đơn lẻ”. Do vậy, việc xây dựng chuẩn mực con người cần được đặt trong quan hệ hữu cơ với chiến lược CNH – HĐH, phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế và bảo vệ bản sắc dân tộc, bảo đảm thống nhất giữa lợi ích xã hội – văn hóa – con người. Do đó, các giải pháp phải đồng bộ với chiến lược phát triển kinh tế, chính trị, giáo dục, khoa học - công nghệ, và văn hóa; tránh tách rời hoặc triển khai rời rạc, thiếu liên kết.

4.2.2. Việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống phải đảm bảo tính kế thừa, chọn lọc phát triển và kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại

Giá trị văn hóa truyền thống không phải là một tập hợp những cái bất biến mà luôn tồn tại trong trạng thái vận động lịch sử. Tuy nhiên, trong dòng chảy đó, có những giá trị mang tính phổ quát, vượt qua thử thách của thời gian, chứng minh sức sống bền vững và ý nghĩa trường tồn. Đó là những giá trị cần được kế thừa như tác giả Phan Ngọc đã nêu: “Một dân tộc có sức sống phải là dân tộc có văn hóa, và văn hóa chính là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ấy” [97, tr.35].

Tuy nhiên, việc kế thừa cần được thực hiện trên cơ sở nhận thức sâu sắc về giá trị cốt lõi của truyền thống bởi lẽ không phải mọi thứ thuộc về quá khứ đều là giá trị cần kế thừa. Việc kế thừa phải dựa trên tinh thần khoa học, khách quan, phân biệt rõ đâu là “tinh hoa”, đâu là “cặn bã”, đâu là giá trị phổ quát, đâu là yếu tố đã lỗi thời. Tức là, việc kế thừa giá trị văn hóa truyền thống phải dựa trên tinh thần chọn lọc, đó là biết giữ gìn những giá trị tích cực, tiến bộ, phù hợp với xã hội hiện đại; đồng thời loại bỏ hoặc cải biến những yếu tố đã lỗi thời, kìm hãm sự phát triển. Điều đó đồng nghĩa với việc cần tránh thái độ cực đoan hoặc phủ nhận sạch trơn truyền thống, hoặc bảo thủ, duy trì nguyên xi tất cả những gì thuộc về quá khứ. Coi truyền thống như “cội nguồn” để bồi đắp bản sắc, đồng thời vận dụng sáng tạo cho những yêu cầu mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Việc kế thừa chỉ thực sự có ý nghĩa khi những giá trị văn hóa truyền thống đó được “tái diễn giải” và “tái chức năng” trong bối cảnh mới chứ không đơn thuần là sự phục dựng nguyên trạng.

Đồng thời, chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay không thể chỉ dựa vào truyền thống mà cần hòa quyện với các giá trị nhân văn tiến bộ của thời đại như dân chủ, pháp quyền, sáng tạo, trách nhiệm toàn cầu. Sự kết hợp này phải mang tính chủ động, linh hoạt, phù hợp với bản sắc dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm tạo nên hệ giá trị vừa đậm đà tính dân tộc vừa hiện đại, hội nhập. Chúng ta không thể chỉ thực hiện việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam bằng một hệ giá trị khép kín. Sự hình thành hệ chuẩn mực con người hiện nay là sự tương tác giữa hai nguồn: giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và giá trị phổ quát của nhân loại trong thời đại toàn cầu hóa. Do đó, bên cạnh những chuẩn mực truyền thống còn vẹn nguyên giá trị phù hợp hiện thời, thì cần tiếp nhận những giá trị mới, thiết yếu đối với công dân toàn cầu. Thiết nghĩ, vấn đề đặt ra ở đây không đơn thuần là truyền thống hay hiện đại mà bản chất của vấn đề là thiết lập quan hệ phát triển hài hòa giữa cốt lõi văn hóa Việt Nam và yêu cầu của thời đại số để người Việt Nam vừa giữ được bản sắc, vừa có năng lực cạnh tranh quốc tế.

4.2.3. Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân – định hướng cơ bản trong vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

Giá trị văn hóa truyền thống chỉ thực sự sống động khi được người dân tiếp nhận, thực hành và sáng tạo trong đời sống. Nhân dân với tư cách là chủ thể của văn hóa có vai trò kế thừa, lưu truyền, phát huy và thụ hưởng cần được đặt vào vị trí trung tâm của mọi chính sách và giải pháp. Việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống không chỉ là “giáo dục cho nhân dân”, mà phải là trao quyền để nhân dân tham gia, tự chủ và đồng sáng tạo trong quá trình gìn giữ và làm mới giá trị. Điều này đòi hỏi chuyển từ tư duy “Nhà nước làm - nhân dân tiếp nhận” sang “Nhà nước kiến tạo - nhân dân thực hành và lan tỏa”. Chính cộng đồng người dân, gia đình và thế hệ trẻ mới là nơi giá trị văn hóa truyền thống được chuyển hóa thành chuẩn mực hành vi thực tế trong đời sống. Khi vai trò chủ thể của nhân dân được khơi dậy, giá trị văn hóa truyền thống không chỉ được bảo tồn, mà còn được tái sinh trong hình thái hiện đại, có khả năng thích ứng và phát triển cùng xã hội.

Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam phải xuất phát từ đời sống thực tiễn, nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân; huy động sự tham gia của cộng

đồng, đặc biệt là vai trò tiên phong của thế hệ trẻ. Trong quá trình ấy, Nhà nước giữ vai trò định hướng, nhưng cộng đồng, gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội là lực lượng trực tiếp triển khai và duy trì.

4.3. Các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời gian tới

Các nhóm giải pháp được đề xuất chủ yếu tập trung vào việc phát huy vai trò của các chủ thể của quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay xuất phát từ giải pháp về nhận thức. Việc đề xuất các giải pháp liên quan đến chủ thể quá trình vận dụng bao hàm trong đó nội dung và phương pháp của việc vận dụng gắn với từng chủ thể. Theo đó, các nhóm giải pháp có thể được xem xét như sau:

4.3.1. Tăng cường sức mạnh tổng hợp của các chủ thể vận dụng (giải pháp về chủ thể kết hợp nội dung vận dụng)

Nhóm giải pháp này được đề xuất nhằm nâng cao vai trò của các chủ thể trong vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, theo đó các chủ thể bao gồm: Đảng, Nhà nước - chủ thể định hướng, lãnh đạo; các thiết chế xã hội - chủ thể trung gian, thực thi; cá nhân con người - chủ thể tự giác, thực hiện. Lồng ghép trong đó là các nội dung vận dụng gắn liền và phù hợp với từng chủ thể. Cụ thể như sau:

4.3.1.1. Đối với chủ thể định hướng, lãnh đạo (Đảng, Nhà nước)

Một là, đối với Đảng Cộng sản Việt Nam cần tăng cường trong công tác định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới, đây là một trong những điều kiện tiên quyết để vận dụng hệ giá trị văn hóa truyền thống vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là phải xác lập được hệ giá trị chuẩn mực mang tính thống nhất quốc gia, có cơ sở khoa học, tính khả thi và sức sống xã hội. Các giải pháp chủ yếu được đề xuất như sau:

Thứ nhất, xác định rõ bộ giá trị cốt lõi kết hợp giữa truyền thống và hiện đại (ví dụ: yêu nước, nhân ái, đoàn kết, trung thực, sáng tạo, trách nhiệm). Theo đó, cần hình thành một bộ giá trị chuẩn mực ở tầm quốc gia, trong đó kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống mang tính lịch sử (yêu nước, nhân ái, đoàn kết, trọng nghĩa – trọng tín, hiếu học...) và các giá trị mới của thời đại công nghiệp 4.0 và hội nhập (sáng tạo, trách nhiệm, tôn trọng pháp quyền, năng lực số, tự chủ cá

nhân, cạnh tranh lành mạnh). Bộ giá trị này không chỉ mang ý nghĩa tuyên ngôn, mà phải đóng vai trò chuẩn tham chiếu hành động cho giáo dục, truyền thông, chính sách nhân sự, pháp luật và đời sống xã hội.

Thứ hai, ban hành định hướng chính thức từ cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, để làm căn cứ cho hoạt động giáo dục, truyền thông, và xây dựng pháp luật. Sau khi hệ giá trị được xác lập về mặt khoa học, cần thể chế hóa dưới dạng văn bản định hướng chính thức của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội (như Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ VHTTDL, MTTQVN...). Điều này bảo đảm hệ giá trị không chỉ tồn tại dưới dạng học thuật hay khuyến nghị, mà trở thành căn cứ pháp lý - hành chính để đưa vào: chương trình giáo dục phổ thông và giáo dục đại học; chiến lược truyền thông quốc gia về văn hóa và con người; luật pháp, quy định và tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, công dân; tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và môi trường công vụ; phong trào thi đua, đời sống cộng đồng và hoạt động văn hóa cơ sở. Việc ban hành chính thức giúp chuyển giá trị từ “lời kêu gọi” sang “nguyên tắc hành động”.

Thứ ba, thường xuyên rà soát và cập nhật hệ giá trị này phù hợp với biến đổi xã hội, nhưng vẫn giữ trọn tính liên tục văn hóa.

Hệ giá trị chuẩn mực không phải một cấu trúc bất biến. Trong bối cảnh xã hội chuyển động nhanh - đặc biệt dưới tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số - cần thiết lập cơ chế rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ dựa trên thực tiễn đời sống và dữ liệu nghiên cứu. Quá trình cập nhật phải tuân thủ hai nguyên tắc đối lập nhưng bổ trợ: nguyên tắc liên tục văn hóa: không làm đứt gãy nền tảng tinh thần của dân tộc và nguyên tắc thích ứng thời đại: cho phép tái diễn giải giá trị để phù hợp môi trường mới, tránh “bảo tồn hình thức, chết về nội dung”. Chỉ khi hệ giá trị vừa ổn định về “cốt”, vừa linh hoạt về “dụng”, nó mới có thể trở thành nền chuẩn mực sống động, không bị lỗi thời và có khả năng lan tỏa bền vững trong xã hội đương đại.

Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định mạnh mẽ hơn về xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam. Nghị quyết Đại hội XIV nêu rõ: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam” [43]. Lần đầu tiên, văn hóa được khẳng định đồng thời ở ba phương diện: nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và hệ điều tiết phát triển. Định hướng này của Đại hội

XIV cho thấy văn hóa không chỉ là kết quả mà còn là điều kiện, động lực và cơ chế cân bằng cho phát triển bền vững. Như vậy, văn hóa Việt Nam được đặt ngang hàng với ba trụ cột chính trị, kinh tế và xã hội, thể hiện nhận thức toàn diện, sâu sắc hơn về vai trò của văn hóa trong tiến trình phát triển đất nước.

Đại hội XIV cũng đã khẳng định: “Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hóa, từ đó xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời đại” [43, tr.378]. Đại hội đặt con người Việt Nam vào vị trí trung tâm của sự phát triển, khẳng định: “Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển” [43, tr.386], kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng “lấy dân làm gốc” trong điều kiện mới. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất và bản lĩnh chính trị.

Bộ giá trị này không chỉ mang ý nghĩa tuyên ngôn, mà phải đóng vai trò chuẩn tham chiếu hành động cho giáo dục, truyền thông, chính sách nhân sự, pháp luật và đời sống xã hội. Cụ thể như: cần tổ chức nghiên cứu khoa học liên ngành (triết học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...) để xác định rõ nội hàm từng chuẩn mực, phân biệt giữa chuẩn mực cốt lõi - chuẩn mực phổ biến - chuẩn mực chuyên biệt theo đối tượng và lĩnh vực. Sau khi hệ giá trị được xác lập về mặt khoa học, cần thể chế hóa dưới dạng văn bản định hướng chính thức của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội (như Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...). Điều này bảo đảm hệ giá trị không chỉ tồn tại dưới dạng học thuật hay khuyến nghị, mà cần trở thành căn cứ pháp lý - hành chính để đưa vào chương trình giáo dục, chiến lược truyền thông, luật pháp, tiêu chí đánh giá cán bộ và phong trào thi đua. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ dựa trên thực tiễn đời sống và dữ liệu nghiên cứu. Hệ giá trị chuẩn mực không phải là một cấu trúc bất biến trong bối cảnh xã hội chuyển động nhanh dưới tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số. Quá trình cập nhật phải tuân thủ hai nguyên tắc: nguyên tắc liên tục văn hóa (không làm đứt gãy nền tảng tinh thần của dân tộc) và nguyên tắc thích ứng thời đại (cho phép tái diễn giải giá trị để phù hợp môi trường mới).

Hai là, đối với Nhà nước

Với vai trò trung tâm trong việc dẫn dắt, điều phối và đảm bảo các điều kiện để các chủ thể xã hội có thể tham gia vào tiến trình phát huy giá trị văn hóa

truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay một cách hiệu quả, một số giải pháp nhà nước cần tập trung thực hiện là như sau:

Thứ nhất, thực hiện việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, hỗ trợ các chương trình bảo tồn và phát huy văn hóa

Chính sách của nhà nước cần được hoạch định trên cơ sở tầm nhìn dài hạn. Theo đó, Nhà nước cần xây dựng chiến lược phát huy giá trị văn hóa truyền thống như một cấu phần của chiến lược phát triển con người và phát triển xã hội bền vững, không tách rời với giáo dục, truyền thông, kinh tế và pháp luật. Việc hoạch định cần dựa trên điều tra xã hội học, dữ liệu thực chứng và đối thoại học thuật, tránh tình trạng “chính sách văn hóa kiểu phong trào”. Chính sách phải xác định tầng giá trị cốt lõi – tầng giá trị biến đổi – tầng giá trị bổ sung, làm nền cho giáo dục, truyền thông và pháp luật.

Thực hiện phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, tức là đầu tư có trọng điểm, có chọn lọc chứ không thực hiện dàn trải trong đầu tư phát triển văn hóa. Cùng với đó, cần khẳng định và thực hiện đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho nền tảng tinh thần của phát triển. Nguồn lực từ ngân sách phải được ưu tiên cho các mảng then chốt về văn hóa như: bảo tồn di sản gắn với giáo dục giá trị chứ không bảo tồn hình thức; phát triển thiết chế văn hóa sống (chứ không phải công trình bỏ trống); các chương trình lan tỏa giá trị truyền thống cho thanh niên, lao động đô thị, môi trường số. Với nguồn lực được coi là ban đầu này, nhà nước còn phát huy vai trò trong việc kết nối với doanh nghiệp và cộng đồng để vận hành bền vững nguồn lực đó.

Hỗ trợ các chương trình bảo tồn và phát huy văn hóa theo cơ chế tạo động lực với một số cơ chế có thể thiết lập như: ưu đãi tài chính – thuế – quỹ hỗ trợ cho dự án bảo tồn di sản gắn với giáo dục và sáng tạo; đặt hàng công ích văn hóa đối với nghệ nhân, nhà nghiên cứu, nhóm cộng đồng giữ nghề/giữ lễ; hỗ trợ số hóa di sản và sản xuất sản phẩm văn hóa sáng tạo dựa trên chất liệu truyền thống.

Nhóm giải pháp này cho thấy, Nhà nước không chỉ “hỗ trợ tiền”, mà phải kiến tạo cơ chế khuyến khích để giá trị truyền thống tự vận hành và lan tỏa.

Thể chế hóa các nghị quyết của Đảng thành hệ thống chính sách, pháp luật của nhà nước về xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trên cơ sở kế thừa các giá trị truyền thống dân tộc là một trong những giải pháp quan trọng mà Nhà nước phải thực hiện. Đây được xem là giải pháp có tính then chốt để hiện thực

hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hành lang pháp lý có tính bắt buộc hoặc ràng buộc thực thi trong toàn xã hội. Điều này giúp cho việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay trở thành hoạt động có phạm vi rộng, nó không chỉ dừng lại ở các văn bản có tính lý luận mà trở thành hoạt động cụ thể, có tính pháp lý và tính bắt buộc trong thực hiện.

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước cần tập trung một số biện pháp có tính cụ thể như: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về văn hóa, giáo dục và đạo đức xã hội qua việc tăng cường chất lượng làm luật/ xây dựng luật trong các bộ luật như: Luật Giáo dục, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Thanh niên,... để góp phần đảm bảo cho việc giáo dục đạo đức, lối sống trong Nhà trường và xã hội; Chú ý tới việc ban hành các chính sách ưu đãi phát triển con người toàn diện như: chính sách khuyến khích học tập suốt đời, giáo dục kỹ năng sống, phát triển nhân cách cho thanh, thiếu niên, nhi đồng; Triển khai xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong các môi trường: cộng đồng, nơi làm việc, nhà trường,... để hình thành ý thức kỷ cương, trách nhiệm, trung thực cho mỗi cá nhân. Hiện tại, một số địa phương như Thành phố Hà Nội đã ban hành bộ quy tắc ứng xử nơi công cộng (năm 2017) được xem như thiết chế chung trong cộng đồng nhằm điều chỉnh hành vi ứng xử văn minh, lịch sự của công dân Thủ đô; các nhà trường hầu hết đều ban hành bộ quy tắc ứng xử học đường, quy tắc phát ngôn nơi công sở, quy chế làm việc, nội quy lao động,... đều có mục tiêu điều chỉnh, định hướng hoạt động của con người tới các giá trị văn minh nơi làm việc.

Tập trung quản lý tốt, có hiệu quả các hoạt động giáo dục, truyền thông, văn hóa cũng là một trong những giải pháp quan trọng. Giải pháp này rất cần thiết trong giai đoạn được xem là bùng nổ thông tin, mạng xã hội hiện nay. Việc nhà nước có các chính sách để quản lý tốt các hoạt động này vừa góp phần định hình nhân cách con người với việc bồi đắp các chuẩn mực yêu nước, trung thực, nghĩa tình, tự cường vừa giảm thiểu sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa ngoại lai, phản văn hóa ảnh hưởng đến con người. Một số giải pháp cụ thể như: Tăng cường quản lý nội dung giáo dục đạo đức, lối sống trong trường học, đặc biệt là giáo dục về truyền thống lịch sử, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho người học; Siết chặt việc kiểm duyệt các sản phẩm văn hóa trên nền tảng số, mạng xã hội để ngăn chặn kịp thời sự xâm nhập của các thông tin xấu, thông tin độc, phản văn hóa; Khuyến khích việc sáng tác, phổ biến các tác phẩm văn hóa,

nghệ thuật có nội dung ca ngợi quê hương, đất nước, các giá trị truyền thống dân tộc, các tấm gương điển hình, gương người tốt, việc tốt; Tăng cường truyền thông chính thống để góp phần định hướng dư luận, đặc biệt trong các vấn đề đạo đức xã hội.

Hiện tại, nhà nước đã có nhiều hoạt động đáng kể để triển khai như đưa môn học Lịch sử trở thành môn học bắt buộc trong chương trình bậc trung học phổ thông là hoạt động thiết thực nhằm bồi đắp, nêu cao tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc thông qua các giá trị được truyền thụ qua môn học. Các chương trình truyền hình như “Việc tử tế”, “Người tốt việc tốt” trên đài truyền hình Việt Nam cũng góp phần lan tỏa các chuẩn mực, giá trị đạo đức của con người trong xã hội. Hoặc nhiều chính sách đối với người dùng trên mạng xã hội của cơ quan quản lý nhà nước góp phần kiểm soát chặt chẽ hơn nội dung trên mạng xã hội để ngăn chặn văn hóa độc hại,... là những giải pháp Nhà nước ta đang thực hiện trong nhóm giải pháp về quản lý hoạt động giáo dục, truyền thông.

Thứ hai, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, giữ nghiêm kỷ cương xã hội

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền tảng để thực thi các chuẩn mực xã hội một cách công bằng, minh bạch và hiệu quả. Với quan điểm xây dựng nền pháp luật dân chủ, thực thi pháp luật công bằng theo tinh thần “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ” như trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, hay cán bộ phụ trách thi hành pháp luật – cán bộ tư pháp phải có tinh thần “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” [65, tr.473] như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay được Đảng ta khẳng định là một trong những chiến lược và là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển đất nước giai đoạn mới.

Có thể thấy, pháp luật là nhân tố quan trọng góp phần tạo nên sự lành mạnh cho xã hội nhất là trong việc đảm bảo kỷ cương, trật tự, an toàn xã hội. Đây cũng là phương pháp (có tính bắt buộc) điều chỉnh hành vi của con người, xác định điểm giới hạn cho hành vi của con người bởi trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhân dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm. Do đó, việc tăng cường tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật theo tinh thần “thượng tôn pháp luật” của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay không chỉ giúp điều chỉnh hành vi con người mà còn hướng con người

đến những yếu tố đúng đắn, phù hợp, có giá trị từ đó hình thành thói quen tốt, chuẩn mực tốt, lễ sống tốt và lối sống tốt.

Do vậy, việc hình thành hệ thống pháp luật có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn xã hội, tạo điều kiện cho các giá trị truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy là một trong những giải pháp quan trọng hiện nay trong xây dựng con người Việt Nam với những chuẩn mực mới. Tất nhiên, chú trọng tới xây dựng pháp luật phải đồng thời với các giải pháp thực thi pháp luật trong đó có việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, hiểu pháp luật để thực hành pháp luật trở thành ý thức tự giác của con người Việt Nam trong thời đại mới. Điều này góp phần hình thành những chuẩn mực mới: ý thức tuân thủ pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế cho con người Việt Nam hiện nay.

4.3.1.2. Đối với các thiết chế xã hội

Một là, đối với gia đình

Với vai trò nền tảng trong giáo dục lối sống, hình thành nhân cách, việc phát huy vai trò của gia đình như một chủ thể tham gia vào xây dựng chuẩn mực con người dựa trên việc kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống thì cần chú ý các giải pháp như:

Thứ nhất, tiếp tục phát huy hệ giá trị gia đình truyền thống Việt Nam và vai trò của gia đình trong giáo dục con cái nhân cách con người

Pháp luật Việt Nam quy định: “Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau” [105]. Giá trị gia đình được xem là những yếu tố, những mặt, những quy tắc, chuẩn mực đúng đắn, tốt đẹp, tích cực về đạo đức, giáo dục, tâm lý tình cảm và ý thức cộng đồng được nảy sinh, hình thành, tồn tại, phát triển trong gia đình, được cộng đồng xã hội cũng như gia đình thừa nhận, hướng tới, áp dụng, lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ sau. Các giá trị của gia đình có tính ổn định, được các thành viên trong gia đình hun đúc, bồi đắp qua nhiều thế hệ phát triển của gia đình tạo thành hệ giá trị gia đình. Về hệ giá trị gia đình Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: Trải qua nhiều thế hệ, gia đình Việt Nam được hình thành và phát triển với những chuẩn mực giá trị tốt đẹp góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị truyền thống quý báu như lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, hiếu học, cần cù và sáng tạo trong lao động, bất khuất, kiên

cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách đã được gia đình Việt Nam gìn giữ, vun đắp và phát huy trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

Với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay, nhất là trong xu thế của sự phát triển bền vững, việc xây dựng nguồn lực con người có vai trò rất quan trọng, trong khi đó, phát huy các giá trị gia đình là điều kiện căn bản cho xây dựng nguồn lực con người. Trong bối cảnh mới, để phát huy sức mạnh của văn hóa và con người Việt Nam vào sự phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc thì gia đình phải là môi trường đầu tiên khơi dậy khát vọng phát triển mãnh liệt của mỗi con người. Với tâm thế đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay là phải “Giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới” [32, tr.143] và tiếp tục “Thực hiện các chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam âm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh. Đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ” [32, tr.144] và “Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết thương yêu nhau” [32, tr.170]. Những quan điểm có tính định hướng về phát huy vai trò của gia đình hiện nay được kế thừa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người cho rằng: “Quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt” [71, tr.300].

Trong bối cảnh hiện nay, giá trị gia đình đã và đang có sự biến đổi, gia đình Việt Nam đang tiếp nhận những giá trị mới góp phần mở rộng không gian giao tiếp giữa các gia đình, giữa các thành viên trong gia đình. Mặc dù vậy, các giá trị truyền thống của gia đình vẫn được gìn giữ, phát huy và góp phần làm đa dạng bản sắc văn hóa của gia đình Việt Nam. Trước sự hỗn dung về văn hóa và sự xâm nhập của văn hóa bên ngoài vào gia đình Việt Nam hiện nay, việc bảo vệ và giữ gìn các giá trị gia đình truyền thống cần được chú trọng như sự giữ gìn thuần phong mỹ tục, trong gia tiếp ứng xử là trọng già, yêu trẻ, hòa thuận, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, giúp nhau cùng phát triển, hiếu thuận, nhân nghĩa, v.v. vẫn luôn là các giá trị trường tồn của gia đình Việt Nam qua mọi thời đại. Giá trị ấy góp phần hun đúc, tạo cho con người Việt Nam những chuẩn mực cao quý, hình thành nhân cách, phẩm chất, đức tính tốt đẹp cho mỗi người. Đây cũng chính là

nguồn lực quan trọng đảm bảo cho quá trình phát triển nhanh và bền vững ở nước ta hiện nay. Do vậy, trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay từ kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống thì phát huy vai trò, chức năng và hệ giá trị của gia đình lại càng trở nên quan trọng.

Về chức năng của gia đình, chức năng giáo dục nhất là giáo dục để trao truyền những giá trị đạo đức truyền thống, đạo lý tốt đẹp trong gia đình cần được phát huy mạnh mẽ cả về nội dung, phương pháp, cách thức giáo dục. Gia đình là môi trường đầu tiên nuôi dưỡng và hình thành nhân cách con người, do đó phát huy chức năng giáo dục của gia đình là một trong những giải pháp quan trọng để xây dựng chuẩn mực cho con người. Theo đó, nội dung giáo dục cần tập trung vào những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà thế hệ đi trước đã để lại như: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, cần cù, sáng tạo, hiếu học, trọng đạo lý,... Cùng với đó, nội dung giáo dục trong gia đình hiện nay cũng cần chú ý đến việc giáo dục những kỹ năng sống, hành vi đạo đức, tri thức, thái độ tích cực với môi trường, thể chất, thẩm mỹ,... để góp phần hình thành con người với sự hoàn thiện các chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của thời đại mới.

Về giá trị của gia đình, trên cơ sở các giá trị được xác định là no ấm, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh, sẽ mang lại những lợi ích quan trọng trong việc xây dựng con người nói chung và xây dựng chuẩn mực con người nói riêng nếu các giá trị này tiếp tục được phát huy. Do vậy, một số giải pháp có thể xem xét để vun đắp hệ giá trị gia đình, hướng tới phát triển con người là:

Thứ hai, phát triển kinh tế hộ gia đình, tạo lập thu nhập bền vững của gia đình đáp ứng yêu cầu giá trị ấm no, hạnh phúc

Là một đơn vị sản xuất, chức năng kinh tế của gia đình thể hiện qua việc đóng góp của các thành viên trong gia đình để xây dựng kinh tế gia đình góp phần xây dựng kinh tế xã hội phát triển, đồng thời gia đình còn là đơn vị tiêu dùng, tác động vào chuỗi sản xuất của xã hội phát triển. Gia đình tham gia gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu tiêu dùng. Gia đình không chỉ thực hiện chức năng sản xuất mà còn thực hiện chức năng tiêu dùng, đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của các thành viên đó, đồng thời đóng góp vào quá trình phát triển của xã hội.

Thứ ba, tăng cường sự bình đẳng trong gia đình đáp ứng giá trị tiến bộ, văn minh

Việc coi trọng yếu tố bình đẳng trong gia đình là yêu cầu rất quan trọng trong xây dựng gia đình tiến bộ ở Việt Nam hiện nay chủ yếu thể hiện ở mối quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng. Do ảnh hưởng của những yếu tố hạn chế của văn hóa Nho giáo, tình trạng bất bình đẳng và định kiến giới xảy ra tương đối phổ biến trong các gia đình Việt. Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra tình trạng và mức độ định kiến giới vẫn còn rất nặng nề ở nước ta hiện nay. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2020: “Có tới 30% phụ nữ tin rằng nam giới phải là người ra quyết định và làm chủ gia đình; 52% phụ nữ đồng tình và chấp nhận rằng nếu họ không trông con hoặc không làm tốt việc nội trợ thì bị chồng đánh; 62,9% phụ nữ đã trải qua ít nhất một lần bị bạo lực trong đời; 49,6% phụ nữ bị bạo lực không kể với bất kỳ ai việc bị chồng đánh” [Dẫn theo 62, tr.9]. Cũng theo số liệu thống kê, thời gian làm việc không được trả lương như chăm sóc con cái, nội trợ, dọn dẹp nhà cửa,... của phụ nữ luôn nhiều hơn nam giới: “Phụ nữ dành gần 39 giờ một tuần cho công việc, cộng thêm 18.9 giờ làm việc nhà, trong khi nam giới làm việc 40 giờ một tuần và 8,9 giờ làm việc nhà. Như vậy, thời gian làm việc nhà của phụ nữ cao gấp 2.1 lần so với nam giới” [Dẫn theo 62, tr.9].

Trong điều kiện hiện nay, mặc dù đang có nhiều tác động dẫn tới những biến đổi nhất định trong xu hướng hình thành và phát triển gia đình ở Việt Nam, nhưng về cơ bản, gia đình Việt Nam vẫn bảo tồn và tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống cao quý của dân tộc bên cạnh việc tiếp thu những tinh hoa của gia đình hiện đại. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp để phát huy vai trò, giá trị của gia đình vẫn luôn là vấn đề quan trọng trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, để gia đình ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng giáo dục cũng như nuôi dưỡng nhân cách con người. Trong việc phát huy vai trò của giáo dục trong gia đình cần có sự nghiên cứu, kế thừa một cách sâu sắc những giá trị của gia đình truyền thống cùng việc kết hợp với xu hướng giáo dục hiện đại, xây dựng những quy tắc, chuẩn mực mới cho giáo dục trong gia đình. Phát huy vai trò giáo dục trong gia đình luôn luôn cần sự phối hợp với nhà trường và cộng đồng xã hội để tạo một môi trường hoàn chỉnh trong giáo dục con người, góp phần xây dựng con người Việt Nam với những chuẩn mực giá trị, phù hợp với thời đại mới.

Hai là, đối với Nhà trường

Thứ nhất, tích hợp giáo dục giá trị truyền thống vào các chương trình học chính khóa và ngoại khóa, đặc biệt ở cấp tiểu học và trung học, thông qua các môn Lịch sử, Ngữ văn, Giáo dục công dân với các nội dung như:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục hướng đến mục tiêu: “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả” [37]; “Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [32]. Và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đưa ra định hướng phát triển đất nước đó là: “xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới. Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai của dân tộc, phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân” [43, tr.378-379]. Theo đó, tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết là: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học” [37].

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các nội dung về lịch sử, văn hóa dân tộc, truyền thống, đạo lý dân tộc, các giá trị truyền thống: yêu nước, đoàn kết, tự cường, đạo hiếu, hiếu học, nhân nghĩa,... vào các môn học phù hợp từ bậc tiểu học thông qua các môn học như: lịch sử, đạo đức, tiếng Việt, v.v. để học sinh có thể cảm thụ được những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam ngay từ những năm học đầu đời. Đồng thời, tiếp tục phát huy truyền thống “tiên học lễ, hậu học văn” của dân tộc Việt Nam.

Tiếp tục triển khai chủ trương đưa lịch sử trở thành môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc trung học phổ thông để thấy được bên cạnh những tri thức khoa học cần thiết cho học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp để học bậc đại học thì những kiến thức lịch sử dân tộc cũng phải trở thành nền tảng cho các em học nghề và ra ngoài xã hội, có như vậy, các giá trị dân tộc mới không bị mai một, truyền thống lịch sử dân tộc mới được gìn giữ và phát huy

trong thời đại mới, khi cảm nhận được những giá trị ấy, học sinh sẽ phát triển cá nhân, đóng góp cho sự phát triển của đất nước xứng đáng với sự hy sinh của các thế hệ người Việt Nam.

Thứ hai, đa dạng hóa các phương pháp giáo dục và truyền thụ giá trị thông qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm như lễ hội, bảo tàng sống, làng nghề, chương trình giao lưu thế hệ, để thế hệ trẻ tiếp xúc trực tiếp với di sản và truyền thống. Phương pháp giáo dục rất quan trọng, nó là yếu tố quyết định mức độ các tri thức được người học nhận thức và cảm thụ. Đối với giảng dạy các môn học liên quan đến truyền thống, lịch sử dân tộc, đạo đức lại càng quan trọng. Phương pháp giảng dạy nhàm chán, cũ kỹ sẽ khiến người học cảm thấy tẻ nhạt, chán nản và không tiếp nhận được tri thức, nhất là trong bối cảnh hiện nay đang có quá nhiều yếu tố mới thuộc về công nghệ giải trí hấp dẫn giới trẻ. Do đó, đối với giảng dạy các vấn đề liên quan đến hệ giá trị, truyền thống dân tộc, chuẩn mực con người,... cần thiết phải thực hiện việc đa dạng hóa phương pháp giáo dục và truyền thụ giá trị.

Thực tế đã cho thấy, một chương trình quốc gia diễn ra như: Lễ diễu binh, diễu hành của đại diện các lực lượng quân nhân quốc gia trong các ngày đại lễ của dân tộc đã thu hút một lượng người rất đông đảo tham gia, đa phần trong số đó là xuất phát từ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, muốn chứng kiến những giây phút hào hùng của dân tộc. Trong chương trình đó, họ có thể chứng kiến, xem lại những thời khắc lịch sử của dân tộc, hoặc gặp gỡ, tiếp xúc với các thế hệ anh hùng cách mạng. Điều này chứng minh rằng, các sự kiện quốc gia ấy có ý nghĩa rất lớn trong giáo dục con người về truyền thống, về lịch sử dân tộc. Hoặc, đối với học sinh các cấp, thay vì chỉ giảng dạy lý thuyết, sách vở thì việc tổ chức các hoạt động giáo dục thực tiễn thông qua các mô hình mới: phương pháp kể chuyện có ý nghĩa giáo dục, sân khấu hóa bài học, các hoạt động ngoại khóa, tham quan di tích lịch sử, bảo tàng, làng nghề truyền thống, hoạt động nhóm, đóng vai để giải quyết tình huống,... là những phương pháp giáo dục mới cần được lưu ý lựa chọn với mục đích để người học cảm thấy hứng thú với các môn học liên quan đến lịch sử, truyền thống, đạo đức,...

Cùng với đó cần cải tiến, ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Trong xu hướng phát triển thế giới hiện nay, nhân loại đang bước vào thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh chóng và chiếm ưu thế của trí tuệ nhân

tạo và công nghệ số thì việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục nói chung và giáo dục giá trị truyền thống dân tộc nói riêng là rất cần thiết với mục đích để học sinh có thể dễ dàng trong việc tiếp cận và tiếp thu các giá trị truyền thống dân tộc. Một số phương pháp ứng dụng công nghệ hiện nay đang trở nên phổ biến như:

Sử dụng bài giảng E-learning, học liệu số trong giảng dạy và học tập: Với phương pháp này, giáo viên có thể tích hợp hình ảnh, video, tư liệu số vào bài giảng để hoạt động giảng dạy sinh động, gắn với thực tiễn, có minh chứng lịch sử sẽ góp phần tăng tính thuyết phục đối với người học.

Mô phỏng lịch sử bằng công nghệ thực tế ảo: Mô phỏng lại lịch sử bằng công nghệ thực tế ảo cho phép học sinh “tham quan, trải nghiệm” lịch sử, tái hiện lại các sự kiện lịch sử một cách trực quan, hấp dẫn.

Thiết kế trò chơi giáo dục: Việc tạo các trò chơi giáo dục (Gamification) hoặc các chương trình trò chơi trên truyền hình (Game show) có lồng ghép các kiến thức lịch sử, văn hóa vừa giúp học sinh trau dồi về kiến thức lịch sử, vừa rèn luyện các kỹ năng mềm (phản ứng nhanh, linh hoạt, làm việc nhóm). Đây là phương pháp được sử dụng với mục tiêu “học mà chơi, chơi mà học”.

Sử dụng mạng xã hội học tập: Thông qua các nền tảng trực tuyến như Google Classroom, Padlet, Kahoot được sử dụng để tổ chức các cuộc thi, câu đố tìm hiểu về giá trị truyền thống dân tộc qua đó khơi dậy tinh thần học tập chủ động và sáng tạo cho người học.

Về phương pháp này, hiện nay một số tỉnh, thành phố đã triển khai có hiệu quả mô hình giáo dục tích hợp giá trị văn hóa truyền thống như: Chương trình “Trường học gắn với di sản văn hóa” tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; Các dự án giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống tích hợp đạo đức truyền thống do UNICEF phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện; Mô hình kể chuyện lịch sử qua sân khấu hóa tại nhiều trường tiểu học giúp học sinh tiếp cận lịch sử và văn hóa dân tộc sinh động, gần gũi; Ứng dụng công nghệ thực tế ảo tái hiện Hoàng thành Thăng Long, Kinh thành Huế... đang được các trường học phối hợp cùng các đơn vị công nghệ triển khai trong giảng dạy. Các giải pháp mới - ứng dụng công nghệ trong giảng dạy các môn học lịch sử, giáo dục giá trị truyền thống, văn hóa, đạo đức dân tộc được triển khai đã có ý nghĩa và tác động quan trọng đối với học sinh. Qua đây, học sinh bậc tiểu học được hình thành nền tảng đầu

đòi về phẩm chất đạo đức, các giá trị nhân văn, nhân đạo để hình thành nhân cách và bản lĩnh văn hóa ngay từ khi còn nhỏ. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ góp phần đổi mới phương pháp giáo dục, làm cho giá trị truyền thống trở nên gần gũi, hấp dẫn và dễ tiếp thu hơn với thế hệ trẻ. Đây là điều kiện quan trọng để xây dựng hệ chuẩn mực con người Việt Nam hiện đại mà vẫn thấm đẫm giá trị truyền thống, giúp thế hệ trẻ tự tin, hội nhập nhưng không đánh mất bản sắc dân tộc.

Ba là, đối với cộng đồng

Hường tới việc tạo môi trường xã hội thuận lợi để thực hành giá trị truyền thống: theo đó cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng, và không gian mạng; khuyến khích lối sống giản dị, nhân ái, tương trợ, tôn trọng pháp luật. Việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh sẽ góp phần khuyến khích phát triển nhân cách, phẩm chất tốt đẹp cho con người. Đây được xem là giải pháp quan trọng tạo điều kiện để các giá trị truyền thống được tiếp tục kế thừa và phát triển trong xã hội và tác động đến việc hình thành nhân cách, chuẩn mực con người. Một môi trường xã hội lành mạnh sẽ là “mảnh đất tốt” để “vun trồng” nhân cách, phẩm chất của con người. Trong khi đó, môi trường xã hội lành mạnh cần được xây dựng dựa trên các yếu tố: văn hóa, đạo đức, pháp luật, an sinh xã hội, an toàn xã hội. Do vậy, để tạo được một môi trường xã hội lành mạnh từ đó khuyến khích phát triển nhân cách, phẩm chất con người, nhà nước cần lưu ý đến việc bảo đảm các yếu tố này.

Thực tế những năm qua, nhà nước ta đã triển khai có hiệu quả nhiều chương trình, phong trào nhằm xây dựng môi trường sống lành mạnh cho người dân như: Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021 - 2026”, ban hành kèm theo Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu tạo nên những chuyển biến tích cực trong việc xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện cùng việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Tiếp tục thực hiện phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025, ban hành kèm theo Quyết định số 587/QĐ-TTg đã được Chính phủ phê duyệt, triển khai từ năm 2011. Theo đó, phong trào đã trở thành trọng tâm và thực sự đi vào đời sống của nhân dân qua đó nâng cao tinh

thần hưởng ứng các phong trào yêu nước của người dân trong cả nước; Đối với thanh niên, Cuộc vận động “Thanh niên sống đẹp, sống có ích” được tổ chức thành giải thưởng ở nhiều lĩnh vực: học tập, lao động, nghiên cứu khoa học,... được khởi xướng từ năm 2017 do Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tổ chức đã tôn vinh nhiều thanh niên tiêu biểu, có việc làm, nghĩa cử cao đẹp, có tính nhân văn, tinh thần đoàn kết, vì cộng đồng, tuyên dương các tấm gương thanh niên trong việc chấp hành gương mẫu pháp luật, ... đã lan tỏa đến nhiều thanh niên Việt Nam trong việc xây dựng lối sống tích cực và hình thành những chuẩn mực tốt đẹp cho bản thân.

Thứ hai, phát triển các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ) để người dân có nơi sinh hoạt, giao lưu, và thực hành văn hóa) với mục đích phát huy vai trò của thiết chế văn hóa như là nơi cộng đồng “tập dượt” chuẩn mực con người hơn là việc đó chỉ là nơi trưng bày văn hóa. Thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - nghệ thuật, câu lạc bộ cộng đồng...) là nơi giá trị văn hóa truyền thống được chuyển hóa từ nhận thức sang thực hành sống. Nếu không có không gian văn hóa mang tính cộng đồng, giá trị chỉ tồn tại trong sách vở và bài giảng, không có cơ chế lan tỏa xã hội. Để phát triển các thiết chế này, cần tập trung vào việc:

Nâng cấp và chuẩn hóa hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở thông qua việc hoàn thiện mạng lưới nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng theo tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu, gắn với quy hoạch đô thị và nông thôn mới; Đầu tư nguồn lực bền vững để tránh tình trạng xây xong để trống hoặc chỉ hoạt động theo phong trào gây ra sự lãng phí; Ứng dụng chuyển đổi số trong thiết chế văn hóa để tăng cường khả năng tiếp cận của nhân dân đặc biệt là giới trẻ. Sự đầu tư này phải trên cơ sở quan điểm thiết chế văn hóa phải được coi là hạ tầng tinh thần thiết yếu tương đương với trường học, bệnh viện hay một số công trình hạ tầng khác phục vụ đời sống con người.

Biến thiết chế văn hóa thành “không gian sống” chứ không đơn thuần là “công trình hữu hình”. Đó là việc làm cho thiết chế văn hóa có hoạt động thực chất, không phải chỉ tồn tại vật lý, như vậy giá trị văn hóa truyền thống mới có “không gian” để phát huy. Điều này cần: Thường xuyên tổ chức các hoạt động thực tế; Phát triển câu lạc bộ học thuật, lịch sử, văn hóa dân gian, kỹ năng sống để gắn giá trị văn hóa truyền thống với nhu cầu phát triển của cá nhân; Mời các

nghệ nhân, nhà nghiên cứu, doanh nhân tham gia với tư cách là chủ thể lan tỏa văn hóa để khắc phục tình trạng hành chính hóa các hoạt động văn hóa.

Xã hội hóa quản trị thiết chế văn hóa để gia tăng hiệu quả và tính bền vững, đó là việc huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, đoàn thể trong vận hành và tài trợ các hoạt động; Áp dụng mô hình Nhà nước kiến tạo – cộng đồng vận hành – nhân dân thụ hưởng để tăng năng lực tự chủ của các chủ thể trong xây dựng thiết chế văn hóa. Khi đó, cộng đồng trở thành người sở hữu và đồng kiến tạo, thiết chế văn hóa mới có đời sống thực.

Thứ ba, tôn vinh các tấm gương sống đẹp và kịp thời phê phán, xử lý hành vi lệch chuẩn, phản giá trị. Triển khai các phong trào xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh ở khu dân cư để tạo dựng môi trường sống tốt đẹp, tạo nền tảng nuôi dưỡng nhân cách con người là quan trọng, song việc tổng kết các phong trào đó cũng rất cần thiết cùng với kết hợp khen thưởng, biểu dương tấm gương điển hình trong thực hiện. Điều này góp phần củng cố, phát huy và nhân rộng các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong bối cảnh xã hội hiện đại. Giải pháp này có tính thiết thực và hiệu quả thúc đẩy sự hình thành những chuẩn mực của con người Việt Nam vừa kế thừa giá trị truyền thống dân tộc vừa tiếp thu giá trị mới của đời sống hiện đại. Các nội dung cụ thể để triển khai giải pháp này là:

Tiến hành tổng kết các phong trào văn hóa: việc tổng kết các phong trào bao gồm hoạt động đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm cần được tiến hành thường xuyên, định kỳ để ghi nhận những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại qua đó kịp thời điều chỉnh, khắc phục hạn chế cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển con người.

Tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tấm gương tiêu biểu trong thực hiện các phong trào. Việc khen thưởng, biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong xây dựng đời sống văn hóa chính là động lực để khuyến khích phong trào lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Những điển hình tiên tiến, những mô hình hay cần được nhân rộng nhằm khích lệ sự nỗ lực, sáng tạo trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống như tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân tương ái, trung thực, nghĩa tình.

Gắn kết phong trào với giáo dục chuẩn mực đạo đức, lối sống trong việc triển khai các phong trào văn hóa rộng rãi trong đời sống nhân dân, việc lồng ghép và gắn với các nội dung giáo dục truyền thống dân tộc, đạo đức, lối sống

rất có hiệu quả. Việc đưa các yếu tố này vào các phong trào giúp cho người dân, đặc biệt thế hệ trẻ thêm hiểu biết và vận dụng thực hiện các giá trị đó trong đời sống hàng ngày.

Ứng dụng công nghệ, truyền thông trong tôn vinh, khen thưởng cũng như xử lý kỷ luật. Với sức ảnh hưởng diện rộng và thông tin một cách nhanh chóng, việc sử dụng công nghệ, truyền thông để quảng bá, lan tỏa các tấm gương điển hình tiên tiến, các mô hình văn hóa tiêu biểu là một giải pháp hữu hiệu trong việc tác động hình thành chuẩn mực con người Việt Nam. Bên cạnh đó, sức mạnh của truyền thông cũng được sử dụng để đưa ra trước dư luận và xã hội về những người/ việc xấu, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật,... để nhân dân có thể nhận diện về các hành vi xấu, cần loại trừ trong xã hội. Việc ứng dụng truyền thông vừa có tác dụng giáo dục, lan tỏa tấm gương, hành vi, chuẩn mực tốt vừa có vai trò răn đe, cảnh báo con người trước những vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục để tự ý thức, lựa chọn những yếu tố có giá trị hình thành cho bản thân.

Bốn là, đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Cần triển khai các phong trào, chiến dịch gắn với xây dựng chuẩn mực con người như phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Việc kế thừa các giá trị truyền thống dân tộc trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay ngoài vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của nhà nước cần có sự tham gia tích cực của toàn hệ thống chính trị trong đó có việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Tùy thuộc vào vị trí, vai trò, nhiệm vụ các tổ chức lựa chọn hình thức, biện pháp truyền tải, giáo dục, vận động một cách phù hợp với quần chúng nhân dân là thành viên của các tổ chức đó. Tuy nhiên, trong thực hiện giải pháp này cần lưu ý về sự thống nhất trong hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội bởi một quần chúng có thể là thành viên của nhiều tổ chức chính trị - xã hội.

Với vai trò quan trọng trong việc vận động các tầng lớp nhân dân tích cực trong xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện với hệ chuẩn mực mới, kế thừa các giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác cần có nhiều hình thức tổ chức các phong trào, đa dạng về phương pháp, thống nhất về nội dung vận động đối với hội viên. Việc tạo ra luồng dư luận tốt cũng là một phương pháp tích cực trong điều chỉnh hành vi của con người nhằm phát huy vai trò của

đur luận xã hội bên cạnh chức năng cưỡng chế/ bắt buộc của pháp luật. Các phong trào biểu dương, khen thưởng cũng cần được phát huy nhằm khuyến khích, động viên các tấm gương sáng trong xã hội kết hợp với phê phán để ngăn chặn các hành vi lệch chuẩn trong xã hội. Thông qua dư luận để hướng con người xác định được những giá trị tích cực trong xã hội, từ đó hình thành những thói quen và lối sống tốt; đó chính là phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với vai trò là cơ quan đánh giá giá trị hành vi của con người thông qua việc tạo các luồng dư luận xã hội tích cực song song với việc hạn chế tối đa các cuộc khủng hoảng dư luận trong xã hội hiện nay.

4.3.2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người

Tuyên truyền là hoạt động truyền bá, giải thích, phổ biến một hệ tư tưởng, quan điểm, chủ trương nhằm tác động vào nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng. Trong việc nâng cao nhận thức của nhân dân về giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, hoạt động tuyên truyền có vai trò *định hướng nhận thức* giúp các tầng lớp xã hội hiểu đúng, đầy đủ về giá trị văn hóa truyền thống; tạo sự thống nhất về tư tưởng tức tạo sự *đồng thuận trong xã hội* về việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay đồng thời giúp *khắc phục lệch lạc* các quan điểm sai trái về vấn đề này như việc phủ nhận truyền thống, sùng ngoại, bảo thủ cực đoan từ đó *thúc đẩy hành động* qua việc chuyển hóa từ nhận thức thành hành động tự giác của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội.

Để nâng cao nhận thức xã hội về vấn đề này việc đẩy mạnh hoạt động *tuyên truyền sâu rộng* trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, các chương trình giáo dục cộng đồng về ý nghĩa của giá trị văn hóa truyền thống đối với việc hình thành nhân cách và chuẩn mực con người. Cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về các vấn đề liên quan như: hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam như Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Đồng thời, tích cực trong tuyên truyền các giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam. Đẩy mạnh hoạt

động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức xã hội về hệ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc cần tập trung các nội dung sau:

Thứ nhất, đổi mới nội dung tuyên truyền, nội dung tuyên truyền phải đảm bảo tính khoa học, tính thời đại và tính thực tiễn. Đồng thời, khắc phục tình trạng khô cứng, hàn lâm, kinh viện, xa rời thực tế và thiếu sức hấp dẫn thuyết phục của các nội dung được tuyên truyền. Với giải pháp được đề xuất này, cần thực hiện các giải pháp cụ thể như:

Hệ thống hóa các giá trị văn hóa truyền thống cốt lõi cần tuyên truyền, theo đó cần xây dựng bộ tài liệu chuẩn xác định rõ các giá trị cốt lõi của văn hóa truyền thống Việt Nam như: yêu nước, đoàn kết, nhân ái, cần cù sáng tạo, hiếu học, hiếu thảo, trọng nghĩa giữ chữ tín. Mỗi giá trị cần được định nghĩa rõ ràng, có ví dụ minh họa sinh động từ lịch sử và đời sống đương đại, đồng thời xây dựng thông điệp tuyên truyền ngắn gọn, dễ nhớ, dễ lan tỏa.

Cùng với đó, cần diễn giải nội hàm mới của các giá trị truyền thống phù hợp với bối cảnh hiện thời. Trên thực tế, tuyên truyền không chỉ là sự nhắc lại giá trị cũ mà phải chuyển hóa, diễn giải cho phù hợp với yêu cầu của bối cảnh mới. Chẳng hạn, “yêu nước” không chỉ là chống giặc ngoại xâm mà còn là xây dựng đất nước giàu mạnh, nâng cao vị thế quốc gia hay “cần cù” không chỉ là chăm chỉ làm việc mà còn là lao động có năng suất, chất lượng, làm chủ khoa học công nghệ cũng như “hiếu học” không chỉ là đọc sách thi cử mà còn là học tập suốt đời, cập nhật kỹ năng mới trong thời đại số. Cho nên, việc làm rõ nội hàm của giá trị truyền thống trong bối cảnh mới là rất cần thiết để phù hợp với nhận thức của con người trong bối cảnh hiện tại.

Trong nội dung tuyên truyền cần thiết phải làm rõ ranh giới giữa những giá trị cần kế thừa và hủ tục cần loại bỏ, theo đó nội dung của tuyên truyền phải làm cho người dân nhận diện được đâu là giá trị tích cực cần kế thừa, đâu là hủ tục cần loại bỏ. Từ đó, có sự chủ động trong hành động của mỗi cá nhân trong việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để hoàn thiện chuẩn mực của ngay chính bản thân cá nhân.

Việc gắn nội dung tuyên truyền với thực tiễn đời sống cũng là yêu cầu quan trọng của việc đổi mới nội dung tuyên truyền. Đó là việc cần thiết phải cung cấp các câu chuyện thực tế, tình huống cụ thể về việc vận dụng giá trị truyền thống trong công việc, kinh doanh, quan hệ gia đình và xã hội. Lấy gương người tốt

việc tốt, các điển hình tiên tiến làm minh chứng sinh động cho sức sống của giá trị truyền thống trong đời sống hiện đại.

Thứ hai, đa dạng hóa phương pháp tuyên truyền tức là các phương pháp để thực hiện tuyên truyền cần đa dạng, linh hoạt, bắt kịp xu hướng truyền thông hiện đại, đảm bảo tính hấp dẫn và khả năng tiếp cận rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân. Các giải pháp cụ thể cần thực hiện là:

Đẩy mạnh tuyên truyền qua hệ thống báo chí và truyền hình qua việc đầu tư xây dựng các chuyên mục thường kỳ về giá trị văn hóa truyền thống trên báo in, báo điện tử. Sản xuất phim tài liệu khám phá chiều sâu các giá trị truyền thống qua lịch sử, nhân vật, sự kiện. Tổ chức các chương trình talk show đối thoại với chuyên gia, nghệ nhân về văn hóa truyền thống. Phát triển các chương trình thực tế, gameshow giáo dục về lịch sử, văn hóa dân tộc với hình thức hấp dẫn, phù hợp thị hiếu công chúng. Đầu tư sản xuất phim truyện tái hiện các câu chuyện lịch sử, nhân vật anh hùng, giá trị đạo đức của dân tộc.

Phát triển mạnh công tác tuyên truyền trên nền tảng số và mạng xã hội, hiện tại với xu thế phổ biến và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của mạng xã hội đối với con người, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các giá trị văn hóa truyền thống trên nền tảng số và mạng xã hội là phù hợp với tình hình hiện tại. Theo đó, đầu tư xây dựng các kênh truyền thông chính thống trên YouTube, TikTok, Facebook, Instagram, Zalo với nội dung chuyên biệt về văn hóa truyền thống. Sản xuất video ngắn hấp dẫn, infographic trực quan về hệ giá trị văn hóa, podcast kể chuyện truyền thống, nội dung tương tác như quiz, khảo sát về văn hóa dân tộc. Tổ chức các chiến dịch truyền thông số với hashtag, các thử thách văn hóa khuyến khích người dùng chia sẻ nội dung về giá trị truyền thống, v.v. là những giải pháp cụ thể, cần thiết trong bối cảnh của công nghệ số.

Tăng cường khai thác hiệu quả tuyên truyền qua hoạt động văn hóa nghệ thuật qua việc khuyến khích sáng tác văn học, âm nhạc, điện ảnh về đề tài giá trị truyền thống với hình thức hiện đại, hấp dẫn. Tổ chức các cuộc thi, liên hoan, festival văn hóa các vùng miền để quảng bá sự đa dạng văn hóa và tạo sự tự hào dân tộc. Phát triển triển lãm tương tác, hội thi hát dân ca, múa dân gian, trang phục truyền thống nhằm phát hiện, tôn vinh tài năng và lan tỏa giá trị văn hóa.

Duy trì và nâng cao hiệu quả tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở về nội dung và kỹ năng, cung

cấp tài liệu, đề cương tuyên truyền chuẩn. Tổ chức các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề tại thôn xóm, khu phố. Lồng ghép nội dung giá trị truyền thống trong các buổi họp tổ dân phố, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và các phong trào thi đua. Sử dụng hệ thống loa truyền thanh cơ sở để phát các nội dung về văn hóa truyền thống phù hợp. Đây cũng là giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương trong đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ ba, cần phân loại đối tượng tuyên truyền, việc phân loại đối tượng tuyên truyền giúp cho việc tuyên truyền đạt hiệu quả với phương pháp phù hợp và nội dung thiết thực, gắn với đối tượng được tuyên truyền. Để thực hiện giải pháp này cần lưu ý một số việc sau:

Xác định các nhóm đối tượng trọng tâm của công tác tuyên truyền qua việc phân loại đối tượng theo độ tuổi, nghề nghiệp, vị trí xã hội để có chiến lược tiếp cận phù hợp. Các nhóm đối tượng chính bao gồm: thiếu nhi, thanh niên và sinh viên, người trung niên, người cao tuổi, cán bộ đảng viên, doanh nhân và người lao động, kiều bào ở nước ngoài.

Xây dựng chiến lược tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng, chẳng hạn, đối với thiếu nhi, ưu tiên kênh YouTube Kids, hoạt hình, truyện tranh với nội dung cổ tích, truyền thuyết, nhân vật anh hùng, phong cách vui nhộn, màu sắc, dễ hiểu. Đối với thanh niên sinh viên, sử dụng TikTok, Instagram, YouTube với nội dung về giá trị truyền thống trong đời sống hiện đại, tự hào dân tộc, hội nhập, phong cách trẻ trung, sáng tạo, bắt trend. Đối với người trung niên, tập trung vào Facebook, Zalo, truyền hình với nội dung giáo dục con cái, gìn giữ gia đình, đạo đức nghề nghiệp, phong cách thực tế, có chiều sâu. Đối với người cao tuổi, ưu tiên truyền hình, phát thanh, báo in với nội dung về vai trò truyền dạy, bảo tồn, chia sẻ kinh nghiệm, phong cách trang trọng, gần gũi.

Điều chỉnh ngôn ngữ và cách thức truyền đạt theo đặc điểm đối tượng, với thanh niên, sử dụng ngôn ngữ trẻ trung, hình ảnh bắt mắt, kết hợp với influencer có ảnh hưởng tích cực, liên hệ giá trị truyền thống với các vấn đề giới trẻ quan tâm như nghề nghiệp, khởi nghiệp, tình yêu. Với gia đình phụ huynh, nhấn mạnh vai trò của truyền thống trong giáo dục con cái, chia sẻ câu chuyện các gia đình tiêu biểu. Với cán bộ đảng viên, gắn với các văn kiện nghị quyết của Đảng về văn hóa, nhấn mạnh vai trò tiên phong gương mẫu, v.v.

Thứ tư, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tuyên truyền các cấp. Theo đó, lực lượng tuyên truyền phải được tổ chức đồng bộ, đa dạng, có năng lực chuyên môn và kỹ năng phù hợp với yêu cầu mới. Cần có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng để tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác tuyên truyền. Các nội dung cụ thể để triển khai giải pháp này như sau:

Xây dựng hệ thống lực lượng tuyên truyền đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở. Trong đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận các cấp giữ vai trò chỉ đạo, định hướng, cung cấp nội dung chuẩn. Hệ thống báo chí truyền thông chịu trách nhiệm sản xuất và phát hành nội dung tuyên truyền chuyên nghiệp. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực tiếp tại địa bàn. Các tổ chức đoàn thể vận động, tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân

Phát triển đội ngũ tuyên truyền viên đa dạng, chuyên nghiệp, trong đó phát huy vai trò của chuyên gia, nhà nghiên cứu văn hóa trong việc cung cấp nội dung khoa học, tham gia talk show, viết bài chuyên sâu. Nâng cao năng lực của nhà báo, biên tập viên trong sản xuất nội dung truyền thông hấp dẫn. Huy động nghệ sĩ, văn nghệ sĩ sáng tác, biểu diễn tác phẩm về đề tài truyền thống. Thu hút influencer, KOL có ảnh hưởng tích cực tham gia lan tỏa thông điệp trên mạng xã hội. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở có kỹ năng nói chuyện, hiểu biết địa phương. Phát huy vai trò của nghệ nhân, người cao tuổi trong truyền dạy, kể chuyện truyền thống.

Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng qua việc thiết lập cơ chế phối hợp ngang giữa các cơ quan báo chí, văn hóa, giáo dục, đoàn thể trong cùng cấp để tạo sự đồng bộ trong triển khai. Duy trì cơ chế phối hợp dọc từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo thống nhất nội dung, đa dạng hình thức. Phát triển cơ chế phối hợp công tư để huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong công tác tuyên truyền

Đảm bảo các điều kiện cho hoạt động của lực lượng tuyên truyền qua việc ban hành kế hoạch, đề án tuyên truyền về giá trị văn hóa truyền thống với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Bố trí ngân sách thỏa đáng cho hoạt động tuyên truyền, có cơ chế đặt hàng, hỗ trợ sản xuất nội dung chất lượng. Đầu tư trang thiết bị, công nghệ sản xuất nội dung hiện đại. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác tuyên truyền. Xây dựng kho tư liệu, ngân hàng nội dung

tuyên truyền để các lực lượng khai thác sử dụng. Có chính sách tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp xuất sắc trong công tác tuyên truyền.

Tóm lại, tuyên truyền là giải pháp có ý nghĩa tiên quyết trong việc nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống. Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao, cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nêu trên. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của toàn xã hội về vai trò, giá trị của văn hóa truyền thống, từ đó thúc đẩy việc vận dụng các giá trị này vào xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

4.3.3. Phát huy vai trò của cá nhân trong bối cảnh hội nhập

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, việc phát huy giá trị văn hóa truyền thống không thể chỉ diễn ra trong phạm vi nội địa, mà cần được đặt trong trao đổi song hành với thế giới - vừa tiếp nhận, vừa lan tỏa, để giá trị Việt Nam tồn tại trong “không gian đa văn hóa” chứ không bị cô lập hoặc hòa tan. Trong bối cảnh đó, hơn bao giờ hết là sự cần thiết phải phát huy vai trò tự giác của mỗi cá nhân trong xã hội và chủ động tiếp nhận có chọn lọc những giá trị của thời đại đúng theo tinh thần và quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát huy vai trò của Nhân dân: “Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [43, tr.382].

Có thể nói, trong hệ thống các chủ thể tham gia vào quá trình vận dụng giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, cá nhân giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Cá nhân vừa là “tế bào” cấu thành cộng đồng, xã hội, vừa là chủ thể trực tiếp tiếp nhận, nội tâm hóa và hiện thực hóa các giá trị truyền thống thành phẩm chất, hành vi, chuẩn mực sống của chính mình. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, vai trò chủ thể của cá nhân càng trở nên nổi bật, bởi mỗi người dân không chỉ là “người thụ hưởng” văn hóa mà còn là “người sáng tạo”, “người lan tỏa” và “người thẩm định” các giá trị văn hóa trong đời sống hằng ngày. Phát huy vai trò của cá nhân trong bối cảnh hội nhập, vì vậy, là một giải pháp có ý nghĩa căn cốt, được thực hiện thông qua các nội dung cơ bản sau:

Một là, chủ động tiếp nhận giá trị truyền thống trên nền tảng phương pháp tiếp cận mới theo hướng tiếp nhận có chọn lọc các giá trị tiến bộ từ nền văn hóa khác, làm phong phú thêm hệ giá trị Việt Nam

Thay vì đóng khung tư duy “bảo tồn bằng cách khép kín”, cần tiếp nhận những giá trị tiến bộ của nhân loại (như dân chủ pháp quyền, sáng tạo khoa học, tinh thần trách nhiệm xã hội, đạo đức công vụ minh bạch, năng lực tự chủ cá nhân...) để làm phong phú nội hàm giá trị Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng của con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

Tuy nhiên, việc tiếp nhận phải dựa trên nguyên tắc “chọn lọc – tích hợp – chuyển hóa”, tránh sao chép mô hình văn hóa ngoại mà không đối chiếu với nền tảng bản sắc, để không rơi vào tình trạng “mất mình khi hội nhập”. Cùng với đó, thay vì truyền dạy theo lối áp đặt, cần tạo điều kiện để thanh niên tự tiếp nhận giá trị truyền thống qua kênh mà họ vốn sử dụng (YouTube, TikTok, podcast, MOOC, diễn đàn mở...). Việc chuyển đổi định dạng (từ “giáo điều” sang “trải nghiệm – tương tác – kể chuyện số”) giúp giá trị truyền thống đi vào “hệ thần kinh giao tiếp” của giới trẻ, biến tri thức thành hứng thú.

Hai là, khuyến khích sáng tạo trên nền truyền thống và phát huy vai trò lan tỏa của thế hệ trẻ

Giá trị truyền thống chỉ tồn tại bền vững khi được sáng tạo lại trong hình thức phù hợp với thẩm mỹ hiện đại: remake dân ca với phong cách mới, thiết kế thời trang từ họa tiết truyền thống, làm phim, vlog, comic từ chất liệu lịch sử, kể lại di sản bằng ngôn ngữ điện ảnh hoặc game hóa. Không phải giữ nguyên truyền thống mà giữ tinh thần của nó thông qua sáng tạo. Để những giá trị ấy thực sự lan tỏa, cần phát huy vai trò của thế hệ trẻ để họ từ “đối tượng cảm hóa: trở thành “chủ thể lan tỏa”. Cụ thể là tôn vinh những người trẻ có tầm ảnh hưởng và đóng góp trong việc lan tỏa văn hóa Việt, khuyến khích sinh viên, người khởi nghiệp trẻ tạo ra các sản phẩm văn hóa số dựa trên truyền thống, qua đó tạo “đời sống thứ hai” cho các giá trị dân tộc trong thời đại mới.

Ba là, thực hiện việc quảng bá văn hóa truyền thống Việt Nam ra thế giới thông qua ngoại giao văn hóa, du lịch, nghệ thuật, để khẳng định bản sắc dân tộc, và tạo sức hút và ảnh hưởng mềm

Phát huy giá trị văn hóa truyền thống không chỉ nhằm dùng trong nội địa, mà còn nhằm định vị Việt Nam trong không gian quốc tế. Cần đẩy mạnh ngoại

giao văn hóa, du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, festival quốc tế, bản địa hóa sản phẩm văn hóa sáng tạo... để khẳng định bản sắc riêng biệt của Việt Nam trong thế giới đa cực; chuyển giá trị truyền thống thành nguồn lực ảnh hưởng mềm (soft power); tạo hiệu ứng lan tỏa ngược - khi giá trị Việt Nam được thế giới tôn trọng, giới trẻ trong nước sẽ có thêm niềm tin và tự hào để tiếp nhận giá trị truyền thống.

Sự hiện diện của văn hóa Việt Nam trên “bản đồ văn hóa toàn cầu” cũng chính là cách bảo vệ chủ quyền văn hóa, như một tuyến phòng thủ mềm trước sự hòa tan giá trị trong toàn cầu hóa. Giao lưu quốc tế không chỉ phục vụ cho “học hỏi bên ngoài” mà còn là một chiến lược bảo tồn bằng lan tỏa càng được thế giới công nhận, giá trị truyền thống càng có cơ hội quay trở lại đời sống trong nước với sức sống mới, vị thế mới và tính thuyết phục cao hơn.

Nhóm giải pháp này chủ yếu tập trung vào thế hệ trẻ bởi họ không chỉ là người thụ hưởng mà cần trở thành chủ thể tái tạo văn hóa. Trong bối cảnh mạng xã hội và công nghệ số là không gian sống chính của thanh niên, việc phát huy giá trị truyền thống phải diễn ra trong chính môi trường mà họ tương tác hằng ngày, thay vì chỉ trong lớp học hay lễ hội. Theo đó, để phát huy vai trò của thế hệ trẻ như một chủ thể chủ động tiếp nhận, sáng tạo và truyền cảm hứng về giá trị văn hóa truyền thống trong môi trường số cần tập trung một số giải pháp sau:

Với những giải pháp trên có thể làm cho thế hệ trẻ thực hiện việc dẫn dắt để biến giá trị văn hóa truyền thống từ “quá khứ để tôn trọng” thành “hiện tại để sống cùng”. Điều này làm cho thế hệ trẻ Việt Nam được dịch chuyển về vị thế và làm cho giáo dục giá trị văn hóa truyền thống không đơn giản chỉ là sự “giáo dục thêm” mà làm cho thanh niên Việt Nam từ đối tượng được giáo dục thành chủ thể sáng tạo – lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống bằng ngôn ngữ của thời đại số. Điều này làm cho hệ giá trị trở thành “hành vi sống” và khi đó chuẩn mực con người Việt Nam có nền tảng để tái sinh bền vững trong tương lai.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 của luận án đã phân tích những thuận lợi và khó khăn của việc vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay đó. Việc xác định các yếu tố này được xem như những “dự

báo” để xác lập những quan điểm định hướng và các nhóm giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay với các định hướng được xác lập trên cơ sở: kế thừa có chọn lọc tinh hoa truyền thống; kết hợp hài hòa truyền thống với những giá trị mới của thời đại; đặt vấn đề phát huy giá trị trong tổng thể chiến lược phát triển con người - xã hội; và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong quá trình tái tạo và lan tỏa văn hóa.

Trên nền những định hướng đó, chương đã đề xuất những nhóm giải pháp chủ yếu về tập trung vào chủ thể vận dụng, phương pháp truyền thông trong vận dụng và phát huy vai trò tự giác của cá nhân trong bối cảnh hiện nay. Các giải pháp này không tồn tại tách rời, mà mang tính hệ thống chủ thể - nội dung - phương pháp của vận dụng. Việc phát huy giá trị văn hóa truyền thống chỉ có hiệu lực khi giá trị không chỉ được tuyên bố trên văn kiện, mà được chuyển hóa thành hành vi sống, môi trường văn hóa và chuẩn mực xã hội của giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam vừa mang bản sắc dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu hiện đại là nhiệm vụ cấp thiết, lâu dài. Văn hóa truyền thống với những giá trị tích cực như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, cần cù, sáng tạo... là nền tảng vững chắc để hình thành và bồi đắp những chuẩn mực đó. Qua nghiên cứu, luận án đã về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, rút ra những kết luận chủ yếu sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam và chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay. Giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh cho việc xây dựng chuẩn mực con người. Chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay là hệ thống các giá trị, quy tắc định hướng hành vi, phù hợp với yêu cầu của chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống.

Thứ hai, về thực trạng, luận án đã đánh giá toàn diện việc vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người từ năm 1996 đến nay, chỉ ra những thành tựu đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của chúng.

Thứ ba, về giải pháp, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện liên quan đến chủ thể, nội dung, phương thức vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, bằng việc giải quyết các nhiệm vụ nêu trên luận án có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách và làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy các nội dung liên quan đến văn hóa, giá trị văn hóa truyền thống và chuẩn mực con người Việt Nam.

Có thể nói, việc tiếp tục vận dụng giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam là nhiệm vụ cấp thiết, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội và sự tự giác của mỗi cá nhân. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lý luận, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho lĩnh vực triết học và khoa học văn hóa, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc hoạch định chính sách, thiết kế chương trình giáo dục, và triển khai các phong trào xây dựng đời sống văn hóa. Luận án khẳng định rằng, để chuẩn mực con người Việt Nam thực sự trở thành nền tảng phát triển

bền vững của đất nước, cần một quá trình kiên trì, đồng bộ, gắn kết giữa Nhà nước, xã hội và mỗi cá nhân công dân.

Cũng qua đây, một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn như nghiên cứu chi tiết từng giá trị cụ thể, xây dựng bộ chỉ số đánh giá, so sánh kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu tác động của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo là những định hướng nghiên cứu sâu hơn trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đạt được từ luận án này.

Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lý luận, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho lĩnh vực triết học và khoa học văn hóa, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc hoạch định chính sách, thiết kế chương trình giáo dục, và triển khai các phong trào xây dựng đời sống văn hóa. Luận án khẳng định rằng, để văn hóa và con người Việt Nam với những chuẩn mực tốt đẹp được hình thành và phát triển trên nền tảng hệ giá trị văn hóa của dân tộc thực sự trở thành nền tảng phát triển bền vững của đất nước, cần một quá trình kiên trì, đồng bộ, gắn kết giữa Nhà nước, xã hội và mỗi cá nhân công dân.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. (2024), “Hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 1, tr. 27 – 50.
2. (2024), “Some solutions in Developing Vietnam’s People to meet the Country’s Sustainable Development Requirements”, *International Journal of Engineering Inventions*, e-ISSN: 2278-7461, p-ISSN: 2319-6491. Volume 13, Issue 12 [December, 2024] PP: 197-201.
3. (2025), “Standards of Vietnamese People and Issues Raised in the Context of today’s Globalization”, *International Journal of Engineering Inventions*, e-ISSN: 2278-7461, p-ISSN: 2319-6491. Volume 13, Issue 14 [April, 2025] PP: 30 – 34.
4. (2025), “Vun đắp hệ giá trị gia đình – nền tảng cho sự phát triển bền vững về con người ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Triết học*, số 22 (5 - 2025), trang 43- 49.
5. (2025), “Xây dựng con người Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 3, trang 28 – 33.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (2015), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Thế giới.
2. Lê Ngọc Anh (2001), *Tìm hiểu giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Tuấn Anh (2022), *Cơ sở xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 61-71.
4. Lê Hữu Ái (2022), *Giá trị truyền thống – yếu tố quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 758-768.
5. Lương Gia Ban (1999), *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Lương Gia Ban (2014), *Giá trị văn hoá truyền thống dân tộc với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương (2023), *Báo cáo công tác tuyên truyền, giáo dục về hệ giá trị quốc gia và con người Việt Nam*, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2009), Hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập, *Tạp chí Triết học*, số 6 (217), tr. 10–16.
9. Hoàng Chí Bảo (2020), “Giá trị văn hóa truyền thống – nền tảng phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 5 (275), tr. 10–14.
10. Trần Lê Bảo (2009), “Một số giá trị văn hoá truyền thống và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển văn hoá và con người ở khu vực Đông Á khi hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 3 (91), tr. 35-47.
11. Nguyễn Duy Bắc (2024), *Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị truyền thống trong trường học giai đoạn 2018–2022*, Hà Nội.

14. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Báo cáo tổng kết 20 năm phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*, Hà Nội.

15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Báo cáo phát triển văn hóa và gia đình Việt Nam giai đoạn 2016–2022*, Hà Nội.

16. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Báo cáo công tác văn hóa năm 2022*, Hà Nội.

17. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2020–2023*, Hà Nội.

18. Vương Duy Biên (2015), “Hướng tới hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 7, tr.7-10.

19. Chính phủ (2021), *Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*, Hà Nội.

20. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Tìm hiểu hệ giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Nguyễn Trọng Chuẩn (2004), “Bàn về khái niệm con người và phát triển con người trong bối cảnh Việt Nam thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa – hiện đại hóa”, *Tạp chí Triết học*, số chuyên đề.

23. Nguyễn Trọng Chuẩn (2004), “Về con người và phát triển con người ở Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, số 10 (173), tr. 6.

24. Bùi Xuân Dũng (2022), *Giá trị văn hoá truyền thống dân tộc với nguồn nhân lực Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Đinh Xuân Dũng (2022), *Tính cấp thiết và những yêu cầu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ

giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 825-831.

26. Nguyễn Chí Dũng (2022), *Chuẩn mực con người Việt Nam – truyền thống và hiện đại*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 49-60.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Đại hội Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về Xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 47, tr. 342

35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 51, tr. 47

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết hội nghị lần thứ tám khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

38. Đảng cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (Số 80-NQ-TW ngày 07/01/2026)*.

45. Nguyễn Khoa Điềm (1998), “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*.

46. Nguyễn Khoa Điềm (2001), “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*.

47. Nguyễn Khoa Điềm (2003), “Phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*.

48. Bùi Kim Đình (2015), “Giáo dục hệ giá trị trong bối cảnh hội nhập”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 5, tr. 50-53.

49. Phạm Văn Đồng (1994), *Văn hóa và đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

50. Phạm Duy Đức, “Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Tạp chí lý luận chính trị*, số 2/2021, tr.42

51. Trần Thị Minh Đức (2014), “Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8 (81).

52. Đinh Thị Hương Giang (2021), “Một số cơ chế phát huy hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 955, tr. 67-77.

53. Nguyễn Thị Hương Giang (2014), *Toàn cầu hóa và vấn đề giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học.

54. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

55. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

56. Nguyễn Hồng Hà (2001), *Văn hoá truyền thống dân tộc với việc giáo dục thế hệ trẻ*, NXB Văn hóa thông tin.

57. Phạm Minh Hạc (2001), *Văn hóa và con người Việt Nam trong đổi mới và phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

58. Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học*, NXB Dân trí.

59. Lương Đình Hải (2022), “Phát huy các hệ giá trị để phát triển con người và xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 12 (379), tr. 13-24.

60. Lương Đình Hải (2022), *Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 238-240

61. Cao Thu Hằng (2016), *Xây dựng nhân cách con người Việt Nam dưới góc độ truyền thống*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62. Bùi Thị Hòa (2021), *Vun đắp giá trị gia đình trong thời kỳ mới – vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống vun đắp giá trị gia đình Việt Nam – nhận diện và giải pháp, tr. 2-10.

63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

64. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

66. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

67. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

68. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

69. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
70. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
72. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
75. Đỗ Huy (2021), *Giá trị văn hóa Việt Nam chuyển từ truyền thống đến hiện đại*, NXB Hồng Đức.
76. Nguyễn Văn Huyền (2003), *Văn minh Việt Nam*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
77. Nguyễn Văn Huyền (2009), *Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện tại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Nguyễn Thị Thu Huyền (2019), “Một số giá trị văn hóa truyền thống cần được giáo dục cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 24, tr.33-37.
79. Nguyễn Thị Thu Huyền (2022), “Một số biện pháp giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 44, tr.16-20.
80. Vũ Khiêu (1998), *Bàn về văn hoá Việt Nam*, tập 3, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
81. Đặng Thị Lan (2022), *Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 89-99.
82. Phan Huy Lê (1994), *Các giá trị văn hóa truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX.07, đề tài KX07-02, tập 1.
83. Lênin, V.I. (1980), *Toàn tập*, tập 1, NXB Tiến bộ, Matxcova
84. Lênin, V.I. (1980), *Toàn tập*, tập 41, NXB Tiến bộ, Matxcova.
85. Lênin, V.I. (1980), *Toàn tập*, tập 61, NXB Tiến bộ Matxcova.
86. Từ Thị Loan (2022), *Xây dựng hệ giá trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia về Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa,

hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr.693-694.

87. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 13 - 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

88. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

89. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

90. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

91. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

92. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập*, tập 23, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

93. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (2000), *Toàn tập*, tập 42, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

94. Lâm Nhân (2022), *Bàn về hệ chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 72-79.

95. Nguyễn Thế Nghĩa (2017), *Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Nguyễn Quang Ngọc (2012), *Văn hóa Việt Nam trước thách thức hội nhập*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

97. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học.

98. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (2021), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*.

99. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (2022), *Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*.

100. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va và NXB Sự Thật (1986), *Từ điển Triết học* bản dịch ra tiếng Việt có sửa chữa bổ sung.
101. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin (2013), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong đổi mới hội nhập*.
102. Nguyễn Thị Thu Phương (2021), *Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
103. Đào Duy Quát (2018), “Năm vững tính quy luật của sự hình thành, chủ động xây dựng môi trường và điều kiện để thực thi trong thực tiễn hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 908, tr. 63-67.
104. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục*.
105. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình*.
106. Hồ Sĩ Quý (2006), *Về giá trị và giá trị Châu Á*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Hồ Sĩ Quý (2018), *Mấy vấn đề về hệ giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10, tr.3-13.
108. Hồ Sĩ Quý (2022), *Về vấn đề xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 29-36.
109. Mai Thị Quý (2009), *Toàn cầu hoá và vấn đề kế thừa một số giá trị truyền thống của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay*, NXB Khoa học xã hội.
110. Trương Thị Thanh Quý (2022), *Nhận thức và định hướng xây dựng hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 80-88.
111. Bùi Thanh Sơn (2007), *Con người Việt Nam - giá trị truyền thống và hiện đại*, NXB Quân đội nhân dân.
112. Bùi Quang Thanh (2022), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn

hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 439-457.

113. Vũ Thị Thanh (2008), Thái độ của sinh viên hiện nay đối với một số giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam: Qua kết quả khảo sát tại một số trường đại học ở Hà Nội, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, số 2, tr. 11-20.

114. Song Thành (2018), *Phát huy các giá trị văn hoá - đạo đức "sức mạnh mềm" của Việt Nam trong hội nhập và phát triển*, NXB Lý luận chính trị.

115. Võ Văn Thắng (2004), *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay từ gốc độ văn hóa truyền thống dân tộc*, NXB Hà Nội.

116. Võ Việt Thắng (2007), “Vấn đề kế thừa và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 10, tr. 57-60.

117. Hồ Bá Thâm (2022), *Xây dựng hệ chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay để đưa vào cuộc sống*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 100-111.

118. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, NXB Văn hóa nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

119. Trần Ngọc Thêm (2017), *Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

120. Nguyễn Ngọc Thiện (2021), *Hệ giá trị văn hoá và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

121. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

122. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, NXB Khoa học xã hội.

123. Ngô Đức Thịnh (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam - Truyền thống và Biến đổi*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

124. Ngô Đức Thịnh (2014), *Hệ giá trị văn hoá Việt Nam trong đổi mới, hội nhập*, NXB Văn hóa dân tộc.

125. Ngô Đức Thịnh (2020), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*, NXB Tri thức.

126. Bùi Thanh Thủy (2009), “Kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 8, tr. 49-53.

127. Nguyễn Hữu Thức (2020), “Nhận thức và định hướng về xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của người Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 428, tr.10-14.

128. Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (2022), *Khảo sát thực trạng đạo đức nghề nghiệp trong thanh niên, công nhân tại các khu công nghiệp*.

129. Nguyễn Anh Tuấn (2017), “Các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 (115), tr. 82-90.

130. Nguyễn Đình Tường (2006), “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa”, *Tạp chí Triết học*, số 5, Tr. 28-32.

131. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

132. Phạm Ngọc Trung (2018), “Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 410, tr. 6-10.

133. Trung tâm Thông tin BCA (2018), *Báo cáo tổng hợp tình hình an ninh trật tự liên quan đến biểu tình tại Bình Thuận tháng 6/2018*.

134. Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội (2022), *Báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách phát triển văn hóa và con người Việt Nam*, Hà Nội.

135. Van, V.H. (2022), *Education patriotism from education of traditional cultural values, Synesis (ISSN 1984-6754), 14(2), 119-134*.

136. Lê Ngọc Văn (2015), “Chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí Triết học*, số 10 (285), tr.38.

137. Lê Ngọc Văn (2022), *Một số khái niệm nghiên cứu chuẩn mực con người Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 37-48.

138. Lưu Minh Văn (2014), “Xây dựng hệ giá trị văn hóa trong đổi mới và hội nhập”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 10, tr. 48-49.

139. Văn phòng Quốc hội (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026*.

140. Viện Nghiên cứu Con người (2016), *Phát triển bền vững con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Báo cáo tổng kết đề tài chương trình: KX.03.08/11-15, thuộc Chương trình khoa học & công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.03/11-15.

141. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2021), *Báo cáo khảo sát thanh niên Việt Nam về nhận thức giá trị và hành vi xã hội*, NXB Thanh Niên.

142. Viện Hợp tác Phát triển Văn hóa (ICD) – UNESCO (2021), *Báo cáo thí điểm Bộ chỉ số Văn hóa 2030 tại Việt Nam*.

143. Võ Khánh Vinh (2022), *Về hệ giá trị quốc gia: Suy nghĩ bước đầu*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tr. 652.

144. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam – Cái nhìn địa văn hóa*, NXB Văn hóa dân tộc.

Tài liệu điện tử

145. <https://Bai-phat-bieu-be-mac-Hoi-nghi-lan-thu-chin-Ban-Chap-hanh-Trung-uong-Dang-khoa-XIII-cua-Tong-Bi-thu-Nguyen-Phu Trong>

146. <https://tapchicongsan.org.vn/xay-dung-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa%2C-suc-manh-con-nguoi-viet-nam-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua>

147. <https://xay-dung-con-nguoi-viet-nam-phat-trien-toan-dien-gan-ket-chat-che-hai-hoa-giua-gia-tri-truyen-thong-va-hien-dai>

148. <https://tapchicongsan.org.vn/gia-tri-van-hoa-viet-nam-nhin-tu-cac-chieu-canh-gia-tri-quoc-gia-vung-mien-toc-nguoi>

149. <https://tapchicongsan.org.vn/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie>

150. <https://tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-ra-loi-keu-goi-phong-chong-dai-dich-covid-19>

151. <https://tong-bi-thu-to-lam-khang-dinh-thoi-diem-bat-dau-ky-nguyen-moi-la-dai-hoi-xiv-cua-dang>
152. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ngghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>
153. <https://tapchicongsan.org.vn/chinh-sach-xa-hoi-va-cham-lo-phat-trien-con-nguoi-toan-dien-qua-tac-pham-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-ch>
154. <https://chinhphu.vn/Quyết định số 2239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045>
155. <https://tapchicongsan.org.vn/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te>
156. <https://dangcongsan.org.vn/co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-giai-phap-phat-trien-hoi-nhap-quoc-te-cua-dat-nuoc-trong-giai-doan-moi-phan-1-.html>
157. Vietnam Digital 2024.pdf - Google Drive
158. <https://mst.gov.vn/tre-em-dung-5-7-gio-moi-ngay-de-vao-mang-xa-hoi-197159254.html>
159. <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-hoi-ngghi-ngoai-giao-lan-thu-29-102207908.html>
160. <https://moit.gov.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-ngghi-van-hoa-toan-quoc.html>
161. <https://bocongan.gov.vn/tiep-tuc-vuot-qua-thach-thuc-thuc-hien-tot-nhiem-vu-bao-ve-an-ninh-trat-tu-nam-2024-d2-t37355>
162. https://tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/nang-cao-chat-luong-hieu-qua-tao-anh-huong-sau-rong-phong-trao-toan-dan-doan-ket-xay-dung-doi-song-van-hoa
163. <https://tapchicongsan.org.vn/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich-tren-khong-gian-mang-giu-vung-tran-dia-tu-tuong-ly-luan-cua-dang-trong-boi-can-h-moi>
164. <https://tapchicongsan.org.vn/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich-su-phat-trien-cua-mang-xa-hoi-va-kha-nang-ung-dung-cac-loi-the-tien-ich-cua-mang-xa-hoi-trong-cong-tac-thong-tin-tuyen-truyen-o-viet-nam>

165. <https://tapchicongsan.org.vn/khoi-day-manh-me-tinh-than-yeu-nuoc-y-chi-tu-cuong-dan-toc-de-phat-trien-dat-nuoc>
166. <https://thanhvien.vn/nhung-sang-kien-lam-loi-hang-nghin-ti-dong>
167. [https:// Bao-cao-chung-Dieu-tra-Quoc-gia-ve-Vi-thanh-nien-va-Thanh-nien-Viet-Nam-lan-thu-2-100615.html](https://Bao-cao-chung-Dieu-tra-Quoc-gia-ve-Vi-thanh-nien-va-Thanh-nien-Viet-Nam-lan-thu-2-100615.html)
168. <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-hoi-lien-hiep-thanh-nien-viet-nam-lan-thu-ix>
169. <https://tapchicongsan.org.vn/-chuan-bi-va-tien-hanh-that-tot-dai-hoi-xiii-cua-dang-dua-dat-nuoc-buoc-vao-mot-giai-doan-phat-trien-moi>
170. <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>

Tiếng Anh

171. Geertz, Clifford (1973), *The Interpretation of Cultures (Sự giải thích của văn hóa), Selected Essays*. New York: Basic Books.
172. Inglehart, R. & Welzel, C. (2005), *Modernization, Cultural Change, and Democracy: The Human Development Sequence*, Cambridge University Press, New York. (*Hiện đại hóa, thay đổi văn hóa và dân chủ: Chuỗi phát triển con người*), Cambridge University Press
173. Rokeach, M. (1973), *The Nature of Human Values*, The Free Press, New York. (Bản chất của giá trị con người)
174. Parsons, Talcott (1951), *The Social System (hệ thống các giá trị)*. Glencoe: The Free Press.
175. Shalom H. Schwartz (1992), *Universals in the Content and Structure of Values (Các phổ quát trong nội dung và cấu trúc giá trị)*
176. Samuel P. Huntington (2004), *Who Are We? The Challenges to America's National Identity (Chúng ta là ai? Những thách thức đối với danh tính quốc gia của Mỹ)*
177. Williams, Raymond (1958), *Culture and Society: 1780–1950*. London: Chatto & Windus.
178. Robert K. Merton (1949), *Social Theory and Social Structure (Lý thuyết và cấu trúc xã hội)*

179. Tylor, Edward Burnett (1871), *Primitive Culture* (Văn hóa nguyên thủy): *Researches into the Development of Mythology, Philosophy, Religion, Art, and Custom*. London: John Murray.

180. United Nations Development Programme (2020), *Human Development Report 2020: The Next Frontier – Human Development and the Anthropocene*, UNDP, New York (Báo cáo về phát triển con người).

181. United Nations Development Programme (2021, 2022), *Uncertain Times, Unsettled Lives: Shaping our Future in a Transforming World* (Thời đại không chắc chắn, Cuộc sống bất ổn: Định hình tương lai của chúng ta trong một thế giới đang biến đổi).

182. United Nations Development Programme (UNDP) (2024), *Human Development Report 2020-2024: The Next Frontier – Human Development and the Anthropocene* (Báo cáo phát triển con người: Biên giới tiếp theo – Phát triển con người và thời đại nhân sinh).

183. United Nations Development Programme (2024), *Breaking the Gridlock: Reimagining Cooperation in a Polarized World* (Phá vỡ sự tắc nghẽn: Tưởng tượng lại sự hợp tác trong một thế giới phân cực).

184. UNESCO (1982), *Mexico City Declaration on Cultural Policies* (Tuyên bố Mexico về chính sách văn hóa). Paris: UNESCO.

185. UNESCO (2001), *Universal Declaration on Cultural Diversity*, UNESCO, Paris. (Tuyên ngôn về sự đa dạng văn hóa toàn cầu).

186. UNESCO (2003), *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*, UNESCO, Paris, tr. 2-3 (Công ước về bảo vệ văn hóa phi vật thể)

187. UNESCO (2009), *Framework for Cultural Statistics* (khung thống kê văn hóa), UNESCO Publishing, Paris.

188. UNESCO (2013), *Cultural Policies for Development* (Chính sách văn hóa để phát triển), UNESCO, Paris.

189. UNESCO/UNDP (2013), *Creative Economy Report 2013: Widening Local Development Pathways* (Báo cáo Kinh tế Sáng tạo 2013: Mở rộng các con đường phát triển địa phương).

190. UNESCO (2014), *Culture for Development Indicators Suite (CDIS)* (Bộ chỉ số văn hóa cho phát triển).

191. UNESCO (2019), *World Report on Cultural Diversity* (Báo cáo thế giới về đa dạng văn hóa), UNESCO, Paris.

192. UNESCO (2021), *Re/Shaping Policies for Creativity: Addressing Culture as a Global Public Good* (Sự định hình lại chính sách văn hóa cho sáng tạo: Xem văn hóa như là một tài sản công cộng toàn cầu), UNESCO Publishing, Paris.